

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ HIỀN

KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH
SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU
HẠN CƠ KHÍ CHÍNH XÁC NAM TRƯỜNG AN

LUẬN VĂN THẠC SỸ KẾ TOÁN

HÀ NỘI - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ HIỀN

**KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH
SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU
HẠN CƠ KHÍ CHÍNH XÁC NAM TRƯỜNG AN**

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số: 60340301

LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS.TS. NGUYỄN HỮU ÁNH

HÀ NỘI - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi tên là Nguyễn Thị Hiền sinh ngày 02/03/1991 là học viên khóa 2 lớp Đ2KT chuyên ngành kế toán - Trường Đại học Lao động - Xã hội, tôi xin cam đoan:

1. Đây là công trình khoa học nghiên cứu của riêng tôi dưới sự hướng dẫn của PGS.TS. Nguyễn Hữu Ánh công tác tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. Công trình khoa học của tôi được nghiên cứu một cách nghiêm túc, trung thực, khách quan và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào trước đây.

3. Các số liệu, tài liệu trong luận văn được tập hợp, phân tích và có dẫn chứng rõ ràng. Nếu có bất kỳ sự gian lận nào tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước hội đồng cũng như kết quả Luận văn của mình.

TÁC GIẢ

Nguyễn Thị Hiền

LỜI CẢM ƠN

Qua thời gian học tập tại trường Đại học Lao động - Xã hội, dưới sự dìu dắt của các thầy cô giáo nói chung và các thầy cô khoa kế toán nói riêng, tác giả đã được tiếp thu những kiến thức vô cùng quý báu về chuyên ngành kế toán, để tác giả có được nền tảng kiến thức vững chắc phục vụ quá trình nghiên cứu và hoàn thành Luận văn với đề tài: “Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty trách nhiệm hữu hạn cơ khí chính xác Nam Trường An”

Tác giả xin bày tỏ lòng cảm ơn chân thành và sự biết ơn sâu sắc tới **PGS.TS. Nguyễn Hữu Ánh** - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã hướng dẫn, chỉ bảo nhiệt tình và định hướng khoa học cho tác giả trong suốt quá trình nghiên cứu, thu thập số liệu, khảo sát thực tế và thực hiện Luận văn.

Tác giả cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các Ban lãnh đạo và tập thể nhân viên, đặc biệt là nhân viên phòng kế toán của Công ty Trách nhiệm hữu hạn cơ khí chính xác Nam Trường An đã tạo điều kiện thuận lợi cho tác giả trong quá trình điều tra, khảo sát thực tế, thu thập số liệu phục vụ cho việc phân tích và tổng hợp số liệu để viết luận văn.

Cuối cùng, Tác giả xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo Khoa Kế toán - Trường Đại học Lao động - Xã hội và các bạn bè, đồng nghiệp đã giúp đỡ, động viên tác giả trong suốt quá trình hoàn thành luận văn.

Trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Tác giả

Nguyễn Thị Hiền

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	V
DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU.....	VI
CHƯƠNG 1.GIỚI THIỆU VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU.....	1
1.1. Lý do chọn đề tài	1
1.2. Tổng quan đề tài nghiên cứu.....	3
1.2.1. Tình hình nghiên cứu trong nước.....	3
1.2.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu ở nước ngoài.....	5
1.2.3. Khoảng trống nghiên cứu	5
1.3. Mục tiêu nghiên cứu	6
1.4. Câu hỏi nghiên cứu.....	6
1.5. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu.....	7
1.6. Phương pháp nghiên cứu	8
1.7. Ý nghĩa của đề tài nghiên cứu.....	9
1.8. Kết cấu của luận văn	9
CHƯƠNG 2. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP	11
2.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh xây lắp ảnh hưởng đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp	11
2.1.1. Đặc điểm hoạt động sản xuất xây lắp ảnh hưởng đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp	11
2.1.2. Đặc điểm sản phẩm xây lắp ảnh hưởng đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp	11
2.1.3. Đặc điểm sản xuất và quản lý doanh nghiệp xây lắp ảnh hưởng đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp	12
2.2. Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp	14
2.2.1. Chi phí sản xuất và phân loại chi phí sản xuất	14
2.2.2. Giá thành sản phẩm và phân loại giá thành sản phẩm	17
2.2.3. Mối liên hệ giữa chi phí sản xuất với giá thành sản phẩm.....	18

2.3. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp dưới góc độ kế toán tài chính.....	20
2.3.1. Các chuẩn mực nguyên tắc kế toán chi phối đến kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm.....	20
2.3.2. Đối tượng kế toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp.....	22
2.3.3. Phương pháp kế toán chi phí sản xuất.....	24
2.3.4. Phương pháp đánh giá SPDD trong kinh doanh xây lắp.....	31
2.3.5. Phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp	31
2.4. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp dưới góc độ kế toán quản trị	35
2.4.1. Định mức chi phí và hệ thống dự toán	36
2.4.2. Xác định trung tâm chi phí trong doanh nghiệp xây lắp.....	40
2.4.3. Báo cáo kế toán quản trị trong doanh nghiệp xây lắp.....	41
2.4.4. Phân tích mối quan hệ giữa CVP trong các doanh nghiệp xây lắp.....	42
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	44
CHƯƠNG 3.THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH XÂY LẮP CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHÍNH XÁC NAM TRƯỜNG AN	46
3.1. Đặc điểm tổ chức kinh doanh và tổ chức kế toán tại Công ty TNHH Cơ khí chính xác Nam Trường An.....	46
3.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.....	46
3.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh và kết quả hoạt động của công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An	47
3.1.3. Đặc điểm chung về bộ máy quản lý của công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.....	52
3.1.4. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An ảnh hưởng đến công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp	54
3.1.5. Đặc điểm kế toán công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An..	56

3.2. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An dưới góc độ của kế toán tài chính.....	60
3.2.1. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An	60
3.2.2. Thực trạng đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An	80
Giá trị dự toán của khối lượng xây lắp DDCK	81
3.3. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An dưới góc độ kế toán quản trị.	83
3.3.1 Định mức chi phí và hệ thống dự toán	83
3.3.2. Trung tâm chi phí.....	86
3.3.3. Báo cáo kế toán quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty..	87
3.3.4. Thu thập và phân tích thông tin ra quyết định.....	88
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	91
CHƯƠNG 4.MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHÍNH XÁC NAM TRƯỜNG AN	92
4.1 Đánh giá chung về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An	92
4.1.1 Ưu điểm	92
4.1.2 Nhược điểm.....	94
4.2. Các yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An	98
4.2.1. Các yêu cầu hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An	98
4.2.2. Các nguyên tắc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An	100

4.2.3. Định hướng phát triển tại công ty TNHH cơ khí chính Xác Nam Trường An	101
4.3. Các giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An	102
4.3.1. Hoàn thiện dưới góc độ kế toán tài chính.....	102
4.3.2. Hoàn thiện dưới góc độ kế toán quản trị.....	107
4.4. Điều kiện thực hiện giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.....	113
4.4.1. Điều kiện về phía Nhà nước	113
4.4.2. Điều kiện về phía công ty	114
KẾT LUẬN.....	115
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	116

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CHỮ VIẾT TẮT	ĐẦY ĐỦ TIẾNG VIỆT	ĐẦY ĐỦ TIẾNG ANH
BHXH	Bảo hiểm xã hội	
BHYT	Bảo hiểm y tế	
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp	
KPCĐ	Kinh phí công đoàn	
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn	
CP	Chi phí	
CPSX	Chi phí sản xuất	
NVLTT	Nguyên vật liệu trực tiếp	
NCTT	Nhân công trực tiếp	
MTC	Máy thi công	
SXC	Sản xuất chung	
NVL	Nguyên vật liệu	
DN	Doanh nghiệp	
KTTC	Kế toán tài chính	
KTQT	Kế toán quản trị	
KLXL	Khối lượng xây lắp	
PX	Phân xưởng	
SPDD	Sản phẩm dở dang	
SP	Sản phẩm	
SX	Sản xuất	
SXKD	Sản xuất kinh doanh	
TK	Tài khoản	
TSCĐ	Tài sản cố định	
CVP	Chi phí - Khối lượng - Lợi nhuận	Cost - Volume - Profit
VAS	Chuẩn mực kế toán Việt Nam	Vietnamese Accounting Standard
IAS	Chuẩn mực kế toán quốc tế	International Accounting Standard

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

Sơ đồ 2. 1	Trình tự kế toán tổng hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	26
Sơ đồ 2. 2	Trình tự kế toán tổng hợp chi phí nhân công trực tiếp	27
Sơ đồ 2. 3	Trình tự kế toán chi phí sử dụng máy thi công	28
Sơ đồ 2. 4	Trình tự kế toán tổng hợp chi phí sản xuất chung	29
Sơ đồ 2. 5	Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp	30
Sơ đồ 3. 1	Quy trình sản xuất sản phẩm xây lắp	49
Sơ đồ 3.2	Cơ cấu bộ máy kế toán tạ công ty	51
Sơ đồ 3.3	Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty	55
Sơ đồ 3.4	Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.	57
Sơ đồ 3.5	Quy trình luân chuyển chứng kế toán tập hợp chi phí tại công ty	59
Sơ đồ 3.6	Quy trình LC chứng từ mua vật tư thẳng đến công trình	61
Sơ đồ 3.7	Quy trình LC chứng từ xuất kho vật liệu đến công trình	62
Sơ đồ 3.8	Quy trình hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	63
Sơ đồ 3.9	Quy trình hạch toán chi phí nhân công trực tiếp	68
Sơ đồ 3.10	Quy trình hạch toán chi phí máy thi công	71
Bảng 3.1	Các chỉ tiêu của công ty TNHH Cơ khí chính xác Nam Trường An	54
Bảng 3.2	Dự toán chi phí xây dựng	90
Bảng 3.3	Báo cáo chi phí sản xuất	92
Bảng 4.1	Bảng kê nguyên vật liệu còn lại cuối kỳ	109

CHƯƠNG 1

GIỚI THIỆU VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

1.1. Lý do chọn đề tài

Theo đà phát triển nền kinh tế Việt Nam, đi cùng với quy luật tất yếu về sự chuyển dịch lao động từ nơi có nhu cầu lao động thấp đến nơi có nhu cầu lao động cao, hàng năm có đến hàng ngàn người lao động đổ về các trung tâm văn hoá chính trị, các thành phố lớn để tìm kiếm việc làm trong công cuộc mưu sinh. Chính vì vậy mà việc đầu tư xây lắp ngày càng nhiều. Công tác kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp là một khâu rất quan trọng để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đặc biệt trong các doanh nghiệp xây lắp việc tập hợp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm được xem là một khâu quan trọng hàng đầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị vì ngành xây lắp là một ngành công nghiệp đặc biệt, là cơ sở cho các ngành kinh tế khác nên việc hạch toán chính xác chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp không chỉ là căn cứ xây dựng hiệu quả kinh tế của ngành mà còn ảnh hưởng đến giá thành và hiệu quả của ngành khác.

Chi phí sản xuất nếu được tập hợp, tính toán chính xác, đầy đủ đúng đối tượng và đúng phương pháp sẽ là căn cứ quan trọng để việc tính giá thành sản phẩm được chính xác. Hạch toán đúng, đủ chi phí và giá thành không những cho phép doanh nghiệp xác định đúng kết quả kinh doanh của mình mà còn giúp doanh nghiệp tìm ra được những biện pháp nhằm tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An, xây lắp là lĩnh vực chủ đạo trong việc tạo ra nguồn lợi nhuận mỗi năm. Trong khi đó, trên thị trường, các doanh nghiệp cùng ngành cũng xuất hiện thêm ngày càng nhiều. Sự

cạnh tranh giữa các doanh nghiệp xây lắp trong bối cảnh khó khăn diễn ra có tính chất phức tạp, thường xuyên và gay gắt hơn bao giờ hết. Điều đó đòi hỏi công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An phải nâng cao được ưu thế cạnh tranh trên thị trường bằng việc giảm chi phí hạ giá thành và vẫn đảm bảo được chất lượng đề ra. Bởi vậy, tổ chức kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp là một yêu cầu rất cấp thiết tại công ty giúp các nhà quản lý nắm rõ tình hình chi phí của từng công trình, hạng mục công trình, sử dụng vốn hiệu quả tránh thất thoát lãng phí và nâng cao lợi nhuận.

Hiện nay, công ty đang thực hiện rất nhiều công trình lớn nhỏ trên khắp đất nước nên việc tập hợp chi phí và tính giá thành rất phức tạp, kế toán phải có phương pháp hạch toán hợp lý để tránh chồng chéo giữa các công trình lên nhau, thông tin kế toán rõ ràng chi tiết. Bên cạnh đó, các chi phí xây lắp phát sinh bao gồm các chi phí tiền lương, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí nguyên vật liệu,... Do vậy, sự quan trọng của kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành tại công ty thể hiện ở chỗ đây là một khâu liên quan đến nhiều phần hành kế toán khác đòi hỏi kế toán viên phải có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng. Hơn nữa, trong tương lai, công ty sẽ không ngừng mở rộng quy mô các công trình trên nhiều tỉnh thành khắp cả nước yêu cầu kế toán phải kiểm soát chi phí hết sức chặt chẽ.

Xuất phát từ tầm quan trọng của ngành công nghiệp xây lắp nói chung và công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An nói riêng, từ vai trò của công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong hệ thống kế toán đồng thời từ những tồn tại vốn có của công ty trong phần hành kế toán trên, tác giả lựa chọn đề tài “**Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An**” làm đề tài nghiên cứu của mình.

1.2. Tổng quan đề tài nghiên cứu

1.2.1. Tình hình nghiên cứu trong nước

- Luận văn thạc sĩ: “*Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty thiết bị và vật liệu xây dựng HANCONRP*” của tác giả Nguyễn Quỳnh Phương năm 2016. Đề tài hệ thống hóa những lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp và vận dụng những lý luận đó vào thực tiễn để tìm hiểu và đánh giá thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty thiết bị và vật liệu xây dựng HANCONRP dưới góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị từ đó tìm giải pháp phù hợp nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty.

Luận văn thạc sĩ “*Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phục vụ quản trị chi phí tại Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp An Ngãi*” năm 2014 của tác giả Phạm Thị Ngọc Trinh. Tác giả đã đề cập đến cả hai phương diện kế toán tài chính và kế toán quản trị. Đưa ra những đề xuất cho việc vận dụng và hoàn thiện tốt hơn các quy định về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp thực tế tại công ty. Tuy nhiên, những đề xuất này vẫn còn chung chung và mang tính lý thuyết cao, chưa cụ thể. Vì vậy, khó khăn trong việc vận dụng vào thực tế của công ty.

- Luận văn thạc sĩ: “*Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty Cổ phần VT Vạn Xuân*” của tác giả Trần Thị Hoa năm 2016. Luận văn đã trình bày cơ sở lý luận chung và thực trạng về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp như khái niệm phân loại, phương pháp kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung... kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp trong công ty xây dựng từ đó tác giả đưa ra các giải

pháp nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty Cổ phần VT Vạn Xuân.

- Luận văn thạc sĩ: “Kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại các doanh nghiệp xây lắp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa” của tác giả Lê Thị Hương - năm 2014 đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp. Đồng thời đã làm sáng tỏ bản chất, nội dung và phương pháp kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp.

- Luận văn thạc sĩ: “Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty CP Xây dựng số 5 Hà Nội” của tác giả Nguyễn Văn Anh K47. Đề tài đã nêu những vấn đề lý luận cũng như thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp khá đầy đủ, tuy nhiên việc đối chiếu, áp dụng và phân tích với chuẩn mực kế toán chi phối đến kế toán chưa có. Giải quyết vấn đề trên góc độ đối chiếu với chế độ kế toán. Hơn nữa chưa phân tích được những điều kiện chi phối đến công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.

- Luận án: “Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất kinh doanh và tính giá thành sản phẩm xây lắp ở các doanh nghiệp xây lắp nhà nước trong điều kiện hiện nay” của tác giả Nguyễn Minh Thành năm 2001 - Làm NCS tại Học Viện Tài Chính. Đề tài đã nêu các lý luận và thực trạng kế toán chi phí sản xuất kinh doanh và tính giá thành sản phẩm xây lắp ở bốn doanh nghiệp nhà nước như công ty xây dựng sông đà 4, sông đà 8, vinaconex 9, đầu tư xây lắp thương mại Hà Nội. Đề tài đã nêu được thực trạng kế toán chi phí và giá thành tại các công ty nhà nước trong điều kiện các doanh nghiệp đang cổ phần hóa. Từ đó đưa ra các giải pháp mang tính hệ thống như hoàn thiện nội dung và chi phí, hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí và giá thành, kế toán bảo hành, phương pháp xác

định chi phí dở dang và cả về kế toán quản trị. Tuy nhiên đề tài có phạm vi là các doanh nghiệp nhà nước nên các giải pháp đưa ra phục vụ cho phạm vi đó, bên cạnh đó đề tài áp dụng chuẩn mực vào đề tài chưa rõ.

1.2.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

- Luận văn: “Cost accounting method for construction project in North - West Russia” của tác giả Jouni Keisala 2009 nói về các phương pháp kế toán chi phí được sử dụng trong dự án xây lắp ở Tây Bắc Nga. Tác giả đã nêu thực tế kế toán chi phí thực tế tại các dự án xây lắp ở khu vực Tây Bắc Nga đồng thời đề xuất các phương pháp kế toán chi phí phù hợp cho dự án khu vực này.

- Luận văn: “The Adoption of Activity - Based Costing In Thailand” của tác giả Wiriya Chongruksut 2002 nói về tình hình áp dụng hạch toán chi phí theo hoạt động trong các doanh nghiệp xây lắp ở Thái Lan. Đồng thời luận văn cũng đi sâu nghiên cứu vấn đề của kế toán quản trị là phân bổ chi phí chung cho các xây lắp. Tuy nhiên luận văn chỉ nghiên cứu với số lượng doanh nghiệp nhỏ niêm yết chứng khoán ở khu vực Bangkok nên kết quả chưa mang tính đại diện.

- Báo cáo: “Research strategic analysis of the Finish doctoral dissertation in management accounting from 1990 to 2009” của tác giả Lili - Anne Kihn và Salme Nasi (2009) nói về kế toán quản trị chi phí chỉ tập trung vào: Sự khác biệt kế toán chi phí và kiểm soát quản trị, phân tách chi phí hạch toán chi phí theo hoạt động (ABC).

1.2.3. Khoảng trống nghiên cứu

Nhìn chung các đề tài nghiên cứu đều trình bày được cơ sở lý luận về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, các đề tài đã đưa ra được thực trạng chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại đơn vị được nghiên cứu, từ đó đánh giá được những kết quả đạt được cũng như những hạn

chế và nguyên nhân của những hạn chế đó. Các đề tài đã đưa ra được phương hướng cũng như giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cũng như sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại các công ty này.

Bên cạnh những mặt đạt được, các đề tài vẫn còn một số mặt hạn chế nhất định như: Các đề tài đều đề cập đối tượng nghiên cứu dưới góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị, tuy nhiên nội dung chưa tách rõ theo hướng đó từ việc phân loại chi phí, phân loại giá thành đến thực trạng và hoàn thiện đề tài; nội dung của một số phần chưa được đề cập đầy đủ các trường hợp, ví dụ như nội dung hạch toán chi phí sử dụng máy thi công chưa đưa ra hết các trường hợp hạch toán (mua, tự tổ chức MTC và đội thi công tự phục vụ lẫn nhau,...); các đề tài đều chưa đề cập đến hạn chế trong quá trình nghiên cứu cũng như đề xuất hướng nghiên cứu trong tương lai.

Để phát huy những mặt được, khắc phục những mặt còn hạn chế của các đề tài trước, tác giả đề cập các vấn đề đó trong nội dung của luận văn này.

1.3. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa lý thuyết về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp về mặt kế toán tài chính và kế toán quản trị.

- Vận dụng lý thuyết trong nghiên cứu, phân tích và đánh giá thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An, để từ đó đưa ra được những ưu điểm và tồn tại của công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.

- Các giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại đơn vị.

1.4. Câu hỏi nghiên cứu

Để thực hiện mục tiêu của luận văn, các câu hỏi đặt ra trong quá trình

nghiên cứu là:

Câu hỏi 1: Cơ sở lý luận cơ bản của kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp là gì?

Câu hỏi 2: Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An dưới góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị hiện nay như thế nào?

Câu hỏi 3: Những vấn đề ưu điểm và tồn tại trong công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty?

Câu hỏi 4: Những giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An?

1.5. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng:

Nghiên cứu kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, từ đó hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An. Cụ thể, luận văn chỉ tập trung vào các loại chi phí trực tiếp có liên quan đến hoạt động xây lắp của Công ty.

- Phạm vi:

- + Về không gian: Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An
- + Về thời gian: Giai đoạn 2015-2016.
- + Về nội dung: Luận văn nghiên cứu kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An trên góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị phục vụ quản trị doanh nghiệp của công ty.

1.6. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp kế thừa, khảo sát, thống kê, so sánh, trình bày diễn giải, phương pháp toán học, phương pháp phân tích kỹ thuật, phương pháp xử lý, phương pháp nghiên cứu hệ thống như: quy nạp, tổng hợp, mô hình hoá... dựa trên những tài liệu sẵn có của đơn vị mà được vận dụng với điều kiện cụ thể, cơ chế chính sách hiện hành.

- Phương pháp xử lý số liệu:

+) Phương pháp thống kê kinh tế: Sử dụng công cụ thống kê kinh tế để tính toán các chỉ tiêu.

+) Phương pháp phân tích kinh tế: Phân tích ảnh hưởng của từng nhân tố đến kết quả.

- Phương pháp quan sát, điều tra, phỏng vấn thu thập số liệu đối tượng điều tra là các kỹ thuật viên, quản lý, nhân viên kế toán đang làm việc trong công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.

+) Phương pháp quan sát: Tác giả thực hiện phương pháp này tại đơn vị được khảo sát, quan sát môi trường làm việc, quan sát việc giải quyết các vấn đề phát sinh trong đơn vị... Trên cơ sở đó thấy được các nhân tố ảnh hưởng đến vấn đề nghiên cứu. Tác giả tiến hành quan sát các quá trình luân chuyển và tập hợp chứng từ, các loại chứng từ, tài khoản kế toán mà Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An đã sử dụng để phản ánh thu thập và tổng hợp thông tin; quan sát, xem xét và nghiên cứu các báo cáo liên quan đến kế toán tài chính, kế toán quản trị tại công ty.

Phương pháp phỏng vấn: Tác giả thực hiện thông qua các cuộc trao đổi giữa tác giả với một số nhà quản lý cũng như những người trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện công tác kế toán tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An, nhằm tìm hiểu kinh nghiệm và nhận thức của người được phỏng

vấn về thực trạng công tác kế toán tại Công ty TNHH Cơ khí chính xác Nam Trường An.

- Phương pháp kế thừa: Kế thừa những tài liệu, những công trình nghiên cứu về những vấn đề có liên quan. Những báo cáo, số liệu trong sổ cái của các TK của công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.

1.7. Ý nghĩa của đề tài nghiên cứu

Về mặt lý luận, luận văn hệ thống hóa những vấn đề lý thuyết về kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp. Cụ thể, luận văn làm rõ cơ sở lý luận về kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp về lĩnh vực kế toán tài chính cũng như kế toán quản trị.

Về mặt thực tiễn và ứng dụng, luận văn nghiên cứu, phân tích và đánh giá thực trạng kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An. Qua đó, đánh giá những điểm đạt được và những hạn chế còn tồn tại tác giả tìm hiểu nguyên nhân và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán chi phí và tính giá sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.

+) Thứ nhất, phản ánh đầy đủ kịp thời toàn bộ chi phí sản xuất thực tế phát sinh. Kiểm tra tình hình thực hiện các định mức chi phí vật tư, chi phí nhân công, chi phí sử dụng máy thi công và các chi phí dự toán khác, phát hiện kịp thời các khoản chênh lệch so với định mức kế hoạch, thiệt hại, mất mát, hư hỏng...

+) Thứ hai, tính toán hợp lý giá thành công tác xây lắp, các sản phẩm hoàn thành của công ty.

1.8. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục kết luận, kết cấu luận văn gồm 4 chương:

Chương 1: Giới thiệu về đề tài nghiên cứu.

Chương 2: Những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Chương 3: Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.

Chương 4: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.

CHƯƠNG 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP

2.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh xây lắp ảnh hưởng đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp

2.1.1. Đặc điểm hoạt động sản xuất xây lắp ảnh hưởng đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp

Hoạt động kinh doanh xây lắp là một ngành sản xuất có tính chất công nghiệp, tạo ra cơ sở hạ tầng cho nền kinh tế quốc dân. Do vậy, so với các ngành sản xuất khác, kinh doanh xây lắp có những đặc điểm kinh tế kỹ thuật đặc trưng được thể hiện ở sản phẩm, ở phương thức tổ chức sản xuất. Những đặc điểm đó chi phối cách thức quản lý doanh nghiệp nói chung cũng như chi phối đến nội dung, phương pháp và cách thức tổ chức kế toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm xây lắp nói riêng.

Hoạt động xây lắp không cố định tại một điểm mà di chuyển theo địa điểm đặt sản phẩm xây lắp. Đặc điểm này làm tăng chi phí di chuyển và công tác quản lý vật tư, con người sẽ gặp khó khăn. Trong quá trình thi công sẽ phát sinh chi phí điều động nhân công, điều động máy móc thiết bị, chi phí mặt bằng, tập kết vật liệu và máy thi công...nên kế toán phải theo dõi chi tiết, chính xác các khoản chi phí này và phân bổ cho các đối tượng phù hợp để đảm bảo tính chặt chẽ và mang lại hiệu quả cao trong quản lý.

2.1.2. Đặc điểm sản phẩm xây lắp ảnh hưởng đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp

Sản phẩm xây lắp là những công trình, hạng mục công trình...có qui mô lớn, kết cấu phức tạp, mang tính chất đơn chiếc, thời gian xây lắp dài. Các

công trình, các hạng mục công trình, các giai đoạn của hạng mục hay nhóm hạng mục là đối tượng hạch toán chi phí, vì thế phải lập dự toán chi phí và tính giá thành theo từng hạng mục công trình hay giai đoạn của hạng mục công trình. Điều này giúp cho các doanh nghiệp xây lắp có thể hạch toán tương đối chính xác giá trị công trình, từ đó lên kế hoạch về tài chính cũng như việc quản trị, giám sát việc chi tiêu, tránh thất thoát lãng phí vốn đầu tư.

Sản phẩm xây lắp được tiêu thụ theo giá dự toán hoặc giá thỏa thuận với chủ đầu tư (giá đấu thầu), do đó tính chất hàng hóa của sản phẩm xây lắp không thể hiện rõ. Sản phẩm xây lắp cố định tại nơi sản xuất còn các điều kiện sản xuất (xe máy, thiết bị thi công, người lao động...) phải di chuyển theo địa điểm đặt sản phẩm. Đặc điểm này làm cho công tác quản lý sử dụng, hạch toán tài sản, vật tư rất phức tạp do ảnh hưởng của điều kiện thiên nhiên, thời tiết và dễ mất mát hư hỏng...

Những đặc điểm trên đã ảnh hưởng rất lớn đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp. Công tác kế toán vừa phải đáp ứng yêu cầu chung về chức năng, nhiệm vụ kế toán của một doanh nghiệp sản xuất vừa phải đảm bảo phù hợp với đặc thù của loại hình doanh nghiệp.

2.1.3. Đặc điểm sản xuất và quản lý doanh nghiệp xây lắp ảnh hưởng đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp

2.1.3.1. Đặc điểm tổ chức sản xuất xây lắp

- Sản xuất xây lắp diễn ra trong điều kiện ngoài trời, chịu tác động trực tiếp của môi trường, khí hậu nên gặp nhiều rủi ro tạo nên những khoản thiệt hại lớn, phát sinh bất ngờ. Những khoản thiệt hại này cần được tổ chức theo dõi chặt chẽ và có phương pháp kế toán phù hợp với những nguyên nhân gây ra.

Đồng thời, doanh nghiệp cần có kế hoạch điều độ, phù hợp sao cho đảm bảo công trình đúng tiến độ, tiết kiệm CPSX, hạ giá thành sản phẩm xây lắp.

- Hoạt động xây lắp diễn ra trong điều kiện sản xuất thiếu tính ổn định, luôn biến đổi theo địa điểm và giai đoạn thi công. Do vậy, gây khó khăn trong tổ chức sản xuất, khó cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, làm nảy sinh nhiều chi phí cho khâu di chuyển lực lượng sản xuất và cho công trình tạm phục vụ sản xuất như: Chi phí điều động nhân công, máy thi công, chuẩn bị mặt bằng và chi phí vận chuyển tập kết vật liệu thi công.. điều này đòi hỏi kế toán phản ánh chính xác chi phí và phân bổ chi phí hợp lý.

- Quá trình sản xuất diễn ra trong phạm vi hẹp nhưng với số lượng nhân công và vật liệu lớn, đòi hỏi công tác tổ chức xây lắp phải diễn ra có sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các bộ phận và giai đoạn công việc.

2.1.3.2. Đặc điểm tổ chức quản lý

Do những đặc thù của ngành xây lắp, có thể tổ chức kinh doanh xây lắp theo những phương thức khoán khác nhau điều này đã chi phối kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp. Cụ thể:

- Phương thức khoán gọn công trình, hạng mục công trình: Đây là một phương thức đang được áp dụng phổ biến ở các doanh nghiệp xây lắp hiện nay. Theo phương thức này, đơn vị giao khoán giao toàn bộ giá trị công trình, hạng mục công trình cho đơn vị nhận khoán, đơn vị nhận khoán tự tổ chức cung ứng vật tư, tổ chức lao động... tiến hành thi công. Khi công trình hoàn thành bàn giao, quyết toán sẽ được thanh toán toàn bộ giá trị công trình theo giá nhận khoán và nộp cho đơn vị giao khoán một số khoản theo quy định. Trong phương thức này, đơn vị giao khoán chỉ là người có tư cách pháp nhân đứng ra ký kết các hợp đồng xây lắp và chịu trách nhiệm pháp lý đối với chất lượng công trình và thời gian thi công.

- Phương thức khoán khoán mục chi phí: Theo phương thức này, đơn vị giao khoán chỉ khoán các khoản mục chi phí nhất định còn các khoản mục chi phí khác do đơn vị tự chi và chịu trách nhiệm giám sát kỹ thuật, chất lượng công trình. Phương thức này áp dụng cho các tổ, đội thi công không có đủ điều kiện tự cung ứng vật tư, giám sát kỹ thuật và chưa thực hiện công tác kế toán.

2.2. Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

2.2.1. Chi phí sản xuất và phân loại chi phí sản xuất

2.2.1.1. Khái niệm chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

“Chi phí bao gồm các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp và các chi phí khác” Theo chuẩn mực số 01- Chuẩn mực chung ban hành và công bố theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp như: Giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí lãi tiền vay và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi tức, tiền bản quyền,... Những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền, hàng tồn kho, khấu hao máy móc, thiết bị.

Chi phí khác bao gồm các chi phí ngoài các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp như: Chi phí về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản tiền bị khách hàng phạt do vi phạm hợp đồng...

Vậy chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp kinh doanh xây lắp: Là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về vật tư, tài sản cố định, nhân công, dịch vụ phát sinh,... mà doanh nghiệp đã chi ra để tiến hành các hoạt động xây lắp trong một thời kỳ nhất định (*Nguồn: Giáo trình “Kế toán tài chính” NXB*

Tài chính 2007- Chủ biên: PGS.TS Nghiêm Văn Lợi).

2.2.1.1. Phân loại chi phí sản xuất.

- Phân loại theo khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm xây lắp

+ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Là tất cả chi phí vật liệu chính, vật liệu phụ, vật kết cấu, vật liệu luân chuyển cần thiết để tạo nên sản phẩm xây lắp, không bao gồm chi phí vật liệu đã tính vào CPSXC, máy thi công.

+ Chi phí nhân công trực tiếp: Là chi phí về tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp có tính chất lương của công nhân trực tiếp thi công xây lắp, không phân biệt công nhân trong danh sách hay thuê ngoài.

+ Chi phí sử dụng máy thi công: Là toàn bộ chi phí trực tiếp liên quan tới việc sử dụng xe, máy thi công phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xây lắp công trình.

+ Chi phí sản xuất chung: Là các chi phí phục vụ, quản lý ngoài các phát sinh ở tổ, đội, công trường gồm: Lương nhân viên quản lý đội (đội trưởng, đội phó..), và các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ tính chi phí dịch vụ mua ngoài và khấu hao TSCĐ dùng chung cho hoạt động của tổ, đội và các khoản chi phí bằng tiền khác.

- Phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố chi phí

+ Chi phí nguyên vật liệu: Là toàn bộ chi phí về các loại nguyên vật liệu, phụ tùng thay thế, vật liệu thiết bị xây lắp cơ bản mà doanh nghiệp đã sử dụng trong quá trình sản xuất sản phẩm.

+ Chi phí công cụ dụng cụ sản xuất: Mặt nạ hàn, ván, khuôn...

+ Chi phí nhiên liệu: Xăng, dầu mỡ, khí nén...

+ Chi phí nhân công: Là chi phí về tiền lương phải trả người lao động, các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo lương của người lao động.

+ Chi phí khấu hao TSCĐ: Bao gồm chi phí khấu hao của tất cả TSCĐ dùng vào hoạt động sản xuất xây lắp của mỗi hợp đồng xây dựng của doanh nghiệp.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài: Là số tiền phải trả cho các dịch vụ mua ngoài phục vụ cho các hoạt động sản xuất xây lắp của doanh nghiệp.

+ Chi phí khác bằng tiền: Là toàn bộ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất ở doanh nghiệp ngoài các yếu tố trên và được thanh toán bằng tiền.

- Phân loại theo mối quan hệ giữa chi phí và đối tượng chịu chi phí

+ *Chi phí trực tiếp*: Là những chi phí quan hệ trực tiếp đến từng đối tượng chịu phí (từng công trình, hạng mục công trình...) và được kế toán trực tiếp vào đối tượng chịu phí đó như: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí máy thi công và một bộ phận chi phí sản xuất chung phát sinh gắn liền với các hạng mục công trình.

+ *Chi phí gián tiếp*: Là những chi phí có liên quan đến nhiều đối tượng chịu phí như chi phí máy thi công, chi phí sản xuất chung.. có liên quan đến nhiều công trình, hạng mục công trình để xác định chi phí cho từng đối tượng cần phải dùng phương pháp và tiêu thức phân bổ thích hợp.

- Phân loại theo mối quan hệ giữa chi phí với khối lượng hoạt động

+ Chi phí cố định (định phí): Là các chi phí sản xuất không thay đổi về tổng số khi có sự thay đổi về khối lượng hoạt động như chi phí khấu hao TSCĐ tính theo phương pháp bình quân, chi phí tiền lương trả theo thời gian cố định cho nhân viên quản lý sản xuất ở các tổ, đội thi công,.. Doanh nghiệp có hoạt động hay không thì vẫn tồn tại định phí.

+ Chi phí biến đổi (biến phí): Là những chi phí có sự thay đổi về tổng số khi có sự thay đổi về khối lượng hoạt động như chi phí nguyên vật liệu trực

tiếp, chi phí nhân công trực tiếp,... Những chi phí này gia tăng tỷ lệ thuận với khối lượng hoạt động và ngược lại.

+ Chi phí hỗn hợp: Là các khoản chi phí gồm cả biến phí và định phí như chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bảo trì, sửa chữa TSCĐ,...

2.2.2. Giá thành sản phẩm và phân loại giá thành sản phẩm

2.2.2.1. Khái niệm giá thành sản phẩm

“Giá thành sản phẩm xây lắp là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật hóa để hoàn thành khối lượng sản phẩm xây lắp theo quy định” (Nguồn: Giáo trình “Kế toán tài chính” NXB Tài chính 2007- Chủ biên: PGS.TS Nghiêm Văn Lợi).

Giá thành sản phẩm xây lắp phản ánh chất lượng hoạt động sản xuất, phản ánh kết quả sử dụng các loại tài sản, vật tư, lao động, tiền vốn trong quá trình sản xuất cũng như các giải pháp kinh tế kỹ thuật mà doanh nghiệp đã sử dụng nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm. Khác với các doanh nghiệp sản xuất khác, giá thành sản phẩm xây lắp mang tính chất cá biệt, mỗi công trình, hạng mục công trình, hay khối lượng xây lắp khi đã hoàn thành đều có giá thành riêng. Giá thành sản phẩm xây lắp còn có thể bao gồm cả chi phí sản xuất của khối lượng dở dang đầu kỳ và không bao gồm chi phí của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ được chuyển sang kỳ sau trong trường hợp tính giá thành sản phẩm theo khối lượng xây lắp đạt điểm dừng kỹ thuật hợp lý. Chức năng cơ bản của giá thành là lập giá, bù đắp chi phí đầu vào và đảm bảo vẫn có lãi.

2.2.2.2. Phân loại giá thành sản phẩm xây lắp.

Có rất nhiều cách phân loại giá thành sản phẩm, tùy theo tiêu chí lựa chọn mà giá thành sản phẩm có thể được phân loại thành các trường hợp sau:

- Phân loại theo thời điểm tính giá thành và nguồn số liệu để tính giá thành.

+ Giá thành dự toán

- + Giá thành kế hoạch
- + Giá thành định mức
- + Giá thành thực tế

- Phân loại căn cứ vào phạm vi tính giá thành

+ Giá thành khối lượng xây lắp hoàn chỉnh: Là giá thành của công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành đảm bảo chất lượng và kỹ thuật đúng thiết kế, đúng hợp đồng bàn giao, được bên chủ đầu tư nghiệm thu và chấp nhận thanh toán.

+ Giá thành khối lượng xây lắp hoàn thành quy ước: Là giá thành phản ánh kịp thời chi phí sản xuất cho đối tượng xây lắp trong quá trình thi công, xây lắp từ đó giúp cho doanh nghiệp phân tích kịp thời các khoản chi phí đã chi dùng cho từng đối tượng để có biện pháp quản lý phù hợp, cụ thể.

2.2.3. Mối liên hệ giữa chi phí sản xuất với giá thành sản phẩm

Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm đều là hai mặt của quá trình hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, giữa chúng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau thể hiện ở chỗ: Chi phí sản xuất là cơ sở để tính giá thành sản phẩm còn giá thành sản phẩm lại là thước đo mức chi phí sản xuất thực tế để sản xuất ra từng loại sản phẩm. Từ đó để kiểm soát, giám sát các chi phí sản xuất đã bỏ ra. Khi giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ và cuối kỳ bằng nhau hoặc các ngành sản xuất không có sản phẩm dở dang thì tổng giá thành sản phẩm bằng tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ.

Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có đặc điểm giống nhau về bản chất đó là đều cùng biểu hiện bằng tiền những hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp xây dựng đã bỏ ra. Tuy vậy, có sự khác nhau giữa CPSX và giá thành sản phẩm.

- Chi phí sản xuất là các hao phí trong một thời kỳ, còn giá thành sản

xuất sản phẩm là xem xét mối quan hệ của chi phí với quá trình công nghệ sản xuất, chế tạo sản phẩm và đã hoàn thành.

- Về mặt lượng: Có những chi phí sản xuất không phát sinh trong kỳ nhưng được tính vào trong giá thành sản phẩm và có những chi phí sản xuất đã phát sinh trong kỳ nhưng lại không được tính vào trong giá thành sản phẩm.

Như vậy, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có mối quan hệ mật thiết với nhau mặc dù có những mặt khác nhau. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm được thể hiện như sau:

<i>Tổng giá thành sản phẩm xây lắp</i>	=	<i>Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ</i>	+	<i>Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ</i>	-	<i>Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ</i>
--	---	--	---	--	---	---

(Nguồn Giáo trình “Kế toán tài chính” NXB Tài chính 2007- Chủ biên:

PGS.TS Nghiêm Văn Lợi)

Vận dụng mối quan hệ mật thiết giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong công tác quản lý để thực hiện mục tiêu hạ giá thành sản phẩm xây lắp nhưng vẫn nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo tính cạnh tranh. Mức tiết kiệm hay lãng phí trong chi phí sẽ ảnh hưởng đến kết quả tài chính khi thi công công trình. Tính giá thành sản phẩm xây lắp dựa trên hạch toán chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp. Do đó, quản lý tốt giá thành trên cơ sở thực hiện tốt quản lý chi phí sản xuất. Áp dụng các biện pháp tiết kiệm chi phí sản xuất, tránh thất thoát, lãng phí trong thi công cũng nhằm mục tiêu hạ giá thành sản phẩm xây lắp.

2.3. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp dưới góc độ kế toán tài chính

2.3.1. Các chuẩn mực nguyên tắc kế toán chi phối đến kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm

2.3.1.1. Các chuẩn mực kế toán chi phối đến kế toán CPSX và tính giá thành SP

- Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam - VAS 01 “Chuẩn mực chung” (ban hành kèm theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) thì: “Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu”.

- Theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo thông tư 200/2014/TT-BTC có nhiều điểm khác biệt so với quyết định Quyết định 48/2006/QĐ-BTC về chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ và quyết định 15/2006/QĐ-BTC về chế độ kế toán doanh nghiệp. Sự khác biệt chủ yếu của kế toán công ty xây lắp so với các loại hình doanh nghiệp khác theo thông tư số 200/2014/TT-BTC là ở nghiệp vụ tập hợp giá thành xây lắp. Các nghiệp vụ khác phần lớn là tương tự nhau. Và phần khó nhất của bất kỳ kế toán nào cũng là ở phần tập hợp giá thành sản phẩm xây lắp.

Tài khoản tập hợp giá thành ở công ty dịch vụ vận tải là tài khoản 154. Chi tiết quy định ở thông tư số 200/2014/TT-BTC như sau:

Tài khoản 154 “Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang” phản ánh chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong kỳ; chi phí sản xuất, kinh doanh của khối lượng sản phẩm, dịch vụ hoàn thành trong kỳ; chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang đầu kỳ, cuối kỳ của các hoạt động sản xuất, kinh doanh chính, phụ và

thuê ngoài gia công chế biến ở các doanh nghiệp sản xuất hoặc ở các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, xây lắp... Tài khoản này dùng để phải được chi tiết theo địa điểm phát sinh chi phí (phân xưởng, bộ phận sản xuất, đội sản xuất, công trường,...); theo loại, nhóm sản phẩm, hoặc chi tiết, bộ phận sản phẩm; theo từng loại dịch vụ hoặc theo từng công đoạn dịch vụ.

Chuẩn mực kế toán số 03, 04 quy định về khấu hao tài sản cố định. Hai chuẩn mực quy định về cách xác định giá trị ban đầu, chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu, giá trị sau ghi nhận ban đầu, khấu hao, thanh lý tài sản cố định. Quy định về phương pháp khấu hao phải phù hợp với lợi ích kinh tế mà tài sản đem lại cho doanh nghiệp. Số khấu hao của từng kỳ được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chúng được tính vào giá trị của các tài sản khác. Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định hữu hình do doanh nghiệp xác định dựa trên mức độ sử dụng ước tính của tài sản. Bên cạnh đó chuẩn mực cũng quy định có ba phương pháp tính khấu hao tài sản cố định hữu hình gồm phương pháp khấu hao đường thẳng, phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần và theo số lượng SP. Doanh nghiệp không được tiếp tục khấu hao đối với những tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Doanh nghiệp có thể xem xét lại thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định và xem xét lại phương pháp khấu hao, cả hai trường hợp này việc xem xét thường là cuối năm tài chính. Việc xác định khấu hao hạch toán vào chi phí xây lắp có ảnh hưởng rất lớn.

2.3.1.1. Các nguyên tắc kế toán chi phối đến KTCPSX và tính giá thành SP

Ngoài các nguyên tắc chung thường sử dụng như nguyên tắc khách quan, nguyên tắc thận trọng, nguyên tắc trọng yếu... thì kế toán doanh nghiệp xây lắp thường sử dụng các nguyên tắc sau:

Nguyên tắc giá phí (giá gốc)

Khi ghi nhận các nghiệp vụ, kế toán dựa vào chi phí đã phát sinh để có được tài sản đó. Trong kế toán xây lắp giá thành của công trình xây lắp là chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra để thực hiện công trình đó đến khi nghiệm thu bàn giao cho chủ đầu tư.

Nguyên tắc nhất quán

Việc lựa chọn phương pháp tính giá thành phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp nhưng phải thống nhất phương pháp tính giá thành và sản phẩm dở dang giữa các kỳ nhằm đảm bảo tính chính xác trong việc tính giá thành và so sánh giữa các kỳ kế toán được dễ dàng.

Nguyên tắc phù hợp

Đây là một nguyên tắc vô cùng quan trọng trong hạch toán kế toán tính giá thành sản phẩm xây lắp. Vì sản phẩm xây lắp thường có giá trị lớn và thời gian thi công kéo dài vì thế nhà thầu và chủ đầu tư thường thống nhất tiến hành nghiệm thu theo giai đoạn vì vậy doanh nghiệp phải ghi nhận trước doanh thu hoặc ghi nhận doanh thu theo giai đoạn đồng thời chi phí cũng cần phải ghi nhận phù hợp với phần doanh thu đó.

2.3.2. Đối tượng kế toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp

2.3.2.1. Đối tượng kế toán chi phí sản xuất

Đối tượng kế toán chi phí sản xuất là các loại chi phí được tập hợp trong một thời gian nhất định nhằm phục vụ cho việc kiểm tra, giám sát, phân tích chi phí cũng như yêu cầu tính giá thành sản phẩm. Đối tượng kế toán chi phí sản xuất có thể là:

- + Công trình, hạng mục công trình
- + Đơn đặt hàng, bộ phận thi công

+ Từng giai đoạn công việc cụ thể

Vì vậy, chi phí sản xuất phải được tập hợp theo từng khoản mục trong phạm vi giới hạn nhất định để phục vụ cho công việc tính giá thành sản phẩm.

2.3.2.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp

Trong doanh nghiệp xây lắp, phải xác định được đối tượng tính giá thành thì mới có thể tính được giá thành sản phẩm. Cụ thể đối tượng tính giá thành thường là công trình, hạng mục công trình hoàn thành hay khối lượng xây lắp hoàn thành quy ước.

Khối lượng xây lắp hoàn thành quy ước là khối lượng xây lắp chưa kết thúc toàn bộ công tác quy định trong thiết kế kỹ thuật mà chỉ kết thúc việc thi công đến một giai đoạn nhất định gọi là điểm dừng kỹ thuật hợp lý và phải đảm bảo chất lượng. Đặc điểm của hoạt động thi công xây lắp là thời gian thi công dài, giá trị công trình lớn. Vì vậy ngoài việc phải xác định giá thành công trình, hạng mục công trình theo đúng thiết kế dự toán được chủ đầu tư nghiệm thu và chấp nhận thanh toán, trong kỳ báo cáo có thể có một bộ phận công trình hoặc khối lượng công việc hay giai đoạn công việc hoàn thành nghiệm thu bàn giao cho người nhận thầu và được thanh toán. Điều này đòi hỏi phải tính được giá thành của khối xây lắp hoàn thành quy ước.

2.3.2.3. Mối quan hệ giữa đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm về cơ bản giống nhau ở chỗ chúng đều là những phạm vi, giới hạn để tập hợp chi phí. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất có nội dung khác với đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp. Xác định đối tượng tập hợp CPSX là căn cứ để tổ chức ghi chép ban đầu, mở các sổ chi tiết, tập hợp chi phí sản xuất chi tiết cho từng đối, thực hiện chế độ hạch toán kế toán trong nội bộ doanh nghiệp.

Việc xác định đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp là căn cứ để kế toán lập bảng tính giá thành sản phẩm, tổ chức công tác giá thành theo từng đối tượng, phục vụ cho việc kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch giá thành, tính toán xác định kết quả.

Mặc dù vậy, giữa đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm lại có mối quan hệ mật thiết, thể hiện:

- Một đối tượng tập hợp chi phí sản xuất tương ứng với một đối tượng tính giá thành liên quan.

- Một đối tượng tập hợp chi phí sản xuất tương ứng với nhiều đối tượng tính giá thành liên quan.

Nhiều đối tượng tập hợp chi phí sản xuất tương ứng với một đối tượng tính giá thành liên quan. Số liệu về chi phí đã tập hợp được trong kỳ theo từng đối tượng tập hợp chi phí là cơ sở và căn cứ để tính giá thành sản phẩm xây lắp cho từng đối tượng tính giá thành có liên quan.

2.3.3. Phương pháp kế toán chi phí sản xuất

2.3.3.1. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất

- + Phương pháp kế toán chi phí theo công trình, hạng mục công trình: Chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến công trình, hạng mục công trình nào thì tập hợp cho công trình, hạng mục công trình đó theo phương pháp trực tiếp hoặc gián tiếp.

- + Phương pháp kế toán chi phí sản xuất theo đơn vị thi công (công trường, đội thi công..)

- + Phương pháp kế toán theo khối lượng công việc hoàn thành, theo phương pháp này toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ nhất định được tập hợp cho đối tượng tập hợp chi phí. Giá thành thực tế của khối lượng công tác xây lắp hoàn thành là toàn bộ chi phí bỏ ra trong giai đoạn thi công khối lượng công

tác xây lắp đó.

Trên thực tế có một số yếu tố chi phí phát sinh liên quan đến nhiều đối tượng, do đó phải tiến hành phân bổ các khoản chi phí này một cách chính xác và hợp lý theo một trong các phương pháp phân bổ sau:

+ Phương pháp tập hợp chi phí trực tiếp

Phương pháp này áp dụng cho các khoản mục chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất đã xác định. Chi phí được phân bổ trực tiếp cho các đối tượng. Sử dụng phương pháp này đòi hỏi tổ chức kế toán ban đầu phải chặt chẽ, chính xác theo đúng đối tượng CPSX.

+ Phương pháp tập hợp và phân bổ gián tiếp

Phương pháp này được sử dụng để tập hợp các chi phí gián tiếp, đó là các chi phí phát sinh liên quan đến nhiều công trình, hạng mục công trình mà kế toán không thể tập hợp trực tiếp các chi phí này cho từng đối tượng đó

Để xác định chi phí cho từng đối tượng cụ thể phải lựa chọn các tiêu chuẩn hợp lý và tiến hành phân bổ các chi phí đó cho từng đối tượng. Việc phân bổ chi phí cho từng đối tượng được tiến hành như sau:

Bước 1: Xác định hệ số phân bổ theo công thức:

$$H = C : T$$

Trong đó: H: Hệ số phân bổ chi phí

C: Là tổng chi phí cần phân bổ cho các đối tượng

T: Tổng đại lượng tiêu chuẩn phân bổ của các đối tượng cần phân bổ chi phí

Bước 2: Xác định chi phí cần phân bổ cho từng đối tượng kế toán chi phí cụ thể:

$$C_i = H \times T_i$$

Trong đó: C_i : Phần chi phí phân bổ cho đối tượng i

T_i : Đại lượng tiêu chuẩn phân bổ dùng để phân bổ chi phí của đối tượng i .

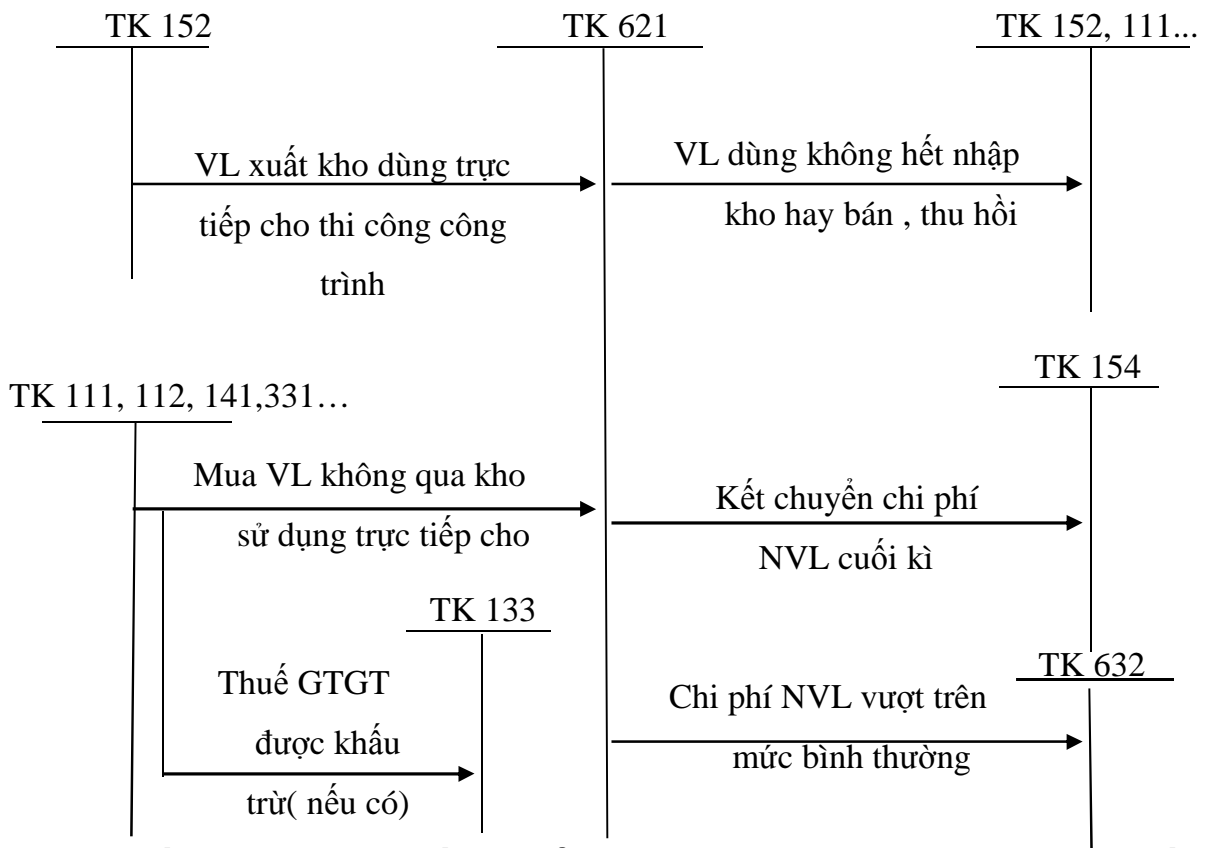
Kế toán chi phí sản xuất xây lắp theo đúng đối tượng quy định và phương pháp kế toán hợp lý có tác dụng cho việc tăng cường quản lý chi phí sản xuất và phục vụ cho công tác tính giá thành sản phẩm được kịp thời.

2.3.3.2. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

- Chứng từ kế toán sử dụng: Phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT, bảng phân bổ nguyên liệu vật liệu, bảng kê thanh toán tạm ứng.

- Tài khoản sử dụng: TK 621- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Trình tự kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được khái quát theo sơ đồ:



Sơ đồ 2. 1: Trình tự kế toán tổng hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

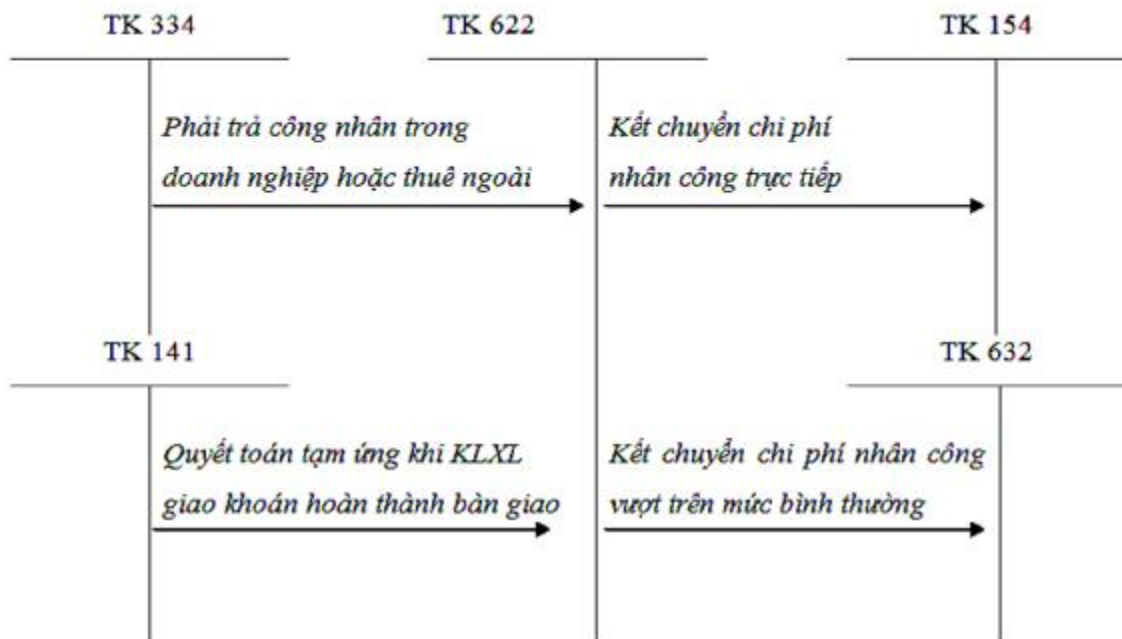
2.3.3.3. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp trong xây lắp gồm: Tiền lương, tiền công, phụ cấp phải trả cho người lao động, các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ) được tính vào chi phí theo quy định hiện hành.

- Chứng từ sử dụng: Bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương, bảng trích bảo hiểm, tiền thưởng, hợp đồng giao khoán, phiếu xác nhận sản phẩm hoặc công việc hoàn thành, phiếu báo làm việc ngoài giờ,...

- Tài khoản sử dụng: Kế toán sử dụng TK 622 - “Chi phí nhân công trực tiếp” để phản ánh chi phí về nhân công trực tiếp thực tế tham gia vào quá trình hoạt động xây lắp, bao gồm các khoản phải trả cho người lao động thuộc quản lý của DN và lao động thuê ngoài theo từng loại công việc. Cuối kỳ kết chuyển CP NCTT vào bên Nợ TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”. TK 622 không có số dư cuối kỳ.

Trình tự kế toán chi phí nhân công trực tiếp được khái quát theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 2. 2: Trình tự kế toán tổng hợp chi phí nhân công trực tiếp

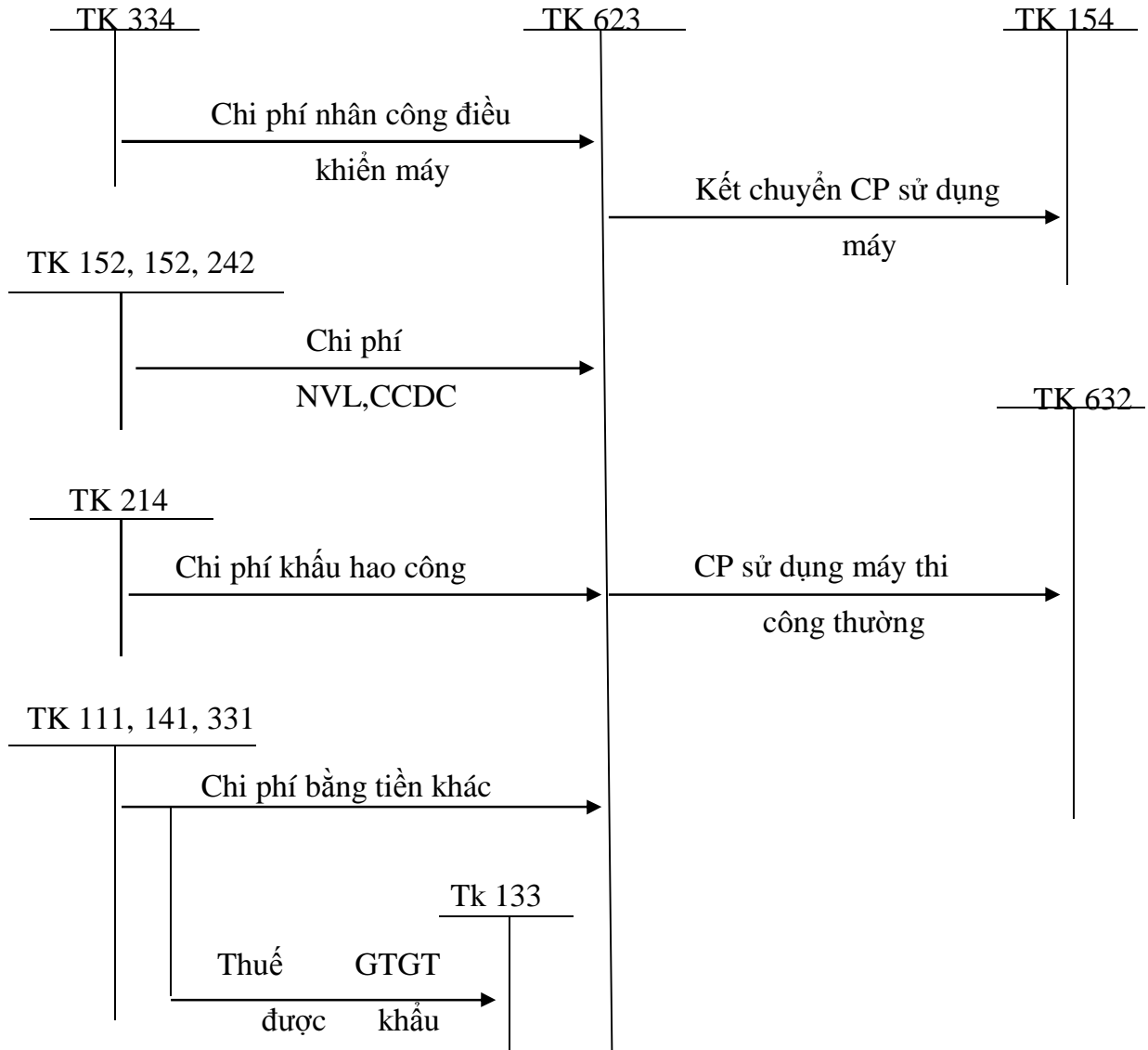
2.3.3.4. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công

- Chứng từ sử dụng: Để hạch toán chi phí này, kế toán căn cứ để hạch toán là hợp đồng thuê máy, hóa đơn, bảng chấm công.

- Tài khoản sử dụng: Kế toán sử dụng TK 623 - Chi phí sử dụng máy thi

công. Tài khoản này dùng để tập hợp và phân bổ chi phí sử dụng máy thi công phục vụ trực tiếp xây lắp công trình. TK 623 không có số dư cuối kỳ.

Trình tự kế toán chi phí sử dụng máy thi công được khái quát theo sơ đồ sau:

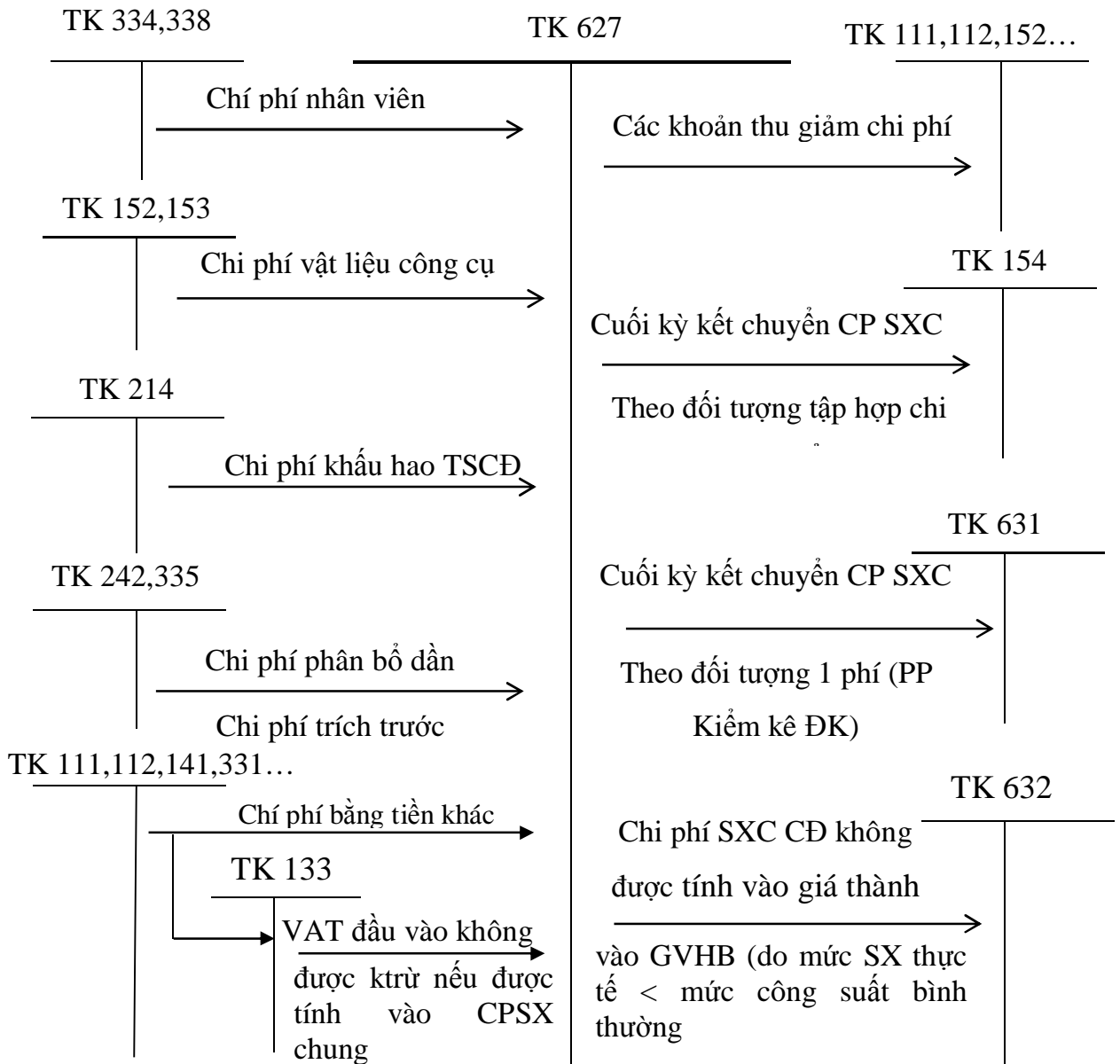


Sơ đồ 2. 3: Trình tự kế toán tổng hợp chi phí sử dụng máy thi công

2.3.3.5. Kế toán chi phí sản xuất chung

- Chứng từ sử dụng: Bảng chấm công, hóa đơn mua hàng, bảng phân bổ khấu hao tài sản cố định, bảng kê xuất vật tư, CCDC, bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương... để tập hợp chi phí sản xuất chung.

Trình tự kế toán chi phí sản xuất chung được khái quát theo sơ đồ sau:



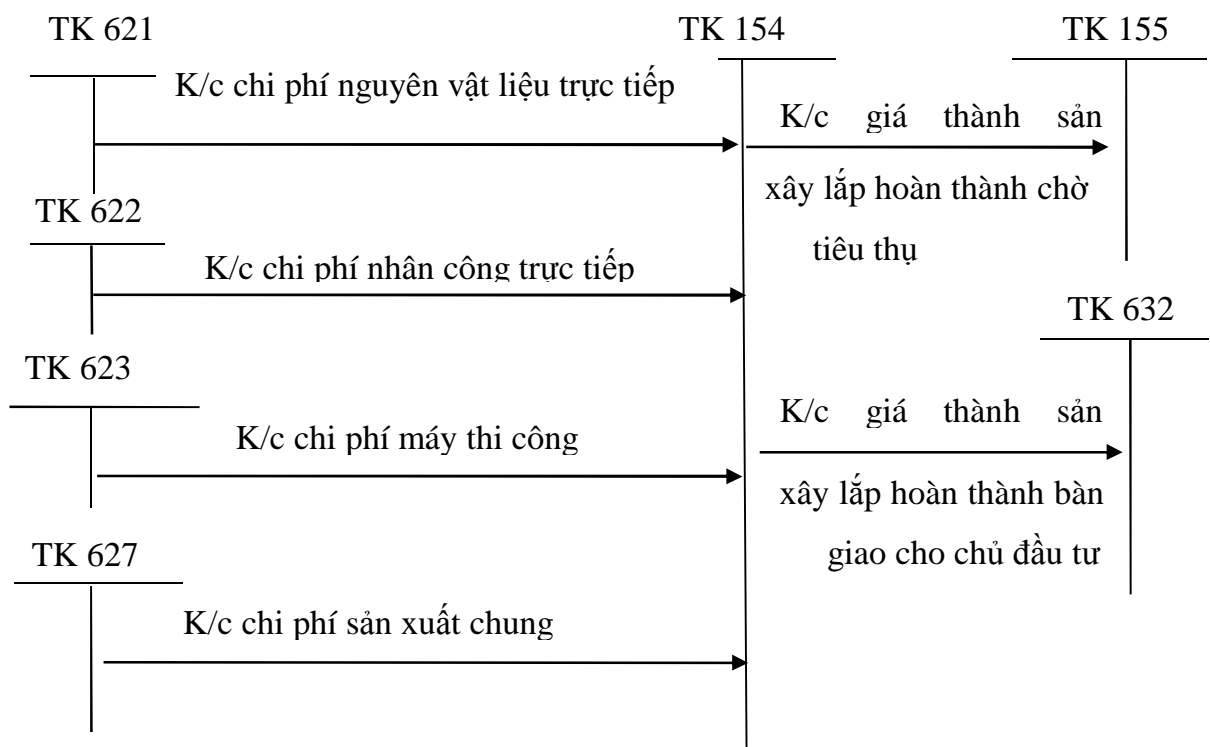
Sơ đồ 2. 4: Trình tự kế toán tổng hợp chi phí chung

- Tài khoản sử dụng: TK 627 “Chi phí sản xuất chung” để hạch toán chi phí sản xuất chung. Chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được ghi vào giá vốn hàng bán. TK 627 không có số dư cuối kỳ, được mở chi tiết cho từng phân xưởng, bộ phận, không sử dụng cho hoạt động thương mại.

2.3.3.6. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp

Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất xây lắp để tính giá thành sản phẩm thường được tiến hành vào cuối kỳ kế toán hoặc khi công trình hoàn thành toàn bộ. Trên cơ sở các bảng tính và phân bổ các khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung cho các đối tượng tập hợp chi phí đã được xác định. Việc tổng hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp được thực hiện theo từng công trình, hạng mục công trình.

Trình tự kế toán chi phí và tính giá thành SPXL được khái quát theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 2. 5: Kế toán tổng hợp chi phí sản phẩm xây lắp

2.3.4. Phương pháp đánh giá SPDD trong kinh doanh xây lắp

Sản phẩm dở dang là khối lượng sản phẩm, công việc còn đang trong quy trình sản xuất, chế biến, đang nằm trên dây chuyền công nghệ hoặc đã hoàn thành một vài quy trình chế biến nhưng vẫn phải gia công chế biến tiếp mới trở thành sản phẩm hoàn thành.

Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang mà DN xây lắp thường áp dụng là: Đánh giá theo giá dự toán và mức độ hoàn thành của sản phẩm xây lắp dở dang. Áp dụng đối với các trường hợp công trình, hạng mục công trình bàn giao thanh toán theo từng giai đoạn hoàn thành, sản phẩm dở dang là các giai đoạn xây lắp chưa hoàn thành.

+ Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí dự toán: Được áp dụng trong trường hợp cụ thể đó là đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành trùng nhau.

+ Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo tỉ lệ hoàn thành tương đương: Phương pháp này áp dụng chủ yếu đối với việc đánh giá sản phẩm dở dang của công tác lắp đặt. Sản phẩm dở dang cuối kì phải chịu toàn bộ các khoản chi phí phát sinh theo mức độ hoàn thành của sản phẩm.

2.3.5. Phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp

Phương pháp tính giá thành sản phẩm là phương pháp sử dụng số liệu CPSX đã tập hợp được trong kỳ và các tài liệu liên quan để tính toán tổng giá thành sản xuất và giá thành đơn vị sản xuất thực tế của sản phẩm, dịch vụ đã hoàn thành theo từng đối tượng tính giá thành và từng khoản mục chi phí.

2.3.5.1. Phương pháp tính giá thành giản đơn (phương pháp tính trực tiếp)

Phương pháp này được áp dụng trong các doanh nghiệp thuộc loại hình sản xuất giản đơn, số lượng mặt hàng ít, sản xuất với khối lượng lớn và chu kì sản xuất ngắn như các nhà máy điện, nước, các doanh nghiệp khai thác (quặng,

than, gỗ..) Đối tượng kế toán chi phí là từng loại sản phẩm, dịch vụ. Đối tượng kế toán chi phí trùng với đối tượng hạch toán giá thành. Ngoài ra, phương pháp còn được áp dụng cho những doanh nghiệp tuy có quy trình sản xuất phức tạp nhưng sản xuất khối lượng lớn và ít loại sản phẩm, mỗi loại sản phẩm được sản xuất trong những phân xưởng riêng biệt.

Ưu điểm: Dễ hạch toán do số lượng mặt hàng ít, việc hạch toán thường được tiến hành vào cuối tháng trùng với kì báo cáo nên dễ dàng đối chiếu, theo dõi.

Nhược điểm: Chỉ áp dụng được cho doanh nghiệp sản xuất số lượng mặt hàng ít khối lượng lớn, doanh nghiệp sản xuất độc quyền một loại sản phẩm, chu kì sản xuất ngắn, sản phẩm dở dang (phế liệu thu hồi) ít hoặc không đáng kể như các doanh nghiệp khai thác than,...các doanh nghiệp sản xuất động lực.

Công thức tính giá thành sản phẩm:

<i>Giá thành thực tế sản phẩm xây lắp</i>	=	<i>Chi phí sản xuất dở dang đầu kì</i>	+	<i>Chi phí sản xuất phát sinh trong kì</i>	-	<i>Chi phí sản xuất dở dang cuối kì</i>
---	---	--	---	--	---	---

(Nguồn Giáo trình “Kế toán tài chính” NXB Tài chính 2007- Chủ biên:

PGS.TS Nghiêm Văn Lợi)

Trong trường hợp, nếu đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là cả công trình nhưng yêu cầu thực tế là phải tính riêng giá thành cho từng hạng mục công trình, kế toán có thể căn cứ vào chi phí tập hợp được và hệ số kinh tế kĩ thuật đã quy định cho từng hạng mục công trình để tính giá thành thực tế theo công thức sau:

<i>Giá thành thực tế của từng hạng mục công trình</i>	=	<i>Giá trị dự toán của hạng mục công trình</i>	<i>x</i>	<i>Tỷ lệ phân bổ giá thành thực tế (%)</i>
---	---	--	----------	--

Trong đó, hệ số phân bổ được xác định bằng công thức:

$$H = \frac{\sum C}{\sum G_{dt}} \times 100 \quad \%$$

- + H: Tỷ lệ phân bổ giá thành thực tế (%)
- + C: Tổng chi phí thực tế của cả công trình
- + G_{dt} : Tổng giá trị dự toán của tất cả hạng mục công trình.

Để phục vụ cho việc tính giá thành, kế toán doanh nghiệp lập bảng tính giá thành theo từng loại sản phẩm, dịch vụ.

2.3.5.2. Phương pháp tính giá thành theo định mức

Phương pháp này áp dụng đối với các doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất ổn định, có hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí, dự toán chi phí tiên tiến, hợp lý, sát thực tế, chế độ ghi chép ban đầu ở các bộ phận làm tốt. Tính theo phương pháp này nhằm kiểm tra tình hình thực tế định mức, tình hình sử dụng hợp lý, tiết kiệm định mức.

Công thức tính giá thành theo định mức như sau:

Giá thành thực tế của sản phẩm	=	Giá thành định mức của sản phẩm	+	Chênh lệch do thay đổi định mức	+	Chênh lệch so với định mức
--------------------------------	---	---------------------------------	---	---------------------------------	---	----------------------------

(Nguồn Giáo trình “Kế toán tài chính” NXB Tài chính 2007- Chủ biên:

PGS.TS Nghiêm Văn Lợi)

Trong đó:

- + Chênh lệch do thay đổi định mức là: số chênh lệch do định mức chi phí hiện hành thay đổi.
- + Chênh lệch so với định mức là: số chênh lệch so sánh giữa chi phí phát sinh thực tế với định mức chi phí theo từng khoản mục.

Ưu điểm: Phương pháp này giúp nhà quản lý có thể phát hiện nhanh

chóng những chi phí phát sinh thực tế so với định mức của từng khoản mục, từng nơi phát sinh chi phí cũng như đối tượng chịu CP cũng như nguyên nhân phát sinh... Giúp cho nhà quản lý đưa ra những quyết định kịp thời nhằm tiết kiệm chi phí, ngăn chặn lãng phí, sử dụng CP có hiệu quả nhằm hạ thấp giá thành sản phẩm.

Nhược điểm: Kế toán phải tính giá thành định mức các loại sản phẩm ngay từ đầu mỗi tháng trên cơ sở các định mức chi phí tiên tiến hiện hành làm cơ sở cho việc tính giá thành sản xuất thực tế của sản phẩm sau này. Đây là phương pháp tính phức tạp vì khi tính giá thành định mức các loại sản phẩm, kế toán phải tính riêng từng khoản mục chi phí cấu tạo nên giá thành sản phẩm theo những cách thức khác nhau.

2.3.5.3. Phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng (tổng cộng chi phí)

Mỗi đơn đặt hàng ngay từ khi bắt đầu thi công được mở một phiếu tính giá thành (bảng tính giá thành theo đơn đặt hàng). Chi phí sản xuất phát sinh được tập hợp cho từng đơn đặt hàng bằng phương pháp trực tiếp hoặc gián tiếp. Cuối kỳ, căn cứ vào chi phí sản xuất tập hợp được cho từng đơn đặt hàng theo từng khoản mục chi phí để ghi vào bảng tính giá thành của đơn đặt hàng tương ứng. Khi có chứng từ chứng minh đơn đặt hàng hoàn thành, kế toán thực hiện tính giá thành đơn đặt hàng (công trình, hạng mục công trình) hoàn thành bằng cách cộng lũy kế chi phí từ khi bắt đầu thi công đến khi đơn hàng hoàn thành ngay trên bảng tính giá thành của đơn đặt hàng đó. Đối với các đơn đặt hàng chưa hoàn thành, cộng chi phí lũy kế từ khi bắt đầu thi công đến thời điểm xác định giá trị sản phẩm xây lắp dở dang. Bảng tính giá thành của các đơn đặt hàng chưa xong được coi là các báo cáo chi phí sản xuất xây lắp dở dang.

Trường hợp một đơn đặt hàng gồm một số hạng mục công trình thì sau khi tính giá thành cho đơn đặt hàng hoàn thành, kế toán thực hiện tính giá thành cho

từng hạng mục công trình bằng cách căn cứ vào giá thành thực tế của đơn đặt hàng hoàn thành và giá thành dự toán của các hạng mục công trình đó, công thức tính như sau:

$$Z_i = \frac{Z_{đđh}}{Z_{dt}} \times Z_{idt}$$

Trong đó:

Z_i : Giá thành sản xuất thực tế của hạng mục công trình i.

$Z_{đđh}$: Giá thành thực tế của đơn đặt hàng hoàn thành.

Z_{dt} : Giá thành dự toán của hạng mục CT thuộc đơn đặt hàng hoàn thành.

Z_{idt} : Giá thành dự toán của hạng mục công trình i.

2.4. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp dưới góc độ kế toán quản trị

Kế toán quản trị là môn khoa học thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về hoạt động của doanh nghiệp một cách cụ thể phục vụ cho các nhà quản trị trong việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra và đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch các hoạt động của doanh nghiệp.

Kế toán quản trị chi phí là một bộ phận của kế toán quản trị, chuyên thực hiện việc xử lý và cung cấp các thông tin về chi phí nhằm phục vụ cho việc thực hiện các chức năng của nhà quản trị như: Hoạch định, tổ chức thực hiện, kiểm tra và ra quyết định. Nội dung của kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp dưới góc độ kế toán quản trị bao gồm:

- Lập dự toán chi phí sản xuất kinh doanh
- Xác định đánh giá chi phí đơn vị sản phẩm
- Phân tích, đánh giá tình hình thực hiện chi phí bộ phận theo từng trung tâm chi phí
- Phân tích mối quan hệ giữa chi phí với khối lượng và lợi nhuận

- Phân tích thông tin chi phí để lựa chọn thông tin thích hợp cho các quyết định kinh doanh.

2.4.1. Định mức chi phí và hệ thống dự toán

2.4.1.1. Định mức chi phí

Việc xây dựng hệ thống định mức CPSX là công việc hết sức quan trọng, bao gồm việc xây dựng định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung. Thực hiện tốt công tác này sẽ tạo ra một hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả các hoạt động phát sinh chi phí, sự biến động của từng chi phí. Mặt khác, nếu xây dựng được định mức tốt còn giúp việc nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực của DN, tạo nền tảng trong việc lập kế hoạch và dự toán sản xuất kinh doanh.

Định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được xác định theo công thức tổng quát sau:

$$\begin{array}{l} \text{Định mức chi phí} \\ \text{NVL trực tiếp cho} \\ \text{một đơn vị Sp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Định mức giá} \\ \text{nguyên vật liệu} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Định mức lượng} \\ \text{nguyên vật liệu tiêu hao} \end{array}$$

(Nguồn: Thông tư 06/2016/TT-BXD)

Định mức chi phí nhân công trực tiếp được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Định mức chi phí} \\ \text{nhân công trực tiếp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá nhân công trực} \\ \text{tiếp theo định mức} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Định mức lượng thời} \\ \text{gian lao động trực tiếp} \\ \text{cho một sản phẩm} \end{array}$$

(Nguồn: Thông tư 06/2016/TT-BXD)

Định mức chi phí sản xuất chung: Định mức chi phí sản xuất chung xác định theo từng khoản mục phát sinh chi phí, được xác định theo mức giá và thời gian cho phép đối với chi phí nhân công phục vụ cho phân xưởng sản xuất, định mức nguyên vật liệu, khấu hao máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ dùng ở

phân xưởng sản xuất.

Tổng hợp các định mức chi phí sản xuất cho một đơn vị sản phẩm như sau:

$$\text{Định mức chi phí một sản phẩm} = \text{Định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp} + \text{Định mức chi phí sản xuất chung}$$

(Nguồn: Thông tư 06/2016/TT-BXD)

2.4.1.2. Hệ thống dự toán chi phí sản xuất

Dự toán là việc tính toán, dự kiến phối hợp giữa các mục tiêu cần đạt được với khả năng huy động các nguồn lực trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh theo các chỉ tiêu số lượng, giá trị trong khoảng thời gian nhất định trong tương lai. Dự toán chi phí là phương tiện thông tin cung cấp cho các chức năng hoạch định và kiểm soát chi phí của nhà quản trị nhằm đo lường, chấn chỉnh quá trình thực hiện chi phí trong từng bộ phận cụ thể để đảm bảo cho quá trình thực hiện mục tiêu của doanh nghiệp.

* **Tổng dự toán công trình:** Là tổng mức chi phí cần thiết cho việc đầu tư xây dựng công trình thuộc dự án được tính toán cụ thể ở giai đoạn thiết kế kỹ thuật thi công. Tổng dự toán công trình được xác định trên cơ sở năng lực sản xuất theo thiết kế, khối lượng công tác chủ yếu và suất đầu tư, giá chuẩn, đơn giá tổng hợp do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Công thức sau xác định tổng dự toán công trình:

$$\text{Tổng dự toán công trình} = \text{Giá trị dự toán xây lắp (Gxl)} + \text{Giá trị dự toán mua sắm thiết bị (Gtb)} + \text{Dự toán các chi phí khác (Gk)} + \text{Dự toán chi phí dự phòng (Gdp)}$$

(Nguồn: Thông tư 06/2016/TT-BXD)

Trong đó:

Giá trị dự toán xây lắp (Gxl) công trình là toàn bộ các chi phí về xây dựng và lắp đặt của từng hạng mục công trình, kết cấu của công trình đó, bao gồm chi phí xây lắp các hạng mục xây dựng mới và các hạng mục xây lắp khác.

Giá trị dự toán mua sắm thiết bị (Gtb) bao gồm chi phí mua sắm thiết bị công nghệ và các trang thiết bị khác phục vụ xây lắp công trình, chi phí vận chuyển, bảo dưỡng tại hiện trường, thuế và phí bảo hiểm thiết bị công trình.

Dự toán các chi phí khác (Gk) bao gồm chi phí ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư như chi phí điều tra, khảo sát, tư vấn đầu tư, tuyên truyền quảng cáo,... chi phí ở giai đoạn thực hiện đầu tư, chi phí ở giai đoạn kết thúc xây dựng đưa công trình vào khai thác sử dụng.

Dự toán chi phí dự phòng (Gdp) là các khoản dự phòng cho các khối lượng phát sinh do thay đổi thiết kế theo yêu cầu của chủ đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, dự phòng cho các khối lượng phát sinh không lường trước được, dự phòng trượt giá, lạm phát...

*** Dự toán xây lắp hạng mục công trình**

+ Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Được lập trên cơ sở dự toán khối lượng xây lắp, định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chênh lệch về vật liệu (nếu có).

Công thức xác định dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp như sau:

$$\text{Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp} = \sum_{i=1}^n \left(\begin{array}{l} \text{Dự toán} \\ \text{khối lượng} \\ \text{công tác} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Định mức} \\ \text{phí vật liệu} \\ \text{của công tác} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Chênh} \\ \text{lệch vật} \\ \text{liệu} \end{array} \right)$$

công trình sẽ phân bổ chi phí sản xuất chung của toàn bộ dự án cho từng hạng mục theo tỷ trọng chi phí trực tiếp của từng công trình.

Công thức xác định dự toán chi phí sản xuất chung:

$$\text{Dự toán chi phí sản xuất chung} = \text{Định mức chi phí chung (\%)} \times \text{Chi phí trực tiếp}$$

(Nguồn: Thông tư 06/2016/TT-BXD)

***Lập dự toán giá thành sản phẩm xây lắp**

Giá thành sản phẩm xây lắp là một phần của chi phí sản xuất và xã hội để thực hiện công tác xây dựng (tức là 1 phần của Gxd), là bộ phận chi phí mà doanh nghiệp sử dụng để thực hiện công tác xây lắp. Như vậy, giá thành sản phẩm xây lắp là tất cả các chi phí bằng tiền mà doanh nghiệp sử dụng để thực hiện công tác xây lắp, nó bao gồm các chi phí trực tiếp và chi phí chung.

Giá thành xây lắp được dự toán căn cứ vào dự toán các khoản mục chi phí như: dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, dự toán chi phí nhân công trực tiếp, dự toán chi phí sử dụng máy thi công, dự toán chi phí sản xuất chung.

2.4.2. Xác định trung tâm chi phí trong doanh nghiệp xây lắp

Trung tâm chi phí là một bộ phận có mối quan hệ rõ ràng giữa các chi phí của các nguồn lực với các sản phẩm hoặc dịch vụ của bộ phận đó, mà các nhà quản trị của nó chỉ chịu trách nhiệm đối với các chi phí có thể kiểm soát phát sinh trong bộ phận đó. Người đứng đầu trung tâm chi phí chính là người quản lý các bộ phận được phân quyền quyết định về cơ cấu chi phí và các yếu tố đầu vào. Để đánh giá hiệu quả hoạt động của các trung tâm chi phí cần phải lập dự toán và báo cáo hoạt động theo từng trung tâm. Các chỉ tiêu được sử dụng để đánh giá hiệu quả hoạt động của các trung tâm chi phí thường là tỷ lệ

chi phí thực tế so với dự toán, tỷ lệ giảm chi phí so với năm trước, giá thành đơn vị sản phẩm hoặc tỷ lệ giảm giá thành.

Thành quả của các trung tâm chi phí thường được đánh giá bằng việc so sánh chi phí thực tế với chi phí dự toán và phân tích các chênh lệch phát sinh.

Đối với các doanh nghiệp xây lắp trung tâm trách nhiệm chi phí được hình thành tại tổ, đội xây lắp và các phòng ban chuyên trách như phòng Kế toán - tài chính, phòng Hành chính - trị sự, Phòng Kỹ thuật...

2.4.3. Báo cáo kế toán quản trị trong doanh nghiệp xây lắp

- Báo cáo sản xuất

Báo cáo sản xuất là báo cáo chi tiết về tình hình chi phí phát sinh tại phân xưởng sản xuất và kết quả hoàn thành nhằm cung cấp thông tin cho các cấp quản trị để từ đó ra quyết định phù hợp.

Báo cáo sản xuất có vai trò như các phiếu chi phí công việc trong việc tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm. từ những thông tin trên báo cáo sản xuất, các nhà quản trị biết được kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để có căn cứ đưa ra quyết định sản xuất và tiêu thụ với một mức sản lượng nhất định hay thi công một công trình với một tiến độ thích hợp. Báo cáo chi phí sản xuất có ý nghĩa quan trọng với các nhà quản trị doanh nghiệp trong việc kiểm soát chi phí và đánh giá chất lượng thi công của từng phân đội.

- Báo cáo giá thành sản phẩm

Cung cấp thông tin về tổng giá thành sản xuất thực tế của từng công trình, hạng mục công trình trên cơ sở đó so với giá thành kế hoạch để đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành của từng đơn vị trong doanh nghiệp, đồng thời cung cấp thông tin cho việc lập kế hoạch và đưa ra các quyết định liên quan đến việc định giá sản phẩm tương tự.

Phương pháp lập: Liệt kê các chỉ tiêu giá thành kế hoạch, giá thành thực tế cho từng công trình, hạng mục công trình, tổng giá thành cho từng đơn vị thuộc doanh nghiệp, mỗi đối tượng tính giá thành được theo dõi trên một dòng.

- Báo cáo thực hiện kế hoạch

Báo cáo này cung cấp thông tin về thực hiện kế hoạch trong kỳ báo cáo thông qua các chỉ tiêu trên báo cáo để giúp ban lãnh đạo doanh nghiệp đánh giá đúng tình hình doanh nghiệp và đưa ra các giải pháp nhằm giúp doanh nghiệp thực hiện tốt hơn những chỉ tiêu kế hoạch sẽ đưa ra trong kỳ tiếp theo.

Cơ sở lập là các báo cáo chi tiết, báo cáo tổng hợp phản ánh thực tế tình hình doanh nghiệp trong kỳ và cùng kỳ năm trước, các dự toán ngân sách, các kế hoạch đã lập đầu kỳ.

2.4.4. Phân tích mối quan hệ giữa CVP trong các doanh nghiệp xây lắp

Ngày nay, kế toán quản trị đã trở thành một nội dung quan trọng và cần thiết cho các nhà quản trị doanh nghiệp, trong đó phân tích mối quan hệ giữa CVP đã tỏ ra là một công cụ hữu ích hỗ trợ cho nhà quản trị khi chọn lọc thông tin phù hợp trong quá trình ra quyết định.

- Thông tin về tài chính doanh nghiệp: Biểu hiện trên các báo cáo kế toán. Báo cáo kế toán quản trị phản ánh một cách chi tiết, cụ thể tình hình sử dụng tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Những thông tin này giúp nhà quản trị doanh nghiệp đánh giá, phân tích và dự đoán tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và hướng phát triển của doanh nghiệp từ đó đề ra các quyết định đúng đắn trong quản lý sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp.

- Thông tin phi tài chính: Người làm kế toán quản trị ngày nay cần phải

hiểu và nắm bắt được thông tin ở các lĩnh vực chức năng khác như thông tin về thị trường, giá cả, cạnh tranh, marketing và các thông tin về tài chính khác.

Việc phân tích thông qua mô hình CVP không chỉ giúp việc lựa chọn dây chuyền sản xuất, định giá bán sản phẩm, xây dựng chiến lược tiêu thụ, chiến lược marketing nhằm khai thác có hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà còn giúp ích nhiều cho việc xem xét rủi ro của doanh nghiệp.

Phân tích CVP nhằm xác định một mô hình với các biến kinh doanh gắn liền với lợi nhuận can thiệp nhằm mô tả mối quan hệ giữa lợi nhuận kinh doanh của một doanh nghiệp với chi phí, khối lượng hoạt động, giá bán. Các nội dung để phân tích mối quan hệ CVP bao gồm: Lãi gộp, tỉ lệ lãi gộp, kết cấu chi phí, đòn bẩy kinh doanh, điểm hòa vốn. Cụ thể:

Lãi gộp: Là số tiền còn lại của doanh thu bán hàng sau khi đã trừ đi các chi phí biến đổi. Chính vì vậy, nó là khoản để bù đắp các chi phí cố định trong DN và tạo ra lợi nhuận cho kỳ.

- *Tỉ lệ lãi gộp*: Là tỉ số giữa tổng số lãi gộp với tổng doanh thu tiêu thụ. Trong điều kiện biến phí không đổi, tỷ lệ lãi gộp cho biết cứ một đồng doanh số tăng thêm thì số lãi gộp sẽ tăng bao nhiêu đồng. Lãi gộp là căn cứ để nhà quản lý xác định được mức thu nhập của từng công trình, hạng mục công trình.

- *Đòn bẩy kinh doanh*: Là tỉ lệ lãi gộp so với thu nhập thuần. Đối với nhà quản lý, đòn bẩy có nghĩa là bằng cách nào đó doanh nghiệp có thể đạt được lợi nhuận và sự tăng nhỏ hơn về doanh số hoặc khối lượng sản phẩm. Độ lớn của đòn bẩy kinh doanh sẽ tỷ lệ nghịch với tỷ lệ định phí trong doanh nghiệp.

- *Điểm hòa vốn*: Là tại một điểm ở đó doanh thu của doanh nghiệp đủ trang trải các khoản chi phí bỏ ra hay là điểm mà tại đó lãi gộp bằng tổng chi phí bất biến. Điểm hòa vốn được xác định theo hai cách: Bằng phương pháp

phương trình và bảng phương pháp lãi gộp tính cho một đơn vị sản phẩm.

Nghiên cứu mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận là xem xét mối quan hệ biện chứng giữa các nhân tố giá nhận thầu công trình, khối lượng công tác xây lắp hoàn thành, các chi phí bỏ ra theo định phí và biến phí và sự tác động của chúng tới lợi nhuận của doanh nghiệp.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong chương 2 Luận văn đã trình bày các vấn đề thuộc cơ sở lý luận về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp. Từ phân tích đặc điểm hoạt động kinh doanh xây lắp ảnh hưởng đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp, vai trò, nhiệm vụ của kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm xây lắp. Luận văn đã trình bày bản chất của chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm dưới góc độ kế toán tài chính và góc độ kế toán quản trị.

Dưới góc độ kế toán tài chính, Luận văn đã trình bày được đối tượng, phương pháp hạch toán CPSX và tính giá thành sản phẩm xây lắp cũng như trình tự hạch toán CPSX, các phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ và tính giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành.

Dưới góc độ kế toán quản trị, Luận văn đã đề cập được nội dung của kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm, các phương pháp xác định CPSX, xây dựng hệ thống định mức và lập dự toán CPSX cũng như phân tích mối quan hệ giữa CPV phục vụ cho việc xây dựng các báo cáo quản trị về chi phí và giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp.

Bên cạnh đó, luận văn cũng khái quát được cơ chế khoán trong các doanh nghiệp xây lắp và ảnh hưởng của nó đến công tác hạch toán CPSX và tính giá thành sản phẩm.

Lý luận chương 2 là cơ sở để xem xét, đánh giá thực trạng và hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An ở chương 3.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH XÂY LẬP CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHÍNH XÁC NAM TRƯỜNG AN

3.1. Đặc điểm tổ chức kinh doanh và tổ chức kế toán tại Công ty TNHH Cơ khí chính xác Nam Trường An

3.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

3.1.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

- Thành lập: Công ty chính thức thành lập vào ngày 23 tháng 5 năm 2011 với hình thức Công ty TNHH hai thành viên do 2 thành viên góp vốn là: Ông Cao Xuân Thanh và Bà Cao Thị Vân. Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ, có con dấu riêng, thực hiện quyền tự chủ trong hoạt động kinh doanh đã được pháp luật thừa nhận.

- Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHÍNH XÁC NAM TRƯỜNG AN**

- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **NAM TRUONG AN MECHANICAL ACCURACY COMPANY LIMITED**

- Đăng kí kinh doanh số: 010532449 tại phòng kinh doanh sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

- Mã số thuế: 010532449

- Trụ sở chính: Số 63, ngõ 341, phố Vĩnh Hưng, phường Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 0436444030

Fax: 043644403

3.1.1.2. Nội quy, quy chế làm việc của công ty.

1> Lao động tại công ty gồm công nhân công trường, nhân viên văn phòng và nhân viên học việc, thử việc. Công tác tuyển dụng lao động do phòng tổ chức hành chính quản lý tương ứng với nhu cầu SXKD của công ty.

2> Thời gian làm việc tại công ty: 8h/ ngày, 7 ngày/ tuần. Được nghỉ lễ tết theo quy định chung của nhà nước.

3> Trả lương cho nhân viên vào các ngày 30, 31 hàng tháng. Nhân viên chính thức của công ty được tham gia bảo hiểm theo luật định.

4> Những nhân viên, công nhân tại công trường sẽ được trang bị đồ dùng bảo hộ theo tính chất của công việc.

5> Khi đi làm không được mang chất độc, chất nổ, vũ khí, các loại hung khí, những vật nguy hiểm vào công ty.

3.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh và kết quả hoạt động của công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An

3.1.2.1 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty

Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An trực tiếp tư vấn, lắp đặt, thực hiện dịch vụ bảo dưỡng các hệ thống dàn không gian.

Công ty được phép xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh đã được Nhà nước cho phép để tiếp tục phân phối đến các đại lý, siêu thị, cửa hàng và bán lẻ trên toàn quốc.

Các lĩnh vực mà công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An đang hoạt động chính bao gồm:

- Tư vấn giám sát, giám sát thi công công trình dàn không gian nhà xưởng, sân vận động, nhà kho.

- Lắp đặt hệ thống dàn không gian nhà thi đấu, lắp đặt hệ thống điện dân dụng và công nghiệp

- Gia công cơ khí.
- San lấp mặt bằng, xây dựng công trình hạ tầng.
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghiệp.
- Dịch vụ tư vấn kỹ thuật: các loại máy móc, hệ thống tự động hóa, hệ thống thủy lực, gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại.
- Bán buôn, bán lẻ vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: tre, nứa, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh.

Với kinh nghiệm trong thi công các công trình xây lắp dân dụng, công nghiệp, kết hợp với trình độ cán bộ kỹ thuật, tay nghề của công nhân và máy móc thiết bị, cán bộ trong Công ty đã tư vấn, giám sát, thi công nhiều công trình như :

- Tư vấn, giám sát thi công các công trình dàn không gian siêu thị Fivimart ở 358 Bùi Xương Trạch, HN. Nhà kho của công ty Nam Cường ở khu Hồ Tùng Mậu - Lê Đức Thọ, P. Mai Dịch, Cầu Giấy, TP.Hà Nội. Nhà kho của công ty Cổ phần kiến trúc nội thất sắc màu Việt địa chỉ Số 14 dãy C Yên Hòa, phường Yên Hoà, thành phố Hà Nội. DKG mái che trường tiểu học Yên Phong - Bắc Ninh.

- Thi công các công trình: Dàn không gian nhà thi đấu cầu lông - Khu đô thị Văn Khê - Hà Đông - Hà Nội, dàn không gian thép nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long Hà Nội, nhà thép tiền chế của công ty CP năng lượng sinh khối Hoàng Gia.

3.1.2.2. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty

Công ty TNHH Cơ khí chính xác Nam Trường An đang từng bước phát triển và khẳng định vị trí của mình trên thị trường XL. Trong những năm gần đây, công ty đã hoàn thành nhiều CT DKG nhà thi đấu, siêu thị, nhà kho trên địa bàn Hà Nội, Bắc Giang, Nghệ An, Lạng Sơn.... Tất cả đã đánh dấu những mốc son thành công sáng ngời trên bước đường hoạt động của công ty. Dưới

đây là bảng phân tích một số chỉ tiêu trong báo cáo tài chính để đánh giá tình hình của công ty trong mấy năm gần đây nhất:

Bảng 3.1 Bảng các chỉ tiêu của công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An

ĐVT đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1. Doanh thu thuần về BHDV	52.144.312.197	52.027.011.101	62.460.309.887
2. Giá vốn hàng bán	49.322.065.972	47.097.629.769	56.572.602.336
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng, dịch vụ	2.822.246.225	4.929.381.332	5.887.707.551
4. Doanh thu hoạt động tài chính	317.767.929	771.794.324	2.271.686.805
5. Chi phí quản lí doanh nghiệp	2.207.979.496	5.105.437.683	7.132.180.235
6. Lợi nhuận khác	0	30.848.251	48.734.883
7. Lợi nhuận trước thuế	932.034.658	626.586.224	1.075.949.004

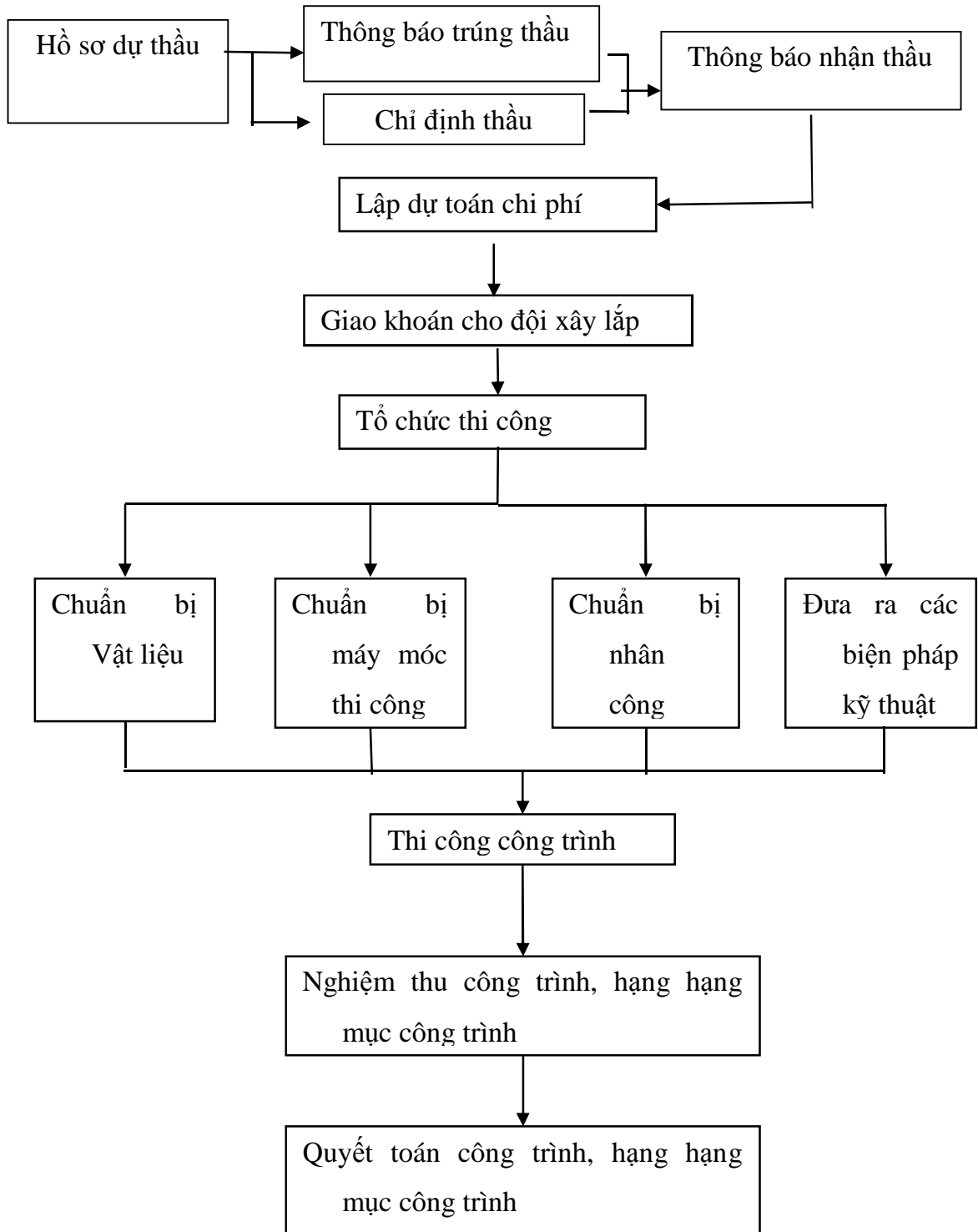
(Nguồn: Công ty TNHH Cơ khí chính xác Nam Trường An)

Quy trình sản xuất sản phẩm xây lắp

Quá trình sản xuất sản phẩm xây lắp rất phức tạp, sau khi hoàn thiện công trình được nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng. Sản phẩm xây lắp không được trực tiếp trao đổi trên thị trường như các sản phẩm hàng hóa khác mà nó chỉ được thực hiện sau khi có đơn đặt hàng hoặc các hợp đồng đã ký kết.

Tổ chức sản xuất trong Công ty TNHH Cơ khí chính xác Nam Trường An theo phương thức “khoán gọn”. Sau khi nhận thông báo nhận thầu thi công các CT, HMCT do chủ đầu tư gửi, Công ty tiến hành lập dự toán chi phí và “khoán gọn” các công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc cho các đội xây lắp, các đội xây lắp tiến hành thi công dưới sự kiểm tra và giám sát của Công ty.

Tùy vào từng CT mà thực hiện các công việc khác nhau, nhưng nhìn chung đều tuân theo quy trình như sau:



(Nguồn Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An)

Sơ đồ 3. 1: Quy trình sản xuất sản phẩm xây lắp

Thuyết minh sơ đồ quy trình sản xuất

1> Chuẩn bị hồ sơ thầu. Hồ sơ kỹ thuật gồm: Dự toán, bản vẽ thiết kế do chủ đầu tư (bên A) cung cấp. Dự toán thi công bên trúng thầu (bên B) tính toán lập ra và được bên A chấp nhận.

2> Sau khi nhận thông báo trúng thầu. Bên B lập dự toán chi phí và giao khoán cho các đội xây lắp thi công công trình.

3> Tại các đội xây lắp tổ chức thi công công trình chuẩn bị vật liệu, máy móc, nhân công để tổ chức thi công công trình hạng mục công trình.

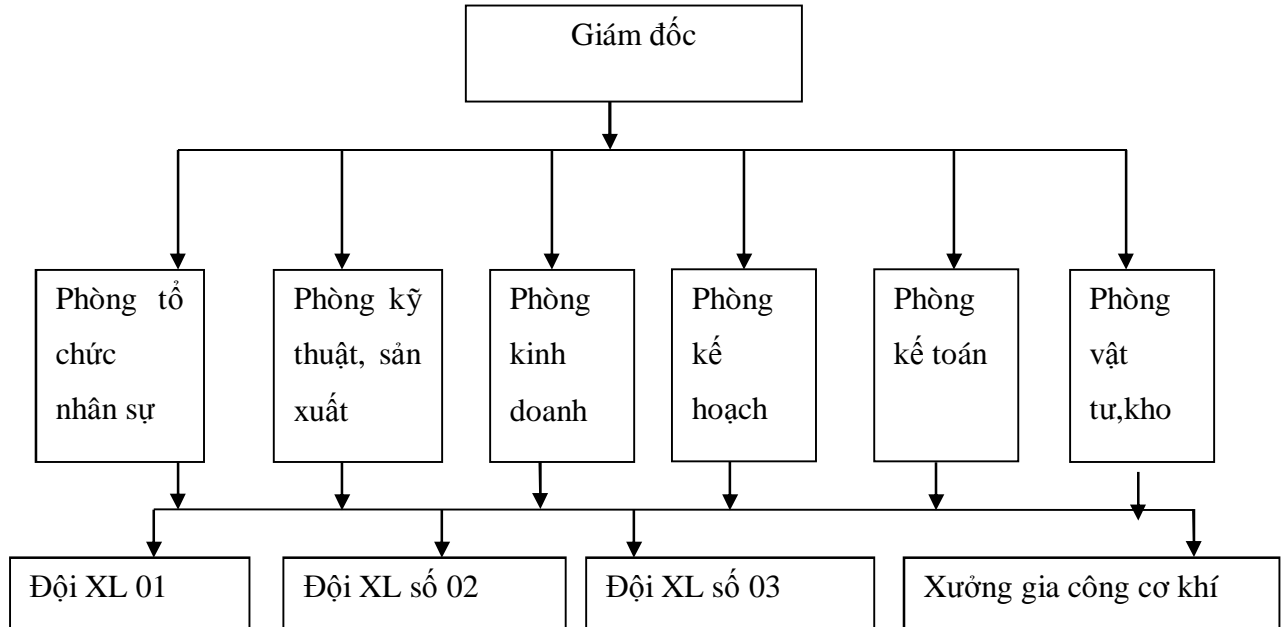
4> Sau khi công trình hoặc hạng mục công trình hoàn thành. bên A và bên B tiến hành nghiệm thu bao gồm: Chủ đầu tư (bên A) và tư vấn nếu có, đơn vị thi công (bên B) và các thành phần có liên quan.

6 > Hai bên tiến hành quyết toán công trình hoàn thành sau khi đã nghiệm thu bàn giao công trình. Khi quyết toán công trình đã được cấp có thẩm quyền duyệt. Bên A sẽ thanh toán nốt số còn lại cho bên B.

Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An bản chất là một doanh nghiệp xây lắp, nó mang tính chất đặc thù riêng. So với các ngành sản xuất khác, ngành xây lắp có những đặc điểm về kinh tế - kỹ thuật riêng biệt, thể hiện rất rõ nét ở sản phẩm xây lắp và quá trình tạo ra sản phẩm của ngành.

Sản phẩm xây lắp là những công trình xây dựng, vật kiến trúc... có quy mô lớn, kết cấu phức tạp mang tính đơn chiếc, thời gian sản xuất sản phẩm xây lắp lâu dài...Do đó, việc tổ chức quản lý và hạch toán sản phẩm xây lắp phải lập dự toán (dự toán thiết kế, thi công). Quá trình sản xuất xây lắp phải so sánh với dự toán, lấy dự toán làm thước đo đồng thời để giảm bớt rủi ro phải mua bảo hiểm cho công trình xây lắp. Sản phẩm xây lắp được tiêu thụ theo giá dự toán hoặc giá thỏa thuận với chủ đầu tư (giá đấu thầu), do đó tính chất hàng hóa của sản phẩm xây lắp không thể hiện rõ.

3.1.3. Đặc điểm chung về bộ máy quản lý của công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An



(Nguồn Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An)

Sơ đồ 3. 2: Cơ cấu bộ máy quản lý và nhân sự của công ty.

Chức năng nhiệm vụ của từng phòng ban

- **Giám đốc:** Là người đứng đầu công ty, thay mặt công ty chịu trách nhiệm trước nhà nước và cơ quan hữu quan về toàn bộ hoạt động của công ty, là người có quyền cao nhất về công tác điều hành đồng thời quản lý tất cả các bộ phận trong công ty, tổ chức các cuộc họp và là người đưa ra quyết định cuối cùng trong các vấn đề của công ty. Tổ chức thực hiện kinh doanh và phương án đầu tư, kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý của công ty. Chỉ đạo trực tiếp các lĩnh vực như chiến lược phát triển, đầu tư, đối ngoại tài chính...Thực hiện tuyển dụng, bố trí và sử dụng lao động, khen thưởng và kỉ luật theo quy định của luật lao động.

- **Phòng tổ chức hành chính nhân sự:** Có trách nhiệm về tình hình nhân sự, tuyển dụng những nhân viên có trình độ năng lực đảm bảo và quản lý

hành chính của các bộ phận của công ty, đảm bảo đúng pháp luật về lương, bảo hiểm, thêm giờ, độc hại, thủ tục hành chính pháp lý. Quy định tổ chức nội quy, quy chế lương, thưởng.

- **Phòng kinh doanh:** Nắm bắt thông tin về nguồn sản phẩm, tình hình thị trường, theo dõi sự biến động của thị trường và cách thức giao hàng, phương thức thanh toán hợp đồng, soạn thảo hợp đồng khai thác thị trường. Theo dõi tình hình hàng hóa nhập về theo từng khách hàng, đơn hàng, cân đối hàng hóa đảm bảo cho tiêu thụ của công ty.

- **Phòng kế toán tài chính:** Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán của doanh nghiệp theo đúng pháp lệnh tài chính kế toán hiện hành. Lập sổ sách kế toán theo quy định về kế toán nhà nước, đảm bảo các chứng từ hợp lý hợp lệ sẵn sàng cho công tác thanh tra nhà nước khi có yêu cầu. Lập và nộp đúng hạn các báo cáo thuế, thống kê hàng tháng và BCTC hàng năm cho Giám đốc và cơ quan thuế thống kê. Theo dõi công tác thanh toán khách hàng và tình hình thu hồi công nợ. Theo dõi tình hình nhập, xuất tồn vật tư thành phẩm, kiểm tra giám sát việc thực hiện định mức tiêu hao nguyên vật liệu.

- **Phòng kỹ thuật:** Chịu trách nhiệm về khoa học kỹ thuật, về sản phẩm đảm bảo chất lượng có uy tín, quản lý hệ thống vi tính, mạng internet của công ty. Kiểm tra giám sát chất lượng công trình có đúng với dự toán đề ra không, lập hồ sơ dự thầu.

- **Phòng kế hoạch:** Phối hợp với các phòng ban để lập kế hoạch sản xuất. Dự trữ nguyên vật liệu (NVL), linh kiện cho từng tuần từng tháng để đáp ứng nhu cầu sản xuất, theo dõi cân đối NVL để đảm bảo việc tiết kiệm NVL góp phần làm giảm giá thành sản phẩm.

- **Phòng vật tư + kho:** Chịu trách nhiệm kiểm soát và quản lý vật tư trong công ty đảm bảo số lượng và chất lượng vật tư, chuẩn bị kho bãi vật tư, bãi tập kết vật tư phục vụ trực tiếp cho công trình.

- **Đội xây lắp:** Trực tiếp thi công công trình đảm bảo đúng tiến độ thi công theo hợp đồng, an toàn lao động, chất lượng của công trình.

- **Xưởng gia công cơ khí:** Chuyên gia công các sản phẩm kết cấu, cấu kiện phục vụ nhu cầu thị trường.

3.1.4. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An ảnh hưởng đến công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp

Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, đây là ngành mang tính chất đặc thù khác biệt so với các ngành sản xuất kinh doanh khác.

Do đặc điểm của ngành xây lắp là quá trình thi công thường diễn ra ở những địa điểm xa đơn vị trong khi khối lượng vật tư thiết bị lại rất lớn nên dễ xảy ra hao hụt mất mát. Vì vậy, Công ty tổ chức theo phương thức khoán gọn công trình, hạng mục công trình cho các đội thi công. Theo phương thức khoán này các đội thi công tự đảm nhận lo liệu toàn bộ các loại chi phí phục vụ thi công như nguyên nhiên liệu, máy móc, nhân công ... Công ty chỉ trích lại theo tỷ lệ % giá trị quyết toán công trình được duyệt để đảm bảo cho bộ máy công ty hoạt động. Theo cách này, công ty giữ lại khoảng 10% giá trị công trình để trang trải chi phí quản lý và thực hiện các nghĩa vụ với nhà nước. Khoảng 90% giá trị công trình còn lại công ty tạm ứng cho các đội thi công chủ động sử dụng để phục vụ thi công các công trình.

Quá trình thi công chịu sự giám sát chặt chẽ của phòng Kế toán về mặt tài chính, phòng Kế hoạch và phòng Kỹ thuật về mặt kỹ thuật cũng như

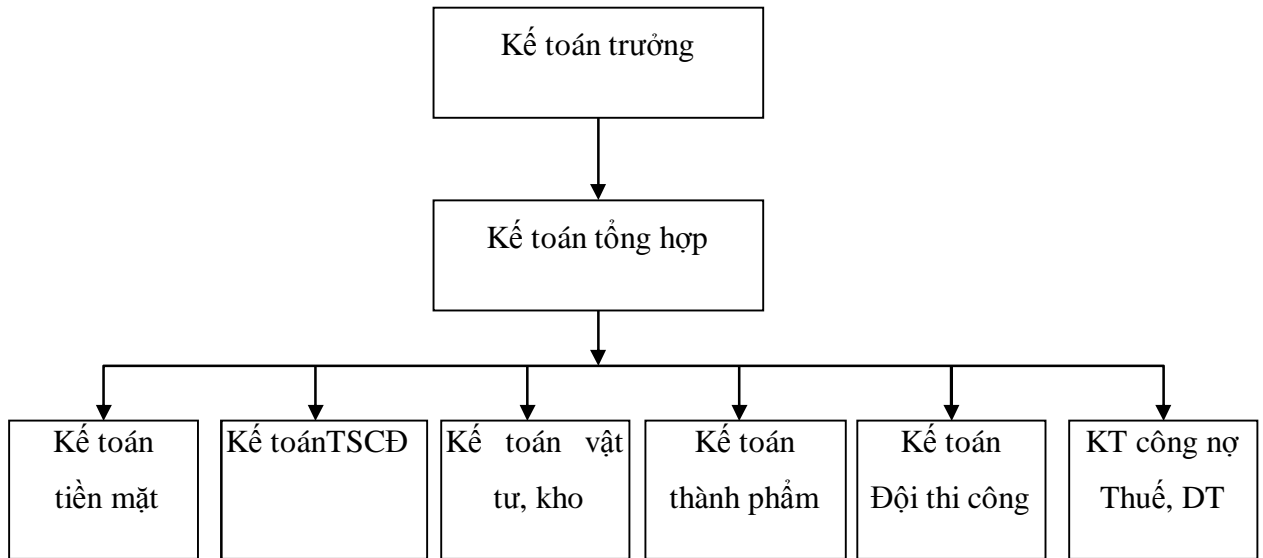
tiến độ thi công. Đầu tháng, mỗi đội thi công đều phải lập kế hoạch sản xuất, kế hoạch tài chính gửi cho các phòng ban chức năng, qua đó xin tạm ứng để có người tài chính phục vụ thi công.

Với mô hình này đội nhận khoán phải tự cung ứng trang trải các chi phí của mình, tự tổ chức thực hiện sản xuất thi công, công ty chỉ thực hiện chức năng kiểm tra và giám sát. Đội sẽ thực hiện và chịu trách nhiệm toàn bộ trước công ty về thi công, nghiệm thu, thanh quyết toán, trích nộp ... do đó đòi hỏi chủ công trình phải nhanh nhạy trong việc chỉ đạo thi công, nghiệm thu và thanh toán.

Khi công trình hoàn thành sẽ được nghiệm thu bàn giao và được thanh toán toàn bộ theo quyết toán và phải nộp một khoản theo quy định, tỷ lệ nộp khoán đang được áp dụng là trên dưới 15% giá trị quyết toán công trình mà công ty giao cho đội thi công.

Những đặc điểm trên đã ảnh hưởng rất lớn đến công tác kế toán trong công ty. Công tác xây lắp phải đồng bộ, phối hợp chặt chẽ các bộ phận với nhau để hoạt động có hiệu quả. Công tác kế toán vừa phải đáp ứng yêu cầu chung về chức năng, nhiệm vụ kế toán của một doanh nghiệp sản xuất vừa phải đảm bảo phù hợp với đặc thù của loại hình doanh nghiệp xây lắp.

3.1.5. Đặc điểm kế toán công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An



(Nguồn Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An)

Sơ đồ 3. 3: Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty.

Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận kế toán.

Bộ phận kế toán của Công ty có chức năng, nhiệm vụ như sau:

- **Kế toán trưởng - kiêm kế toán tổng hợp:** Là người chịu trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện toàn bộ công tác tài chính kế toán ở phòng kế toán, chịu trách nhiệm trước cấp trên về chấp hành kỷ luật, chế độ tài chính hiện hành. Là người kiểm tra tình hình hạch toán, kiểm tra tình hình tài chính kế toán về vốn và huy động vốn...Cung cấp báo cáo tài chính cho lãnh đạo Công ty và cơ quan quản lý Nhà nước.

- **Kế toán viên:** Tổng hợp các chứng từ kế toán, ghi chép, phân loại. Chịu trách nhiệm về các khoản bảo hiểm, cùng với kế toán trưởng hoàn thành hệ thống sổ sách và báo cáo.

+ **Kế toán tiền mặt:** Có trách nhiệm chi trả cho cán bộ công nhân viên và phân bổ chi phí tiền lương, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn và hàng tháng phải lập bảng lương, bảng phân bổ lương, cập nhật chứng từ hàng ngày

để hạch toán phiếu thu, chi và các khoản chi phí khác, theo dõi các khoản tạm ứng trong công ty.

+ **Kế toán TSCĐ:** Căn cứ vào chứng từ ban đầu, lập phiếu thu, phiếu chi tiền mặt, theo dõi và phản ánh kịp thời tình hình biến động của TSCĐ.

+ **Kế toán vật tư:** Theo dõi tình hình nhập - xuất - tồn nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, tính và phân bổ nguyên vật liệu công cụ dụng cụ cho các đối tượng sử dụng. Trực tiếp theo dõi TK152, TK153, TK621. Đồng thời kế toán vật tư còn theo dõi các khoản thanh toán với người bán tài khoản 331.

+ **Kế toán thành phẩm:** Mở sổ theo dõi chi tiết chi phí sản xuất theo từng đối tượng tập hợp chi phí. Tổng hợp toàn bộ chi phí phát sinh cho từng đối tượng hoạch toán vào cuối kỳ, làm hồ sơ cho việc tính giá thành.

+ **Kế toán đội:** Do công ty có các đội lắp thực hiện thi công công trình, hạng mục công trình, mỗi đội có 01 kế toán riêng làm công việc theo dõi, cập nhật các chứng từ ban đầu, kế toán ghi chép sổ sách và lên bảng tổng hợp chi tiết các khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, máy thi công... đưa vào sản xuất thi công từng công trình, hạng mục công trình; số lượng từng loại chi phí để tập hợp chi phí sản xuất và gửi báo cáo cùng chứng từ gốc về kế toán văn phòng vào cuối quý.

+ **Kế toán thanh toán, KT thuế:** Có nhiệm vụ theo dõi các khoản phải thu, phải trả với người mua, người bán và các khoản tạm ứng. Làm tờ khai thuế tháng, quý, năm. Hoàn thiện sổ sách kế toán năm và báo cáo tài chính

- *Chế độ kế toán áp dụng:*

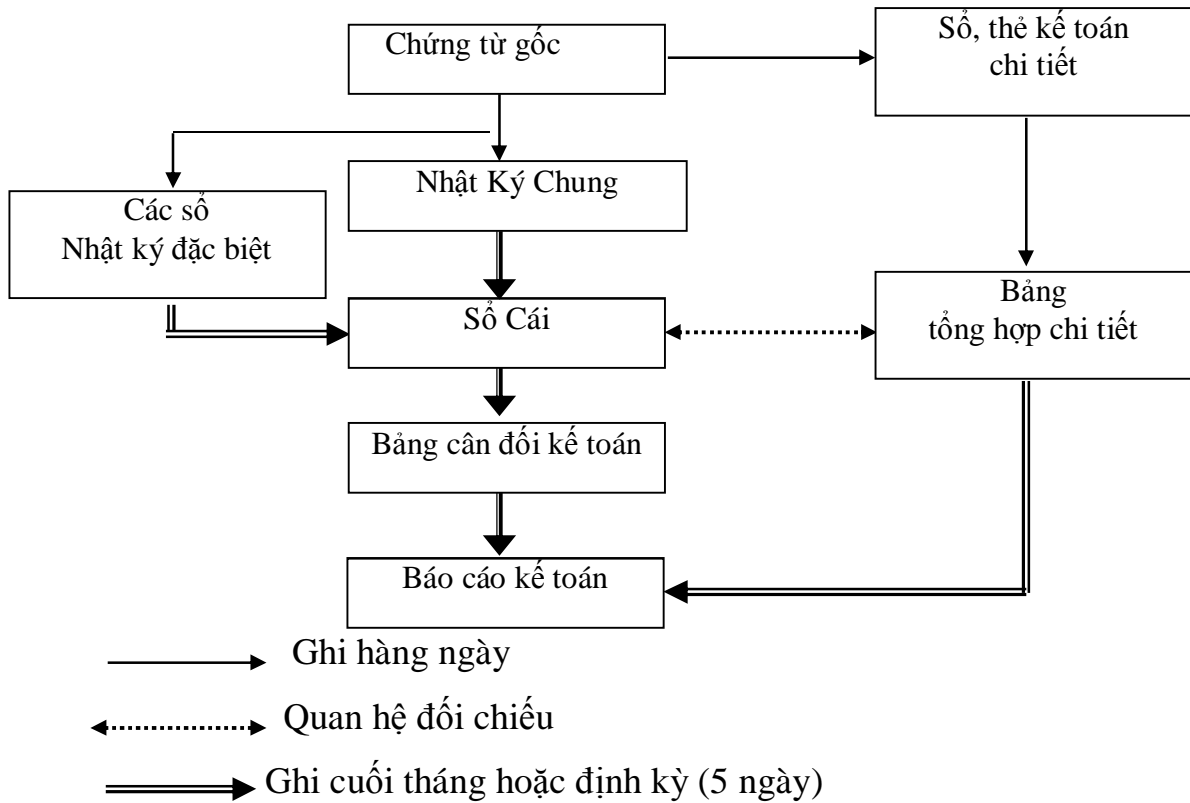
Hiện nay, Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An áp dụng chế độ kế toán trong doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của bộ trưởng Bộ Tài chính và các chuẩn mực, quy định hiện hành.

◆ Hệ thống tài khoản kế toán: Để tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán sử dụng các tài khoản:

- + TK 621: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- + TK 622: Chi phí nhân công trực tiếp
- + TK 623: Chi phí máy thi công trực tiếp
- + TK 627: Chi phí sản xuất chung
- + TK 632: Giá vốn hàng bán
- + TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Ngoài ra, do đặc thù của Công ty trong phương thức giao khoán công trình, hạng mục công trình cho các đội xây lắp nên Công ty còn sử dụng TK 141- “tạm ứng” để đối chiếu tình hình tạm ứng và thanh quyết toán tạm ứng với các đội xây lắp. Các tài khoản được mở chi tiết cho từng đối tượng tập hợp chi phí là công trình, hạng mục công trình phù hợp với điều kiện và yêu cầu quản lý của Công ty.

- ◆ Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Phương pháp kê KKTX.
- ◆ Kỳ kế toán: Kỳ kế toán là 1 năm, bắt đầu từ ngày 01/01 đến 31/12.
- ◆ Phương pháp tính thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ.
- ◆ Phương pháp khấu hao TSCĐ: Theo phương pháp đường thẳng.
- ◆ Hình thức kế toán: Hiện nay công ty TNHH Cơ khí chính xác Nam Trường An đang sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, tập trung tại văn phòng công ty trên cơ sở tập hợp các chứng từ của các đội xây lắp.

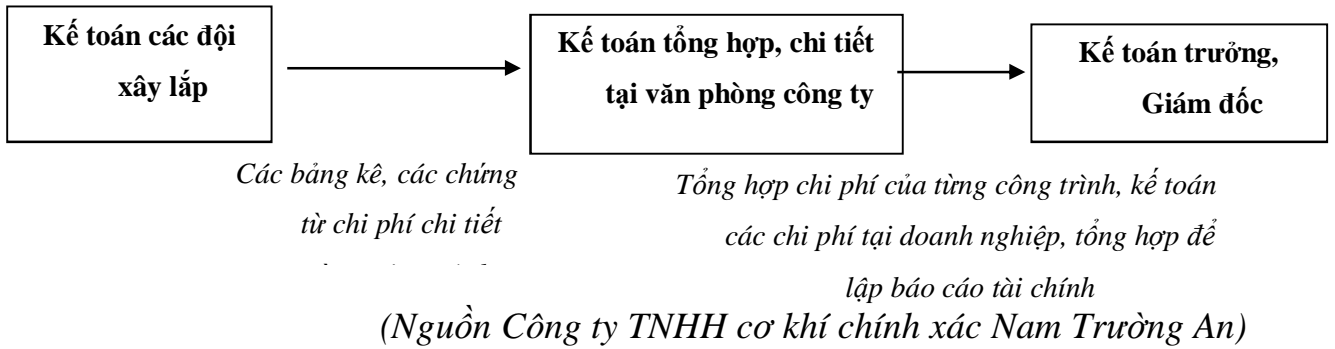


(Nguồn Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An)

Sơ đồ 3. 4: Trình tự ghi sổ kế toán tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An

- Tình hình sử dụng máy vi tính.

Hiện nay tại phòng Kế toán tài vụ đang triển khai sử dụng phần mềm kế toán SME 7.9 của Công ty cổ phần Misa, kế toán viên của các đội xây lắp mới bước đầu tiếp cận sử dụng phần mềm nên chưa đạt hiệu quả thực sự trong kế toán hàng ngày tại công ty. Hiện tại công ty chỉ có phòng kế toán sử dụng phần mềm để tổng hợp, kế toán các nghiệp vụ phát sinh hàng ngày và in tài liệu kế toán. Riêng kế toán các đội xây lắp chủ yếu vẫn là dùng Excel và kế toán thủ công là chính.



Sơ đồ 3. 5: Quy trình luân chuyển chứng kế toán tại công ty.

3.2. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An dưới góc độ của kế toán tài chính

3.2.1. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An

3.2.1.1. Phân loại chi phí sản xuất, đối tượng hạch toán chi phí sản xuất

Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất

Đối tượng để công ty TNHH Cơ khí chính xác Nam Trường An ký kết hợp đồng xây lắp là các công trình và hạng mục công trình, cũng có nghĩa là sản phẩm mà công ty sản xuất ra là các công trình hay hạng mục công trình. Đây là đối tượng tập hợp chi phí, nguyên tắc tập hợp chi phí là chi phí phát sinh tại công trình, hạng mục công trình nào thì tập hợp cho công trình và hạng mục công trình ấy.

Phân loại chi phí

Tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An, phân loại chi phí theo mục đích và công dụng của chi phí, theo cách phân loại này chi phí sản xuất được chia thành bốn khoản mục:

- +) Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- +) Chi phí nhân công trực tiếp

+) Chi phí sử dụng máy thi công

+) Chi phí sản xuất chung

3.2.1.2. Nội dung kế toán chi phí sản xuất

Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là khoản mục chi phí chiếm tỷ trọng rất lớn khoảng 60 -70% trong tổng giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty, nguyên vật liệu được sử dụng với nhiều chủng loại khác nhau có chức năng và công dụng khác nhau. Do đó, khi thu mua và sử dụng NVL trong quá trình thi công, hạch toán vật liệu phải luôn gắn chặt với nhau và với từng đối tượng sử dụng.

+ Giá trị NVL của công ty chủ yếu là mua ngoài nên xác định theo giá thực tế.

+ Nguyên vật liệu của Công ty bao gồm:

- Nguyên vật liệu chính: Thép tròn, thép tấm và các loại thép hình khác nhau như: L, U, I..., dây điện,...

- Vật liệu phụ: Que hàn, sơn, gas, oxy, than rền, sơn,...

- Vật liệu kết cấu: Kèo cột, khung, bê tông đúc sẵn...

- Vật liệu khác: Quốc, xeng...

- Chứng từ và tài khoản sử dụng

+ Chứng từ sử dụng: Hoá đơn bán hàng, hóa đơn GTGT (liên 2); Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho; Giấy đề nghị tạm ứng; Biên bản nghiệm thu vật tư; Phiếu chi tiền, giấy báo nợ; Hóa đơn vận chuyển, biên bản giao nhận hàng.

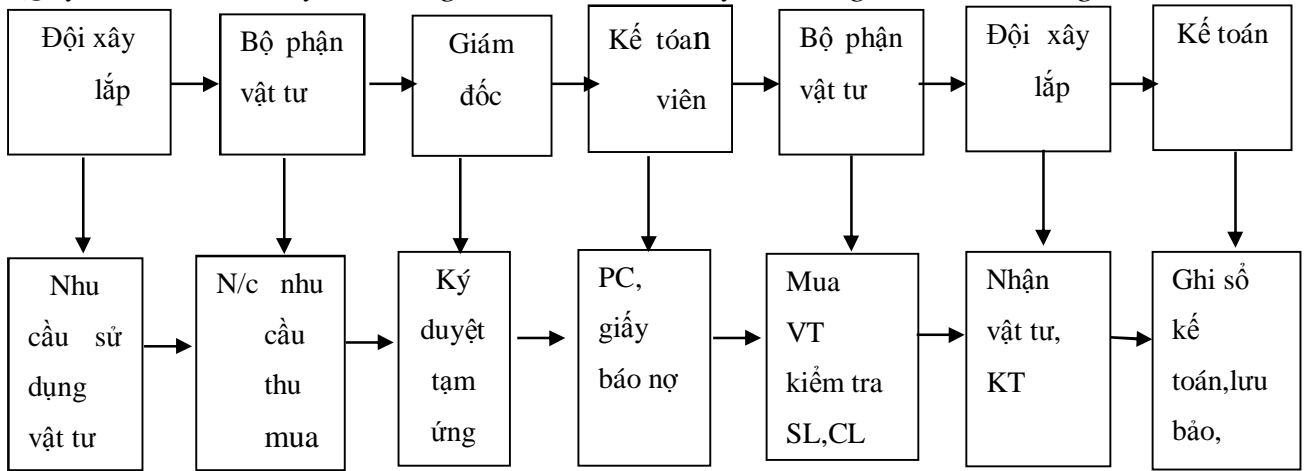
+ Tài khoản sử dụng: TK 621 - Dành để tập hợp chi phí nguyên vật liệu dùng cho sản xuất phát sinh trong kỳ, cuối kỳ kết chuyển sang tài khoản tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An được mở chi tiết cho từng CT, HMCT.

+ TK621: Công trình DKG nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long

+ TK621: Công trình rải đấu nổi cáp ở công ty Cổ phần Công nghệ cao.

- Trình tự luân chuyển chứng từ

Quy trình luân chuyển chứng từ mua NVL chuyển thẳng đến chân công trình.



(Nguồn Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An)

Sơ đồ 3. 6: Quy trình LC chứng từ mua vật tư thẳng đến công trình

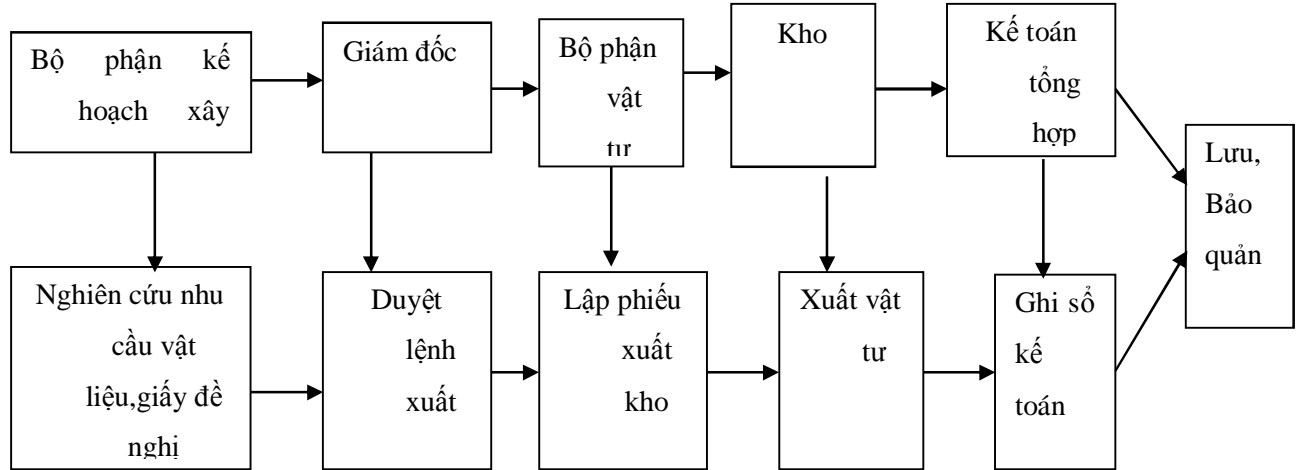
Giải thích sơ đồ:

Khi có nhu cầu về nguyên vật liệu sử dụng trực tiếp cho công trình, các đội sẽ gửi nhu cầu NVL lên bộ phận vật tư của công ty để xem xét.

Bộ phận vật tư xác định nhu cầu vật tư của các đội và căn cứ vào số lượng vật tư có sẵn, tiến độ thi công của từng CT bộ phận vật tư căn cứ vào kế hoạch mua vật tư, phiếu báo giá, bộ phận vật tư viết giấy đề nghị tạm ứng gửi lên giám đốc, bộ giám đốc duyệt tạm ứng. Trên cơ sở giấy đề nghị tạm ứng thì kế toán tiền mặt sẽ lập phiếu chi. Khi đó, nhân viên phụ trách mua vật tư sẽ chịu trách nhiệm về việc mua vật tư và chuyển đến công trình.

Khi mua vật tư về công trường, căn cứ vào bảng dự toán, hoá đơn GTGT,... nhân viên kế toán đội ghi vào bảng theo dõi chi tiết vật tư, còn nhân viên phụ trách mua vật tư tiến hành kiểm tra SL, CL vật tư vào bảng theo dõi vật tư.

Quy trình luân chuyển chứng từ xuất kho NVL sử dụng cho công trình.



(Nguồn Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An)

Sơ đồ 3. 7: Quy trình LC chứng từ xuất kho vật liệu đến công trình

Giải thích sơ đồ:

- Khi có nhu cầu xuất vật tư, NVL để phục vụ cho xây lắp sản phẩm thì tổ trưởng tổ xây lắp báo với bộ phận kho để xuất kho vật tư theo yêu cầu.

- Tại kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép tình hình xuất tồn kho của từng thứ vật tư hàng hóa ở từng kho theo chỉ tiêu số lượng. Hàng ngày khi nhận được chứng từ xuất vật liệu, thủ kho tiến hành kiểm tra tính hợp lý hợp pháp của chứng từ rồi ghi sổ thực xuất vào thẻ kho trên cơ sở các chứng từ.

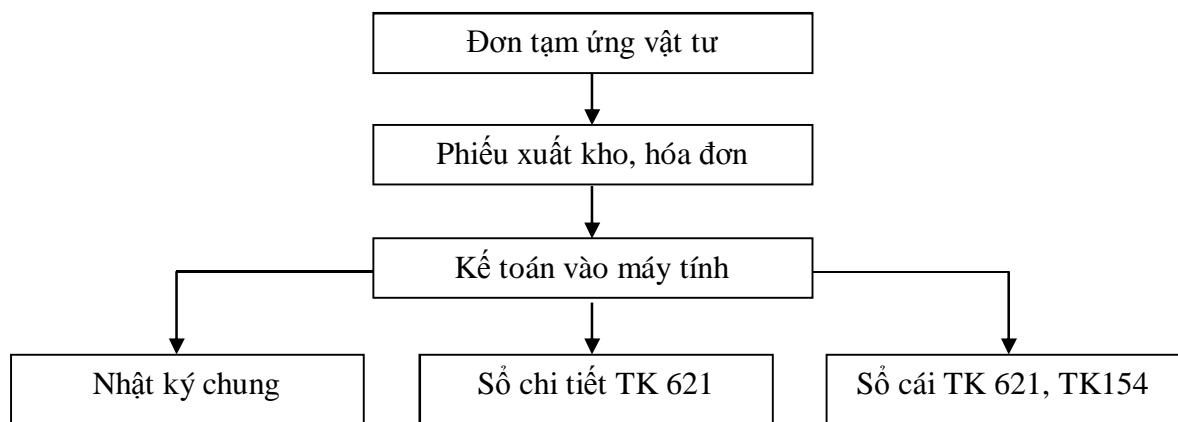
- Kế toán viên lập bảng theo dõi chi tiết vật tư khi vật tư xuất đến công trình, hạng mục công trình. Cuối tháng hoặc cuối quý đối chiếu với kế toán tổng hợp. Lưu và bảo quản chứng từ.

- Quy trình hạch toán

Theo quy định của Công ty nguyên vật liệu được bảo quản tại các kho hoặc được đưa thẳng đến nơi có công trình xây lắp. Tuy nhiên, hiện nay theo cơ chế giao khoán công trình, hạng mục công trình của công ty, nguyên vật liệu

dùng để sản xuất sản phẩm xây lắp giao khoán sẽ do các đội xây lắp tự mua vật liệu về rồi chuyển thẳng từ nhà cung cấp đến chân công trình và sử dụng ngay, không qua kho chiếm tỷ trọng lớn.

Đội thi công tiến hành triển khai thi công dưới sự chỉ đạo, giám sát của đội trưởng và các cán bộ kỹ thuật, phòng ban chuyên môn. Đội xây lắp căn cứ vào dự toán để xác định số lượng vật tư cần thiết phục vụ thi công, tiến độ thi công công trình, hạng mục công trình để tránh ứ đọng.



(Nguồn Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An)

Sơ đồ 3. 8: Quy trình hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

+) Mua nguyên vật liệu chuyển thẳng đến chân công trình thanh toán cho người bán.

Ví dụ: Ngày 10/11/2016, Anh Bắc đội xây lắp số 01 đề nghị tạm ứng số tiền 20.000.000 đồng mua dây điện phục vụ thi công công trình (**Phụ lục 01**). Kế toán đội lập Hợp đồng kinh tế (**Phụ lục 02**). Anh Bắc phụ trách mua nguyên vật liệu và nhận hóa đơn tài chính (**Phụ lục 03**). Kế toán hạch toán:

+) Ngày 10/11/2016:

Nợ TK 141- Anh Bắc: 20.000.000

Có TK 1111: 20.000.000

+) Ngày 12/11/2016:

Nợ TK 621: 16.920.000 (CT DKG nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long)

Nợ TK 133: 1.692.000

Có TK 141 - A.Bắc: 18.612.000

Nợ TK 1111: 1.388.000

Có TK 141 - Anh Bắc: 1.388.000

+ Mua nguyên vật liệu chưa thanh toán tiền cho người bán

Ví dụ: Ngày 17/11 anh Bắc - đội xây lắp số 01 mua thép ống phi của công ty CP thép Tân Hưng chưa trả tiền cho người bán số tiền là :168.855.900 đồng.

Căn cứ vào HĐ số 0000056 (**Phụ lục 04**) kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 621: 168.855.900 (CT DKG nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long)

Nợ TK133: 16.885.590

Có TK 331: 185.741.490

- Quy trình ghi sổ kế toán

Hàng ngày, căn cứ vào toàn bộ chứng từ: Hợp đồng kinh tế, hoá đơn GTGT mua vật tư phát sinh trong tháng kế toán đội xây lắp lập Bảng tổng hợp chi tiết vật tư của từng công trình thi công.

Bảng tổng hợp chi tiết vật tư là chứng từ kê khai các vật tư mua và sử dụng phục vụ thi công công trình trong tháng của từng công trình, hạng mục công trình chi tiết từng đội xây lắp. Bảng tổng hợp vật tư - công trình DKG nhà thi đấu - KCN Thăng Long do đội xây lắp số 01 thực hiện (**Phụ lục 05**). Bảng tổng hợp vật tư ghi rõ tên công trình, đội xây lắp phụ trách thi công công trình, tên vật tư cùng khối lượng và đơn giá vật tư, giá trị từng loại vật tư sử dụng phục vụ cho công tác thi công công trình trong tháng đó:

Ví dụ: Giá trị vật tư mua về ngày 12/11/2016 phục vụ thi công công trình DKG nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long.

$$3.36 \text{ m} \times 2.000 \text{đồng/m} = 6.720.000 \text{ VNĐ}$$

Tương tự, kế toán đội tính được giá trị từng vật tư xuất dùng phục vụ thi công công trình, hạng mục công trình.

Cuối tháng, kế toán đội tập hợp Bảng tổng hợp chứng từ và các bộ chứng từ gốc (Hợp đồng kinh tế kèm theo Hóa đơn GTGT...) gửi lên phòng kế toán tài vụ của Công ty. Kế toán tổng hợp tiến hành phân loại, kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, phân loại theo các khoản mục chi phí rồi lập Bảng tổng hợp chi phí sản xuất cho từng công trình (**Phụ lục 06**) trình Kế toán trưởng và Giám đốc ký duyệt. Sau đó nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán.

Máy tự động đưa số liệu vào sổ kế toán liên quan: Nhật ký chung (**Phụ lục 07**), Sổ chi tiết TK 621 (**Phụ lục 08**), Sổ cái TK 621 (**Phụ lục 09**).

Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Khoản mục chi phí nhân công trực tiếp của công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An bao gồm những khoản chi phí phải trả cho lao động trực tiếp tham gia vào quá trình xây lắp gồm: Lương chính, lương phụ, các khoản phụ cấp và tiền thưởng mà công nhân viên trực tiếp trong danh sách của công ty được hưởng và lao động thuê ngoài. Quá trình hoạch toán chi phí nhân công trực tiếp của công trình nào thì được hoạch toán vào công trình đó.

Hiện nay lực lượng lao động trong công ty gồm 2 loại: Lao động trong danh sách và lao động ngoài danh sách (công nhân thuê ngoài)

+) Đối với lực lượng lao động trong danh sách.

Gồm công nhân trực tiếp sản xuất và lao động gián tiếp như nhân viên kỹ thuật, kế toán đội, bảo vệ, tạp vụ,...

Kế toán đội xây lắp hàng tháng lập Bảng thanh toán lương cán bộ công nhân viên trong biên chế (**Phụ lục 11b**) chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình rồi chuyển cho đội trưởng phụ trách kiểm tra, ký duyệt.

Trong Bảng thanh toán tiền lương của lao động trong danh sách của từng công trình (**Phụ lục 11b**) ghi rõ số lượng lao động với chức vụ, công việc phụ trách cũng như hệ số lương, hệ số phụ cấp, các khoản trừ vào lương... của từng lao động trực tiếp tham gia thi công công trình. Riêng lương của đội trưởng phụ trách quản lý đội xây lắp, kế toán đội không tính vào TK 622, mà công ty tiến hành ghi nhận vào TK 627.

Mức lương tối thiểu hiện nay của Công ty là 3.500.000 đồng/ tháng

$$\text{Thành tiền} = \text{Mức lương tối thiểu} \times (\text{hệ số lương} + \text{hệ số phụ cấp})$$

Các khoản trừ vào lương: BHXH = Tiền lương x 8%

$$\text{BHYT} = \text{Tiền lương} \times 1,5\%$$

$$\text{BHTN} = \text{Tiền lương} \times 1 \%$$

$$\text{Thực nhận} = \text{Thành tiền} - \text{Tổng các khoản trừ vào lương}$$

Ví dụ: Tham gia sản xuất công trình DKG nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long, có ông Nguyễn Văn Dũng làm công việc kỹ thuật trực tiếp theo dõi vật tư, với hệ số lương 2.67, hệ số phụ cấp 0

Lương của ông Dũng là: $3.500.000 \times 2,67 = 9.345.000$ VNĐ

Các khoản giảm trừ vào lương của ông Dũng hiện nay:

$$+ \text{BHXH} : 9.345.000 \times 8\% = 747.600 \text{ VNĐ}$$

$$+ \text{BHYT} : 9.345.000 \times 1,5\% = 140.175 \text{ VNĐ}$$

$$+ \text{BHTN} : 9.345.000 \times 1 \% = 93.450 \text{ VNĐ}$$

$$\text{Tổng số các khoản giảm trừ: } 981.225 \text{ VNĐ}$$

Số tiền ông Dũng còn được nhận: $9.345.000 - 981.225 = 8.363.775$ VNĐ

+ Đối với lao động ngoài danh sách (thuê ngoài).

Lao động thuê ngoài thường trả lương theo lương khoán. Lương khoán: Áp dụng với lao động đơn giản có tính chất đột xuất như thợ phụ, thợ điện, thợ

son... Mức lương được xác định theo khối lượng công việc trên cơ sở định mức. Đơn giá khoán được xác định căn cứ dự toán, thiết kế kỹ thuật công trình.

Hàng tháng, đối với lao động trực tiếp thi công công trình chủ yếu là lao động thuê ngoài, không thuộc công ty đội trưởng và đại diện tổ thợ thực hiện chấm công cho các thành viên trong tổ thợ thông qua Bảng chấm công ngày. Bảng chấm công theo dõi ngày công thực tế làm việc, nghỉ việc... để có căn cứ tính trả lương và quản lý lao động của từng công trình, hạng mục công trình thi công. Hàng tháng, kế toán đội căn cứ vào Bảng chấm công (**Phụ lục 10**) của các tổ, bộ phận thuê ngoài để lập Bảng thanh toán lương cho lao động thuê ngoài (**Phụ lục 11a**). Bảng thanh toán lương cho lao động thuê ngoài là chứng từ làm căn cứ để thanh toán lương cho người lao động, đồng thời là căn cứ để thống kê về lao động thuê ngoài, mức lương 1 ngày công, số ngày công của từng lao động (căn cứ theo số ngày công được tổng hợp trên Bảng chấm công), lương lãnh của từng lao động.

$$\text{Lương lĩnh} = \text{Lương ngày} \times \text{Số ngày công}$$

(Nguồn Thông tư 05/2016/TT-BTC)

Ví dụ: ông Đào Duy Cư trong tháng 11/2016 làm được 27 ngày công, với đơn giá 1 ngày công là 200.000đ, nên số lương tháng 4 của ông Đào Duy Cư là:

$$200.000 \times 27 \text{ ngày} = 5.400.000 \text{ đồng}$$

- Chứng từ, tài khoản kế toán sử dụng

+) Chứng từ kế toán: Hợp đồng lao động, hợp đồng giao khoán, bảng chấm công, bảng chia tiền lương sản phẩm và lương khoán, bảng thanh toán tiền lương, bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương, biên bản thanh lý hợp đồng giao khoán, biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.

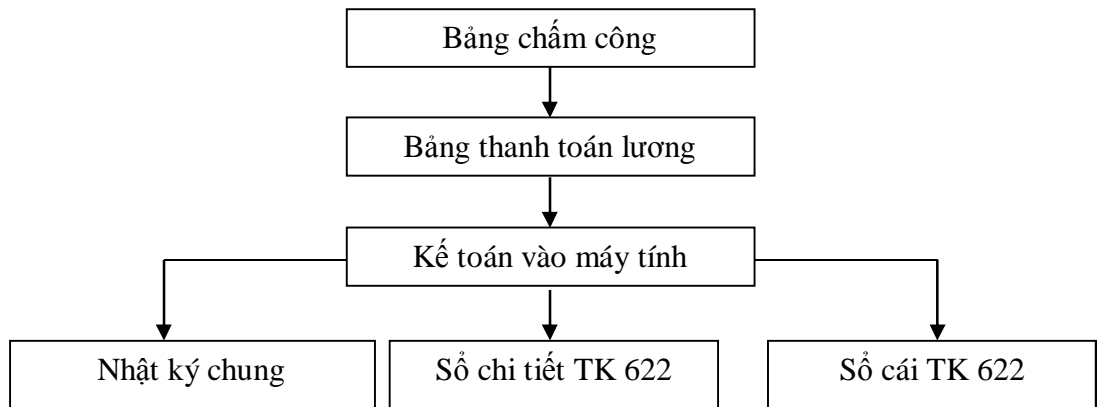
+ Tài khoản kế toán: TK 622 Phản ánh chi phí lao động trực tiếp tham gia vào quá trình hoạt động xây lắp. Nó bao gồm các khoản phải trả người lao động trực tiếp thuộc doanh nghiệp quản lý.

Ngoài ra còn sử dụng các tài khoản khác như TK334,TK111,...

TK622 có các tài khoản cấp chi tiết cho từng công trình hạng mục CT

Đối với công trình DKG nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long do đội xây lắp số 1 chịu trách nhiệm, kế toán mở chi tiết TK 622 - CTCT DKG nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long.

- **Quy trình hạch toán:** (Chi tiết cho từng CT, HMCT)



(Nguồn Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An)

Sơ đồ 3. 9: Quy trình hạch toán chi phí nhân công trực tiếp

- **Quy trình ghi sổ**

Để thuận lợi cho công tác tổng hợp chi phí sản xuất sản phẩm cuối kỳ của Công ty, kế toán đội sau khi hoàn thành việc lập các bảng thanh toán tiền lương phát sinh của đội mình trong tháng có nhiệm vụ tập hợp các Bảng thanh toán tiền lương đó làm căn cứ lập Bảng tổng hợp chi phí nhân công (**Phụ lục 11**) (theo mẫu chung của công ty) cho từng CT, HMCT của đội trong tháng. Trong đó, cột giá trị tiền lương của lao động thuê ngoài được lấy từ dòng tổng số của Bảng thanh toán lương đối với lao động thuê ngoài; cột tiền lương của

trong danh sách bằng tổng thành tiền phải trả cho người lao động trong Bảng thanh toán lương đối với cán bộ trong danh sách.

Cuối tháng, khi đã hoàn thành công việc của mình, kế toán đội chuyển Bảng tổng hợp chi phí nhân công (**Phụ lục 11**) chi tiết của từng công trình, hạng mục công trình kèm theo các chứng từ (Bảng chấm công, Bảng thanh toán lương cho lao động thuê ngoài, Bảng thanh toán lương của lao động trong danh sách) của đội lên phòng kế toán tài vụ của Công ty xin thanh quyết toán và tính vào chi phí công trình. Tại đây, kế toán có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý và tính hợp lệ của các chứng từ phát sinh trong tháng và lập Bảng tổng hợp chi phí nhân công của từng công trình (**Phụ lục 12**) của từng đội trình Kế toán trưởng và Giám đốc duyệt chi.

Chứng từ sau khi tiến hành kiểm tra xong, sẽ được chuyển cho kế toán tiền lương của Công ty. Kế toán tiền lương có nhiệm vụ căn cứ vào số liệu của các Bảng thanh toán tiền lương mà kế toán đội chuyển lên để tiến hành lập Phiếu chi, thủ tục thanh quyết toán gửi Kế toán trưởng trình Giám đốc ký duyệt. Thực hiện thanh toán cho đội trưởng đội xây lắp.

Đồng thời, căn cứ vào tập hợp các Bảng thanh toán lương của đội xây dựng, kế toán tiến hành nhập dữ liệu và in sổ sách theo quy định.

Sau đó, máy tự động đưa số liệu vào các sổ. Kế toán kiểm tra số liệu các sổ và in ấn theo thời gian quy định: Nhật ký chung (**Phụ lục 07**), Sổ kế toán chi tiết TK 622 (**Phụ lục 13**), Sổ cái TK622 (**Phụ lục 14**) của từng công trình, hạng mục công trình.

Chi phí sử dụng máy thi công

Có thể nói, chi phí sử dụng máy thi công là chi phí đặc thù của lĩnh vực này. Tuy nhiên, đối với ngành xây lắp, nhiều công việc đòi hỏi sự khéo léo,

trình độ kỹ thuật nhất định của người công nhân, mà không thể thay thế bằng máy móc được.

Phương thức thuê: Là thuê toàn bộ, bao gồm cả nhiên liệu, máy thi công và công nhân vận hành máy theo phương thức này hợp đồng thuê phải xác định rõ khối lượng công việc và tổng số tiền phải trả. Máy thi công thuê ngoài dùng cho công trình nào thì tập hợp trực tiếp cho công trình đó nên không phân bổ.

Khi có nhu cầu thuê máy phục vụ công trình, giám đốc đứng ra ký hợp đồng với bên cho thuê, trong đó phải nêu rõ thời gian thuê, tính thuế giá trị gia tăng, số tiền thuê máy, số tiền thuê nhân công và có chữ ký đầy đủ của các bên đi thuê. Đối với riêng công trình DKG nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long, công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An thực hiện việc thuê cầu lắp thiết bị của công ty cổ phần cơ khí xây dựng số 9.

Sau khi ký hợp đồng thuê máy thi công, bên đi thuê sẽ nhận được bảng báo giá do bên cho thuê gửi tới, dựa vào bảng báo giá này kế toán xác định giá trị thuê của mỗi loại cước cầu.

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế thuê máy như trên, khi có bảng quyết toán hợp đồng, căn cứ vào hoá đơn GTGT kế toán công ty tiến hành tổng hợp số liệu, phân loại chứng từ và định khoản các nghiệp vụ. Định kỳ, kế toán đội gửi bảng tổng hợp chi phí thuê máy thi công về phòng kế toán của công ty để vào sổ sách liên quan. Trích hoá đơn GTGT.

- Chứng từ và tài khoản kế toán

+) Chứng từ kế toán: Hóa đơn GTGT thuê máy thi công, giấy báo nợ, hợp đồng thuê máy.

+ Tài khoản kế toán TK 623: Chi phí sử dụng máy thi công tập hợp chi phí sử dụng máy thi công trực tiếp cho hoạt động xây lắp công trình.

TK623: được mở chi tiết đến tài khoản cấp 3 chi tiết cho từng công trình
- Quy trình hạch toán

Vì công ty áp dụng phương thức thuê là thuê toàn bộ, bao gồm cả nhiên liệu, máy thi công và công nhân vận hành máy theo phương thức này trong hợp đồng thuê phải xác định rõ khối lượng công việc và tổng số tiền phải trả. Máy thi công thuê ngoài dùng cho công trình nào thì tập hợp trực tiếp cho công trình đó nên không phân bổ.

Ví dụ: Ngày 30/11/2017, công ty có thuê 02 cước cầu của công ty cổ phần cơ khí xây dựng số 9 để cầu lắp thiết bị của công trình DKG nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long với tổng giá trị hợp đồng: 153.151.822 đồng. Giá chưa bao gồm thuế VAT. Chưa trả tiền cho người bán.

Kế toán hạch toán:

Nợ TK623: 153.151.822 (CTCT DKG nhà thi đấu - KCN Thăng Long)

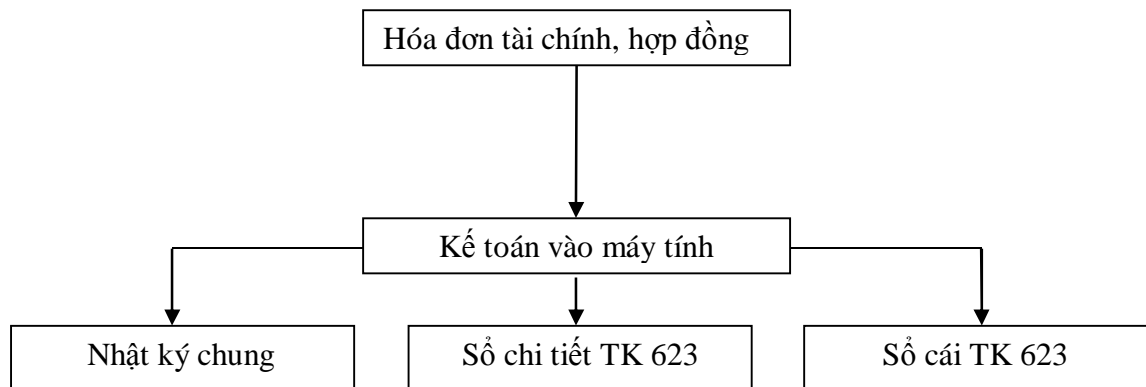
Nợ TK133: 15.315.182

Có TK331: 168.467.004

Cuối quý kết chuyển chi phí thuê ca máy sang chi phí sản xuất dở dang:

Nợ TK 154:153.151.822(CTCT DKG nhà thi đấu - KCN Thăng Long)

Có TK 623: 153.151.822(CT DKG nhà thi đấu - KCN Thăng Long)



(Nguồn Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An)

Sơ đồ 3. 10: Quy trình hạch toán chi phí máy thi công

- Quy trình ghi sổ kế toán

Công trình DKG nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long thi công có chi phí sử dụng máy thi công phát sinh tại công trình được thuê ngoài trọn gói. Khi thuê máy thi công, nhân viên kế toán đội xây lắp số 1 phải làm Hợp đồng thuê máy để thuê máy thi công (**Phụ lục 15**), hóa đơn tài chính (**Phụ lục 16**)

Đến khi hoàn thành công việc theo thoả thuận trong Hợp đồng thuê máy, hai bên tiến hành nghiệm thu xác nhận khối lượng công việc và làm Biên bản nghiệm thu thanh toán giá trị khối lượng công việc hoàn thành cùng Biên bản thanh lý hợp đồng thuê máy thi công.

Vào cuối mỗi tháng, nhằm phục vụ cho công tác kế toán chi phí thi công kế toán đội có trách nhiệm căn cứ vào Hợp đồng thuê máy, Biên bản thanh lý hợp đồng thuê máy, biên bản xác nhận khối lượng giao nhận và biên bản nghiệm thu lập Bảng tổng hợp chi phí sử dụng máy thi công (**Phụ lục 17**) trong tháng chi tiết cho từng công trình thi công.

Trong Bảng tổng hợp chi phí sử dụng máy thi công hàng tháng của từng công trình ghi rõ tên máy, ngày tháng sử dụng, khối lượng và đơn giá 1 giờ sử dụng để tính giá trị thực hiện công việc.

Kế toán đội sau khi lập xong Bảng tổng hợp chi phí sử dụng máy thi công (**Phụ lục 17**) cho công trình thi công có trách nhiệm tập hợp các chứng từ gốc (Hợp đồng thuê máy, Biên bản thanh lý hợp đồng) kèm Bảng tổng hợp gửi lên phòng kế toán tài vụ Công ty. Tại đây, kế toán công ty sau khi nhận được các chứng từ gốc và Bảng tổng hợp chi phí sử dụng máy thi công trong tháng của các công trình mà kế toán đội chuyển lên có trách nhiệm tiến hành kiểm tra và nhập liệu vào phần mềm.

Máy sẽ tự động đưa các số liệu vào các sổ kế toán. Kế toán tổng hợp có nhiệm vụ kiểm tra số liệu và in: Nhật ký chung (**Phụ lục 07**), Sổ chi tiết TK 623 (**Phụ lục 18**), Sổ cái TK 623 (**Phụ lục 19**) của từng công trình, hạng mục công trình.

Kế toán chi phí sản xuất chung

Để tiến hành hoạt động sản xuất một cách thuận lợi và đạt hiệu quả, ngoài các yếu tố cơ bản về nguyên vật liệu, lao động, máy thi công trực tiếp sản xuất... thực tế đòi hỏi phải tiêu hao một số yếu tố chi phí khác như: chi phí công cụ dụng cụ dùng cho quản lý, chi phí tiền điện, cước phí điện thoại, chi phí tiền lương cho nhân viên quản lý... Những khoản chi phí này tuy không trực tiếp tham gia cấu thành thực thể sản phẩm xây lắp nhưng lại có một vai trò khác rất quan trọng là giúp cho hoạt động sản xuất diễn ra nhịp nhàng, đều đặn. Đó chính là chi phí sản xuất chung.

Tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An, chi phí sản xuất chung bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý đội: Là tiền lương của cán bộ quản lý đội xây lắp- đội trưởng các đội xây lắp, các khoản trích theo lương của công nhân viên chức quản lý của đội xây lắp.

- Chi phí vật liệu: Gồm các khoản vật liệu phục vụ cho quản lý như văn phòng phẩm, bảo dưỡng TSCĐ dùng chung của đội,...

- Chi phí dụng cụ sản xuất: Bao gồm áo bảo hộ, cước xẻng, cốp pha, giàn giáo và công cụ dụng cụ thuộc đội xây dựng quản lý và sử dụng... Nếu công cụ dụng cụ có giá trị nhỏ như: Găng tay, giày, ủng, áo bảo hộ, cước xẻng...thì được phân bổ một lần vào chi phí sản xuất khi xuất dùng. Nếu công cụ, dụng cụ có giá trị lớn liên quan đến nhiều kì kế toán thì công ty dùng phương pháp phân bổ 50% hoặc phân bổ nhiều kỳ tùy theo thời gian sử dụng công cụ đó.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định: Là toàn bộ mức khấu hao trích cho tài sản cố định phục vụ thi công gồm chi phí khấu hao máy tính, phương tiện đi lại của các đội trưởng xây dựng...Hàng tháng, kế toán tài sản cố định tiến hành trích khấu hao cho các tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài và khác bằng tiền: Bao gồm chi phí về tiền điện, nước, điện thoại, các chi phí này gồm có chi phí tiếp khách, giao dịch, chi phí làm nhà tạm, lắp đặt điện thoại cho ban điều hành công trình...

Khi tập hợp chi phí sản xuất chung thì chi phí nào phát sinh trực tiếp cho công trình nào thì kế toán tiến hành kế toán trực tiếp cho công trình đó, còn các khoản chi phí phát sinh có liên quan đến nhiều công trình thì kế toán đội xây dựng tiến hành phân bổ cho các công trình theo chi phí nhân công trực tiếp. Hàng tháng, căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán đội lập bảng kê CPSXC.

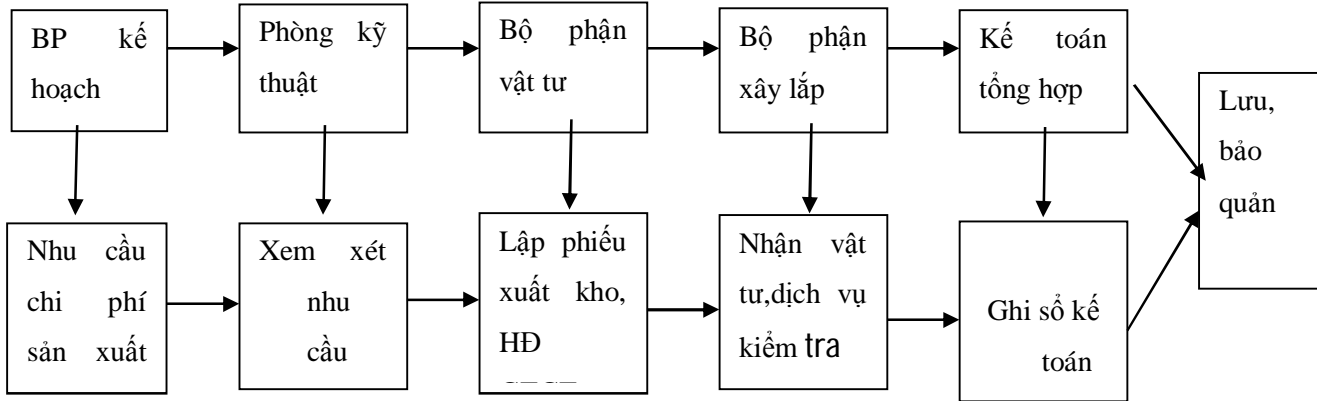
- Chứng từ và tài khoản sử dụng

+ Chứng từ sử dụng: Hóa đơn mua dịch vụ phục vụ sản xuất chung, bảng trích khấu hao TSCĐ quản lý đội, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy tạm ứng, phiếu xuất kho nguyên vật liệu, CCDC phục vụ đội thi công, các hóa đơn giá trị gia tăng, phiếu chi, bảng thanh toán tạm ứng cho chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

+ Tài khoản sử dụng: Đề hạch toán CPSXC kế toán sử dụng TK 627 - Chi phí sản xuất chung. Tài khoản này được mở chi tiết các tài khoản cấp 2:

- + TK 6271 : Chi phí nhân viên quản lý đội
- + TK 6272: Chi phí vật liệu
- + TK 6273: Chi phí công cụ, dụng cụ
- + TK 6274: Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6277: Chi phí dịch vụ mua ngoài và khác bằng tiền

- Trình tự luân chuyển chứng từ kế toán



(Nguồn Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An)

Sơ đồ 3. 11: Trình tự luân chuyển chứng từ chi phí sản xuất chung

- Quy trình hạch toán

Chi phí sản xuất chung phát sinh của công trình nào được tập hợp trực tiếp cho công trình, hạng mục công trình đó. Trường hợp chi phí sản xuất chung không thể tập hợp trực tiếp cho từng công trình thì chi phí sản xuất chung được phân bổ cho từng công trình, hạng mục công trình theo giá trị dự toán của các công trình, hạng mục công trình



(Nguồn Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An)

Sơ đồ 3. 12: Quy trình hạch toán chi phí sản xuất chung

+ Chi phí nhân viên quản lý đội: Căn cứ vào bảng chấm công, nhân viên thống kê đội tính lương và gửi lên phòng tổ chức lao động duyệt, kế toán tổng hợp sẽ tiến hành trích lương và các khoản trích theo lương của nhân viên phân xưởng.

+ Chi phí về nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ dùng cho quản lý sản xuất: Kế toán vật tư căn cứ vào phiếu xuất sẽ nhập dữ liệu vào máy giống như phiếu xuất vật tư cho sản xuất chính.

+ Chi phí khấu hao máy móc thiết bị sản xuất: Công ty được thực hiện dựa trên cơ sở đăng ký mức trích khấu hao ở Cục quản lý doanh nghiệp. Công ty đăng ký tổng số trích khấu hao trong năm cho các bộ phận quản lý doanh nghiệp và bộ phận sản xuất chung. Hiện nay, Công ty đang thực hiện trích khấu hao theo đúng chế độ, quy định hiện hành. Phương pháp tính khấu hao TSCĐ ở Công ty theo phương pháp khấu hao đường thẳng.

Công thức phân bổ cho từng công trình, HMCT như sau:

Ví dụ: Mức PB khấu hao phương tiện vận tải dùng cho công trình DKG nhà thi đấu đa năng – KCN Thăng Long được tính như sau:

$$\begin{aligned} & \text{Mức phân bổ KH} && 39.399.647 \\ & \text{phương tiện vận} && \\ & \text{tải cho CT DKG} &= & \frac{\quad}{6.817.748.096} \times 1.787.691.014 \\ & \text{nà thi đấu} && \\ & && = 10.340.135 \text{ (đồng)} \end{aligned}$$

(Nguồn Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An)

- Chi phí dịch vụ mua ngoài và khác bằng tiền: bao gồm chi phí về tiền điện, nước, điện thoại, các chi phí này gồm có chi phí tiếp khách, giao dịch, chi phí làm nhà tạm, lắp đặt điện thoại cho ban điều hành công trình...

Khi tập hợp chi phí sản xuất chung thì chi phí nào phát sinh trực tiếp cho công trình nào thì kế toán tiến hành kế toán trực tiếp cho công trình đó, còn các

khoản chi phí phát sinh có liên quan đến nhiều công trình thì kế toán đội xây dựng tiến hành phân bổ cho các công trình theo chi phí nhân công trực tiếp. Hàng tháng, căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán đội lập bảng kê chi phí sản xuất chung.

- Quy trình ghi sổ

Hàng tháng, căn cứ vào các chứng từ gốc (các hoá đơn GTGT, hoá đơn bán hàng của nhà cung cấp...) kế toán đội tập hợp chi phí sản xuất chung. Chi phí nào phát sinh trực tiếp cho công trình nào thì kế toán tiến hành kế toán trực tiếp cho công trình đó, còn các khoản chi phí phát sinh có liên quan đến nhiều công trình thì kế toán đội tiến hành lập Bảng phân bổ chi phí sản xuất chung Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương; Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ (**Phụ lục 20**); Bảng phân bổ điện nước điện thoại (**Phụ lục 21**). Kế toán đội phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng công trình theo chi phí nhân công trực tiếp trong tháng.

Kế toán đội, tập hợp Bảng phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng công trình, hạng mục công trình và các chứng từ (các hoá đơn GTGT, hoá đơn bán hàng của nhà cung cấp...) về phòng kế toán tài vụ Công ty.

Nhận được chứng từ, kế toán tổng hợp kiểm tra tính chính xác sẽ báo cáo và nhập liệu vào hệ thống phần mềm Sổ nhật ký chung (**Phụ lục 07**) Sổ chi tiết TK 627 (**Phụ lục 22**), Sổ cái TK627 (**Phụ lục 23**) của từng công trình

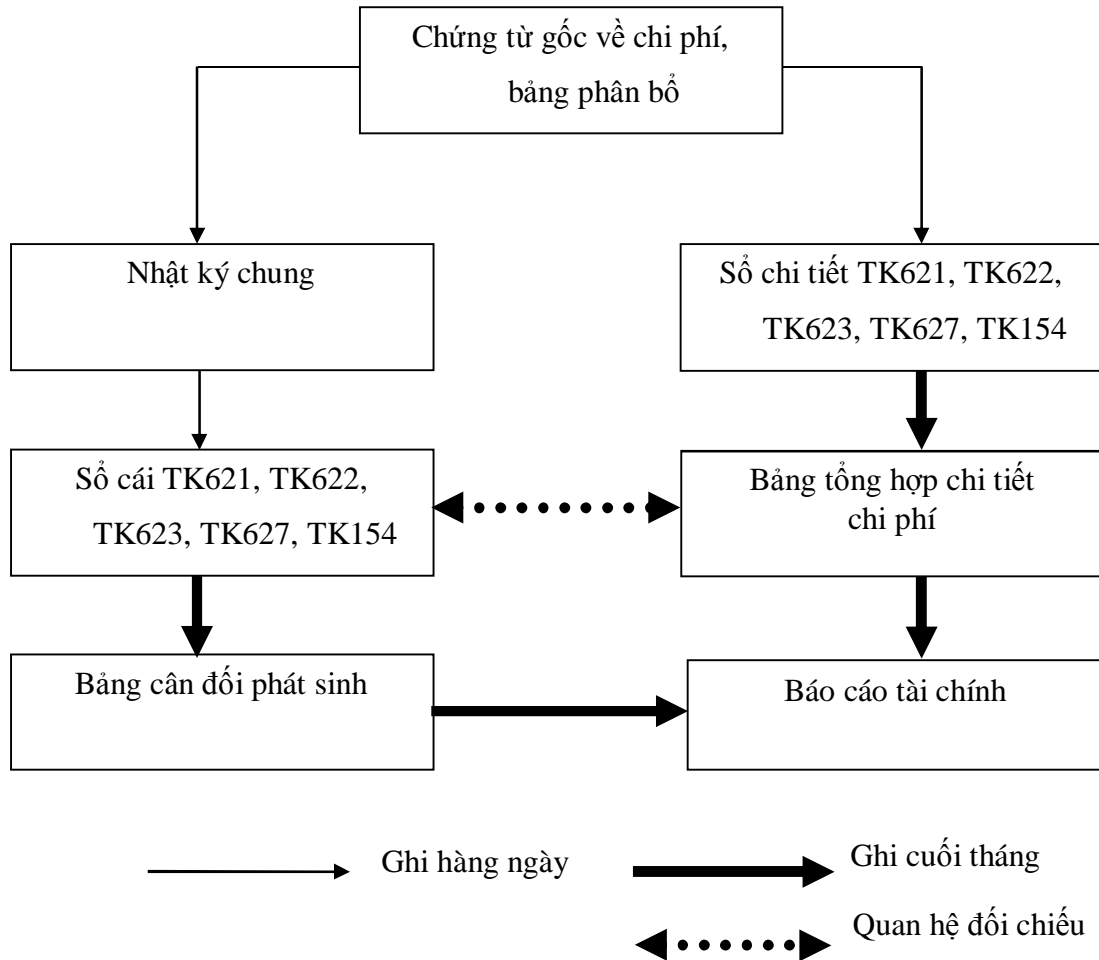
Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất

- Tài khoản sử dụng

Để tập hợp toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ, Công ty sử dụng TK 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và tài khoản này sử dụng cho từng công trình, hạng mục công trình

- Quy trình hạch toán

Toàn bộ chi phí NVLTT, chi phí NCTT, chi phí sử dụng MTC, chi phí SXC tập hợp được thì cuối kỳ phân bổ, kết chuyển vào bên Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.



(Nguồn Công ty TNHH Cơ khí chính xác Nam Trường An)

Sơ đồ 3. 13: Quy trình hạch toán chi phí toàn doanh nghiệp

Vào cuối quý, kế toán sau khi tập hợp các chi phí liên quan đến từng công trình, hạng mục công trình xây lắp sẽ tổng hợp chi phí thi công trong kỳ kết chuyển vào bên Nợ TK 154- “chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” chi tiết công trình, hạng mục công trình.

Căn cứ vào Nhật ký chung, kế toán tổng hợp các khoản mục chi phí phát sinh của từng công trình, hạng mục công trình vào Sổ cái TK 154 (**Phụ lục 24**),

đồng thời căn cứ vào chứng từ phát sinh kế toán vào sổ chi tiết TK 154 - được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình.

3.2.2. Thực trạng đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An

Đặc điểm thi công các công trình xây lắp là thời gian thi công dài, khối lượng lớn nên việc thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao được xác định theo khối lượng hoàn thành hoặc theo giai đoạn quy ước. Tùy theo hợp đồng và tiến độ thi công mà trong quý có thể thực hiện bàn giao khối lượng hoặc phần việc xây lắp hoàn thành. Chủ đầu tư và Công ty thống nhất nghiệm thu theo điểm dừng kỹ thuật của từng hạng mục công trình để thanh toán, theo các bước sau:

Bước 1 - nghiệm thu nội bộ: Phòng kế hoạch kỹ thuật chỉ huy công trường, đội xây lắp tổ chức nghiệm thu khối lượng thực tế đã hoàn thành làm cơ sở để thanh toán tiền công cho đội xây dựng và lập báo cáo nghiệm thu bước 2.

Bước 2 - nghiệm thu cơ sở: Do cán bộ giám sát kỹ thuật của Ban quản lý dự án nghiệm thu với Công ty hoặc Công ty tạm chấp nhận khối lượng hoàn thành 80% của bước 1 để lập báo cáo.

Bước 3 - nghiệm thu thanh toán của chủ đầu tư (bên A) theo giai đoạn điểm dừng kỹ thuật. Căn cứ vào bước nghiệm thu này công ty lập hồ sơ dự toán thanh toán giá trị xây lắp hoàn thành.

Bước 4 - nghiệm thu quyết toán đưa vào sử dụng

Việc xác định chi phí của khối lượng xây lắp dở dang và cuối kỳ được thực hiện thông qua giá trị khối lượng xây lắp dở dang theo dự toán. Để tiến hành xác định chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ của từng

công trình Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An sử dụng công thức tính sau:

$$\text{CP thực tế của khối lượng xây lắp DD cuối kỳ} = \frac{\text{CP thực tế của khối lượng xây lắp DDĐK} + \text{CP thực tế của khối lượng xây lắp DD phát sinh trong kỳ}}{\text{CP dự toán của khối lượng hoàn thành trong kỳ} + \text{CP dự toán của khối lượng xây DDCK}} \times \text{Giá trị dự toán của khối lượng xây lắp DDCK}$$

Trong đó:

$$\text{Giá trị dự toán của khối lượng XL DDCK} = \text{Giá trị dự toán của khối lượng XL DDĐK} + \text{Giá trị sản lượng thực hiện trong kỳ} - \text{Giá trị dự toán của KLXL hoàn thành bàn giao}$$

(Nguồn Công ty TNHH Cơ khí chính xác Nam Trường An)

Sau khi tập hợp chi phí phát sinh trong kỳ, và cuối mỗi quý các tổ đội, tiến hành kiểm kê và đánh giá sản phẩm dở dang cuối mỗi kỳ. Dựa vào biên bản nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành lập biên bản kiểm kê bán thành phẩm của các tổ đội đưa lên phòng kế toán **(Phụ lục 25)**.

Dựa vào phương án tài chính lập khi trúng thầu, kế toán căn cứ lấy giá trị của giai đoạn xây lắp hoàn thành trong kỳ theo dự toán và giá trị của giai đoạn xây lắp dở dang cuối kỳ theo dự toán, để đánh giá giá trị xây lắp dở dang cuối kỳ.

Giá trị sản phẩm dở dang cuối quý IV năm 2016 của công trình DKG nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long là: 1.511.750.930 (đồng).

Trong đó:

+ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: 953.612.019

+ Chi phí nhân công trực tiếp: 296.307.076

- + Chi phí máy thi công: 160.278.277
- + Chi phí sản xuất chung: 101.553.558

Phương pháp tính giá thành và quy trình tính giá thành SP

Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An áp dụng phương pháp tính giá thành giản đơn cho các giai đoạn xây lắp hoàn thành. Toàn bộ chi phí thực tế phát sinh của từng công trình, hạng mục công trình từ khi khởi công đến từng giai đoạn bàn giao chính là giá thành thực tế của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ.

Giá thành khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{cccc} \text{Giá thành thực tế} & \text{Chi phí thực} & \text{Chi phí KLXL} & \text{Chi phí thực} \\ \text{KLXL hoàn thành} & = & \text{tế KLXL dở} & + \text{phát sinh} - \text{tế KLXL dở} \\ \text{bàn giao trong kỳ} & & \text{đang đầu kỳ} & \text{trong kỳ} & \text{đang cuối kỳ} \end{array}$$

(Nguồn Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An)

Cuối quý, cuối niên độ, kế toán tổng hợp lấy số liệu trên sổ cái từng công trình để lập sổ tổng hợp chi phí thi công toàn đơn vị. Qua sổ này công ty có thể theo dõi đánh giá toàn bộ chi phí sản xuất trong kỳ đã bỏ ra.

Quy trình tính thành sản phẩm.

Giá trị thực tế của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong quý IV năm 2016 được tính như sau:

$$= 0 + 5.019.173.578 - 1.793.718.710 = 3.225.454.868 \text{ (đồng)}$$

Giá thành công trình hoàn thành trong quý IV/2016 công trình DKG nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long thể hiện trong bảng tính giá thành sản phẩm xây lắp (**Phụ lục 26**).

3.3. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An dưới góc độ kế toán quản trị.

3.3.1 Định mức chi phí và hệ thống dự toán

-) Định mức chi phí

Hệ thống định mức chi phí sản xuất được Công ty xây dựng dựa trên các định mức kỹ thuật do Bộ Xây dựng ban hành như:

Định mức xây dựng theo quyết định số 588/QĐ-BXD ngày 29/05/2014

Định mức lắp đặt theo quyết định số 587/QĐ-BXD ngày 29/05/2014

Định mức dự toán phần sửa chữa theo quyết định số 1129/QĐ-BXD ngày 07/12/2009

Đây là tài liệu quan trọng để xây dựng kế hoạch, lập dự toán và hoạch định chiến lược phát triển, tăng cường sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

Trên cơ sở định mức do Bộ Xây dựng ban hành kết hợp với quá trình thi công thực tế công ty đã ban hành hệ thống định mức bao gồm các nội dung:

Định mức chi phí vật liệu;

Định mức chi phí nhân công;

Định mức chi phí máy thi công;

Định mức chi phí khác.

Định mức công ty ban hành mang tính chất nội bộ, chủ yếu dùng để kiểm soát chi phí hoạt động xây lắp và khoán cho các đội thi công.

-) Hệ thống dự toán

Hiện nay, Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An lập dự toán xây dựng công trình căn cứ vào thông tư số theo Thông tư 06/2016/TT- BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn việc lập và quản lý chi phí đầu tư

xây lắp công trình.

Sau khi nhận hợp đồng, Công ty tiến hành lập dự toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Trên cơ sở bản thiết kế, căn cứ vào định mức kinh tế kỹ thuật do Nhà nước ban hành và thông báo giá phòng Kế hoạch kỹ thuật sẽ bóc tách từng nội dung công việc và lập dự toán chi tiết cho từng công việc đó. Dựa trên cơ sở dự toán chi tiết cho từng nội dung công việc thì bộ phận kế toán chi phí sẽ lên bảng tổng hợp chi phí sản xuất và giá thành xây lắp cho công trình, hạng mục công trình theo khoản mục chi phí, gồm dự toán: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp; Chi phí nhân công trực tiếp; Chi phí sử dụng máy thi công; Chi phí sản xuất chung và Giá thành công trình. Kết quả tính toán sẽ cho chúng ta 3 bảng tính toán quan trọng sau:

- Bảng phân tích đơn giá chi tiết: Là bảng mà đơn giá chi tiết của từng đầu mục công việc và được tính cho một đơn vị khối lượng ví dụ đầu mục ghép nối thép hình liên kết hàn mỗi sẽ có một loạt công việc liên quan (**Phụ lục 27**)

- Bảng dự toán chi tiết: Từ phân tích đơn giá chi tiết ta sẽ có bảng dự toán chi tiết cho từng công trình hạng mục công trình (**Phụ lục 28**)

- Bảng tổng hợp kinh phí dự toán trong bảng này dự toán sẽ chỉ rõ khi xây dựng công trình chi phí cho phần vật liệu, nhân công và các chi phí khác là bao nhiêu, đây là kết quả dự toán cuối cùng có độ chính xác cao, sai số nhỏ hơn 5% cho việc định giá một công trình (**Phụ lục 29**)

Bảng 3. 2: Dự toán chi phí xây dựng*(Theo thông tư số 06/2016/TT- BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng)*

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			
1	<i>Chi phí vật liệu</i>	VL	A	
	+ Theo đơn giá trực tiếp	A1	Bảng dự toán hạng mục	
	+ Chênh lệch vật liệu	CL	Theo bảng bù giá	
	Cộng	A	A1 + CL	
2	<i>Chi phí Nhân công</i>	NC	B	
	+ Theo đơn giá trực tiếp	B1	Bảng dự toán hạng mục	
	+ Chênh lệch nhân công	CLNC	Theo bảng bù giá	
	Cộng	B	B1 + CLNC	
3	<i>Chi phí Máy thi công</i>	M	C	
	+ Theo đơn giá trực tiếp	C1	Bảng dự toán hạng mục	
	+ Chênh lệch Máy thi công	CLMay	Theo bảng bù giá	
	Cộng	C	C1 + CLMay	
	<i>Cộng chi phí trực tiếp</i>	T	VL + NC + M	
II	CHI PHÍ CHUNG	C	T x 6,5%	
	Giá trị dự toán xây lắp	Z	T+C	

Giá trị xây lắp công trình được xác định trên cơ sở dự toán công trình, hạng mục công trình, tổng dự toán công trình và khối lượng công việc hoàn thành. Tổng dự toán công trình bao gồm các khoản chi phí: chi phí xây lắp, chi phí mua sắm trang thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí dự phòng.

3.3.2. Trung tâm chi phí

Trung tâm chi phí: Là trung tâm chịu trách nhiệm về chi phí đầu vào của công ty, mục tiêu của trung tâm là tối thiểu hóa chi phí. Đầu vào của trung tâm là các chỉ tiêu phản ánh các yếu tố sản xuất như nguyên vật liệu, nhân công, chi phí chung và có thể đo được bằng nhiều cách khác nhau. Để xác định đầu ra của trung tâm chi phí dựa vào các chỉ tiêu phản ánh kết quả sản xuất kinh

doanh như số lượng, chất lượng sản phẩm và các chỉ tiêu phản ánh chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm công ty.

Trung tâm chi phí chính là các đội thi công và các phòng quản lý, các đội thi công có nhiệm vụ thi công đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, tiết kiệm chi phí, phải lập đầy đủ các báo cáo về chi phí như báo cáo tình hình sử dụng vật tư, báo cáo biến động chi phí....Tại các phòng quản lý có trách nhiệm quản lý các đội, lập dự toán sát với thực tế, theo dõi sát sao về tiến độ, chất lượng công trình, kiểm tra tính đúng đắn của các khoản mục chi phí phát sinh. Nếu có sai sót ở đâu thì bộ phận đó phải chịu trách nhiệm đồng thời bộ phận quản lý cũng phải chịu trách nhiệm về năng lực quản lý của mình. Việc phân công nhiệm vụ rõ ràng, xử lý nghiêm các sai sót giúp các trung tâm chi phí vừa thực hiện tốt công việc của mình vừa giám sát hoạt động của trung tâm trách nhiệm khác đem lại hiệu quả cho công tác quản lý.

3.3.3. Báo cáo kế toán quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty

Định kỳ, cuối mỗi quý, kế toán phải tổng hợp, lập và gửi các báo cáo về chi phí sản xuất và tính giá thành cho Giám đốc, bao gồm:

- Báo cáo tiến độ thi công: Nội dung báo cáo các hạng mục công việc đã thực hiện và những vướng mắc cần giải quyết, báo cáo này do đội trưởng lập và được thực hiện chi tiết cho từng công trình. Qua báo cáo này lãnh đạo công ty có thể nắm bắt được tiến độ thi công thực tế tại công trường từ đó đề đưa ra phương hướng chỉ đạo cụ thể giúp công trình thi công đảm bảo tiến độ.

- Báo cáo Chi phí sản xuất của các công trình: Nội dung của báo cáo này cho nhà quản trị biết chi phí sản xuất của công trình, hạng mục công trình đến thời điểm hiện tại là bao nhiêu. Cụ thể chi phí Nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí chung là bao nhiêu có vượt dự toán không...Báo cáo này do kế

toán lập định kỳ hàng tháng và đột xuất khi có yêu cầu của ban Giám đốc
(Bảng 3.2)

BẢNG 3.3 BÁO CÁO CHI PHÍ SẢN XUẤT

Công trình DKG nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long

Yếu tố chi phí	Số tiền
I - Chi phí trực tiếp	4.734.970.593
1. Chi phí nguyên vật liệu	3.348.779.941
2. Chi phí nhân công	987.691.014
3. Chi phí máy thi công	534.261.327
II- Chi phí chung	338.512.117
Tổng cộng	5.073.482.710

- Báo cáo giá thành sản xuất của các công trình, hạng mục công trình:
Báo cáo này phản ánh giá thành sản xuất của các công trình, hạng mục công trình. Qua báo cáo này lãnh đạo công ty có thể biết được công trình đó lãi hay lỗ và có hiệu quả kinh tế như thế nào từ đó để có phương hướng điều chỉnh chi phí và điều chỉnh giá đấu thầu cho phù hợp. Báo cáo này do kế toán giá thành lập theo định kỳ theo quý và khi có yêu cầu của lãnh đạo công ty.

– 3.3.4. Thu thập và phân tích thông tin ra quyết định

Việc thu thập và phân tích thông tin về các yếu tố chi phí càng đóng vai trò quan trọng để cung cấp các thông tin cần thiết cho ban giám đốc đưa ra quyết định.

Tại Công ty, các chứng từ ban đầu được tập hợp chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình tại các tổ đội thi công.

Tại tổ đội thi công: Thu thập toàn bộ chứng từ phát sinh tại đội phục vụ việc hạch toán chi phí sản xuất cho từng công trình và hạng mục công trình, kiểm tra, phân loại ban đầu về các chi phí sản xuất kinh doanh cho từng công trình, hạng mục công trình và chuyển về phòng kế toán để xử lý, ghi sổ và lập báo cáo

Tại phòng kế toán của Công ty: Kiểm tra chứng từ các đội gửi lên đã hợp lý chưa, các chứng từ có liên quan đến công nợ phải thu, phải trả nội bộ, tình hình thanh toán đối với từng công trình hạng mục công trình cụ thể.

- Thu nhập, phân loại thông tin trên hệ thống tài khoản kế toán:

Tại Công ty, mỗi nhân viên kế toán đều có vai trò vừa là kế toán tài chính, vừa là kế toán quản trị. Kế toán quản trị sử dụng các tài khoản chi tiết được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình. Do doanh nghiệp xử lý thông tin bằng các chương trình phần mềm nên hệ thống tài khoản chi tiết cho các công trình sẽ được mã hóa chi tiết theo quy luật nhất định để tiện lợi cho hạch toán và quản lý, hệ thống được các thông tin theo yêu cầu quản lý doanh nghiệp.

Tại phòng kế toán Công ty: Có trách nhiệm tổ chức hạch toán tổng hợp, chi tiết toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh và tính giá thành sản phẩm hoàn thành bàn giao, kế toán tiến hành mở TK154, TK 632 chi tiết từng công trình, hạng mục công trình và chi tiết từng tổ đội thi công, đồng thời, đơn vị giao khoán mở TK 1412 - Tạm ứng chi phí xây lắp giao khoán cho từng tổ, đội chi tiết cho từng đơn vị thi công.

Ghi nhận thông tin trên hệ thống sổ kế toán quản trị:

Tại Công ty, hệ thống sổ kế toán gồm hai loại sổ:

+ Sổ kế toán tổng hợp: Ghi chép phản ánh các chỉ tiêu kinh tế tài chính của doanh nghiệp ở dạng tổng quát.

+ Sổ kế toán chi tiết: Ghi chép chi tiết, cụ thể số liệu được ghi ở sổ kế toán tổng hợp nhằm hệ thống hóa thông tin kế toán cụ thể theo từng công trình, hạng mục công trình, theo từng bộ phận, theo từng tổ đội thi công phục vụ cho công tác quản trị doanh nghiệp. Tuy nhiên hệ thống sổ chi tiết phục vụ kế toán quản trị còn sơ sài, thiếu thông tin mang tính chất so sánh, ví dụ sổ chi tiết Chi phí Nguyên vật liệu ở cột đơn giá không có chỉ tiêu Dự toán và Thực tế và cũng không có chỉ tiêu chênh lệch vì vậy các thông tin cung cấp không mang tính chất so sánh được (không so sánh được đơn giá thực tế và đơn giá dự toán). Trong sổ chi tiết Chi phí nhân công thực tế cũng không có thông tin so sánh giữa giá thực tế và giá dự toán, các chi phí chỉ hạch toán chung vào TK 622 chưa phân loại biến phí, định phí, chi phí hỗn hợp...

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm đóng một vai trò quan trọng trong hoạt động của mỗi doanh nghiệp.

Trong chương này phần đầu tác giả đã nêu khái quát chung về Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An từ lịch sử hình thành, phát triển đến những kết quả đạt được trong thời gian qua và đặc điểm tổ chức quản lý tại Công ty. Tiếp theo đó, tác giả trình bày hết sức rõ ràng và cụ thể về thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty: Bộ máy kế toán, thực trạng kế toán chi phí sản xuất, tổng hợp chi phí sản xuất, kiểm kê, đánh giá giá trị sản phẩm dở dang và các phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Với thông tin có được từ việc nghiên cứu thực trạng tại Công ty, và nghiên cứu lý thuyết, tác giả xin được bàn tới một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.

CHƯƠNG 4

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHÍNH XÁC NAM TRƯỜNG AN

4.1 Đánh giá chung về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An

4.1.1 Ưu điểm

- *Về công tác tổ chức bộ máy kế toán:* Phòng kế toán được bố trí khá gọn nhẹ hợp lý. Tuy ít người nhưng với tinh thần trách nhiệm và trình độ chuyên môn cao, cộng với sự trợ giúp của máy vi tính họ vẫn đảm đương một khối lượng rất lớn, phát sinh với mật độ dày đặc. Mỗi người đảm nhận một công việc nhất định không chồng chéo lên nhau và cũng không tập chung quá nặng vào một người, đã tạo nên sự phối hợp nhịp nhàng trong công việc.

- *Về hình thức kế toán được lựa chọn và áp dụng:* Hình thức kế toán được áp dụng tại công ty là hình thức Nhật ký chung. Việc lựa chọn hình thức này rất chính xác và khoa học, phù hợp với đặc điểm thực tế của công ty là công việc nhiều, số lượng cán bộ kế toán không nhiều và thực hiện công nghệ hoá công tác kế toán. Theo hình thức kế toán này, công ty đã mở một hệ thống sổ sách kế toán nói chung là đầy đủ.

- *Về hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:* Công ty thực hiện khá đầy đủ các quy định về việc tập hợp chi phí NVLTT cho từng CT, HMCT. Các chứng từ đều được tập hợp riêng cho từng công trình và hạng mục công trình ở các đội xây lắp trước khi giao cho phòng tài chính-kế toán, kế toán chi tiết tài khoản 621 theo từng công trình, hạng mục công trình để hạch toán

CPNVLTT, giúp thuận tiện trong việc tập hợp chi phí cho từng đối tượng cũng như kiểm tra đối chiếu và phục vụ công tác quản trị hiệu quả hơn.

- *Về hạch toán chi phí nhân công trực tiếp:* Chi phí nhân công trực tiếp được tập hợp riêng cho từng công trình, hạng mục công trình thuận tiện cho việc tập hợp chi phí và quản trị doanh nghiệp. Công ty có nguồn lao động là: Lao động trong danh sách của công ty và lao động đi thuê phù hợp khi thi công các công trình ở xa, góp phần giảm chi phí nhân công như chi phí vận chuyển nhân công.

- *Về hạch toán chi phí sử dụng máy thi công:* Chi phí sử dụng máy thi công cũng được tập hợp riêng cho từng công trình, hạng mục công trình. Đặc biệt 100% máy thi công của công ty là đi thuê tạo được sự linh hoạt khi điều động máy thi công, đối với các công trình ở xa thi việc này giúp giảm chi phí điều động máy thi công.

- *Về hạch toán chi phí sản xuất chung:* Công ty cũng tập hợp riêng chi phí sản xuất chung cho từng công trình, hạng mục công trình, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý và hạch toán chi phí chính xác và hiệu quả.

- *Về công tác hoạch toán kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm:*

+ Công tác kế toán tập hợp CPSX và tính GTSP tại Công ty đã hạch toán chi phí cho từng CT, HMCT một cách rõ ràng phục vụ tốt cho yêu cầu quản lý chi phí và hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty. Công ty chấp hành đầy đủ các chính sách, chế độ do Nhà nước ban hành. Việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được thực hiện trên hệ thống sổ sách kế toán phù hợp nhờ đó mà công tác kế toán CPSX và tính GTSP ở Công ty đã góp phần trong việc đảm bảo hoạt động sản xuất - kinh doanh ở Công ty đạt hiệu quả cao.

+ Việc thực hiện kế toán CPSX và tính GTSP theo phương pháp KCTX cho phép Công ty có thể kiểm soát được từng lần nhập, xuất vật tư, hạn chế

tình trạng thất thoát, sử dụng lãng phí. Sản phẩm xây lắp thường có kết cấu phức tạp, giá trị lớn, thời gian thi công kéo dài, tình hình nhập, xuất NVL được phản ánh thường xuyên, kịp thời theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh cho phép tính đúng, tính đủ CPSX cho từng đối tượng liên quan, giúp cho nhà quản trị nắm bắt được tình hình sử dụng các loại NVL một cách chính xác từ đó có quyết định đúng đắn, kịp thời thúc đẩy hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty. Kế toán chi phí nhân công tương đối rõ ràng đảm bảo nguyên tắc "Làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít". Góp phần vào việc sử dụng hợp lý lao động và nâng cao năng suất lao động. Việc áp dụng hình thức trả lương theo thời gian kết hợp với trả lương theo sản phẩm đã tạo điều kiện gắn kết hợp lợi ích vật chất của người lao động và tiến độ thi công xây lắp.

+ Bộ phận kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm luôn chủ động sáng tạo. Luôn cố gắng tìm ra biện pháp quản lý chi phí. Phương pháp tập hợp các tiêu thức phân bổ chi phí nhằm có được kết quả công việc cao nhất, số liệu thông tin kế toán cung cấp là chung thực khách quan nhất.

Việc xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là toàn bộ quá trình xây lắp công trình kỳ tính giá thành theo quý là khá hợp lý và phù hợp với điều kiện và đặc thù riêng của ngành xây lắp. Việc đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ là phù hợp với nhu cầu đặc điểm của doanh nghiệp.

4.1.2 Nhược điểm

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được trong công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An công tác kế toán còn một số hạn chế. Thể hiện ở các khía cạnh sau:

4.1.2.1 Dưới góc độ tài chính

Dưới góc độ kế toán tài chính, việc phân loại chi phí sản xuất của Công ty đã hoàn thiện, phù hợp với đối tượng tổng hợp chi phí sản xuất, đối tượng

tính giá thành sản phẩm xây lắp của công ty. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế trong công tác kế toán như:

- Thứ nhất tồn tại trong công tác luân chuyển chứng từ

Mặt hạn chế trên góc độ về tốc độ luân chuyển chứng từ tại Công ty hiện nay còn chậm. Việc kế toán ở các đội xây lắp gửi chứng từ cùng với bảng tổng hợp chi phí sản xuất của từng công trình, hạng mục công trình về phòng kế toán tài vụ vào cuối tháng. Nên công việc của phòng kế toán tài vụ tập trung dồn vào cuối tháng, khiến công việc kế toán không được dàn đều trong tháng. Việc tổng hợp, xử lý số liệu vào cuối tháng rất lớn trong khi kế toán các đội xây lắp gửi chứng từ muộn, làm cho việc lập báo cáo kế toán quản trị, báo cáo kế toán tài chính để cung cấp thông tin bị chậm trễ. Mặt khác, gây sức ép và cản trở cho công tác kế toán, có thể dẫn đến những sai sót không đáng có trong công tác kế toán.

- Thứ hai về hạch toán kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là một khoản mục chi phí rất quan trọng, chiếm tỉ trọng rất lớn trong tổng giá thành sản phẩm xây lắp tuy nhiên đây cũng là một trong những loại chi phí khó kiểm soát nhất trong các công ty xây lắp. Với hình thức khoán gọn cho đội xây lắp giúp các đội chủ động thực hiện thi công công trình. Tuy nhiên, điều này đã gây không ít hạn chế trong công tác quản lý, giám sát việc sử dụng và kiểm soát chi phí nguyên vật liệu.

Mặt khác, khi công trình hoàn thành số vật liệu còn lại tại các công trình do chưa sử dụng hết, phế liệu thu hồi cũng không được đảm bảo điều này làm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thực tế phát sinh trong kì không phản ánh được đúng thực tế.

- Thứ ba về hạch toán kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Lực lượng trong công ty tham gia thi công các công trình, hạng mục công trình bao gồm: Lao động trong danh sách của công ty và lao động thuê ngoài trực tiếp tham gia thi công công trình. Với hình thức trả lương lao động thuê ngoài theo phương pháp khoán lương tháng. Căn cứ số ngày công và đơn giá một ngày công để thanh toán cho người lao động nên còn chưa đảm bảo việc thực hiện tiến độ công việc một cách kịp thời, dễ gây tình trạng kéo dài thời gian.

- Thứ tư về việc hạch toán các khoản thiệt hại trong xây lắp.

Đặc điểm hoạt động xây lắp chịu ảnh hưởng của yếu tố như thời tiết, trình độ công nhân, cán bộ kỹ thuật, quá trình giám sát không chặt chẽ,... nên việc thi công gặp khó khăn gây ngừng sản xuất hay tạo ra những sản phẩm không phù hợp, phải sửa chữa. Đây là thiệt hại trong sản xuất làm phát sinh chi phí, dẫn tới tăng giá thành công trình nhưng công ty lại không theo dõi và xử lý khoản thiệt hại này. Ví dụ Công trình thi công lắp đặt DKG tại nhà thi đấu ở Cửa Lò tỉnh Nghệ An, công ty đã thi công được một nửa công việc thì gặp bão, một số khung chưa được nghiệm thu bị đổ. Công ty phải tiến hành dựng lại khung, chi phí cho việc thực hiện lại các công việc này kế toán tập hợp luôn vào chi phí của công trình vì vậy giá vốn công trình đội lên một khoản khá lớn

4.1.2.2. Dưới góc độ kế toán quản trị

Tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An, mặc dù bộ máy kế toán có nhiều ưu điểm nhưng nó chỉ phù hợp và phục vụ cho công tác kế toán tài chính, còn đối với kế toán quản trị ở công ty chưa đề cao.

Thứ nhất về hệ thống tài khoản và sổ sách kế toán

Tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An hệ thống tài khoản kế toán mới chỉ dừng lại ở việc ghi chi tiết tập hợp số liệu thông tin

về quá trình thực hiện và phục vụ cho việc theo dõi chi phí giá thành theo từng công trình, chưa phục vụ cho công tác phân tích đánh giá trong kế toán quản trị.

Sổ sách kế toán tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An chỉ dừng lại phục vụ cho nhu cầu kế toán tài chính chưa phục vụ cho nhu cầu kế toán quản trị.

Thứ hai về việc phân loại chi phí

Việc phân loại chi phí trong công ty mới chỉ dừng lại ở cách phân loại theo khoản mục chi phí và theo yếu tố chi phí. Cả hai cách phân loại này chỉ phục vụ cho công tác quản lý chi phí trong kế toán tài chính, chưa phân loại chi phí phục vụ cho kế toán quản trị chẳng hạn: Phân loại theo cách ứng xử chi phí, theo thẩm quyền ra quyết định...

Thứ ba hệ thống báo cáo chi phí sản xuất tại công ty

Hiện nay các báo cáo chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm xây lắp ở Công ty còn rất sơ sài thể hiện ở việc chỉ có báo cáo tổng hợp chi phí sản xuất của tất cả các công trình trong kỳ, trong khi đó báo cáo về từng hạng mục công trình cụ thể chưa có, chưa làm rõ được trách nhiệm của các cấp quản trị (báo cáo trách nhiệm), chưa làm rõ các trung tâm quản lý từ đó rất khó cho công tác phân tích, xử lý, sử dụng ra quyết định đặc biệt là khó thực hiện việc phân tích mối quan hệ giữa chi phí – khối lượng – lợi nhuận.

Thứ tư về tổ chức thu nhận thông tin

Để phục vụ cho yêu cầu cung cấp thông tin của nhà quản trị doanh nghiệp, nhiều thông tin mang tính chất nội bộ, có tính chất chi tiết cụ thể không phản ánh trên chứng từ kế toán bắt buộc, do đó công ty cần xây dựng mẫu chứng từ kế toán riêng cho đơn vị. Hiện nay các chứng từ nội bộ do doanh nghiệp tự thiết kế mới chỉ dừng lại ở các bảng kê, bảng tổng hợp chi

phí để có số liệu tổng hợp phục vụ cho công tác ghi sổ của kế toán tài chính chưa có các chứng từ phục vụ thu nhận thông tin phục vụ yêu cầu phân tích trong kế toán quản trị.

Công ty chưa coi trọng việc phân tích chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của từng công trình, hạng mục công trình để từ đó tìm ra nguyên nhân vượt, hụt chi phí so với dự toán nhằm kiểm soát được chi phí hiệu quả hơn.

4.2. Các yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An

4.2.1. Các yêu cầu hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm luôn giữ vai trò quan trọng trong toàn bộ công tác kế toán doanh nghiệp. Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An có ý nghĩa quan trọng trọng việc kiểm soát chi phí giữ được chất lượng sản phẩm đồng thời hạ giá thành, tăng cường năng lực cạnh tranh của công ty. Điều này đòi hỏi việc hoàn thiện kế toán CP và tính giá thành SP phải đạt được những yêu cầu cơ bản sau:

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải đảm bảo phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất và trình độ quản lý của doanh nghiệp trong điều kiện nền kinh tế mở hiện nay.

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp phải đảm bảo đúng với quy định với chuẩn mực, chế độ kế toán, các thông tư nghị định hướng dẫn.

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, giúp cho kế toán thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, phát huy tốt vai trò, tác dụng của kế toán, chi phí công trình phải được hạch toán chính xác, kịp thời và tiết kiệm nhất giúp cho công tác quản lý vốn của các đơn vị hiệu quả.

Để đảm bảo tính thống nhất, các doanh nghiệp xây lắp thực hiện việc hạch toán chi phí vào giá thành công tác xây lắp theo quy định chung của chế độ kế toán tài chính và chế độ tài chính hiện hành.

Theo chế độ quy định hiện nay, chỉ tính vào công tác sản phẩm xây lắp những chi phí cơ bản trực tiếp (chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công) và chi phí sản xuất chung.

Những khoản chi phí khác, chi phí đầu tư, chi phí hoạt động tài chính... không được hạch toán vào chi phí sản xuất và không được tính giá thành. Việc hạch toán chi phí vào giá thành công tác xây lắp có ý nghĩa trong việc tính đúng và hợp lý chi phí sản xuất vào giá thành sản phẩm cũng như đảm bảo tính nhất quán trong kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của doanh nghiệp xây lắp cũng như các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế quốc dân.

Bên cạnh đó kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp sẽ cung cấp thông tin để quản trị chi phí của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện nội dung tổ chức kế toán quản trị chi phí tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An phải phù hợp với chính sách quản lý tài chính đã ban hành để đảm bảo tính hiệu lực của chúng. Đây là yêu cầu bắt buộc khi doanh nghiệp hoạt động trong một môi trường pháp luật cụ thể. Yêu cầu này nhằm đáp ứng nhu cầu quản lý tài chính thống nhất của nhà nước, cung cấp thông tin kinh tế, tài chính chính xác, trung thực cho các đối tượng sử dụng thông tin.

- Hoàn thiện nội dung tổ chức kế toán quản trị chi phí phải đi đôi với hoàn thiện cơ chế quản lý của doanh nghiệp xây lắp trong điều kiện mới.

- Thông tin kế toán quản trị chi phí cần đáp ứng yêu cầu kiểm tra và đánh giá. Việc kiểm tra nhằm kiểm soát các hoạt động của toàn đơn vị và của từng lĩnh vực kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực của đơn vị.

- Hoàn thiện nội dung tổ chức kế toán quản trị chi phí phải đảm bảo tính khả thi, tiết kiệm và có hiệu quả. Đây là yêu cầu có tính thực tiễn, khách quan bởi vì nếu xây dựng một mô hình kế toán quản trị xa rời thực tiễn hoạt động của Công ty sẽ không khả thi, tốn kém, không hiệu quả và có thể gây nhiều thiệt hại cho doanh nghiệp.

Yêu cầu này đòi hỏi khi hoàn thiện phải phát huy được vai trò, nhiệm vụ cung cấp thông tin cho các đối tượng sử dụng thông tin. Đồng thời, lợi ích thu được do các nội dung hoàn thiện mang lại phải nhiều hơn so với chi phí bỏ ra. Vì vậy cần phải quán triệt nguyên tắc tiết kiệm, sự hài hoà giữa lợi ích và CP.

- Hoàn thiện nội dung tổ chức kế toán quản trị chi phí phải hướng tới hội nhập và phát triển kinh tế, thuận tiện cho việc cung cấp thông tin.

Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán của nước ta đã dần hoàn thiện và phù hợp với các chuẩn mực quốc tế về kế toán, kiểm toán. Từ đó xây dựng nội dung kế toán quản trị chi phí phù hợp với thực tiễn, nhu cầu quản trị các cấp thúc đẩy sự hội nhập và phát triển kinh tế của đất nước, đảm bảo tính khả thi và có hiệu quả của các thông tin kế toán quản trị ở mọi doanh nghiệp công ty.

4.2.2. Các nguyên tắc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An

Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp phải đảm bảo phù hợp với yêu cầu của các chế độ chính sách liên quan như

chuẩn mực kế toán, luật kế toán và chế độ kế toán hiện hành trong nước và quốc tế; đáp ứng yêu cầu quản lý tài chính thống nhất, cung cấp thông tin trung thực, chính xác. Đồng thời, hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại doanh nghiệp nhưng vẫn phải đảm bảo nội dung kế thừa, không phá vỡ cơ cấu tổ chức hiện tại, các chỉ tiêu về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời cung cấp thông tin, tăng cường kiểm soát nội bộ và phục vụ quản lý, xác định hiệu quả.

Mặt khác, hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nhưng phải phù hợp với đặc điểm ngành xây lắp nói chung và điều kiện, nhu cầu quản lý thực tế tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An nói riêng. Đảm bảo phù hợp với thực trạng sản xuất, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cũng như năng lực cán bộ quản lý của Công ty.

4.2.3. Định hướng phát triển tại công ty TNHH cơ khí chính Xác Nam Trường An

Bên cạnh việc nỗ lực xây dựng uy tín, công ty cũng hướng đến việc tự tìm đến các chủ đầu tư để chủ động tìm các dự án thích hợp để thực hiện. Với định hướng như trên Công ty đã xây dựng chiến lược đến năm 2020 như sau:

Tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm thi công công trình xây lắp cơ bản, không ngừng đổi mới công nghệ thi công, đáp ứng yêu cầu đặt ra ngày càng cao về chất lượng và mỹ thuật công trình. Công ty hướng đến mục tiêu ngày càng nhận được sự tin tưởng của cộng đồng trong và ngoài nước.

Khẳng định tầm quan trọng của hệ thống nhân sự trong các tổ chức nói chung. Theo đó, công ty đặc biệt quan tâm hơn nữa tới việc tư vấn nhân sự cũng như xây dựng hệ thống quản trị nhân sự một cách hiệu quả nhằm tạo ra bộ máy hoạt động thống nhất, đem lại hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

Hoàn thiện mô hình tổ chức đổi mới phương thức quản lý, năng động trong công tác điều hành nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh đáp ứng được với sự thay đổi liên tục của thị trường cạnh tranh.

Đặt mục tiêu phát triển bền vững, song song với mục tiêu kinh tế công ty tiếp tục duy trì chú trọng đến giá trị bền vững của công ty là người lao động, cộng đồng xã hội và bảo vệ môi trường. Công ty luôn hướng tới mục tiêu mang đến cho cộng đồng các sản phẩm nhà xưởng, sân vận động, nhà kho, hạ tầng giao thông hài hòa với thiên nhiên, phù hợp với sự phát triển của văn minh xã hội.

4.3. Các giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An

4.3.1. Hoàn thiện dưới góc độ kế toán tài chính

Qua thời gian tìm hiểu về công tác kế toán tại công ty, nhất là phân hành về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trên góc độ kế toán tài chính tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An, được sự hỗ trợ của cô chú, anh chị trong phòng kế toán và thầy giáo hướng dẫn tác giả xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến khắc phục tồn tại.

Thứ nhất hoàn thiện về công tác luân chuyển chứng từ

Để khắc phục tình trạng hiện nay ở công ty chứng từ tại công ty do các tổ, đội nộp lên phòng kế toán thường muộn dẫn tới khối lượng công việc vào thời điểm cuối tháng, quý, năm tăng lên, dễ dẫn đến sai sót, nhầm lẫn trong hạch toán, khiến cho việc tập hợp, phân bổ chi phí và tính giá thành sản phẩm gặp nhiều khó khăn, tình hình chi phí sản xuất thực tế không được cung cấp kịp thời. Để giải quyết tình trạng trên Công ty cần quy định cụ thể thời gian cho các đội phải nộp chứng từ lên phòng kế toán như: Định kỳ từ 10-15 ngày phải nộp chứng từ, không nộp tập trung vào thời điểm cuối tháng và hạn cuối cùng

để nộp là ngày mùng 5 của tháng sau, sau ngày này các chứng từ sẽ không được duyệt thanh toán.

Việc thừa nhận chứng từ kế toán của các công trình, hạng mục công trình cũng chính là việc thừa nhận các khoản chi phí phát sinh cho công trình hay hạng mục công trình đó. Vì vậy không thể quản lý chi thông qua chứng từ mà phải kết hợp thường xuyên với kiểm tra thực tế tại công trường, Công ty phải cử cán bộ kỹ thuật và nhân viên kế toán thường xuyên đến các công trường để kiểm tra nhằm tránh tình trạng mua hóa đơn, kê khai không khối lượng vật tư đầu vào, khai báo tăng giá mua vật tư đầu vào kiểm tra rà soát chặt chẽ.

Thứ hai hoàn thiện hạch toán kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Để đảm bảo kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng nguyên vật liệu và kế toán đúng, đủ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp phát sinh, công ty nên có biện pháp tăng cường quản lý giám sát tại công trình thi công. Khi giao cho đội xây dựng chủ động mua nguyên vật liệu ngoài quy định chuyển bộ chứng từ gồm: Hợp đồng kinh tế với nhà cung cấp thông báo mức giá của nhà của nguyên vật liệu cung cấp, hóa đơn mua hàng, chứng chỉ về chất lượng của nguyên vật liệu còn cần bố trí nhân viên Công ty kiểm tra thực tế, đối chiếu chéo.

Công ty cần theo dõi chi tiết từng loại chi phí nguyên vật liệu bằng cách mở thêm các tài khoản cấp 2, 3, 4,... như:

TK 621(công trình) - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

TK 621(công trình).VLC - Chi phí nguyên vật liệu chính

TK 621(công trình).VLC.01 - Thép

TK 621(công trình).VLC.02 - Tôn

.....

TK 621(công trình).2 - Chi phí nguyên vật liệu phụ

Ví dụ: TK 621.VLC.01 - Chi phí thép của công trình DKG nhà thi đấu - KCN Thăng Long do đội xây lắp số 1 thi công.

Từ đó, các nhà quản lý xem xét việc sử dụng nguyên vật liệu đã hợp lý chưa và tìm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu.

Bên cạnh việc mở thêm các tài khoản chi tiết của TK 621, Công ty còn cần đưa ra một số giải pháp nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất, do các công trình thường ở xa, việc thu mua vật tư được tiến hành khi có nhu cầu và không có kho dự trữ vật tư, các đội cần lập kế hoạch sử dụng vật tư để tính toán thời điểm, số lượng thu mua vật tư hợp lý tránh thừa vật tư sẽ gây mất mát, hư hỏng hoặc thiếu hụt sẽ ảnh hưởng đến tiến độ công trình, đồng thời xây dựng mạng lưới nhà cung cấp có khả năng đáp ứng nhu cầu vật tư mọi lúc, mọi nơi.

Do vật tư chiếm tỷ trọng lớn trong kết cấu công trình nên công ty cần phải kiểm soát chặt chẽ vật tư phục vụ thi công công trình, ngoài PNK, XK bảng tổng hợp chi phí nguyên vật liệu công ty nên làm bảng kê nguyên vật liệu còn lại cuối kỳ để thuận tiện cho công tác quản lý và kiểm soát chi phí nguyên vật liệu.

Ví dụ: Đối với công trình DKG nhà thi đấu - KCN Thăng Long vào cuối quý công ty nên tiến hành làm bảng kê nguyên liệu còn lại cuối kỳ.

Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An

Đội xây dựng số: 01

BẢNG KÊ NGUYÊN VẬT LIỆU CÒN LẠI CUỐI KỲ

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tên công trình: DKG nhà thi đấu – KCN Thăng Long

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú
	Thép ống phi	Kg	16.050	5.300	85.065.000	Xuất cho công trình DKG nhà thi đấu – KCN Thăng Long xuất dùng riêng.
Tổng cộng					86.065.000	

Tổng số tiền bằng chữ: Tám mươi sáu triệu không trăm sáu mươi lăm ngàn đồng ./
Số chứng từ gốc kèm theo:.....

Đội trưởng Kế toán đội Kế toán tổng hợp Kỹ thuật công trình

Bảng 4. 1: Bảng kê nguyên vật liệu còn lại cuối kỳ

Bảng kê nguyên vật liệu còn lại cuối kỳ được lập theo từng công trình, hạng mục công trình theo từng tháng để chủ động cung ứng nguyên vật liệu, đối chiếu kiểm kê thường xuyên.

Thứ ba hoàn thiện hạch toán kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Hiện nay, do đặc thù của ngành xây lắp là công trình rải rác ở khắp các tỉnh thành trong toàn quốc nên công nhân trực tiếp của công ty chủ yếu là thuê ngoài, điều này làm giảm được chi phí nhân công nhưng không đảm bảo được chất lượng lao động. Lực lượng lao động này chủ yếu đến từ các vùng nông thôn, làm thời vụ trong lúc nông nhàn kiếm thêm thu nhập. Điều này dẫn đến chất lượng lao động thấp, trình độ tay nghề không đáp ứng được yêu cầu công việc, thiếu các kiến thức cơ bản về kỹ thuật thi công và an toàn lao động dẫn đến chất lượng công trình

không đảm bảo, mất an toàn lao động, hao hụt lãng phí vật tư.

Hơn nữa việc chỉ sử dụng nhân công thuê ngoài đôi khi làm các đội khó khăn trong việc thuê nhân công như trong trường hợp công trình thi công ở địa bàn không có nhiều các nhóm thợ, điều này càng khiến các đội thuê nhân công kém chất lượng.

Công ty cũng phải có quy chế rõ ràng trong việc phân cấp trách nhiệm từ Đội trưởng, cán bộ chuyên trách quản lý chặt chẽ lao động an toàn lao động và các cán bộ kỹ thuật trong công tác tuyển dụng lao động nhằm giảm thiểu số lượng lao động kém chất lượng và thiếu kinh nghiệm.

Do đặc thù của ngành xây lắp phải bàn giao công trình theo đúng tiến độ công ty có thể sử dụng thêm bảng chấm công làm thêm giờ 01b - LĐTL Ban hành theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính.

Thứ tư hoàn thiện hạch toán các khoản thiệt hại trong xây lắp

Các khoản thiệt hại như phải phá đi làm lại, công ty có thể xem xét, quy trách nhiệm rõ ràng cho các cá nhân để xử phạt, từ đó nâng cao tinh thần trách nhiệm của từng cá nhân trong công việc.

Công ty nên đề ra các định mức chi phí phù hợp để công nhân làm việc và có căn cứ cụ thể để khen thưởng hay xử phạt phù hợp, nâng cao năng suất lao động. Đồng thời có căn cứ rõ ràng để tính các chi phí được phép kết chuyển vào TK 154, và các chi phí cần kết chuyển sang TK 632, để tính giá

Về hoàn thiện về việc hạch toán phế liệu thu hồi

Công ty cần giám sát chặt chẽ các khoản làm giảm chi phí thi công công trình, hạn chế tối đa tình trạng các cán bộ quản lý và đội thi công tại công trình đem bán coi như thu nhập khác của cá nhân. Đưa ra cơ chế phạt cá nhân có hành vi mang phế liệu công trình đi bán.

Kế toán tiến hành hạch toán các khoản làm giảm chi phí xây dựng công

trình như vật tư thừa sử dụng không hết nhập kho, các khoản thu hồi lán trại...

4.3.2. Hoàn thiện dưới góc độ kế toán quản trị

Hiện nay công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An mới chỉ chú trọng đến kế toán tài chính nhằm cung cấp thông tin kế toán phục vụ cho các đối tượng bên ngoài công ty chứ chưa quan tâm đến kế toán quản trị, chưa cung cấp thông tin thực sự hữu ích cho các nhà quản lý trong việc ra các quyết định kinh doanh.

Thứ nhất hoàn thiện hệ thống tài khoản và sổ sách kế toán.

Để cung cấp thông tin đầy đủ dễ hiểu về hoạt động xây lắp phục vụ cho công tác quản lý, quản trị và ra quyết định. Kế toán của công ty nên mở tài khoản cấp 1,2,3,4... để phục vụ cho công tác quản trị chi phí trong công ty đến cụ thể từng loại vật liệu, từng loại chi phí. Mẫu phân loại tài khoản chi tiết (**Phụ lục 30**).

Đối với hệ thống sổ sách kế toán, Công ty cần mở thêm các chỉ tiêu trên sổ theo nhu cầu thông tin của kế toán quản trị cụ thể như sau:

Sổ chi tiết chi phí nguyên vật liệu trực tiếp phải thêm các chỉ tiêu phản ánh chi tiết từng loại nguyên vật liệu chính, phụ và cần bổ sung các thông tin về dự toán, định mức trên các sổ chi tiết này. Sổ chi tiết chi phí Nguyên vật liệu có thể được lập theo mẫu ở (**phụ lục 31**). Với sổ chi tiết nhân công trực tiếp cần mở thêm cột biến phí, định phí, dự toán và thực tế. Sổ chi tiết chi phí sản xuất chung cần thêm cột biến phí, định phí, dự toán, thực tế, phân bổ cho các đối tượng sử dụng (kế hoạch và thực tế) . Sổ chi phí sản xuất kinh doanh cần thêm cột về dự toán, định mức, chi phí biến đổi, chí phí cố định.

Thứ hai hoàn thiện phân loại chi phí sản xuất

Để đáp ứng yêu cầu của các nhà quản trị doanh nghiệp, trong tương lai phục vụ công ty xây dựng mô hình kế toán quản trị kết hợp với kế toán tài chính trong cùng một bộ máy và trên cùng một hệ thống tài khoản kế toán, phát huy vai trò của kế toán quản trị nói chung, kế toán quản trị chí phí, giá thành sản phẩm nói riêng nhằm trở thành công cụ quản lý hiệu quả, tăng cường quản lý, kiểm soát chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp. Muốn làm được điều đó, công ty cần phải kết hợp với cách phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ với khối lượng hoạt động. Theo cách này, chi phí sản xuất được chia thành:

- Biến phí gồm: Biến phí sản xuất thường là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, tiền lương sản phẩm của công nhân trực tiếp sản xuất, chi phí vật liệu dùng cho máy thi công...; biến phí bán hàng và biến phí quản lý doanh nghiệp.

- Định phí gồm: Định phí sản xuất thường là tiền lương thường gian của công nhân sản xuất, công nhân điều khiển máy thi công, công nhân quản lý đội, chi phí khấu hao máy thi công và tài sản cố định dùng chung cho hoạt động quản lý đội...; định phí bán hàng và định phí quản lý doanh nghiệp.

- Chi phí hỗn hợp như chi phí điện thoại, dùng phương pháp thích hợp để phân tích chi phí hỗn hợp thành biến phí và chi phí.

Việc phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí (**Phụ lục 32**).

Việc kết hợp phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ với khối lượng hoạt động sẽ giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp thực hiện phân tích mối quan hệ giữa chi CVP. Cùng với vận dụng trình độ chuyên môn của kế toán và các nhà quản lý để phân loại chi phí nào là biến phí, chi phí nào là định phí một cách hợp lý nhất để phục vụ cho việc thiết kế, xây dựng mô hình chi phí trong mối quan hệ giữa CVP, xác định điểm hoàn vốn để ra các quyết định hiệu quả trong kinh doanh, xác định phương hướng để nâng cao hiệu quả của chi phí.

Việc tính giá thành sản phẩm toàn bộ cung cấp thông tin quan trọng cho nhà quản trị trong việc ra quyết định xác định giá bán sản phẩm và xác định được kết quả thu nhập, lợi nhuận trong kỳ.

Công ty phân tích giá thành công trình, hạng mục công trình (**Phụ lục 33**) chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình và chi tiết theo từng khoản mục chi phí, theo dõi kết hợp giá trị dự toán để có thể so sánh và đánh giá kết quả thực hiện.

Thứ ba hoàn thiện hệ thống báo cáo

Để tăng cường quản lý, kiểm soát chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ngoài các giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và kế toán giá thành sản phẩm Công ty cũng cần đưa ra các giải pháp hoàn thiện hệ thống báo cáo kế toán quản trị:

- Báo cáo bất thường, được lập khi phát sinh các khoản chi phí bất thường ngoài kế hoạch hoặc dự toán nhằm cung cấp thông tin kịp thời giúp các nhà quản trị ra quyết định như: báo cáo về chi phí ngừng sản xuất ngoài kế hoạch, báo cáo về chi phí sửa chữa TSCĐ ngoài kế hoạch...

- Báo cáo thường xuyên có kì hạn ngắn, bao gồm các báo cáo: báo cáo tình hình sử dụng vật tư, báo cáo tình hình sử dụng lao động, báo cáo tình hình thực hiện chi phí sản xuất chung, báo cáo tình hình tiến độ sản xuất.

- Báo cáo định kì, các báo cáo theo tháng, quý, năm, bao gồm: báo cáo chi phí sản xuất của từng bộ phận sản xuất; báo cáo phân bổ chi phí sản xuất cho từng đối tượng; báo cáo chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và vật tư chưa sử dụng hết tại các bộ phận; báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch, định mức, dự toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; báo cáo tổng giá thành và giá thành đơn vị sản phẩm cho từng loại sản phẩm sản xuất trong kì.

Hệ thống các báo cáo kế toán quản trị chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm ngoài việc đáp ứng đầy đủ các yêu cầu chung của một báo cáo kế toán thì còn phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

- Đảm bảo việc phân chia chi phí sản xuất kinh doanh trong kì theo nhiều tiêu thức phân loại khác nhau nhằm đáp ứng yêu cầu về thông tin cho nhà quản trị ra các quyết định cụ thể.

- Đảm bảo cung cấp thông tin chi phí sản xuất của từng địa điểm, bộ phận phát sinh theo từng sản phẩm, giai đoạn sản xuất.

- Đảm bảo phản ánh được tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm; định mức và chỉ ra nguyên nhân chênh lệch giữa quá trình thực hiện với dự toán.

+) Báo cáo tình hình sử dụng nguyên vật liệu trực tiếp (**Phụ lục 34**) Báo cáo này phản ánh số lượng vật tư được xuất sử dụng cho công trình, hạng mục công trình, số lượng vật tư xuất dùng lũy kế từ đầu công trình đến thời điểm lập báo cáo và số lượng vật tư cần dùng cho công trình theo dự toán. Qua báo cáo này có thể biết công trình, hạng mục công trình đã sử dụng được bao nhiêu vật tư, từ thời điểm lập báo cáo đến khi hoàn thành công trình còn cần bao nhiêu vật tư, giúp xí nghiệp có kế hoạch dự trữ và mua vật tư. Báo cáo này được lập vào cuối tháng tại các đội. Báo cáo được lập dựa trên các chứng từ sử dụng vật tư trong tháng và số liệu dự toán chi phí nguyên vật liệu cho từng CT, hạng mục công trình.

+ Báo cáo biến động về chi phí (**Phụ lục 35**). Báo cáo này phản ánh số lượng, giá trị vật tư, nhân công.... sử dụng chênh lệch so với dự toán và nguyên nhân dẫn đến chênh lệch, báo cáo này giúp đánh giá khối lượng đã thực hiện và đối chiếu với kế hoạch tiến độ thi công, định mức thiết kế. Việc theo dõi sâu sát, thường xuyên như vậy giúp kỹ sư thi công và giám đốc xí nghiệp quản lý

các chi phí một cách chặt chẽ, phát hiện kịp thời và hạn chế gian lận, lãng phí, sai sót ngoài dự toán. Báo cáo này được lập vào cuối tháng tại các đội. Báo cáo được lập dựa trên các chứng từ sử dụng vật tư trong tháng và số liệu dự toán chi phí nguyên vật liệu cho từng công trình, hạng mục công trình.

Thứ tư Xây dựng mô hình kế toán quản trị ở công ty

Từ thực tiễn nghiên cứu tại Công ty TNHH Cơ khí chính xác Nam Trường An, tác giả thấy rằng công tác kế toán quản trị của công ty này chưa được chú trọng. Vì vậy doanh nghiệp cần hoàn thiện mô hình kế toán quản trị tại công ty.

Mô hình kết hợp trong Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An, kế toán tài chính và kế toán quản trị được tổ chức thành một hệ thống thống nhất trong cùng một bộ máy kế toán. Kế toán tài chính thực hiện chức năng thu thập các thông tin phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính, cung cấp thông tin phục vụ chủ yếu cho các đối tượng bên ngoài doanh nghiệp. Kế toán quản trị thực hiện chức năng thu thập, xử lý thông tin, phục vụ lập báo cáo kế toán quản trị cung cấp các thông tin trong nội bộ doanh nghiệp.

Do đó trong bộ máy kế toán cần xác định rõ phạm vi của báo cáo kế toán tài chính và báo cáo kế toán quản trị. Trong đó chức năng của các bộ phận trong bộ máy được thể hiện như sau:

Kế toán trưởng là người điều hành trực tiếp các hoạt động của phòng kế toán, chịu trách nhiệm xét duyệt các báo cáo tài chính và cung cấp cho các đơn vị, các cơ quan bên ngoài công ty theo quy định, tổ chức thu thập thông tin qua các bộ phận các phân hành kế toán, đồng thời cung cấp thông tin qua các báo cáo và tư vấn cho các cấp quản trị của công ty. Kế toán tổng hợp: có trách nhiệm trợ giúp kế toán trưởng thực thi các nhiệm vụ theo sự phân công, tham gia tổ chức và điều hành mọi hoạt động trong phòng kế toán.

Bộ phận kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành: Theo dõi và hạch toán chi phí của từng công trình và thực hiện thanh quyết toán chi phí công trình với các đội thi công đảm bảo tính đúng, tính đủ và kịp thời để các đội có nguồn lực để tiếp tục thực hiện các công trình khác. Ngoài ra kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành cũng cần tham gia vào lập dự toán dự thầu của các công trình, để đơn giá dự thầu của công ty được hợp lý hơn.

Trong mô hình kết hợp ngoài các bộ phận kế toán trên còn có hai nhóm kế toán tổng hợp Nhóm kế toán tổng hợp phụ trách phần việc của kế toán tài chính và nhóm phụ trách phần việc của kế toán quản trị.

Kế toán tổng hợp phụ trách phần việc của kế toán tài chính: thực hiện việc tổng hợp, kiểm tra thuộc phần việc kế toán tài chính, thực hiện chức năng kiểm tra, đối chiếu số liệu liên quan đến kế toán tài chính của các bộ phận khác, tổng hợp hoàn chỉnh số liệu và lập các báo cáo tài chính. Đồng thời nhóm này phụ trách cả nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm như: phân loại chi phí sản xuất, tham gia cùng phòng kỹ thuật lập các dự toán sản xuất, dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung, tổ chức và phân bổ chi phí theo đúng đối tượng, vận dụng các phương pháp tính giá thành sản phẩm, tổ chức theo dõi chi phí quản lý doanh nghiệp, lập các báo cáo về chi phí sản xuất, báo cáo giá thành sản phẩm. Với nhóm này Công ty nên để kế toán trưởng chủ trì cùng với sự phối hợp của các kế toán chi tiết.

Kế toán tổng hợp phụ trách phần việc của kế toán quản trị: Thực hiện việc kiểm tra các dự toán chi tiết do các bộ phận khác lập để tổng hợp hoàn chỉnh hệ thống dự toán ngân sách của doanh nghiệp, kiểm tra các báo cáo thực hiện, phân tích, đánh giá kết quả thực hiện với các mục tiêu đề ra, tìm các nguyên nhân gây ra biến động đó. Soạn thảo và phân tích các dự án quản trị để

tư vấn cho các nhà quản trị doanh nghiệp. Với nhóm này Công ty nên để kế toán tổng hợp chủ trì dưới sự giám sát của kế toán trưởng và sự phối hợp của các kế toán chi tiết.

4.4. Điều kiện thực hiện giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An

4.4.1. Điều kiện về phía Nhà nước

Để tạo môi trường cho các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh thuận lợi Nhà nước luôn sử dụng các công cụ tổng hợp để duy trì quản lý sự hoạt động ổn định. Trong điều kiện kinh tế khủng hoảng hiện nay, vai trò điều tiết của Nhà nước càng trở nên vô cùng quan trọng và tác động đến mọi chủ thể của nền kinh tế mà công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An không phải là ngoại lệ. Vì vậy, để những phương hướng giải pháp trên có thể thực hiện không thể thiếu được sự ảnh hưởng tác động của nhà nước. Do vậy:

- + Nhà nước cần hoàn thiện cơ chế tài chính, hệ thống khung phát lí, pháp luật kinh tế tài chính từ đó hoàn thiện hệ thống chuẩn mực kế toán, các quy định về chế độ kế toán phù hợp với điều kiện kinh tế thị trường và thông lệ quốc tế. Tạo môi trường kinh doanh minh bạch, cạnh tranh lành mạnh và bình đẳng giữa các chủ thể thuộc mọi thành phần kinh tế.

- + Mở cửa, tăng cường hội nhập và xây dựng hành lang pháp lí vững mạnh tạo điều kiện cho việc giao lưu học hỏi kinh nghiệm tổ chức quản lí, kế toán kế toán cho các doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp trong khu vực, các doanh nghiệp trên thế giới. Đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của doanh nghiệp trên thị trường quốc tế.

- + Chú trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ kế toán.

4.4.2. Điều kiện về phía công ty

Để khắc phục những tồn tại và hạn chế trong công tác quản lí, kế toán kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp của công ty hiện nay thì công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An cần:

+ Hoàn thiện cơ chế khoán xây dựng cho các đội thi công, tiến hành giao kế hoạch sản xuất kinh doanh cho các đội xây lắp kèm theo tỷ lệ khoán và các chế độ BHXH, lương, thưởng, phép năm của đội tương ứng theo đó Công ty ấn định tỷ lệ thu. Nhằm hạ giá thành sản phẩm và tạo lợi thế cạnh tranh cho sản phẩm của công ty đồng thời phát huy tính chủ động sáng tạo của các đội xây lắp tại công ty.

+ Hoàn thiện quy trình quản lí lao động, điều phối lí giữa các phòng ban, đội xây dựng trong công ty. Đề ra quy chế làm việc, chế độ thưởng phạt rõ ràng. Đối với các đội xây lắp thực hiện vượt kế hoạch công ty giao công ty sẽ tăng phần trăm thu nhập trên số vượt kế hoạch, tổ chức thưởng. Đối với đội xây lắp không hoàn thành kế hoạch và chi trả BHXH, thực hiện nghĩa vụ không đúng thời hạn thì công ty sẽ phạt 1%.

+ Xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp, lập kế hoạch và dự toán hàng năm làm cơ sở để điều hành, quản lí sản xuất kinh doanh.

+ Tăng cường sự phối hợp giữa các phòng ban chuyên môn với phòng kế toán tài vụ. Ngoài các sổ sách, chứng từ theo yêu cầu của chế độ kế toán, yêu cầu mỗi công trình đều phải có: Sổ nhật kí thi công công trình, Sổ nhật kí giám sát thi công, Sổ lấy mẫu, chứng chỉ, thí nghiệm vật tư...

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, với sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp hiện nay thì việc tăng cường quản lí trên mọi phương diện để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả, đứng vững trên thị trường là vô cùng cần thiết. Nhất là công tác kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm. Xác định được vai trò quan trọng trong bộ máy kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp. Luận văn đã thu được một số kết quả sau đây:

Thứ nhất: Giới thiệu về đề tài nghiên cứu.

Thứ hai: Luận văn đã hệ thống lại một cách khoa học cơ sở lý luận kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.

Thứ ba: Luận văn đã trình bày thực trạng kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.

Thứ ba: Trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.

Mặc dù, đã cố gắng rất nhiều nhưng do trình độ còn hạn chế và thời gian ít ỏi nên tác giả không thể tránh khỏi những thiếu sót trong quá trình trình bày, các vấn đề nêu ra có thể chưa được giải quyết triệt để. Vì vậy, tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của các thầy, cô và bạn bè, đồng nghiệp để luận văn của tác giả được hoàn thiện hơn và có giá trị cao hơn cả về lý luận và thực tiễn.

Tác giả xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2006), *Quyết định 15/2006/QĐ-BTC của Bộ tài chính ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp*, Hà Nội.
2. Bộ Xây dựng (2007), *Định mức 1776/BXD-VP ngày 18/6/2007 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng*.
3. Bộ Xây dựng (2016), *Thông tư 06/2016-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ xây dựng, hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng*.
4. Bộ Tài chính (2014), *Thông tư 200/2014, ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*.
5. *Chế độ kế toán doanh nghiệp* (2008) - Quyển 1, Quyển 2. NXB Thống Kê
6. *Nghiêm Văn Lợi* (2007), *Kế toán tài chính – NXB Tài chính*
8. *Nguyễn Ngọc Quang* (2014) *Giáo trình kế toán quản trị*.
7. *Nguyễn Tuấn Duy, Nguyễn Phú Giang* (2008), *Kế toán quản trị*, Nhà xuất bản tài chính.
9. *Võ Văn Nhị* (2010), *Kế toán doanh nghiệp xây lắp, đơn vị chủ đầu tư*, NXB Tài chính.
10. *Tài liệu Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An*.
11. *Quốc hội Việt Nam (khoá XI), Luật Kế toán 2015, ngày 20/11/2015*.
12. *Các tài liệu khác*.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ HIỀN

KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH
SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU
HẠN CƠ KHÍ CHÍNH XÁC NAM TRƯỜNG AN

LUẬN VĂN THẠC SỸ KẾ TOÁN

HÀ NỘI - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ HIỀN

**KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH
SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU
HẠN CƠ KHÍ CHÍNH XÁC NAM TRƯỜNG AN**

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số: 60340301

LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS.TS. NGUYỄN HỮU ÁNH

HÀ NỘI - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi tên là Nguyễn Thị Hiền sinh ngày 02/03/1991 là học viên khóa 2 lớp Đ2KT chuyên ngành kế toán - Trường Đại học Lao động - Xã hội, tôi xin cam đoan:

1. Đây là công trình khoa học nghiên cứu của riêng tôi dưới sự hướng dẫn của PGS.TS. Nguyễn Hữu Ánh công tác tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. Công trình khoa học của tôi được nghiên cứu một cách nghiêm túc, trung thực, khách quan và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào trước đây.

3. Các số liệu, tài liệu trong luận văn được tập hợp, phân tích và có dẫn chứng rõ ràng. Nếu có bất kỳ sự gian lận nào tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước hội đồng cũng như kết quả Luận văn của mình.

TÁC GIẢ

Nguyễn Thị Hiền

LỜI CẢM ƠN

Qua thời gian học tập tại trường Đại học Lao động - Xã hội, dưới sự dìu dắt của các thầy cô giáo nói chung và các thầy cô khoa kế toán nói riêng, tác giả đã được tiếp thu những kiến thức vô cùng quý báu về chuyên ngành kế toán, để tác giả có được nền tảng kiến thức vững chắc phục vụ quá trình nghiên cứu và hoàn thành Luận văn với đề tài: “Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty trách nhiệm hữu hạn cơ khí chính xác Nam Trường An”

Tác giả xin bày tỏ lòng cảm ơn chân thành và sự biết ơn sâu sắc tới **PGS.TS. Nguyễn Hữu Ánh** - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã hướng dẫn, chỉ bảo nhiệt tình và định hướng khoa học cho tác giả trong suốt quá trình nghiên cứu, thu thập số liệu, khảo sát thực tế và thực hiện Luận văn.

Tác giả cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các Ban lãnh đạo và tập thể nhân viên, đặc biệt là nhân viên phòng kế toán của Công ty Trách nhiệm hữu hạn cơ khí chính xác Nam Trường An đã tạo điều kiện thuận lợi cho tác giả trong quá trình điều tra, khảo sát thực tế, thu thập số liệu phục vụ cho việc phân tích và tổng hợp số liệu để viết luận văn.

Cuối cùng, Tác giả xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo Khoa Kế toán - Trường Đại học Lao động - Xã hội và các bạn bè, đồng nghiệp đã giúp đỡ, động viên tác giả trong suốt quá trình hoàn thành luận văn.

Trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Tác giả

Nguyễn Thị Hiền

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	V
DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU.....	VI
CHƯƠNG 1.GIỚI THIỆU VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU.....	1
1.1. Lý do chọn đề tài	1
1.2. Tổng quan đề tài nghiên cứu.....	3
1.2.1. Tình hình nghiên cứu trong nước.....	3
1.2.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu ở nước ngoài.....	5
1.2.3. Khoảng trống nghiên cứu	5
1.3. Mục tiêu nghiên cứu	6
1.4. Câu hỏi nghiên cứu.....	6
1.5. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu.....	7
1.6. Phương pháp nghiên cứu	8
1.7. Ý nghĩa của đề tài nghiên cứu.....	9
1.8. Kết cấu của luận văn	9
CHƯƠNG 2. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP	11
2.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh xây lắp ảnh hưởng đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp	11
2.1.1. Đặc điểm hoạt động sản xuất xây lắp ảnh hưởng đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp	11
2.1.2. Đặc điểm sản phẩm xây lắp ảnh hưởng đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp	11
2.1.3. Đặc điểm sản xuất và quản lý doanh nghiệp xây lắp ảnh hưởng đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp	12
2.2. Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp	14
2.2.1. Chi phí sản xuất và phân loại chi phí sản xuất	14
2.2.2. Giá thành sản phẩm và phân loại giá thành sản phẩm	17
2.2.3. Mối liên hệ giữa chi phí sản xuất với giá thành sản phẩm.....	18

2.3. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp dưới góc độ kế toán tài chính.....	20
2.3.1. Các chuẩn mực nguyên tắc kế toán chi phối đến kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm.....	20
2.3.2. Đối tượng kế toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp.....	22
2.3.3. Phương pháp kế toán chi phí sản xuất.....	24
2.3.4. Phương pháp đánh giá SPDD trong kinh doanh xây lắp.....	31
2.3.5. Phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp	31
2.4. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp dưới góc độ kế toán quản trị	35
2.4.1. Định mức chi phí và hệ thống dự toán	36
2.4.2. Xác định trung tâm chi phí trong doanh nghiệp xây lắp.....	40
2.4.3. Báo cáo kế toán quản trị trong doanh nghiệp xây lắp.....	41
2.4.4. Phân tích mối quan hệ giữa CVP trong các doanh nghiệp xây lắp.....	42
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	44
CHƯƠNG 3.THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH XÂY LẮP CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHÍNH XÁC NAM TRƯỜNG AN	46
3.1. Đặc điểm tổ chức kinh doanh và tổ chức kế toán tại Công ty TNHH Cơ khí chính xác Nam Trường An.....	46
3.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.....	46
3.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh và kết quả hoạt động của công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An	47
3.1.3. Đặc điểm chung về bộ máy quản lý của công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.....	52
3.1.4. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An ảnh hưởng đến công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp	54
3.1.5. Đặc điểm kế toán công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An..	56

3.2. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An dưới góc độ của kế toán tài chính.....	60
3.2.1. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An	60
3.2.2. Thực trạng đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An	80
Giá trị dự toán của khối lượng xây lắp DDCK	81
3.3. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An dưới góc độ kế toán quản trị.	83
3.3.1 Định mức chi phí và hệ thống dự toán	83
3.3.2. Trung tâm chi phí.....	86
3.3.3. Báo cáo kế toán quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty..	87
3.3.4. Thu thập và phân tích thông tin ra quyết định.....	88
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	91
CHƯƠNG 4.MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHÍNH XÁC NAM TRƯỜNG AN	92
4.1 Đánh giá chung về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An	92
4.1.1 Ưu điểm	92
4.1.2 Nhược điểm.....	94
4.2. Các yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An	98
4.2.1. Các yêu cầu hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An	98
4.2.2. Các nguyên tắc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An	100

4.2.3. Định hướng phát triển tại công ty TNHH cơ khí chính Xác Nam Trường An	101
4.3. Các giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An	102
4.3.1. Hoàn thiện dưới góc độ kế toán tài chính.....	102
4.3.2. Hoàn thiện dưới góc độ kế toán quản trị.....	107
4.4. Điều kiện thực hiện giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.....	113
4.4.1. Điều kiện về phía Nhà nước	113
4.4.2. Điều kiện về phía công ty	114
KẾT LUẬN.....	115
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	116

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CHỮ VIẾT TẮT	ĐẦY ĐỦ TIẾNG VIỆT	ĐẦY ĐỦ TIẾNG ANH
BHXH	Bảo hiểm xã hội	
BHYT	Bảo hiểm y tế	
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp	
KPCĐ	Kinh phí công đoàn	
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn	
CP	Chi phí	
CPSX	Chi phí sản xuất	
NVLTT	Nguyên vật liệu trực tiếp	
NCTT	Nhân công trực tiếp	
MTC	Máy thi công	
SXC	Sản xuất chung	
NVL	Nguyên vật liệu	
DN	Doanh nghiệp	
KTTC	Kế toán tài chính	
KTQT	Kế toán quản trị	
KLXL	Khối lượng xây lắp	
PX	Phân xưởng	
SPDD	Sản phẩm dở dang	
SP	Sản phẩm	
SX	Sản xuất	
SXKD	Sản xuất kinh doanh	
TK	Tài khoản	
TSCĐ	Tài sản cố định	
CVP	Chi phí - Khối lượng - Lợi nhuận	Cost - Volume - Profit
VAS	Chuẩn mực kế toán Việt Nam	Vietnamese Accounting Standard
IAS	Chuẩn mực kế toán quốc tế	International Accounting Standard

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

Sơ đồ 2. 1	Trình tự kế toán tổng hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	26
Sơ đồ 2. 2	Trình tự kế toán tổng hợp chi phí nhân công trực tiếp	27
Sơ đồ 2. 3	Trình tự kế toán chi phí sử dụng máy thi công	28
Sơ đồ 2. 4	Trình tự kế toán tổng hợp chi phí sản xuất chung	29
Sơ đồ 2. 5	Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp	30
Sơ đồ 3. 1	Quy trình sản xuất sản phẩm xây lắp	49
Sơ đồ 3.2	Cơ cấu bộ máy kế toán tạ công ty	51
Sơ đồ 3.3	Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty	55
Sơ đồ 3.4	Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.	57
Sơ đồ 3.5	Quy trình luân chuyển chứng kế toán tập hợp chi phí tại công ty	59
Sơ đồ 3.6	Quy trình LC chứng từ mua vật tư thẳng đến công trình	61
Sơ đồ 3.7	Quy trình LC chứng từ xuất kho vật liệu đến công trình	62
Sơ đồ 3.8	Quy trình hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	63
Sơ đồ 3.9	Quy trình hạch toán chi phí nhân công trực tiếp	68
Sơ đồ 3.10	Quy trình hạch toán chi phí máy thi công	71
Bảng 3.1	Các chỉ tiêu của công ty TNHH Cơ khí chính xác Nam Trường An	54
Bảng 3.2	Dự toán chi phí xây dựng	90
Bảng 3.3	Báo cáo chi phí sản xuất	92
Bảng 4.1	Bảng kê nguyên vật liệu còn lại cuối kỳ	109

CHƯƠNG 1

GIỚI THIỆU VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

1.1. Lý do chọn đề tài

Theo đà phát triển nền kinh tế Việt Nam, đi cùng với quy luật tất yếu về sự chuyển dịch lao động từ nơi có nhu cầu lao động thấp đến nơi có nhu cầu lao động cao, hàng năm có đến hàng ngàn người lao động đổ về các trung tâm văn hoá chính trị, các thành phố lớn để tìm kiếm việc làm trong công cuộc mưu sinh. Chính vì vậy mà việc đầu tư xây lắp ngày càng nhiều. Công tác kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp là một khâu rất quan trọng để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đặc biệt trong các doanh nghiệp xây lắp việc tập hợp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm được xem là một khâu quan trọng hàng đầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị vì ngành xây lắp là một ngành công nghiệp đặc biệt, là cơ sở cho các ngành kinh tế khác nên việc hạch toán chính xác chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp không chỉ là căn cứ xây dựng hiệu quả kinh tế của ngành mà còn ảnh hưởng đến giá thành và hiệu quả của ngành khác.

Chi phí sản xuất nếu được tập hợp, tính toán chính xác, đầy đủ đúng đối tượng và đúng phương pháp sẽ là căn cứ quan trọng để việc tính giá thành sản phẩm được chính xác. Hạch toán đúng, đủ chi phí và giá thành không những cho phép doanh nghiệp xác định đúng kết quả kinh doanh của mình mà còn giúp doanh nghiệp tìm ra được những biện pháp nhằm tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An, xây lắp là lĩnh vực chủ đạo trong việc tạo ra nguồn lợi nhuận mỗi năm. Trong khi đó, trên thị trường, các doanh nghiệp cùng ngành cũng xuất hiện thêm ngày càng nhiều. Sự

cạnh tranh giữa các doanh nghiệp xây lắp trong bối cảnh khó khăn diễn ra có tính chất phức tạp, thường xuyên và gay gắt hơn bao giờ hết. Điều đó đòi hỏi công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An phải nâng cao được ưu thế cạnh tranh trên thị trường bằng việc giảm chi phí hạ giá thành và vẫn đảm bảo được chất lượng đề ra. Bởi vậy, tổ chức kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp là một yêu cầu rất cấp thiết tại công ty giúp các nhà quản lý nắm rõ tình hình chi phí của từng công trình, hạng mục công trình, sử dụng vốn hiệu quả tránh thất thoát lãng phí và nâng cao lợi nhuận.

Hiện nay, công ty đang thực hiện rất nhiều công trình lớn nhỏ trên khắp đất nước nên việc tập hợp chi phí và tính giá thành rất phức tạp, kế toán phải có phương pháp hạch toán hợp lý để tránh chồng chéo giữa các công trình lên nhau, thông tin kế toán rõ ràng chi tiết. Bên cạnh đó, các chi phí xây lắp phát sinh bao gồm các chi phí tiền lương, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí nguyên vật liệu,... Do vậy, sự quan trọng của kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành tại công ty thể hiện ở chỗ đây là một khâu liên quan đến nhiều phần hành kế toán khác đòi hỏi kế toán viên phải có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng. Hơn nữa, trong tương lai, công ty sẽ không ngừng mở rộng quy mô các công trình trên nhiều tỉnh thành khắp cả nước yêu cầu kế toán phải kiểm soát chi phí hết sức chặt chẽ.

Xuất phát từ tầm quan trọng của ngành công nghiệp xây lắp nói chung và công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An nói riêng, từ vai trò của công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong hệ thống kế toán đồng thời từ những tồn tại vốn có của công ty trong phần hành kế toán trên, tác giả lựa chọn đề tài “**Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An**” làm đề tài nghiên cứu của mình.

1.2. Tổng quan đề tài nghiên cứu

1.2.1. Tình hình nghiên cứu trong nước

- Luận văn thạc sĩ: “*Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty thiết bị và vật liệu xây dựng HANCONRP*” của tác giả Nguyễn Quỳnh Phương năm 2016. Đề tài hệ thống hóa những lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp và vận dụng những lý luận đó vào thực tiễn để tìm hiểu và đánh giá thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty thiết bị và vật liệu xây dựng HANCONRP dưới góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị từ đó tìm giải pháp phù hợp nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty.

Luận văn thạc sĩ “*Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phục vụ quản trị chi phí tại Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp An Ngãi*” năm 2014 của tác giả Phạm Thị Ngọc Trinh. Tác giả đã đề cập đến cả hai phương diện kế toán tài chính và kế toán quản trị. Đưa ra những đề xuất cho việc vận dụng và hoàn thiện tốt hơn các quy định về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp thực tế tại công ty. Tuy nhiên, những đề xuất này vẫn còn chung chung và mang tính lý thuyết cao, chưa cụ thể. Vì vậy, khó khăn trong việc vận dụng vào thực tế của công ty.

- Luận văn thạc sĩ: “*Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty Cổ phần VT Vạn Xuân*” của tác giả Trần Thị Hoa năm 2016. Luận văn đã trình bày cơ sở lý luận chung và thực trạng về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp như khái niệm phân loại, phương pháp kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung...kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp trong công ty xây dựng từ đó tác giả đưa ra các giải

pháp nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty Cổ phần VT Vạn Xuân.

- Luận văn thạc sĩ: “Kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại các doanh nghiệp xây lắp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa” của tác giả Lê Thị Hương - năm 2014 đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp. Đồng thời đã làm sáng tỏ bản chất, nội dung và phương pháp kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp.

- Luận văn thạc sĩ: “Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty CP Xây dựng số 5 Hà Nội” của tác giả Nguyễn Văn Anh K47. Đề tài đã nêu những vấn đề lý luận cũng như thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp khá đầy đủ, tuy nhiên việc đối chiếu, áp dụng và phân tích với chuẩn mực kế toán chi phối đến kế toán chưa có. Giải quyết vấn đề trên góc độ đối chiếu với chế độ kế toán. Hơn nữa chưa phân tích được những điều kiện chi phối đến công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.

- Luận án: “Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất kinh doanh và tính giá thành sản phẩm xây lắp ở các doanh nghiệp xây lắp nhà nước trong điều kiện hiện nay” của tác giả Nguyễn Minh Thành năm 2001 - Làm NCS tại Học Viện Tài Chính. Đề tài đã nêu các lý luận và thực trạng kế toán chi phí sản xuất kinh doanh và tính giá thành sản phẩm xây lắp ở bốn doanh nghiệp nhà nước như công ty xây dựng sông đà 4, sông đà 8, vinaconex 9, đầu tư xây lắp thương mại Hà Nội. Đề tài đã nêu được thực trạng kế toán chi phí và giá thành tại các công ty nhà nước trong điều kiện các doanh nghiệp đang cổ phần hóa. Từ đó đưa ra các giải pháp mang tính hệ thống như hoàn thiện nội dung và chi phí, hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí và giá thành, kế toán bảo hành, phương pháp xác

định chi phí dở dang và cả về kế toán quản trị. Tuy nhiên đề tài có phạm vi là các doanh nghiệp nhà nước nên các giải pháp đưa ra phục vụ cho phạm vi đó, bên cạnh đó đề tài áp dụng chuẩn mực vào đề tài chưa rõ.

1.2.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

- Luận văn: “Cost accounting method for construction project in North - West Russia” của tác giả Jouni Keisala 2009 nói về các phương pháp kế toán chi phí được sử dụng trong dự án xây lắp ở Tây Bắc Nga. Tác giả đã nêu thực tế kế toán chi phí thực tế tại các dự án xây lắp ở khu vực Tây Bắc Nga đồng thời đề xuất các phương pháp kế toán chi phí phù hợp cho dự án khu vực này.

- Luận văn: “The Adoption of Activity - Based Costing In Thailand” của tác giả Wiriya Chongruksut 2002 nói về tình hình áp dụng hạch toán chi phí theo hoạt động trong các doanh nghiệp xây lắp ở Thái Lan. Đồng thời luận văn cũng đi sâu nghiên cứu vấn đề của kế toán quản trị là phân bổ chi phí chung cho các xây lắp. Tuy nhiên luận văn chỉ nghiên cứu với số lượng doanh nghiệp nhỏ niêm yết chứng khoán ở khu vực Bangkok nên kết quả chưa mang tính đại diện.

- Báo cáo: “Research strategic analsis of the Finish doctoral dissertation in management accounting from 1990 to 2009” của tác giả Lili - Anne Kihn và Salme Nasi (2009) nói về kế toán quản trị chi phí chỉ tập trung vào: Sự khác biệt kế toán chi phí và kiểm soát quản trị, phân tách chi phí hạch toán chi phí theo hoạt động (ABC).

1.2.3. Khoảng trống nghiên cứu

Nhìn chung các đề tài nghiên cứu đều trình bày được cơ sở lý luận về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, các đề tài đã đưa ra được thực trạng chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại đơn vị được nghiên cứu, từ đó đánh giá được những kết quả đạt được cũng như những hạn

chế và nguyên nhân của những hạn chế đó. Các đề tài đã đưa ra được phương hướng cũng như giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cũng như sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại các công ty này.

Bên cạnh những mặt đạt được, các đề tài vẫn còn một số mặt hạn chế nhất định như: Các đề tài đều đề cập đối tượng nghiên cứu dưới góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị, tuy nhiên nội dung chưa tách rõ theo hướng đó từ việc phân loại chi phí, phân loại giá thành đến thực trạng và hoàn thiện đề tài; nội dung của một số phần chưa được đề cập đầy đủ các trường hợp, ví dụ như nội dung hạch toán chi phí sử dụng máy thi công chưa đưa ra hết các trường hợp hạch toán (mua, tự tổ chức MTC và đội thi công tự phục vụ lẫn nhau,...); các đề tài đều chưa đề cập đến hạn chế trong quá trình nghiên cứu cũng như đề xuất hướng nghiên cứu trong tương lai.

Để phát huy những mặt được, khắc phục những mặt còn hạn chế của các đề tài trước, tác giả đề cập các vấn đề đó trong nội dung của luận văn này.

1.3. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa lý thuyết về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp về mặt kế toán tài chính và kế toán quản trị.

- Vận dụng lý thuyết trong nghiên cứu, phân tích và đánh giá thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An, để từ đó đưa ra được những ưu điểm và tồn tại của công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.

- Các giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại đơn vị.

1.4. Câu hỏi nghiên cứu

Để thực hiện mục tiêu của luận văn, các câu hỏi đặt ra trong quá trình

nghiên cứu là:

Câu hỏi 1: Cơ sở lý luận cơ bản của kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp là gì?

Câu hỏi 2: Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An dưới góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị hiện nay như thế nào?

Câu hỏi 3: Những vấn đề ưu điểm và tồn tại trong công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty?

Câu hỏi 4: Những giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An?

1.5. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng:

Nghiên cứu kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, từ đó hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An. Cụ thể, luận văn chỉ tập trung vào các loại chi phí trực tiếp có liên quan đến hoạt động xây lắp của Công ty.

- Phạm vi:

- + Về không gian: Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An
- + Về thời gian: Giai đoạn 2015-2016.
- + Về nội dung: Luận văn nghiên cứu kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An trên góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị phục vụ quản trị doanh nghiệp của công ty.

1.6. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp kế thừa, khảo sát, thống kê, so sánh, trình bày diễn giải, phương pháp toán học, phương pháp phân tích kỹ thuật, phương pháp xử lý, phương pháp nghiên cứu hệ thống như: quy nạp, tổng hợp, mô hình hoá... dựa trên những tài liệu sẵn có của đơn vị mà được vận dụng với điều kiện cụ thể, cơ chế chính sách hiện hành.

- Phương pháp xử lý số liệu:

+) Phương pháp thống kê kinh tế: Sử dụng công cụ thống kê kinh tế để tính toán các chỉ tiêu.

+) Phương pháp phân tích kinh tế: Phân tích ảnh hưởng của từng nhân tố đến kết quả.

- Phương pháp quan sát, điều tra, phỏng vấn thu thập số liệu đối tượng điều tra là các kỹ thuật viên, quản lý, nhân viên kế toán đang làm việc trong công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.

+) Phương pháp quan sát: Tác giả thực hiện phương pháp này tại đơn vị được khảo sát, quan sát môi trường làm việc, quan sát việc giải quyết các vấn đề phát sinh trong đơn vị... Trên cơ sở đó thấy được các nhân tố ảnh hưởng đến vấn đề nghiên cứu. Tác giả tiến hành quan sát các quá trình luân chuyển và tập hợp chứng từ, các loại chứng từ, tài khoản kế toán mà Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An đã sử dụng để phản ánh thu thập và tổng hợp thông tin; quan sát, xem xét và nghiên cứu các báo cáo liên quan đến kế toán tài chính, kế toán quản trị tại công ty.

Phương pháp phỏng vấn: Tác giả thực hiện thông qua các cuộc trao đổi giữa tác giả với một số nhà quản lý cũng như những người trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện công tác kế toán tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An, nhằm tìm hiểu kinh nghiệm và nhận thức của người được phỏng

vấn về thực trạng công tác kế toán tại Công ty TNHH Cơ khí chính xác Nam Trường An.

- Phương pháp kế thừa: Kế thừa những tài liệu, những công trình nghiên cứu về những vấn đề có liên quan. Những báo cáo, số liệu trong sổ cái của các TK của công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.

1.7. Ý nghĩa của đề tài nghiên cứu

Về mặt lý luận, luận văn hệ thống hóa những vấn đề lý thuyết về kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp. Cụ thể, luận văn làm rõ cơ sở lý luận về kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp về lĩnh vực kế toán tài chính cũng như kế toán quản trị.

Về mặt thực tiễn và ứng dụng, luận văn nghiên cứu, phân tích và đánh giá thực trạng kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An. Qua đó, đánh giá những điểm đạt được và những hạn chế còn tồn tại tác giả tìm hiểu nguyên nhân và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán chi phí và tính giá sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.

+) Thứ nhất, phản ánh đầy đủ kịp thời toàn bộ chi phí sản xuất thực tế phát sinh. Kiểm tra tình hình thực hiện các định mức chi phí vật tư, chi phí nhân công, chi phí sử dụng máy thi công và các chi phí dự toán khác, phát hiện kịp thời các khoản chênh lệch so với định mức kế hoạch, thiệt hại, mất mát, hư hỏng...

+) Thứ hai, tính toán hợp lý giá thành công tác xây lắp, các sản phẩm hoàn thành của công ty.

1.8. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục kết luận, kết cấu luận văn gồm 4 chương:

Chương 1: Giới thiệu về đề tài nghiên cứu.

Chương 2: Những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Chương 3: Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.

Chương 4: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.

CHƯƠNG 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP

2.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh xây lắp ảnh hưởng đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp

2.1.1. Đặc điểm hoạt động sản xuất xây lắp ảnh hưởng đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp

Hoạt động kinh doanh xây lắp là một ngành sản xuất có tính chất công nghiệp, tạo ra cơ sở hạ tầng cho nền kinh tế quốc dân. Do vậy, so với các ngành sản xuất khác, kinh doanh xây lắp có những đặc điểm kinh tế kỹ thuật đặc trưng được thể hiện ở sản phẩm, ở phương thức tổ chức sản xuất. Những đặc điểm đó chi phối cách thức quản lý doanh nghiệp nói chung cũng như chi phối đến nội dung, phương pháp và cách thức tổ chức kế toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm xây lắp nói riêng.

Hoạt động xây lắp không cố định tại một điểm mà di chuyển theo địa điểm đặt sản phẩm xây lắp. Đặc điểm này làm tăng chi phí di chuyển và công tác quản lý vật tư, con người sẽ gặp khó khăn. Trong quá trình thi công sẽ phát sinh chi phí điều động nhân công, điều động máy móc thiết bị, chi phí mặt bằng, tập kết vật liệu và máy thi công...nên kế toán phải theo dõi chi tiết, chính xác các khoản chi phí này và phân bổ cho các đối tượng phù hợp để đảm bảo tính chặt chẽ và mang lại hiệu quả cao trong quản lý.

2.1.2. Đặc điểm sản phẩm xây lắp ảnh hưởng đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp

Sản phẩm xây lắp là những công trình, hạng mục công trình...có qui mô lớn, kết cấu phức tạp, mang tính chất đơn chiếc, thời gian xây lắp dài. Các

công trình, các hạng mục công trình, các giai đoạn của hạng mục hay nhóm hạng mục là đối tượng hạch toán chi phí, vì thế phải lập dự toán chi phí và tính giá thành theo từng hạng mục công trình hay giai đoạn của hạng mục công trình. Điều này giúp cho các doanh nghiệp xây lắp có thể hạch toán tương đối chính xác giá trị công trình, từ đó lên kế hoạch về tài chính cũng như việc quản trị, giám sát việc chi tiêu, tránh thất thoát lãng phí vốn đầu tư.

Sản phẩm xây lắp được tiêu thụ theo giá dự toán hoặc giá thỏa thuận với chủ đầu tư (giá đấu thầu), do đó tính chất hàng hóa của sản phẩm xây lắp không thể hiện rõ. Sản phẩm xây lắp cố định tại nơi sản xuất còn các điều kiện sản xuất (xe máy, thiết bị thi công, người lao động...) phải di chuyển theo địa điểm đặt sản phẩm. Đặc điểm này làm cho công tác quản lý sử dụng, hạch toán tài sản, vật tư rất phức tạp do ảnh hưởng của điều kiện thiên nhiên, thời tiết và dễ mất mát hư hỏng...

Những đặc điểm trên đã ảnh hưởng rất lớn đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp. Công tác kế toán vừa phải đáp ứng yêu cầu chung về chức năng, nhiệm vụ kế toán của một doanh nghiệp sản xuất vừa phải đảm bảo phù hợp với đặc thù của loại hình doanh nghiệp.

2.1.3. Đặc điểm sản xuất và quản lý doanh nghiệp xây lắp ảnh hưởng đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp

2.1.3.1. Đặc điểm tổ chức sản xuất xây lắp

- Sản xuất xây lắp diễn ra trong điều kiện ngoài trời, chịu tác động trực tiếp của môi trường, khí hậu nên gặp nhiều rủi ro tạo nên những khoản thiệt hại lớn, phát sinh bất ngờ. Những khoản thiệt hại này cần được tổ chức theo dõi chặt chẽ và có phương pháp kế toán phù hợp với những nguyên nhân gây ra.

Đồng thời, doanh nghiệp cần có kế hoạch điều độ, phù hợp sao cho đảm bảo công trình đúng tiến độ, tiết kiệm CPSX, hạ giá thành sản phẩm xây lắp.

- Hoạt động xây lắp diễn ra trong điều kiện sản xuất thiếu tính ổn định, luôn biến đổi theo địa điểm và giai đoạn thi công. Do vậy, gây khó khăn trong tổ chức sản xuất, khó cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, làm nảy sinh nhiều chi phí cho khâu di chuyển lực lượng sản xuất và cho công trình tạm phục vụ sản xuất như: Chi phí điều động nhân công, máy thi công, chuẩn bị mặt bằng và chi phí vận chuyển tập kết vật liệu thi công.. điều này đòi hỏi kế toán phản ánh chính xác chi phí và phân bổ chi phí hợp lý.

- Quá trình sản xuất diễn ra trong phạm vi hẹp nhưng với số lượng nhân công và vật liệu lớn, đòi hỏi công tác tổ chức xây lắp phải diễn ra có sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các bộ phận và giai đoạn công việc.

2.1.3.2. Đặc điểm tổ chức quản lý

Do những đặc thù của ngành xây lắp, có thể tổ chức kinh doanh xây lắp theo những phương thức khoán khác nhau điều này đã chi phối kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp. Cụ thể:

- Phương thức khoán gọn công trình, hạng mục công trình: Đây là một phương thức đang được áp dụng phổ biến ở các doanh nghiệp xây lắp hiện nay. Theo phương thức này, đơn vị giao khoán giao toàn bộ giá trị công trình, hạng mục công trình cho đơn vị nhận khoán, đơn vị nhận khoán tự tổ chức cung ứng vật tư, tổ chức lao động... tiến hành thi công. Khi công trình hoàn thành bàn giao, quyết toán sẽ được thanh toán toàn bộ giá trị công trình theo giá nhận khoán và nộp cho đơn vị giao khoán một số khoản theo quy định. Trong phương thức này, đơn vị giao khoán chỉ là người có tư cách pháp nhân đứng ra ký kết các hợp đồng xây lắp và chịu trách nhiệm pháp lý đối với chất lượng công trình và thời gian thi công.

- Phương thức khoán khoán mục chi phí: Theo phương thức này, đơn vị giao khoán chỉ khoán các khoản mục chi phí nhất định còn các khoản mục chi phí khác do đơn vị tự chi và chịu trách nhiệm giám sát kỹ thuật, chất lượng công trình. Phương thức này áp dụng cho các tổ, đội thi công không có đủ điều kiện tự cung ứng vật tư, giám sát kỹ thuật và chưa thực hiện công tác kế toán.

2.2. Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

2.2.1. Chi phí sản xuất và phân loại chi phí sản xuất

2.2.1.1. Khái niệm chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

“Chi phí bao gồm các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp và các chi phí khác” Theo chuẩn mực số 01- Chuẩn mực chung ban hành và công bố theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp như: Giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí lãi tiền vay và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi tức, tiền bản quyền,... Những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền, hàng tồn kho, khấu hao máy móc, thiết bị.

Chi phí khác bao gồm các chi phí ngoài các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp như: Chi phí về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản tiền bị khách hàng phạt do vi phạm hợp đồng...

Vậy chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp kinh doanh xây lắp: Là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về vật tư, tài sản cố định, nhân công, dịch vụ phát sinh,... mà doanh nghiệp đã chi ra để tiến hành các hoạt động xây lắp trong một thời kỳ nhất định (*Nguồn: Giáo trình “Kế toán tài chính” NXB*

Tài chính 2007- Chủ biên: PGS.TS Nghiêm Văn Lợi).

2.2.1.1. Phân loại chi phí sản xuất.

- Phân loại theo khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm xây lắp

+ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Là tất cả chi phí vật liệu chính, vật liệu phụ, vật kết cấu, vật liệu luân chuyển cần thiết để tạo nên sản phẩm xây lắp, không bao gồm chi phí vật liệu đã tính vào CPSXC, máy thi công.

+ Chi phí nhân công trực tiếp: Là chi phí về tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp có tính chất lương của công nhân trực tiếp thi công xây lắp, không phân biệt công nhân trong danh sách hay thuê ngoài.

+ Chi phí sử dụng máy thi công: Là toàn bộ chi phí trực tiếp liên quan tới việc sử dụng xe, máy thi công phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xây lắp công trình.

+ Chi phí sản xuất chung: Là các chi phí phục vụ, quản lý ngoài các phát sinh ở tổ, đội, công trường gồm: Lương nhân viên quản lý đội (đội trưởng, đội phó..), và các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ tính chi phí dịch vụ mua ngoài và khấu hao TSCĐ dùng chung cho hoạt động của tổ, đội và các khoản chi phí bằng tiền khác.

- Phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố chi phí

+ Chi phí nguyên vật liệu: Là toàn bộ chi phí về các loại nguyên vật liệu, phụ tùng thay thế, vật liệu thiết bị xây lắp cơ bản mà doanh nghiệp đã sử dụng trong quá trình sản xuất sản phẩm.

+ Chi phí công cụ dụng cụ sản xuất: Mặt nạ hàn, ván, khuôn...

+ Chi phí nhiên liệu: Xăng, dầu mỡ, khí nén...

+ Chi phí nhân công: Là chi phí về tiền lương phải trả người lao động, các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo lương của người lao động.

+ Chi phí khấu hao TSCĐ: Bao gồm chi phí khấu hao của tất cả TSCĐ dùng vào hoạt động sản xuất xây lắp của mỗi hợp đồng xây dựng của doanh nghiệp.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài: Là số tiền phải trả cho các dịch vụ mua ngoài phục vụ cho các hoạt động sản xuất xây lắp của doanh nghiệp.

+ Chi phí khác bằng tiền: Là toàn bộ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất ở doanh nghiệp ngoài các yếu tố trên và được thanh toán bằng tiền.

- Phân loại theo mối quan hệ giữa chi phí và đối tượng chịu chi phí

+ *Chi phí trực tiếp*: Là những chi phí quan hệ trực tiếp đến từng đối tượng chịu phí (từng công trình, hạng mục công trình...) và được kế toán trực tiếp vào đối tượng chịu phí đó như: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí máy thi công và một bộ phận chi phí sản xuất chung phát sinh gắn liền với các hạng mục công trình.

+ *Chi phí gián tiếp*: Là những chi phí có liên quan đến nhiều đối tượng chịu phí như chi phí máy thi công, chi phí sản xuất chung.. có liên quan đến nhiều công trình, hạng mục công trình để xác định chi phí cho từng đối tượng cần phải dùng phương pháp và tiêu thức phân bổ thích hợp.

- Phân loại theo mối quan hệ giữa chi phí với khối lượng hoạt động

+ Chi phí cố định (định phí): Là các chi phí sản xuất không thay đổi về tổng số khi có sự thay đổi về khối lượng hoạt động như chi phí khấu hao TSCĐ tính theo phương pháp bình quân, chi phí tiền lương trả theo thời gian cố định cho nhân viên quản lý sản xuất ở các tổ, đội thi công,.. Doanh nghiệp có hoạt động hay không thì vẫn tồn tại định phí.

+ Chi phí biến đổi (biến phí): Là những chi phí có sự thay đổi về tổng số khi có sự thay đổi về khối lượng hoạt động như chi phí nguyên vật liệu trực

tiếp, chi phí nhân công trực tiếp,... Những chi phí này gia tăng tỷ lệ thuận với khối lượng hoạt động và ngược lại.

+ Chi phí hỗn hợp: Là các khoản chi phí gồm cả biến phí và định phí như chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bảo trì, sửa chữa TSCĐ,...

2.2.2. Giá thành sản phẩm và phân loại giá thành sản phẩm

2.2.2.1. Khái niệm giá thành sản phẩm

“Giá thành sản phẩm xây lắp là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật hóa để hoàn thành khối lượng sản phẩm xây lắp theo quy định” (Nguồn: Giáo trình “Kế toán tài chính” NXB Tài chính 2007- Chủ biên: PGS.TS Nghiêm Văn Lợi).

Giá thành sản phẩm xây lắp phản ánh chất lượng hoạt động sản xuất, phản ánh kết quả sử dụng các loại tài sản, vật tư, lao động, tiền vốn trong quá trình sản xuất cũng như các giải pháp kinh tế kỹ thuật mà doanh nghiệp đã sử dụng nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm. Khác với các doanh nghiệp sản xuất khác, giá thành sản phẩm xây lắp mang tính chất cá biệt, mỗi công trình, hạng mục công trình, hay khối lượng xây lắp khi đã hoàn thành đều có giá thành riêng. Giá thành sản phẩm xây lắp còn có thể bao gồm cả chi phí sản xuất của khối lượng dở dang đầu kỳ và không bao gồm chi phí của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ được chuyển sang kỳ sau trong trường hợp tính giá thành sản phẩm theo khối lượng xây lắp đạt điểm dừng kỹ thuật hợp lý. Chức năng cơ bản của giá thành là lập giá, bù đắp chi phí đầu vào và đảm bảo vẫn có lãi.

2.2.2.2. Phân loại giá thành sản phẩm xây lắp.

Có rất nhiều cách phân loại giá thành sản phẩm, tùy theo tiêu chí lựa chọn mà giá thành sản phẩm có thể được phân loại thành các trường hợp sau:

- Phân loại theo thời điểm tính giá thành và nguồn số liệu để tính giá thành.

+ Giá thành dự toán

- + Giá thành kế hoạch
- + Giá thành định mức
- + Giá thành thực tế

- Phân loại căn cứ vào phạm vi tính giá thành

+ Giá thành khối lượng xây lắp hoàn chỉnh: Là giá thành của công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành đảm bảo chất lượng và kỹ thuật đúng thiết kế, đúng hợp đồng bàn giao, được bên chủ đầu tư nghiệm thu và chấp nhận thanh toán.

+ Giá thành khối lượng xây lắp hoàn thành quy ước: Là giá thành phản ánh kịp thời chi phí sản xuất cho đối tượng xây lắp trong quá trình thi công, xây lắp từ đó giúp cho doanh nghiệp phân tích kịp thời các khoản chi phí đã chi dùng cho từng đối tượng để có biện pháp quản lý phù hợp, cụ thể.

2.2.3. Mối liên hệ giữa chi phí sản xuất với giá thành sản phẩm

Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm đều là hai mặt của quá trình hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, giữa chúng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau thể hiện ở chỗ: Chi phí sản xuất là cơ sở để tính giá thành sản phẩm còn giá thành sản phẩm lại là thước đo mức chi phí sản xuất thực tế để sản xuất ra từng loại sản phẩm. Từ đó để kiểm soát, giám sát các chi phí sản xuất đã bỏ ra. Khi giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ và cuối kỳ bằng nhau hoặc các ngành sản xuất không có sản phẩm dở dang thì tổng giá thành sản phẩm bằng tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ.

Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có đặc điểm giống nhau về bản chất đó là đều cùng biểu hiện bằng tiền những hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp xây dựng đã bỏ ra. Tuy vậy, có sự khác nhau giữa CPSX và giá thành sản phẩm.

- Chi phí sản xuất là các hao phí trong một thời kỳ, còn giá thành sản

xuất sản phẩm là xem xét mối quan hệ của chi phí với quá trình công nghệ sản xuất, chế tạo sản phẩm và đã hoàn thành.

- Về mặt lượng: Có những chi phí sản xuất không phát sinh trong kỳ nhưng được tính vào trong giá thành sản phẩm và có những chi phí sản xuất đã phát sinh trong kỳ nhưng lại không được tính vào trong giá thành sản phẩm.

Như vậy, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có mối quan hệ mật thiết với nhau mặc dù có những mặt khác nhau. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm được thể hiện như sau:

<i>Tổng giá thành sản phẩm xây lắp</i>	=	<i>Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ</i>	+	<i>Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ</i>	-	<i>Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ</i>
--	---	--	---	--	---	---

(Nguồn Giáo trình “Kế toán tài chính” NXB Tài chính 2007- Chủ biên:

PGS.TS Nghiêm Văn Lợi)

Vận dụng mối quan hệ mật thiết giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong công tác quản lý để thực hiện mục tiêu hạ giá thành sản phẩm xây lắp nhưng vẫn nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo tính cạnh tranh. Mức tiết kiệm hay lãng phí trong chi phí sẽ ảnh hưởng đến kết quả tài chính khi thi công công trình. Tính giá thành sản phẩm xây lắp dựa trên hạch toán chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp. Do đó, quản lý tốt giá thành trên cơ sở thực hiện tốt quản lý chi phí sản xuất. Áp dụng các biện pháp tiết kiệm chi phí sản xuất, tránh thất thoát, lãng phí trong thi công cũng nhằm mục tiêu hạ giá thành sản phẩm xây lắp.

2.3. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp dưới góc độ kế toán tài chính

2.3.1. Các chuẩn mực nguyên tắc kế toán chi phối đến kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm

2.3.1.1. Các chuẩn mực kế toán chi phối đến kế toán CPSX và tính giá thành SP

- Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam - VAS 01 “Chuẩn mực chung” (ban hành kèm theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) thì: “Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu”.

- Theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo thông tư 200/2014/TT-BTC có nhiều điểm khác biệt so với quyết định Quyết định 48/2006/QĐ-BTC về chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ và quyết định 15/2006/QĐ-BTC về chế độ kế toán doanh nghiệp. Sự khác biệt chủ yếu của kế toán công ty xây lắp so với các loại hình doanh nghiệp khác theo thông tư số 200/2014/TT-BTC là ở nghiệp vụ tập hợp giá thành xây lắp. Các nghiệp vụ khác phần lớn là tương tự nhau. Và phần khó nhất của bất kỳ kế toán nào cũng là ở phần tập hợp giá thành sản phẩm xây lắp.

Tài khoản tập hợp giá thành ở công ty dịch vụ vận tải là tài khoản 154. Chi tiết quy định ở thông tư số 200/2014/TT-BTC như sau:

Tài khoản 154 “Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang” phản ánh chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong kỳ; chi phí sản xuất, kinh doanh của khối lượng sản phẩm, dịch vụ hoàn thành trong kỳ; chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang đầu kỳ, cuối kỳ của các hoạt động sản xuất, kinh doanh chính, phụ và

thuê ngoài gia công chế biến ở các doanh nghiệp sản xuất hoặc ở các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, xây lắp... Tài khoản này dùng để phải được chi tiết theo địa điểm phát sinh chi phí (phân xưởng, bộ phận sản xuất, đội sản xuất, công trường,...); theo loại, nhóm sản phẩm, hoặc chi tiết, bộ phận sản phẩm; theo từng loại dịch vụ hoặc theo từng công đoạn dịch vụ.

Chuẩn mực kế toán số 03, 04 quy định về khấu hao tài sản cố định. Hai chuẩn mực quy định về cách xác định giá trị ban đầu, chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu, giá trị sau ghi nhận ban đầu, khấu hao, thanh lý tài sản cố định. Quy định về phương pháp khấu hao phải phù hợp với lợi ích kinh tế mà tài sản đem lại cho doanh nghiệp. Số khấu hao của từng kỳ được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chúng được tính vào giá trị của các tài sản khác. Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định hữu hình do doanh nghiệp xác định dựa trên mức độ sử dụng ước tính của tài sản. Bên cạnh đó chuẩn mực cũng quy định có ba phương pháp tính khấu hao tài sản cố định hữu hình gồm phương pháp khấu hao đường thẳng, phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần và theo số lượng SP. Doanh nghiệp không được tiếp tục khấu hao đối với những tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Doanh nghiệp có thể xem xét lại thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định và xem xét lại phương pháp khấu hao, cả hai trường hợp này việc xem xét thường là cuối năm tài chính. Việc xác định khấu hao hạch toán vào chi phí xây lắp có ảnh hưởng rất lớn.

2.3.1.1. Các nguyên tắc kế toán chi phối đến KTCPSX và tính giá thành SP

Ngoài các nguyên tắc chung thường sử dụng như nguyên tắc khách quan, nguyên tắc thận trọng, nguyên tắc trọng yếu... thì kế toán doanh nghiệp xây lắp thường sử dụng các nguyên tắc sau:

Nguyên tắc giá phí (giá gốc)

Khi ghi nhận các nghiệp vụ, kế toán dựa vào chi phí đã phát sinh để có được tài sản đó. Trong kế toán xây lắp giá thành của công trình xây lắp là chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra để thực hiện công trình đó đến khi nghiệm thu bàn giao cho chủ đầu tư.

Nguyên tắc nhất quán

Việc lựa chọn phương pháp tính giá thành phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp nhưng phải thống nhất phương pháp tính giá thành và sản phẩm dở dang giữa các kỳ nhằm đảm bảo tính chính xác trong việc tính giá thành và so sánh giữa các kỳ kế toán được dễ dàng.

Nguyên tắc phù hợp

Đây là một nguyên tắc vô cùng quan trọng trong hạch toán kế toán tính giá thành sản phẩm xây lắp. Vì sản phẩm xây lắp thường có giá trị lớn và thời gian thi công kéo dài vì thế nhà thầu và chủ đầu tư thường thống nhất tiến hành nghiệm thu theo giai đoạn vì vậy doanh nghiệp phải ghi nhận trước doanh thu hoặc ghi nhận doanh thu theo giai đoạn đồng thời chi phí cũng cần phải ghi nhận phù hợp với phần doanh thu đó.

2.3.2. Đối tượng kế toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp

2.3.2.1. Đối tượng kế toán chi phí sản xuất

Đối tượng kế toán chi phí sản xuất là các loại chi phí được tập hợp trong một thời gian nhất định nhằm phục vụ cho việc kiểm tra, giám sát, phân tích chi phí cũng như yêu cầu tính giá thành sản phẩm. Đối tượng kế toán chi phí sản xuất có thể là:

- + Công trình, hạng mục công trình
- + Đơn đặt hàng, bộ phận thi công

+ Từng giai đoạn công việc cụ thể

Vì vậy, chi phí sản xuất phải được tập hợp theo từng khoản mục trong phạm vi giới hạn nhất định để phục vụ cho công việc tính giá thành sản phẩm.

2.3.2.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp

Trong doanh nghiệp xây lắp, phải xác định được đối tượng tính giá thành thì mới có thể tính được giá thành sản phẩm. Cụ thể đối tượng tính giá thành thường là công trình, hạng mục công trình hoàn thành hay khối lượng xây lắp hoàn thành quy ước.

Khối lượng xây lắp hoàn thành quy ước là khối lượng xây lắp chưa kết thúc toàn bộ công tác quy định trong thiết kế kỹ thuật mà chỉ kết thúc việc thi công đến một giai đoạn nhất định gọi là điểm dừng kỹ thuật hợp lý và phải đảm bảo chất lượng. Đặc điểm của hoạt động thi công xây lắp là thời gian thi công dài, giá trị công trình lớn. Vì vậy ngoài việc phải xác định giá thành công trình, hạng mục công trình theo đúng thiết kế dự toán được chủ đầu tư nghiệm thu và chấp nhận thanh toán, trong kỳ báo cáo có thể có một bộ phận công trình hoặc khối lượng công việc hay giai đoạn công việc hoàn thành nghiệm thu bàn giao cho người nhận thầu và được thanh toán. Điều này đòi hỏi phải tính được giá thành của khối xây lắp hoàn thành quy ước.

2.3.2.3. Mối quan hệ giữa đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm về cơ bản giống nhau ở chỗ chúng đều là những phạm vi, giới hạn để tập hợp chi phí. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất có nội dung khác với đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp. Xác định đối tượng tập hợp CPSX là căn cứ để tổ chức ghi chép ban đầu, mở các sổ chi tiết, tập hợp chi phí sản xuất chi tiết cho từng đối, thực hiện chế độ hạch toán kế toán trong nội bộ doanh nghiệp.

Việc xác định đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp là căn cứ để kế toán lập bảng tính giá thành sản phẩm, tổ chức công tác giá thành theo từng đối tượng, phục vụ cho việc kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch giá thành, tính toán xác định kết quả.

Mặc dù vậy, giữa đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm lại có mối quan hệ mật thiết, thể hiện:

- Một đối tượng tập hợp chi phí sản xuất tương ứng với một đối tượng tính giá thành liên quan.

- Một đối tượng tập hợp chi phí sản xuất tương ứng với nhiều đối tượng tính giá thành liên quan.

Nhiều đối tượng tập hợp chi phí sản xuất tương ứng với một đối tượng tính giá thành liên quan. Số liệu về chi phí đã tập hợp được trong kỳ theo từng đối tượng tập hợp chi phí là cơ sở và căn cứ để tính giá thành sản phẩm xây lắp cho từng đối tượng tính giá thành có liên quan.

2.3.3. Phương pháp kế toán chi phí sản xuất

2.3.3.1. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất

- + Phương pháp kế toán chi phí theo công trình, hạng mục công trình: Chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến công trình, hạng mục công trình nào thì tập hợp cho công trình, hạng mục công trình đó theo phương pháp trực tiếp hoặc gián tiếp.

- + Phương pháp kế toán chi phí sản xuất theo đơn vị thi công (công trường, đội thi công..)

- + Phương pháp kế toán theo khối lượng công việc hoàn thành, theo phương pháp này toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ nhất định được tập hợp cho đối tượng tập hợp chi phí. Giá thành thực tế của khối lượng công tác xây lắp hoàn thành là toàn bộ chi phí bỏ ra trong giai đoạn thi công khối lượng công

tác xây lắp đó.

Trên thực tế có một số yếu tố chi phí phát sinh liên quan đến nhiều đối tượng, do đó phải tiến hành phân bổ các khoản chi phí này một cách chính xác và hợp lý theo một trong các phương pháp phân bổ sau:

+ Phương pháp tập hợp chi phí trực tiếp

Phương pháp này áp dụng cho các khoản mục chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất đã xác định. Chi phí được phân bổ trực tiếp cho các đối tượng. Sử dụng phương pháp này đòi hỏi tổ chức kế toán ban đầu phải chặt chẽ, chính xác theo đúng đối tượng CPSX.

+ Phương pháp tập hợp và phân bổ gián tiếp

Phương pháp này được sử dụng để tập hợp các chi phí gián tiếp, đó là các chi phí phát sinh liên quan đến nhiều công trình, hạng mục công trình mà kế toán không thể tập hợp trực tiếp các chi phí này cho từng đối tượng đó

Để xác định chi phí cho từng đối tượng cụ thể phải lựa chọn các tiêu chuẩn hợp lý và tiến hành phân bổ các chi phí đó cho từng đối tượng. Việc phân bổ chi phí cho từng đối tượng được tiến hành như sau:

Bước 1: Xác định hệ số phân bổ theo công thức:

$$H = C : T$$

Trong đó: H: Hệ số phân bổ chi phí

C: Là tổng chi phí cần phân bổ cho các đối tượng

T: Tổng đại lượng tiêu chuẩn phân bổ của các đối tượng cần phân bổ chi phí

Bước 2: Xác định chi phí cần phân bổ cho từng đối tượng kế toán chi phí cụ thể:

$$C_i = H \times T_i$$

Trong đó: C_i : Phần chi phí phân bổ cho đối tượng i

T_i : Đại lượng tiêu chuẩn phân bổ dùng để phân bổ chi phí của đối tượng i .

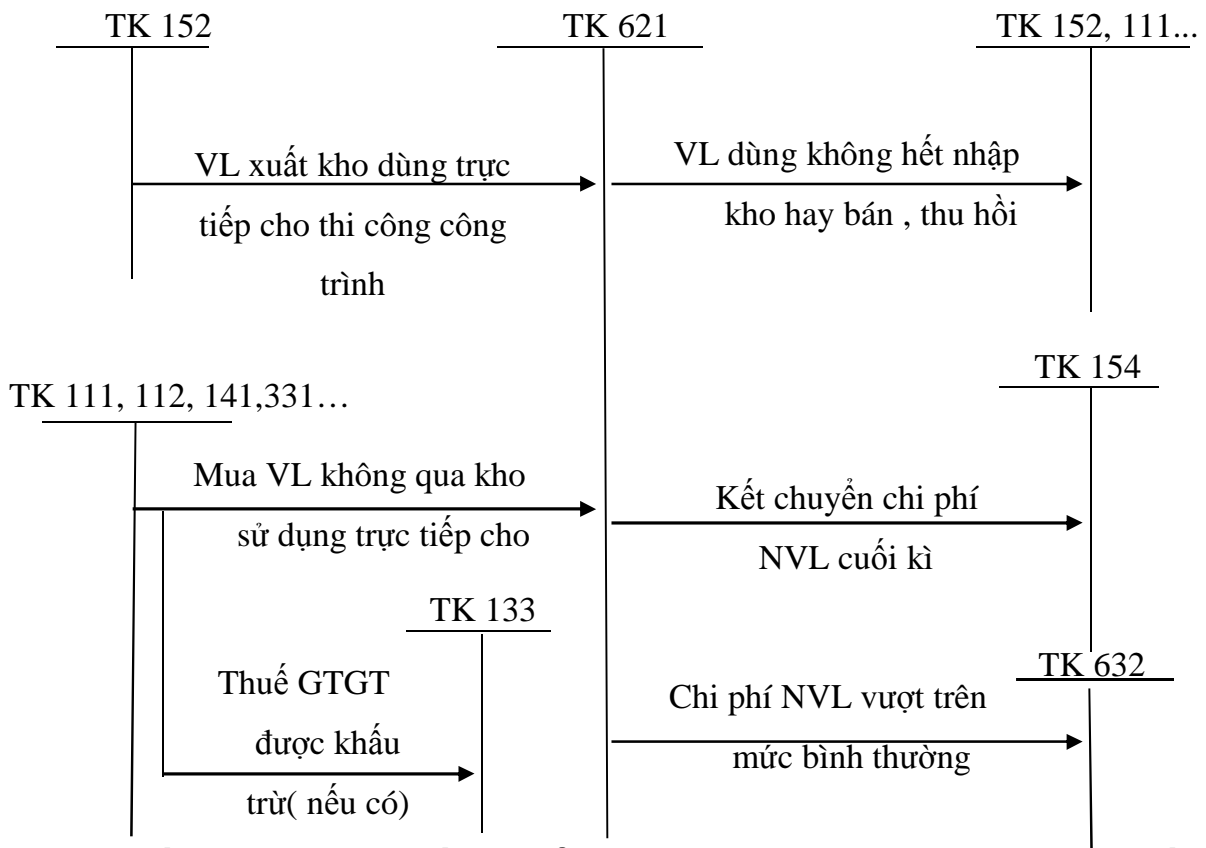
Kế toán chi phí sản xuất xây lắp theo đúng đối tượng quy định và phương pháp kế toán hợp lý có tác dụng cho việc tăng cường quản lý chi phí sản xuất và phục vụ cho công tác tính giá thành sản phẩm được kịp thời.

2.3.3.2. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

- Chứng từ kế toán sử dụng: Phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT, bảng phân bổ nguyên liệu vật liệu, bảng kê thanh toán tạm ứng.

- Tài khoản sử dụng: TK 621- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Trình tự kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được khái quát theo sơ đồ:



Sơ đồ 2. 1: Trình tự kế toán tổng hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

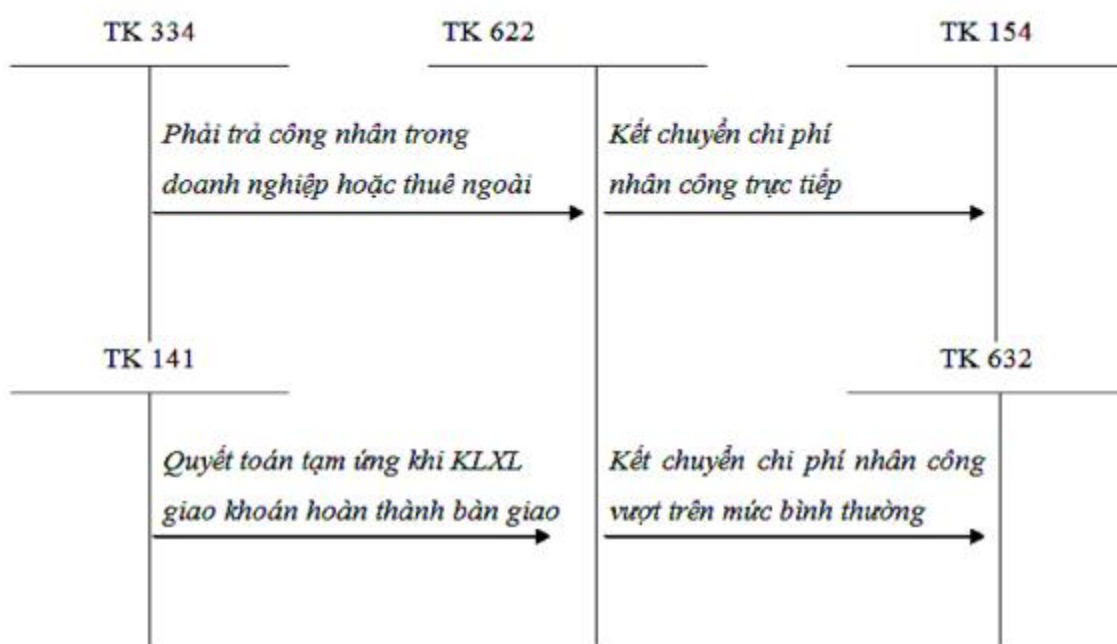
2.3.3.3. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp trong xây lắp gồm: Tiền lương, tiền công, phụ cấp phải trả cho người lao động, các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ) được tính vào chi phí theo quy định hiện hành.

- Chứng từ sử dụng: Bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương, bảng trích bảo hiểm, tiền thưởng, hợp đồng giao khoán, phiếu xác nhận sản phẩm hoặc công việc hoàn thành, phiếu báo làm việc ngoài giờ,...

- Tài khoản sử dụng: Kế toán sử dụng TK 622 - “Chi phí nhân công trực tiếp” để phản ánh chi phí về nhân công trực tiếp thực tế tham gia vào quá trình hoạt động xây lắp, bao gồm các khoản phải trả cho người lao động thuộc quản lý của DN và lao động thuê ngoài theo từng loại công việc. Cuối kỳ kết chuyển CP NCTT vào bên Nợ TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”. TK 622 không có số dư cuối kỳ.

Trình tự kế toán chi phí nhân công trực tiếp được khái quát theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 2. 2: Trình tự kế toán tổng hợp chi phí nhân công trực tiếp

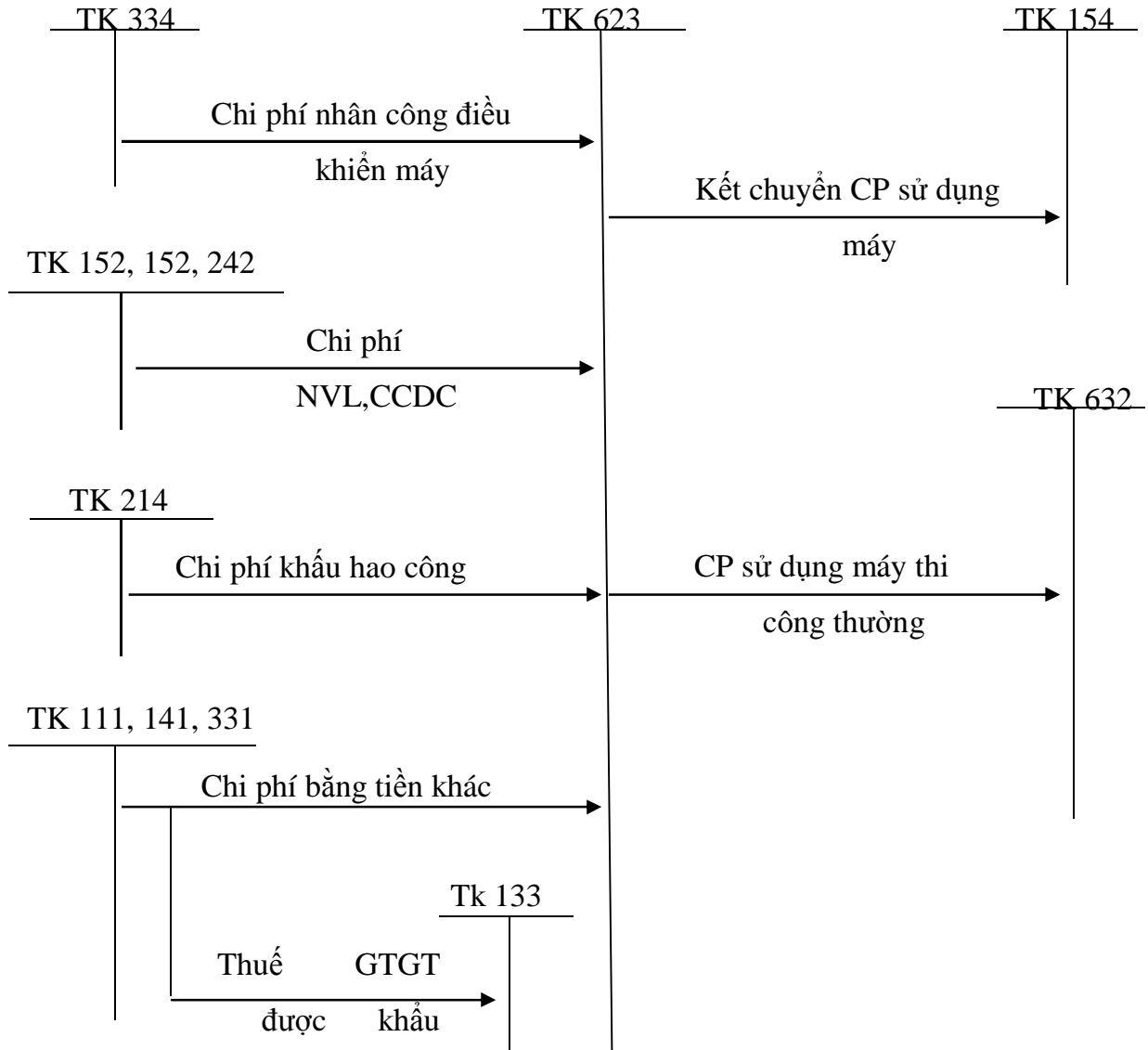
2.3.3.4. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công

- Chứng từ sử dụng: Để hạch toán chi phí này, kế toán căn cứ để hạch toán là hợp đồng thuê máy, hóa đơn, bảng chấm công.

- Tài khoản sử dụng: Kế toán sử dụng TK 623 - Chi phí sử dụng máy thi

công. Tài khoản này dùng để tập hợp và phân bổ chi phí sử dụng máy thi công phục vụ trực tiếp xây lắp công trình. TK 623 không có số dư cuối kỳ.

Trình tự kế toán chi phí sử dụng máy thi công được khái quát theo sơ đồ sau:

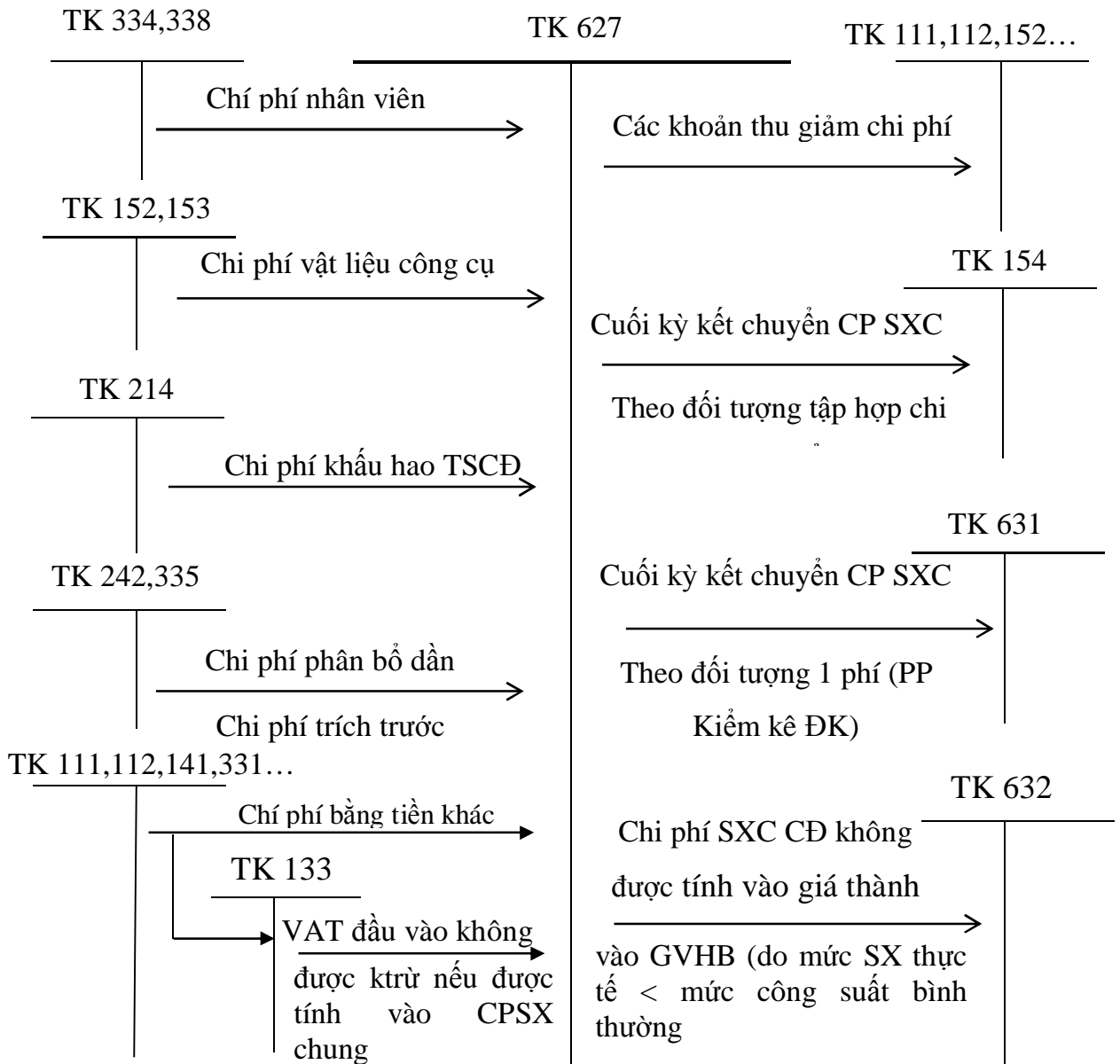


Sơ đồ 2. 3: Trình tự kế toán tổng hợp chi phí sử dụng máy thi công

2.3.3.5. Kế toán chi phí sản xuất chung

- Chứng từ sử dụng: Bảng chấm công, hóa đơn mua hàng, bảng phân bổ khấu hao tài sản cố định, bảng kê xuất vật tư, CCDC, bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương... để tập hợp chi phí sản xuất chung.

Trình tự kế toán chi phí sản xuất chung được khái quát theo sơ đồ sau:



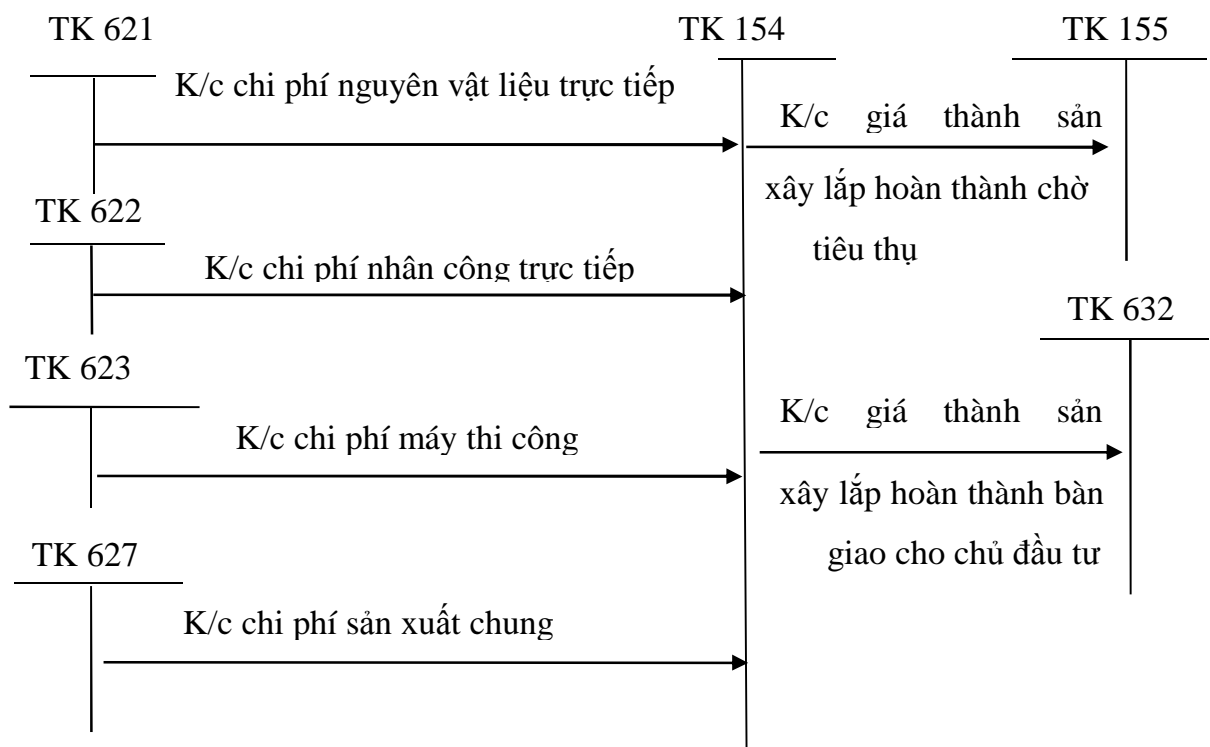
Sơ đồ 2. 4: Trình tự kế toán tổng hợp chi phí chung

- Tài khoản sử dụng: TK 627 “Chi phí sản xuất chung” để hạch toán chi phí sản xuất chung. Chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được ghi vào giá vốn hàng bán. TK 627 không có số dư cuối kỳ, được mở chi tiết cho từng phân xưởng, bộ phận, không sử dụng cho hoạt động thương mại.

2.3.3.6. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp

Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất xây lắp để tính giá thành sản phẩm thường được tiến hành vào cuối kỳ kế toán hoặc khi công trình hoàn thành toàn bộ. Trên cơ sở các bảng tính và phân bổ các khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung cho các đối tượng tập hợp chi phí đã được xác định. Việc tổng hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp được thực hiện theo từng công trình, hạng mục công trình.

Trình tự kế toán chi phí và tính giá thành SPXL được khái quát theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 2. 5: Kế toán tổng hợp chi phí sản phẩm xây lắp

2.3.4. Phương pháp đánh giá SPDD trong kinh doanh xây lắp

Sản phẩm dở dang là khối lượng sản phẩm, công việc còn đang trong quy trình sản xuất, chế biến, đang nằm trên dây chuyền công nghệ hoặc đã hoàn thành một vài quy trình chế biến nhưng vẫn phải gia công chế biến tiếp mới trở thành sản phẩm hoàn thành.

Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang mà DN xây lắp thường áp dụng là: Đánh giá theo giá dự toán và mức độ hoàn thành của sản phẩm xây lắp dở dang. Áp dụng đối với các trường hợp công trình, hạng mục công trình bàn giao thanh toán theo từng giai đoạn hoàn thành, sản phẩm dở dang là các giai đoạn xây lắp chưa hoàn thành.

+ Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí dự toán: Được áp dụng trong trường hợp cụ thể đó là đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành trùng nhau.

+ Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo tỉ lệ hoàn thành tương đương: Phương pháp này áp dụng chủ yếu đối với việc đánh giá sản phẩm dở dang của công tác lắp đặt. Sản phẩm dở dang cuối kì phải chịu toàn bộ các khoản chi phí phát sinh theo mức độ hoàn thành của sản phẩm.

2.3.5. Phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp

Phương pháp tính giá thành sản phẩm là phương pháp sử dụng số liệu CPSX đã tập hợp được trong kỳ và các tài liệu liên quan để tính toán tổng giá thành sản xuất và giá thành đơn vị sản xuất thực tế của sản phẩm, dịch vụ đã hoàn thành theo từng đối tượng tính giá thành và từng khoản mục chi phí.

2.3.5.1. Phương pháp tính giá thành giản đơn (phương pháp tính trực tiếp)

Phương pháp này được áp dụng trong các doanh nghiệp thuộc loại hình sản xuất giản đơn, số lượng mặt hàng ít, sản xuất với khối lượng lớn và chu kì sản xuất ngắn như các nhà máy điện, nước, các doanh nghiệp khai thác (quặng,

than, gỗ..) Đối tượng kế toán chi phí là từng loại sản phẩm, dịch vụ. Đối tượng kế toán chi phí trùng với đối tượng hạch toán giá thành. Ngoài ra, phương pháp còn được áp dụng cho những doanh nghiệp tuy có quy trình sản xuất phức tạp nhưng sản xuất khối lượng lớn và ít loại sản phẩm, mỗi loại sản phẩm được sản xuất trong những phân xưởng riêng biệt.

Ưu điểm: Dễ hạch toán do số lượng mặt hàng ít, việc hạch toán thường được tiến hành vào cuối tháng trùng với kì báo cáo nên dễ dàng đối chiếu, theo dõi.

Nhược điểm: Chỉ áp dụng được cho doanh nghiệp sản xuất số lượng mặt hàng ít khối lượng lớn, doanh nghiệp sản xuất độc quyền một loại sản phẩm, chu kì sản xuất ngắn, sản phẩm dở dang (phế liệu thu hồi) ít hoặc không đáng kể như các doanh nghiệp khai thác than,...các doanh nghiệp sản xuất động lực.

Công thức tính giá thành sản phẩm:

<i>Giá thành thực tế sản phẩm xây lắp</i>	=	<i>Chi phí sản xuất dở dang đầu kì</i>	+	<i>Chi phí sản xuất phát sinh trong kì</i>	-	<i>Chi phí sản xuất dở dang cuối kì</i>
---	---	--	---	--	---	---

(Nguồn Giáo trình “Kế toán tài chính” NXB Tài chính 2007- Chủ biên:

PGS.TS Nghiêm Văn Lợi)

Trong trường hợp, nếu đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là cả công trình nhưng yêu cầu thực tế là phải tính riêng giá thành cho từng hạng mục công trình, kế toán có thể căn cứ vào chi phí tập hợp được và hệ số kinh tế kĩ thuật đã quy định cho từng hạng mục công trình để tính giá thành thực tế theo công thức sau:

<i>Giá thành thực tế của từng hạng mục công trình</i>	=	<i>Giá trị dự toán của hạng mục công trình</i>	<i>x</i>	<i>Tỷ lệ phân bổ giá thành thực tế (%)</i>
---	---	--	----------	--

Trong đó, hệ số phân bổ được xác định bằng công thức:

$$H = \frac{\sum C}{\sum G_{dt}} \times 100 \quad \%$$

- + H: Tỷ lệ phân bổ giá thành thực tế (%)
- + C: Tổng chi phí thực tế của cả công trình
- + G_{dt} : Tổng giá trị dự toán của tất cả hạng mục công trình.

Để phục vụ cho việc tính giá thành, kế toán doanh nghiệp lập bảng tính giá thành theo từng loại sản phẩm, dịch vụ.

2.3.5.2. Phương pháp tính giá thành theo định mức

Phương pháp này áp dụng đối với các doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất ổn định, có hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí, dự toán chi phí tiên tiến, hợp lý, sát thực tế, chế độ ghi chép ban đầu ở các bộ phận làm tốt. Tính theo phương pháp này nhằm kiểm tra tình hình thực tế định mức, tình hình sử dụng hợp lý, tiết kiệm định mức.

Công thức tính giá thành theo định mức như sau:

Giá thành thực tế của sản phẩm	=	Giá thành định mức của sản phẩm	+	Chênh lệch do thay đổi định mức	+	Chênh lệch so với định mức
--------------------------------	---	---------------------------------	---	---------------------------------	---	----------------------------

(Nguồn Giáo trình “Kế toán tài chính” NXB Tài chính 2007- Chủ biên:

PGS.TS Nghiêm Văn Lợi)

Trong đó:

- + Chênh lệch do thay đổi định mức là: số chênh lệch do định mức chi phí hiện hành thay đổi.
- + Chênh lệch so với định mức là: số chênh lệch so sánh giữa chi phí phát sinh thực tế với định mức chi phí theo từng khoản mục.

Ưu điểm: Phương pháp này giúp nhà quản lý có thể phát hiện nhanh

chóng những chi phí phát sinh thực tế so với định mức của từng khoản mục, từng nơi phát sinh chi phí cũng như đối tượng chịu CP cũng như nguyên nhân phát sinh... Giúp cho nhà quản lý đưa ra những quyết định kịp thời nhằm tiết kiệm chi phí, ngăn chặn lãng phí, sử dụng CP có hiệu quả nhằm hạ thấp giá thành sản phẩm.

Nhược điểm: Kế toán phải tính giá thành định mức các loại sản phẩm ngay từ đầu mỗi tháng trên cơ sở các định mức chi phí tiên tiến hiện hành làm cơ sở cho việc tính giá thành sản xuất thực tế của sản phẩm sau này. Đây là phương pháp tính phức tạp vì khi tính giá thành định mức các loại sản phẩm, kế toán phải tính riêng từng khoản mục chi phí cấu tạo nên giá thành sản phẩm theo những cách thức khác nhau.

2.3.5.3. Phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng (tổng cộng chi phí)

Mỗi đơn đặt hàng ngay từ khi bắt đầu thi công được mở một phiếu tính giá thành (bảng tính giá thành theo đơn đặt hàng). Chi phí sản xuất phát sinh được tập hợp cho từng đơn đặt hàng bằng phương pháp trực tiếp hoặc gián tiếp. Cuối kỳ, căn cứ vào chi phí sản xuất tập hợp được cho từng đơn đặt hàng theo từng khoản mục chi phí để ghi vào bảng tính giá thành của đơn đặt hàng tương ứng. Khi có chứng từ chứng minh đơn đặt hàng hoàn thành, kế toán thực hiện tính giá thành đơn đặt hàng (công trình, hạng mục công trình) hoàn thành bằng cách cộng lũy kế chi phí từ khi bắt đầu thi công đến khi đơn hàng hoàn thành ngay trên bảng tính giá thành của đơn đặt hàng đó. Đối với các đơn đặt hàng chưa hoàn thành, cộng chi phí lũy kế từ khi bắt đầu thi công đến thời điểm xác định giá trị sản phẩm xây lắp dở dang. Bảng tính giá thành của các đơn đặt hàng chưa xong được coi là các báo cáo chi phí sản xuất xây lắp dở dang.

Trường hợp một đơn đặt hàng gồm một số hạng mục công trình thì sau khi tính giá thành cho đơn đặt hàng hoàn thành, kế toán thực hiện tính giá thành cho

từng hạng mục công trình bằng cách căn cứ vào giá thành thực tế của đơn đặt hàng hoàn thành và giá thành dự toán của các hạng mục công trình đó, công thức tính như sau:

$$Z_i = \frac{Z_{đđh}}{Z_{dt}} \times Z_{idt}$$

Trong đó:

Z_i : Giá thành sản xuất thực tế của hạng mục công trình i.

$Z_{đđh}$: Giá thành thực tế của đơn đặt hàng hoàn thành.

Z_{dt} : Giá thành dự toán của hạng mục CT thuộc đơn đặt hàng hoàn thành.

Z_{idt} : Giá thành dự toán của hạng mục công trình i.

2.4. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp dưới góc độ kế toán quản trị

Kế toán quản trị là môn khoa học thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về hoạt động của doanh nghiệp một cách cụ thể phục vụ cho các nhà quản trị trong việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra và đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch các hoạt động của doanh nghiệp.

Kế toán quản trị chi phí là một bộ phận của kế toán quản trị, chuyên thực hiện việc xử lý và cung cấp các thông tin về chi phí nhằm phục vụ cho việc thực hiện các chức năng của nhà quản trị như: Hoạch định, tổ chức thực hiện, kiểm tra và ra quyết định. Nội dung của kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp dưới góc độ kế toán quản trị bao gồm:

- Lập dự toán chi phí sản xuất kinh doanh
- Xác định đánh giá chi phí đơn vị sản phẩm
- Phân tích, đánh giá tình hình thực hiện chi phí bộ phận theo từng trung tâm chi phí
- Phân tích mối quan hệ giữa chi phí với khối lượng và lợi nhuận

- Phân tích thông tin chi phí để lựa chọn thông tin thích hợp cho các quyết định kinh doanh.

2.4.1. Định mức chi phí và hệ thống dự toán

2.4.1.1. Định mức chi phí

Việc xây dựng hệ thống định mức CPSX là công việc hết sức quan trọng, bao gồm việc xây dựng định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung. Thực hiện tốt công tác này sẽ tạo ra một hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả các hoạt động phát sinh chi phí, sự biến động của từng chi phí. Mặt khác, nếu xây dựng được định mức tốt còn giúp việc nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực của DN, tạo nền tảng trong việc lập kế hoạch và dự toán sản xuất kinh doanh.

Định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được xác định theo công thức tổng quát sau:

$$\begin{array}{l} \text{Định mức chi phí} \\ \text{NVL trực tiếp cho} \\ \text{một đơn vị Sp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Định mức giá} \\ \text{nguyên vật liệu} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Định mức lượng} \\ \text{nguyên vật liệu tiêu hao} \end{array}$$

(Nguồn: Thông tư 06/2016/TT-BXD)

Định mức chi phí nhân công trực tiếp được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Định mức chi phí} \\ \text{nhân công trực tiếp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá nhân công trực} \\ \text{tiếp theo định mức} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Định mức lượng thời} \\ \text{gian lao động trực tiếp} \\ \text{cho một sản phẩm} \end{array}$$

(Nguồn: Thông tư 06/2016/TT-BXD)

Định mức chi phí sản xuất chung: Định mức chi phí sản xuất chung xác định theo từng khoản mục phát sinh chi phí, được xác định theo mức giá và thời gian cho phép đối với chi phí nhân công phục vụ cho phân xưởng sản xuất, định mức nguyên vật liệu, khấu hao máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ dùng ở

phân xưởng sản xuất.

Tổng hợp các định mức chi phí sản xuất cho một đơn vị sản phẩm như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Định mức chi phí} \\ \text{một sản phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Định mức chi phí nguyên} \\ \text{vật liệu trực tiếp} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Định mức chi phí sản} \\ \text{xuất chung} \end{array}$$

(Nguồn: Thông tư 06/2016/TT-BXD)

2.4.1.2. Hệ thống dự toán chi phí sản xuất

Dự toán là việc tính toán, dự kiến phối hợp giữa các mục tiêu cần đạt được với khả năng huy động các nguồn lực trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh theo các chỉ tiêu số lượng, giá trị trong khoảng thời gian nhất định trong tương lai. Dự toán chi phí là phương tiện thông tin cung cấp cho các chức năng hoạch định và kiểm soát chi phí của nhà quản trị nhằm đo lường, chấn chỉnh quá trình thực hiện chi phí trong từng bộ phận cụ thể để đảm bảo cho quá trình thực hiện mục tiêu của doanh nghiệp.

* **Tổng dự toán công trình:** Là tổng mức chi phí cần thiết cho việc đầu tư xây dựng công trình thuộc dự án được tính toán cụ thể ở giai đoạn thiết kế kỹ thuật thi công. Tổng dự toán công trình được xác định trên cơ sở năng lực sản xuất theo thiết kế, khối lượng công tác chủ yếu và suất đầu tư, giá chuẩn, đơn giá tổng hợp do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Công thức sau xác định tổng dự toán công trình:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng dự} \\ \text{toán công} \\ \text{trình} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị dự} \\ \text{toán xây} \\ \text{lắp (Gxl)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá trị dự toán} \\ \text{mua sắm thiết} \\ \text{bị (Gtb)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Dự toán} \\ \text{các chi phí} \\ \text{khác (Gk)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Dự toán chi} \\ \text{phí dự phòng} \\ \text{(Gdp)} \end{array}$$

(Nguồn: Thông tư 06/2016/TT-BXD)

Trong đó:

Giá trị dự toán xây lắp (Gxl) công trình là toàn bộ các chi phí về xây dựng và lắp đặt của từng hạng mục công trình, kết cấu của công trình đó, bao gồm chi phí xây lắp các hạng mục xây dựng mới và các hạng mục xây lắp khác.

Giá trị dự toán mua sắm thiết bị (Gtb) bao gồm chi phí mua sắm thiết bị công nghệ và các trang thiết bị khác phục vụ xây lắp công trình, chi phí vận chuyển, bảo dưỡng tại hiện trường, thuế và phí bảo hiểm thiết bị công trình.

Dự toán các chi phí khác (Gk) bao gồm chi phí ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư như chi phí điều tra, khảo sát, tư vấn đầu tư, tuyên truyền quảng cáo,... chi phí ở giai đoạn thực hiện đầu tư, chi phí ở giai đoạn kết thúc xây dựng đưa công trình vào khai thác sử dụng.

Dự toán chi phí dự phòng (Gdp) là các khoản dự phòng cho các khối lượng phát sinh do thay đổi thiết kế theo yêu cầu của chủ đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, dự phòng cho các khối lượng phát sinh không lường trước được, dự phòng trượt giá, lạm phát...

*** Dự toán xây lắp hạng mục công trình**

+ Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Được lập trên cơ sở dự toán khối lượng xây lắp, định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chênh lệch về vật liệu (nếu có).

Công thức xác định dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp như sau:

$$\text{Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp} = \sum_{i=1}^n \left(\begin{array}{l} \text{Dự toán} \\ \text{khối lượng} \\ \text{công tác} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Định mức} \\ \text{phí vật liệu} \\ \text{của công tác} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Chênh} \\ \text{lệch vật} \\ \text{liệu} \end{array} \right)$$

công trình sẽ phân bổ chi phí sản xuất chung của toàn bộ dự án cho từng hạng mục theo tỷ trọng chi phí trực tiếp của từng công trình.

Công thức xác định dự toán chi phí sản xuất chung:

$$\text{Dự toán chi phí sản xuất chung} = \text{Định mức chi phí chung (\%)} \times \text{Chi phí trực tiếp}$$

(Nguồn: Thông tư 06/2016/TT-BXD)

***Lập dự toán giá thành sản phẩm xây lắp**

Giá thành sản phẩm xây lắp là một phần của chi phí sản xuất và xã hội để thực hiện công tác xây dựng (tức là 1 phần của Gxd), là bộ phận chi phí mà doanh nghiệp sử dụng để thực hiện công tác xây lắp. Như vậy, giá thành sản phẩm xây lắp là tất cả các chi phí bằng tiền mà doanh nghiệp sử dụng để thực hiện công tác xây lắp, nó bao gồm các chi phí trực tiếp và chi phí chung.

Giá thành xây lắp được dự toán căn cứ vào dự toán các khoản mục chi phí như: dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, dự toán chi phí nhân công trực tiếp, dự toán chi phí sử dụng máy thi công, dự toán chi phí sản xuất chung.

2.4.2. Xác định trung tâm chi phí trong doanh nghiệp xây lắp

Trung tâm chi phí là một bộ phận có mối quan hệ rõ ràng giữa các chi phí của các nguồn lực với các sản phẩm hoặc dịch vụ của bộ phận đó, mà các nhà quản trị của nó chỉ chịu trách nhiệm đối với các chi phí có thể kiểm soát phát sinh trong bộ phận đó. Người đứng đầu trung tâm chi phí chính là người quản lý các bộ phận được phân quyền quyết định về cơ cấu chi phí và các yếu tố đầu vào. Để đánh giá hiệu quả hoạt động của các trung tâm chi phí cần phải lập dự toán và báo cáo hoạt động theo từng trung tâm. Các chỉ tiêu được sử dụng để đánh giá hiệu quả hoạt động của các trung tâm chi phí thường là tỷ lệ

chi phí thực tế so với dự toán, tỷ lệ giảm chi phí so với năm trước, giá thành đơn vị sản phẩm hoặc tỷ lệ giảm giá thành.

Thành quả của các trung tâm chi phí thường được đánh giá bằng việc so sánh chi phí thực tế với chi phí dự toán và phân tích các chênh lệch phát sinh.

Đối với các doanh nghiệp xây lắp trung tâm trách nhiệm chi phí được hình thành tại tổ, đội xây lắp và các phòng ban chuyên trách như phòng Kế toán - tài chính, phòng Hành chính - trị sự, Phòng Kỹ thuật...

2.4.3. Báo cáo kế toán quản trị trong doanh nghiệp xây lắp

- Báo cáo sản xuất

Báo cáo sản xuất là báo cáo chi tiết về tình hình chi phí phát sinh tại phân xưởng sản xuất và kết quả hoàn thành nhằm cung cấp thông tin cho các cấp quản trị để từ đó ra quyết định phù hợp.

Báo cáo sản xuất có vai trò như các phiếu chi phí công việc trong việc tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm. từ những thông tin trên báo cáo sản xuất, các nhà quản trị biết được kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để có căn cứ đưa ra quyết định sản xuất và tiêu thụ với một mức sản lượng nhất định hay thi công một công trình với một tiến độ thích hợp. Báo cáo chi phí sản xuất có ý nghĩa quan trọng với các nhà quản trị doanh nghiệp trong việc kiểm soát chi phí và đánh giá chất lượng thi công của từng phân đội.

- Báo cáo giá thành sản phẩm

Cung cấp thông tin về tổng giá thành sản xuất thực tế của từng công trình, hạng mục công trình trên cơ sở đó so với giá thành kế hoạch để đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành của từng đơn vị trong doanh nghiệp, đồng thời cung cấp thông tin cho việc lập kế hoạch và đưa ra các quyết định liên quan đến việc định giá sản phẩm tương tự.

Phương pháp lập: Liệt kê các chỉ tiêu giá thành kế hoạch, giá thành thực tế cho từng công trình, hạng mục công trình, tổng giá thành cho từng đơn vị thuộc doanh nghiệp, mỗi đối tượng tính giá thành được theo dõi trên một dòng.

- Báo cáo thực hiện kế hoạch

Báo cáo này cung cấp thông tin về thực hiện kế hoạch trong kỳ báo cáo thông qua các chỉ tiêu trên báo cáo để giúp ban lãnh đạo doanh nghiệp đánh giá đúng tình hình doanh nghiệp và đưa ra các giải pháp nhằm giúp doanh nghiệp thực hiện tốt hơn những chỉ tiêu kế hoạch sẽ đưa ra trong kỳ tiếp theo.

Cơ sở lập là các báo cáo chi tiết, báo cáo tổng hợp phản ánh thực tế tình hình doanh nghiệp trong kỳ và cùng kỳ năm trước, các dự toán ngân sách, các kế hoạch đã lập đầu kỳ.

2.4.4. Phân tích mối quan hệ giữa CVP trong các doanh nghiệp xây lắp

Ngày nay, kế toán quản trị đã trở thành một nội dung quan trọng và cần thiết cho các nhà quản trị doanh nghiệp, trong đó phân tích mối quan hệ giữa CVP đã tỏ ra là một công cụ hữu ích hỗ trợ cho nhà quản trị khi chọn lọc thông tin phù hợp trong quá trình ra quyết định.

- Thông tin về tài chính doanh nghiệp: Biểu hiện trên các báo cáo kế toán. Báo cáo kế toán quản trị phản ánh một cách chi tiết, cụ thể tình hình sử dụng tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Những thông tin này giúp nhà quản trị doanh nghiệp đánh giá, phân tích và dự đoán tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và hướng phát triển của doanh nghiệp từ đó đề ra các quyết định đúng đắn trong quản lý sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp.

- Thông tin phi tài chính: Người làm kế toán quản trị ngày nay cần phải

hiểu và nắm bắt được thông tin ở các lĩnh vực chức năng khác như thông tin về thị trường, giá cả, cạnh tranh, marketing và các thông tin về tài chính khác.

Việc phân tích thông qua mô hình CVP không chỉ giúp việc lựa chọn dây chuyền sản xuất, định giá bán sản phẩm, xây dựng chiến lược tiêu thụ, chiến lược marketing nhằm khai thác có hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà còn giúp ích nhiều cho việc xem xét rủi ro của doanh nghiệp.

Phân tích CVP nhằm xác định một mô hình với các biến kinh doanh gắn liền với lợi nhuận can thiệp nhằm mô tả mối quan hệ giữa lợi nhuận kinh doanh của một doanh nghiệp với chi phí, khối lượng hoạt động, giá bán. Các nội dung để phân tích mối quan hệ CVP bao gồm: Lãi gộp, tỉ lệ lãi gộp, kết cấu chi phí, đòn bẩy kinh doanh, điểm hòa vốn. Cụ thể:

Lãi gộp: Là số tiền còn lại của doanh thu bán hàng sau khi đã trừ đi các chi phí biến đổi. Chính vì vậy, nó là khoản để bù đắp các chi phí cố định trong DN và tạo ra lợi nhuận cho kỳ.

- *Tỉ lệ lãi gộp*: Là tỉ số giữa tổng số lãi gộp với tổng doanh thu tiêu thụ. Trong điều kiện biến phí không đổi, tỷ lệ lãi gộp cho biết cứ một đồng doanh số tăng thêm thì số lãi gộp sẽ tăng bao nhiêu đồng. Lãi gộp là căn cứ để nhà quản lý xác định được mức thu nhập của từng công trình, hạng mục công trình.

- *Đòn bẩy kinh doanh*: Là tỉ lệ lãi gộp so với thu nhập thuần. Đối với nhà quản lý, đòn bẩy có nghĩa là bằng cách nào đó doanh nghiệp có thể đạt được lợi nhuận và sự tăng nhỏ hơn về doanh số hoặc khối lượng sản phẩm. Độ lớn của đòn bẩy kinh doanh sẽ tỷ lệ nghịch với tỷ lệ định phí trong doanh nghiệp.

- *Điểm hòa vốn*: Là tại một điểm ở đó doanh thu của doanh nghiệp đủ trang trải các khoản chi phí bỏ ra hay là điểm mà tại đó lãi gộp bằng tổng chi phí bất biến. Điểm hòa vốn được xác định theo hai cách: Bằng phương pháp

phương trình và bảng phương pháp lãi gộp tính cho một đơn vị sản phẩm.

Nghiên cứu mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận là xem xét mối quan hệ biện chứng giữa các nhân tố giá nhận thầu công trình, khối lượng công tác xây lắp hoàn thành, các chi phí bỏ ra theo định phí và biến phí và sự tác động của chúng tới lợi nhuận của doanh nghiệp.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong chương 2 Luận văn đã trình bày các vấn đề thuộc cơ sở lý luận về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp. Từ phân tích đặc điểm hoạt động kinh doanh xây lắp ảnh hưởng đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp, vai trò, nhiệm vụ của kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm xây lắp. Luận văn đã trình bày bản chất của chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm dưới góc độ kế toán tài chính và góc độ kế toán quản trị.

Dưới góc độ kế toán tài chính, Luận văn đã trình bày được đối tượng, phương pháp hạch toán CPSX và tính giá thành sản phẩm xây lắp cũng như trình tự hạch toán CPSX, các phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ và tính giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành.

Dưới góc độ kế toán quản trị, Luận văn đã đề cập được nội dung của kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm, các phương pháp xác định CPSX, xây dựng hệ thống định mức và lập dự toán CPSX cũng như phân tích mối quan hệ giữa CPV phục vụ cho việc xây dựng các báo cáo quản trị về chi phí và giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp.

Bên cạnh đó, luận văn cũng khái quát được cơ chế khoán trong các doanh nghiệp xây lắp và ảnh hưởng của nó đến công tác hạch toán CPSX và tính giá thành sản phẩm.

Lý luận chương 2 là cơ sở để xem xét, đánh giá thực trạng và hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An ở chương 3.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH XÂY LẬP CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHÍNH XÁC NAM TRƯỜNG AN

3.1. Đặc điểm tổ chức kinh doanh và tổ chức kế toán tại Công ty TNHH Cơ khí chính xác Nam Trường An

3.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

3.1.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

- Thành lập: Công ty chính thức thành lập vào ngày 23 tháng 5 năm 2011 với hình thức Công ty TNHH hai thành viên do 2 thành viên góp vốn là: Ông Cao Xuân Thanh và Bà Cao Thị Vân. Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ, có con dấu riêng, thực hiện quyền tự chủ trong hoạt động kinh doanh đã được pháp luật thừa nhận.

- Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHÍNH XÁC NAM TRƯỜNG AN**

- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **NAM TRUONG AN MECHANICAL ACCURACY COMPANY LIMITED**

- Đăng kí kinh doanh số: 010532449 tại phòng kinh doanh sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

- Mã số thuế: 010532449

- Trụ sở chính: Số 63, ngõ 341, phố Vĩnh Hưng, phường Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 0436444030

Fax: 043644403

3.1.1.2. Nội quy, quy chế làm việc của công ty.

1> Lao động tại công ty gồm công nhân công trường, nhân viên văn phòng và nhân viên học việc, thử việc. Công tác tuyển dụng lao động do phòng tổ chức hành chính quản lý tương ứng với nhu cầu SXKD của công ty.

2> Thời gian làm việc tại công ty: 8h/ ngày, 7 ngày/ tuần. Được nghỉ lễ tết theo quy định chung của nhà nước.

3> Trả lương cho nhân viên vào các ngày 30, 31 hàng tháng. Nhân viên chính thức của công ty được tham gia bảo hiểm theo luật định.

4> Những nhân viên, công nhân tại công trường sẽ được trang bị đồ dùng bảo hộ theo tính chất của công việc.

5> Khi đi làm không được mang chất độc, chất nổ, vũ khí, các loại hung khí, những vật nguy hiểm vào công ty.

3.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh và kết quả hoạt động của công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An

3.1.2.1 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty

Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An trực tiếp tư vấn, lắp đặt, thực hiện dịch vụ bảo dưỡng các hệ thống dàn không gian.

Công ty được phép xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh đã được Nhà nước cho phép để tiếp tục phân phối đến các đại lý, siêu thị, cửa hàng và bán lẻ trên toàn quốc.

Các lĩnh vực mà công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An đang hoạt động chính bao gồm:

- Tư vấn giám sát, giám sát thi công công trình dàn không gian nhà xưởng, sân vận động, nhà kho.

- Lắp đặt hệ thống dàn không gian nhà thi đấu, lắp đặt hệ thống điện dân dụng và công nghiệp

- Gia công cơ khí.
- San lấp mặt bằng, xây dựng công trình hạ tầng.
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghiệp.
- Dịch vụ tư vấn kỹ thuật: các loại máy móc, hệ thống tự động hóa, hệ thống thủy lực, gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại.
- Bán buôn, bán lẻ vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: tre, nứa, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh.

Với kinh nghiệm trong thi công các công trình xây lắp dân dụng, công nghiệp, kết hợp với trình độ cán bộ kỹ thuật, tay nghề của công nhân và máy móc thiết bị, cán bộ trong Công ty đã tư vấn, giám sát, thi công nhiều công trình như :

- Tư vấn, giám sát thi công các công trình dàn không gian siêu thị Fivimart ở 358 Bùi Xương Trạch, HN. Nhà kho của công ty Nam Cường ở khu Hồ Tùng Mậu - Lê Đức Thọ, P. Mai Dịch, Cầu Giấy, TP.Hà Nội. Nhà kho của công ty Cổ phần kiến trúc nội thất sắc màu Việt địa chỉ Số 14 dãy C Yên Hòa, phường Yên Hoà, thành phố Hà Nội. DKG mái che trường tiểu học Yên Phong - Bắc Ninh.

- Thi công các công trình: Dàn không gian nhà thi đấu cầu lông - Khu đô thị Văn Khê - Hà Đông - Hà Nội, dàn không gian thép nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long Hà Nội, nhà thép tiền chế của công ty CP năng lượng sinh khối Hoàng Gia.

3.1.2.2. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty

Công ty TNHH Cơ khí chính xác Nam Trường An đang từng bước phát triển và khẳng định vị trí của mình trên thị trường XL. Trong những năm gần đây, công ty đã hoàn thành nhiều CT DKG nhà thi đấu, siêu thị, nhà kho trên địa bàn Hà Nội, Bắc Giang, Nghệ An, Lạng Sơn.... Tất cả đã đánh dấu những mốc son thành công sáng ngời trên bước đường hoạt động của công ty. Dưới

đây là bảng phân tích một số chỉ tiêu trong báo cáo tài chính để đánh giá tình hình của công ty trong mấy năm gần đây nhất:

Bảng 3.1 Bảng các chỉ tiêu của công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An

ĐVT đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1. Doanh thu thuần về BHDV	52.144.312.197	52.027.011.101	62.460.309.887
2. Giá vốn hàng bán	49.322.065.972	47.097.629.769	56.572.602.336
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng, dịch vụ	2.822.246.225	4.929.381.332	5.887.707.551
4. Doanh thu hoạt động tài chính	317.767.929	771.794.324	2.271.686.805
5. Chi phí quản lí doanh nghiệp	2.207.979.496	5.105.437.683	7.132.180.235
6. Lợi nhuận khác	0	30.848.251	48.734.883
7. Lợi nhuận trước thuế	932.034.658	626.586.224	1.075.949.004

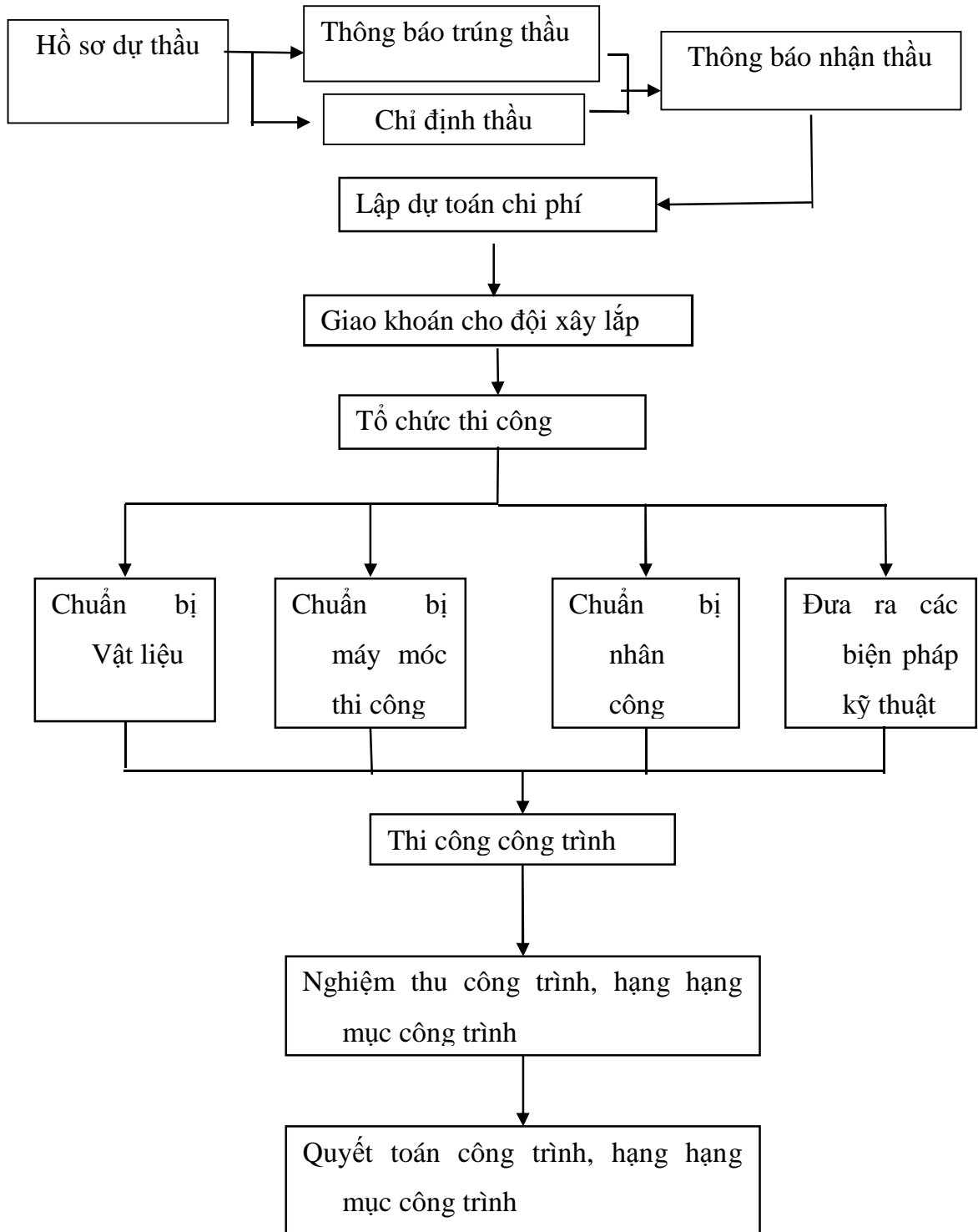
(Nguồn: Công ty TNHH Cơ khí chính xác Nam Trường An)

Quy trình sản xuất sản phẩm xây lắp

Quá trình sản xuất sản phẩm xây lắp rất phức tạp, sau khi hoàn thiện công trình được nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng. Sản phẩm xây lắp không được trực tiếp trao đổi trên thị trường như các sản phẩm hàng hóa khác mà nó chỉ được thực hiện sau khi có đơn đặt hàng hoặc các hợp đồng đã ký kết.

Tổ chức sản xuất trong Công ty TNHH Cơ khí chính xác Nam Trường An theo phương thức “khoán gọn”. Sau khi nhận thông báo nhận thầu thi công các CT, HMCT do chủ đầu tư gửi, Công ty tiến hành lập dự toán chi phí và “khoán gọn” các công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc cho các đội xây lắp, các đội xây lắp tiến hành thi công dưới sự kiểm tra và giám sát của Công ty.

Tùy vào từng CT mà thực hiện các công việc khác nhau, nhưng nhìn chung đều tuân theo quy trình như sau:



(Nguồn Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An)

Sơ đồ 3. 1: Quy trình sản xuất sản phẩm xây lắp

Thuyết minh sơ đồ quy trình sản xuất

1> Chuẩn bị hồ sơ thầu. Hồ sơ kỹ thuật gồm: Dự toán, bản vẽ thiết kế do chủ đầu tư (bên A) cung cấp. Dự toán thi công bên trúng thầu (bên B) tính toán lập ra và được bên A chấp nhận.

2> Sau khi nhận thông báo trúng thầu. Bên B lập dự toán chi phí và giao khoán cho các đội xây lắp thi công công trình.

3> Tại các đội xây lắp tổ chức thi công công trình chuẩn bị vật liệu, máy móc, nhân công để tổ chức thi công công trình hạng mục công trình.

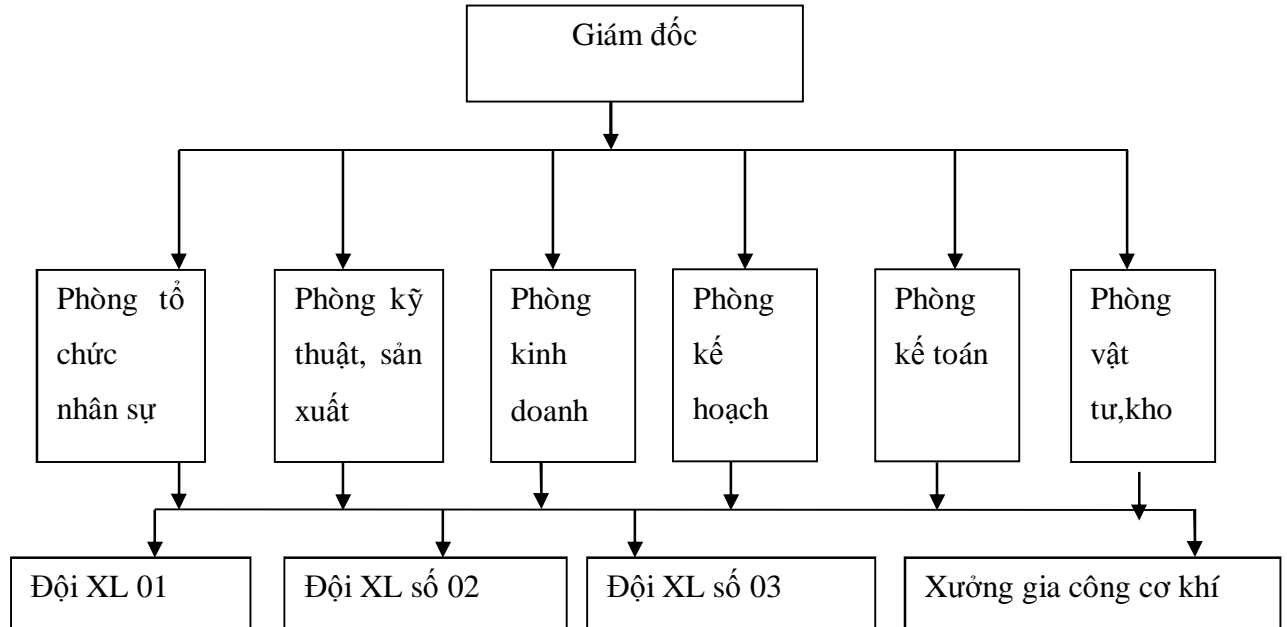
4> Sau khi công trình hoặc hạng mục công trình hoàn thành. bên A và bên B tiến hành nghiệm thu bao gồm: Chủ đầu tư (bên A) và tư vấn nếu có, đơn vị thi công (bên B) và các thành phần có liên quan.

6 > Hai bên tiến hành quyết toán công trình hoàn thành sau khi đã nghiệm thu bàn giao công trình. Khi quyết toán công trình đã được cấp có thẩm quyền duyệt. Bên A sẽ thanh toán nốt số còn lại cho bên B.

Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An bản chất là một doanh nghiệp xây lắp, nó mang tính chất đặc thù riêng. So với các ngành sản xuất khác, ngành xây lắp có những đặc điểm về kinh tế - kỹ thuật riêng biệt, thể hiện rất rõ nét ở sản phẩm xây lắp và quá trình tạo ra sản phẩm của ngành.

Sản phẩm xây lắp là những công trình xây dựng, vật kiến trúc... có quy mô lớn, kết cấu phức tạp mang tính đơn chiếc, thời gian sản xuất sản phẩm xây lắp lâu dài...Do đó, việc tổ chức quản lý và hạch toán sản phẩm xây lắp phải lập dự toán (dự toán thiết kế, thi công). Quá trình sản xuất xây lắp phải so sánh với dự toán, lấy dự toán làm thước đo đồng thời để giảm bớt rủi ro phải mua bảo hiểm cho công trình xây lắp. Sản phẩm xây lắp được tiêu thụ theo giá dự toán hoặc giá thỏa thuận với chủ đầu tư (giá đấu thầu), do đó tính chất hàng hóa của sản phẩm xây lắp không thể hiện rõ.

3.1.3. Đặc điểm chung về bộ máy quản lý của công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An



(Nguồn Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An)

Sơ đồ 3. 2: Cơ cấu bộ máy quản lý và nhân sự của công ty.

Chức năng nhiệm vụ của từng phòng ban

- **Giám đốc:** Là người đứng đầu công ty, thay mặt công ty chịu trách nhiệm trước nhà nước và cơ quan hữu quan về toàn bộ hoạt động của công ty, là người có quyền cao nhất về công tác điều hành đồng thời quản lý tất cả các bộ phận trong công ty, tổ chức các cuộc họp và là người đưa ra quyết định cuối cùng trong các vấn đề của công ty. Tổ chức thực hiện kinh doanh và phương án đầu tư, kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý của công ty. Chỉ đạo trực tiếp các lĩnh vực như chiến lược phát triển, đầu tư, đối ngoại tài chính...Thực hiện tuyển dụng, bố trí và sử dụng lao động, khen thưởng và kỉ luật theo quy định của luật lao động.

- **Phòng tổ chức hành chính nhân sự:** Có trách nhiệm về tình hình nhân sự, tuyển dụng những nhân viên có trình độ năng lực đảm bảo và quản lý

hành chính của các bộ phận của công ty, đảm bảo đúng pháp luật về lương, bảo hiểm, thêm giờ, độc hại, thủ tục hành chính pháp lý. Quy định tổ chức nội quy, quy chế lương, thưởng.

- **Phòng kinh doanh:** Nắm bắt thông tin về nguồn sản phẩm, tình hình thị trường, theo dõi sự biến động của thị trường và cách thức giao hàng, phương thức thanh toán hợp đồng, soạn thảo hợp đồng khai thác thị trường. Theo dõi tình hình hàng hóa nhập về theo từng khách hàng, đơn hàng, cân đối hàng hóa đảm bảo cho tiêu thụ của công ty.

- **Phòng kế toán tài chính:** Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán của doanh nghiệp theo đúng pháp lệnh tài chính kế toán hiện hành. Lập sổ sách kế toán theo quy định về kế toán nhà nước, đảm bảo các chứng từ hợp lý hợp lệ sẵn sàng cho công tác thanh tra nhà nước khi có yêu cầu. Lập và nộp đúng hạn các báo cáo thuế, thống kê hàng tháng và BCTC hàng năm cho Giám đốc và cơ quan thuế thống kê. Theo dõi công tác thanh toán khách hàng và tình hình thu hồi công nợ. Theo dõi tình hình nhập, xuất tồn vật tư thành phẩm, kiểm tra giám sát việc thực hiện định mức tiêu hao nguyên vật liệu.

- **Phòng kỹ thuật:** Chịu trách nhiệm về khoa học kỹ thuật, về sản phẩm đảm bảo chất lượng có uy tín, quản lý hệ thống vi tính, mạng internet của công ty. Kiểm tra giám sát chất lượng công trình có đúng với dự toán đề ra không, lập hồ sơ dự thầu.

- **Phòng kế hoạch:** Phối hợp với các phòng ban để lập kế hoạch sản xuất. Dự trữ nguyên vật liệu (NVL), linh kiện cho từng tuần từng tháng để đáp ứng nhu cầu sản xuất, theo dõi cân đối NVL để đảm bảo việc tiết kiệm NVL góp phần làm giảm giá thành sản phẩm.

- **Phòng vật tư + kho:** Chịu trách nhiệm kiểm soát và quản lý vật tư trong công ty đảm bảo số lượng và chất lượng vật tư, chuẩn bị kho bãi vật tư, bãi tập kết vật tư phục vụ trực tiếp cho công trình.

- **Đội xây lắp:** Trực tiếp thi công công trình đảm bảo đúng tiến độ thi công theo hợp đồng, an toàn lao động, chất lượng của công trình.

- **Xưởng gia công cơ khí:** Chuyên gia công các sản phẩm kết cấu, cấu kiện phục vụ nhu cầu thị trường.

3.1.4. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An ảnh hưởng đến công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp

Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, đây là ngành mang tính chất đặc thù khác biệt so với các ngành sản xuất kinh doanh khác.

Do đặc điểm của ngành xây lắp là quá trình thi công thường diễn ra ở những địa điểm xa đơn vị trong khi khối lượng vật tư thiết bị lại rất lớn nên dễ xảy ra hao hụt mất mát. Vì vậy, Công ty tổ chức theo phương thức khoán gọn công trình, hạng mục công trình cho các đội thi công. Theo phương thức khoán này các đội thi công tự đảm nhận lo liệu toàn bộ các loại chi phí phục vụ thi công như nguyên nhiên liệu, máy móc, nhân công ... Công ty chỉ trích lại theo tỷ lệ % giá trị quyết toán công trình được duyệt để đảm bảo cho bộ máy công ty hoạt động. Theo cách này, công ty giữ lại khoảng 10% giá trị công trình để trang trải chi phí quản lý và thực hiện các nghĩa vụ với nhà nước. Khoảng 90% giá trị công trình còn lại công ty tạm ứng cho các đội thi công chủ động sử dụng để phục vụ thi công các công trình.

Quá trình thi công chịu sự giám sát chặt chẽ của phòng Kế toán về mặt tài chính, phòng Kế hoạch và phòng Kỹ thuật về mặt kỹ thuật cũng như

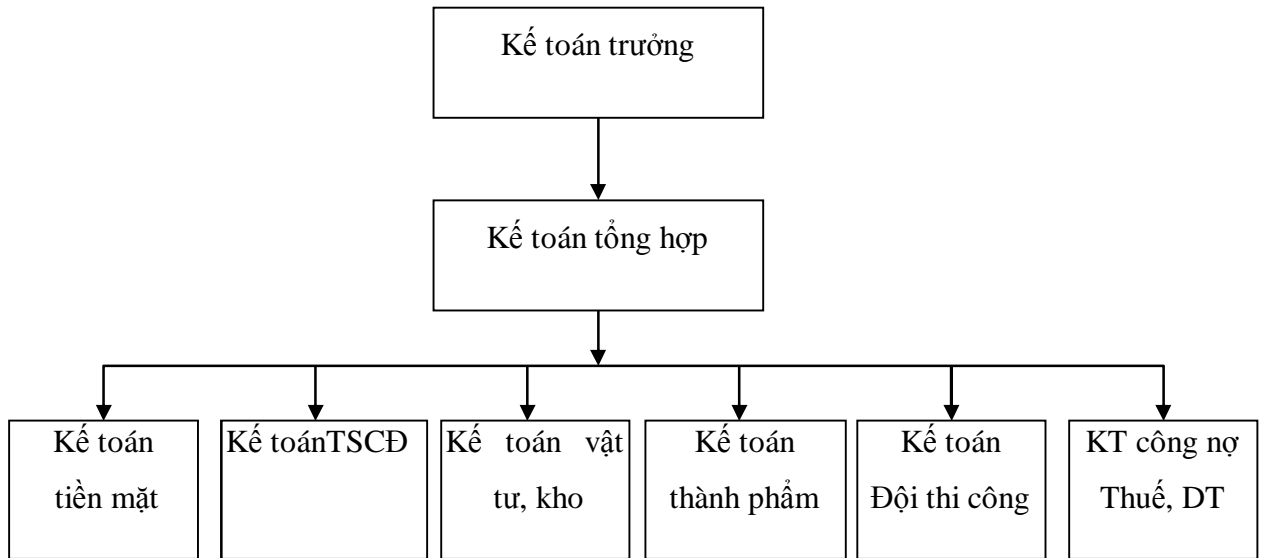
tiến độ thi công. Đầu tháng, mỗi đội thi công đều phải lập kế hoạch sản xuất, kế hoạch tài chính gửi cho các phòng ban chức năng, qua đó xin tạm ứng để có người tài chính phục vụ thi công.

Với mô hình này đội nhận khoán phải tự cung ứng trang trải các chi phí của mình, tự tổ chức thực hiện sản xuất thi công, công ty chỉ thực hiện chức năng kiểm tra và giám sát. Đội sẽ thực hiện và chịu trách nhiệm toàn bộ trước công ty về thi công, nghiệm thu, thanh quyết toán, trích nộp ... do đó đòi hỏi chủ công trình phải nhanh nhạy trong việc chỉ đạo thi công, nghiệm thu và thanh toán.

Khi công trình hoàn thành sẽ được nghiệm thu bàn giao và được thanh toán toàn bộ theo quyết toán và phải nộp một khoản theo quy định, tỷ lệ nộp khoán đang được áp dụng là trên dưới 15% giá trị quyết toán công trình mà công ty giao cho đội thi công.

Những đặc điểm trên đã ảnh hưởng rất lớn đến công tác kế toán trong công ty. Công tác xây lắp phải đồng bộ, phối hợp chặt chẽ các bộ phận với nhau để hoạt động có hiệu quả. Công tác kế toán vừa phải đáp ứng yêu cầu chung về chức năng, nhiệm vụ kế toán của một doanh nghiệp sản xuất vừa phải đảm bảo phù hợp với đặc thù của loại hình doanh nghiệp xây lắp.

3.1.5. Đặc điểm kế toán công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An



(Nguồn Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An)

Sơ đồ 3. 3: Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty.

Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận kế toán.

Bộ phận kế toán của Công ty có chức năng, nhiệm vụ như sau:

- **Kế toán trưởng - kiêm kế toán tổng hợp:** Là người chịu trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện toàn bộ công tác tài chính kế toán ở phòng kế toán, chịu trách nhiệm trước cấp trên về chấp hành kỷ luật, chế độ tài chính hiện hành. Là người kiểm tra tình hình hạch toán, kiểm tra tình hình tài chính kế toán về vốn và huy động vốn...Cung cấp báo cáo tài chính cho lãnh đạo Công ty và cơ quan quản lý Nhà nước.

- **Kế toán viên:** Tổng hợp các chứng từ kế toán, ghi chép, phân loại. Chịu trách nhiệm về các khoản bảo hiểm, cùng với kế toán trưởng hoàn thành hệ thống sổ sách và báo cáo.

+ **Kế toán tiền mặt:** Có trách nhiệm chi trả cho cán bộ công nhân viên và phân bổ chi phí tiền lương, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn và hàng tháng phải lập bảng lương, bảng phân bổ lương, cập nhật chứng từ hàng ngày

để hạch toán phiếu thu, chi và các khoản chi phí khác, theo dõi các khoản tạm ứng trong công ty.

+ **Kế toán TSCĐ:** Căn cứ vào chứng từ ban đầu, lập phiếu thu, phiếu chi tiền mặt, theo dõi và phản ánh kịp thời tình hình biến động của TSCĐ.

+ **Kế toán vật tư:** Theo dõi tình hình nhập - xuất - tồn nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, tính và phân bổ nguyên vật liệu công cụ dụng cụ cho các đối tượng sử dụng. Trực tiếp theo dõi TK152, TK153, TK621. Đồng thời kế toán vật tư còn theo dõi các khoản thanh toán với người bán tài khoản 331.

+ **Kế toán thành phẩm:** Mở sổ theo dõi chi tiết chi phí sản xuất theo từng đối tượng tập hợp chi phí. Tổng hợp toàn bộ chi phí phát sinh cho từng đối tượng hoạch toán vào cuối kỳ, làm hồ sơ cho việc tính giá thành.

+ **Kế toán đội:** Do công ty có các đội lắp thực hiện thi công công trình, hạng mục công trình, mỗi đội có 01 kế toán riêng làm công việc theo dõi, cập nhật các chứng từ ban đầu, kế toán ghi chép sổ sách và lên bảng tổng hợp chi tiết các khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, máy thi công... đưa vào sản xuất thi công từng công trình, hạng mục công trình; số lượng từng loại chi phí để tập hợp chi phí sản xuất và gửi báo cáo cùng chứng từ gốc về kế toán văn phòng vào cuối quý.

+ **Kế toán thanh toán, KT thuế:** Có nhiệm vụ theo dõi các khoản phải thu, phải trả với người mua, người bán và các khoản tạm ứng. Làm tờ khai thuế tháng, quý, năm. Hoàn thiện sổ sách kế toán năm và báo cáo tài chính

- *Chế độ kế toán áp dụng:*

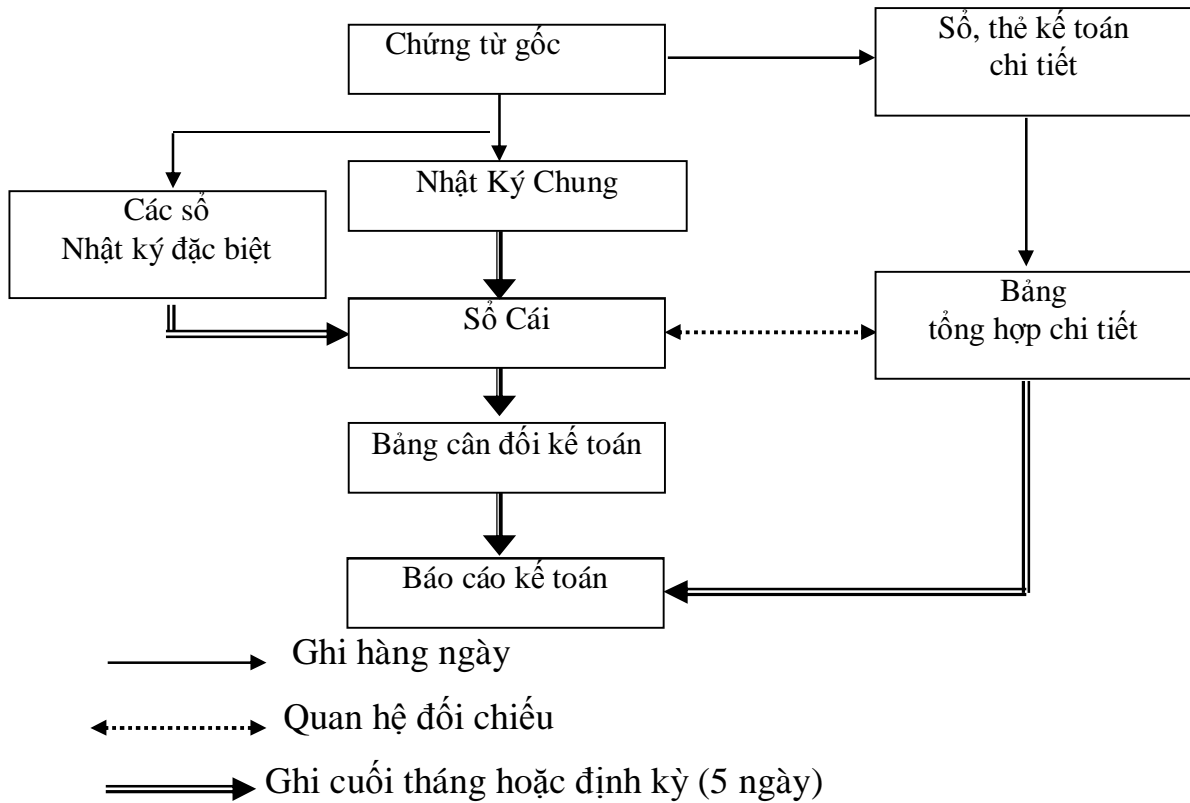
Hiện nay, Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An áp dụng chế độ kế toán trong doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của bộ trưởng Bộ Tài chính và các chuẩn mực, quy định hiện hành.

◆ Hệ thống tài khoản kế toán: Để tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán sử dụng các tài khoản:

- + TK 621: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- + TK 622: Chi phí nhân công trực tiếp
- + TK 623: Chi phí máy thi công trực tiếp
- + TK 627: Chi phí sản xuất chung
- + TK 632: Giá vốn hàng bán
- + TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Ngoài ra, do đặc thù của Công ty trong phương thức giao khoán công trình, hạng mục công trình cho các đội xây lắp nên Công ty còn sử dụng TK 141- “tạm ứng” để đối chiếu tình hình tạm ứng và thanh quyết toán tạm ứng với các đội xây lắp. Các tài khoản được mở chi tiết cho từng đối tượng tập hợp chi phí là công trình, hạng mục công trình phù hợp với điều kiện và yêu cầu quản lý của Công ty.

- ◆ Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Phương pháp kê KKTX.
- ◆ Kỳ kế toán: Kỳ kế toán là 1 năm, bắt đầu từ ngày 01/01 đến 31/12.
- ◆ Phương pháp tính thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ.
- ◆ Phương pháp khấu hao TSCĐ: Theo phương pháp đường thẳng.
- ◆ Hình thức kế toán: Hiện nay công ty TNHH Cơ khí chính xác Nam Trường An đang sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, tập trung tại văn phòng công ty trên cơ sở tập hợp các chứng từ của các đội xây lắp.

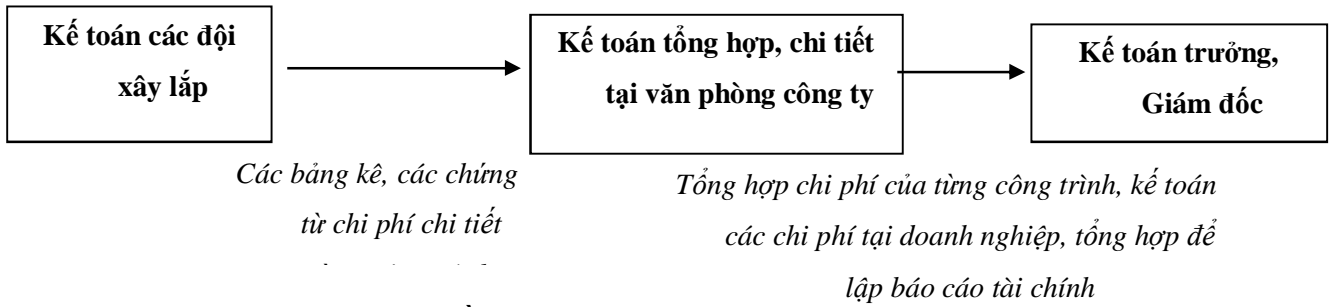


(Nguồn Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An)

Sơ đồ 3. 4: Trình tự ghi sổ kế toán tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An

- Tình hình sử dụng máy vi tính.

Hiện nay tại phòng Kế toán tài vụ đang triển khai sử dụng phần mềm kế toán SME 7.9 của Công ty cổ phần Misa, kế toán viên của các đội xây lắp mới bước đầu tiếp cận sử dụng phần mềm nên chưa đạt hiệu quả thực sự trong kế toán hàng ngày tại công ty. Hiện tại công ty chỉ có phòng kế toán sử dụng phần mềm để tổng hợp, kế toán các nghiệp vụ phát sinh hàng ngày và in tài liệu kế toán. Riêng kế toán các đội xây lắp chủ yếu vẫn là dùng Excel và kế toán thủ công là chính.



(Nguồn Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An)

Sơ đồ 3. 5: Quy trình luân chuyển chứng kế toán tại công ty.

3.2. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An dưới góc độ của kế toán tài chính

3.2.1. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An

3.2.1.1. Phân loại chi phí sản xuất, đối tượng hạch toán chi phí sản xuất

Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất

Đối tượng để công ty TNHH Cơ khí chính xác Nam Trường An ký kết hợp đồng xây lắp là các công trình và hạng mục công trình, cũng có nghĩa là sản phẩm mà công ty sản xuất ra là các công trình hay hạng mục công trình. Đây là đối tượng tập hợp chi phí, nguyên tắc tập hợp chi phí là chi phí phát sinh tại công trình, hạng mục công trình nào thì tập hợp cho công trình và hạng mục công trình ấy.

Phân loại chi phí

Tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An, phân loại chi phí theo mục đích và công dụng của chi phí, theo cách phân loại này chi phí sản xuất được chia thành bốn khoản mục:

- +) Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- +) Chi phí nhân công trực tiếp

+) Chi phí sử dụng máy thi công

+) Chi phí sản xuất chung

3.2.1.2. Nội dung kế toán chi phí sản xuất

Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là khoản mục chi phí chiếm tỷ trọng rất lớn khoảng 60 -70% trong tổng giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty, nguyên vật liệu được sử dụng với nhiều chủng loại khác nhau có chức năng và công dụng khác nhau. Do đó, khi thu mua và sử dụng NVL trong quá trình thi công, hạch toán vật liệu phải luôn gắn chặt với nhau và với từng đối tượng sử dụng.

+ Giá trị NVL của công ty chủ yếu là mua ngoài nên xác định theo giá thực tế.

+ Nguyên vật liệu của Công ty bao gồm:

- Nguyên vật liệu chính: Thép tròn, thép tấm và các loại thép hình khác nhau như: L, U, I..., dây điện,...

- Vật liệu phụ: Que hàn, sơn, gas, oxy, than rền, sơn,...

- Vật liệu kết cấu: Kèo cột, khung, bê tông đúc sẵn...

- Vật liệu khác: Quốc, xẻng...

- Chứng từ và tài khoản sử dụng

+ Chứng từ sử dụng: Hoá đơn bán hàng, hóa đơn GTGT (liên 2); Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho; Giấy đề nghị tạm ứng; Biên bản nghiệm thu vật tư; Phiếu chi tiền, giấy báo nợ; Hóa đơn vận chuyển, biên bản giao nhận hàng.

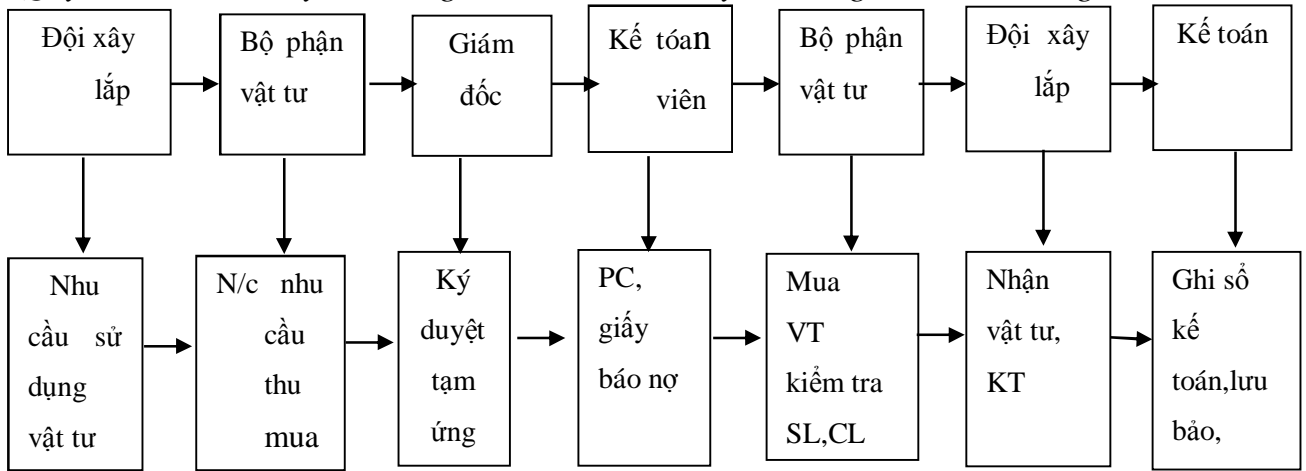
+ Tài khoản sử dụng: TK 621 - Dành để tập hợp chi phí nguyên vật liệu dùng cho sản xuất phát sinh trong kỳ, cuối kỳ kết chuyển sang tài khoản tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An được mở chi tiết cho từng CT, HMCT.

+ TK621: Công trình DKG nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long

+ TK621: Công trình rải đấu nổi cáp ở công ty Cổ phần Công nghệ cao.

- Trình tự luân chuyển chứng từ

Quy trình luân chuyển chứng từ mua NVL chuyển thẳng đến chân công trình.



(Nguồn Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An)

Sơ đồ 3. 6: Quy trình LC chứng từ mua vật tư thẳng đến công trình

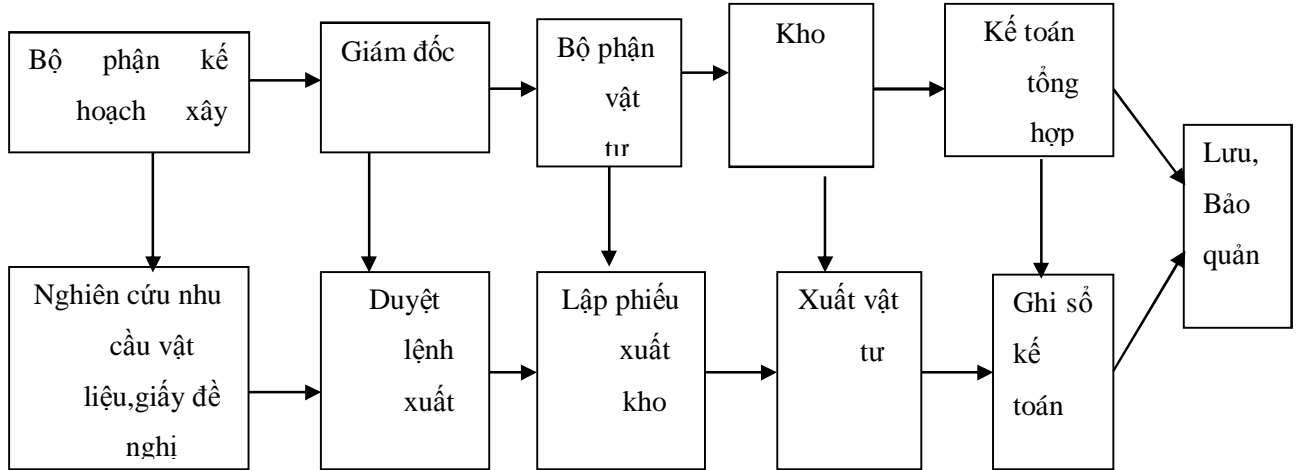
Giải thích sơ đồ:

Khi có nhu cầu về nguyên vật liệu sử dụng trực tiếp cho công trình, các đội sẽ gửi nhu cầu NVL lên bộ phận vật tư của công ty để xem xét.

Bộ phận vật tư xác định nhu cầu vật tư của các đội và căn cứ vào số lượng vật tư có sẵn, tiến độ thi công của từng CT bộ phận vật tư căn cứ vào kế hoạch mua vật tư, phiếu báo giá, bộ phận vật tư viết giấy đề nghị tạm ứng gửi lên giám đốc, bộ giám đốc duyệt tạm ứng. Trên cơ sở giấy đề nghị tạm ứng thì kế toán tiền mặt sẽ lập phiếu chi. Khi đó, nhân viên phụ trách mua vật tư sẽ chịu trách nhiệm về việc mua vật tư và chuyển đến công trình.

Khi mua vật tư về công trường, căn cứ vào bảng dự toán, hoá đơn GTGT,... nhân viên kế toán đội ghi vào bảng theo dõi chi tiết vật tư, còn nhân viên phụ trách mua vật tư tiến hành kiểm tra SL, CL vật tư vào bảng theo dõi vật tư.

Quy trình luân chuyển chứng từ xuất kho NVL sử dụng cho công trình.



(Nguồn Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An)

Sơ đồ 3. 7: Quy trình LC chứng từ xuất kho vật liệu đến công trình

Giải thích sơ đồ:

- Khi có nhu cầu xuất vật tư, NVL để phục vụ cho xây lắp sản phẩm thì tổ trưởng tổ xây lắp báo với bộ phận kho để xuất kho vật tư theo yêu cầu.

- Tại kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép tình hình xuất tồn kho của từng thứ vật tư hàng hóa ở từng kho theo chỉ tiêu số lượng. Hàng ngày khi nhận được chứng từ xuất vật liệu, thủ kho tiến hành kiểm tra tính hợp lý hợp pháp của chứng từ rồi ghi sổ thực xuất vào thẻ kho trên cơ sở các chứng từ.

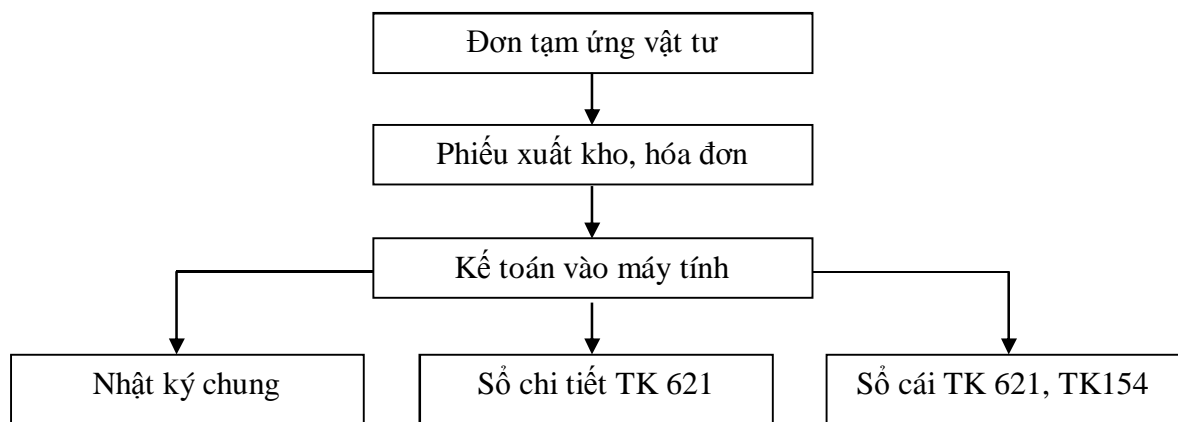
- Kế toán viên lập bảng theo dõi chi tiết vật tư khi vật tư xuất đến công trình, hạng mục công trình. Cuối tháng hoặc cuối quý đối chiếu với kế toán tổng hợp. Lưu và bảo quản chứng từ.

- Quy trình hạch toán

Theo quy định của Công ty nguyên vật liệu được bảo quản tại các kho hoặc được đưa thẳng đến nơi có công trình xây lắp. Tuy nhiên, hiện nay theo cơ chế giao khoán công trình, hạng mục công trình của công ty, nguyên vật liệu

dùng để sản xuất sản phẩm xây lắp giao khoán sẽ do các đội xây lắp tự mua vật liệu về rồi chuyển thẳng từ nhà cung cấp đến chân công trình và sử dụng ngay, không qua kho chiếm tỷ trọng lớn.

Đội thi công tiến hành triển khai thi công dưới sự chỉ đạo, giám sát của đội trưởng và các cán bộ kỹ thuật, phòng ban chuyên môn. Đội xây lắp căn cứ vào dự toán để xác định số lượng vật tư cần thiết phục vụ thi công, tiến độ thi công công trình, hạng mục công trình để tránh ứ đọng.



(Nguồn Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An)

Sơ đồ 3. 8: Quy trình hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

+) Mua nguyên vật liệu chuyển thẳng đến chân công trình thanh toán cho người bán.

Ví dụ: Ngày 10/11/2016, Anh Bắc đội xây lắp số 01 đề nghị tạm ứng số tiền 20.000.000 đồng mua dây điện phục vụ thi công công trình (**Phụ lục 01**). Kế toán đội lập Hợp đồng kinh tế (**Phụ lục 02**). Anh Bắc phụ trách mua nguyên vật liệu và nhận hóa đơn tài chính (**Phụ lục 03**). Kế toán hạch toán:

+) Ngày 10/11/2016:

Nợ TK 141- Anh Bắc: 20.000.000

Có TK 1111: 20.000.000

+) Ngày 12/11/2016:

Nợ TK 621: 16.920.000 (CT DKG nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long)

Nợ TK 133: 1.692.000

Có TK 141 - A.Bắc: 18.612.000

Nợ TK 1111: 1.388.000

Có TK 141 - Anh Bắc: 1.388.000

+ Mua nguyên vật liệu chưa thanh toán tiền cho người bán

Ví dụ: Ngày 17/11 anh Bắc - đội xây lắp số 01 mua thép ống phi của công ty CP thép Tân Hưng chưa trả tiền cho người bán số tiền là :168.855.900 đồng.

Căn cứ vào HĐ số 0000056 (**Phụ lục 04**) kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 621: 168.855.900 (CT DKG nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long)

Nợ TK133: 16.885.590

Có TK 331: 185.741.490

- Quy trình ghi sổ kế toán

Hàng ngày, căn cứ vào toàn bộ chứng từ: Hợp đồng kinh tế, hoá đơn GTGT mua vật tư phát sinh trong tháng kế toán đội xây lắp lập Bảng tổng hợp chi tiết vật tư của từng công trình thi công.

Bảng tổng hợp chi tiết vật tư là chứng từ kê khai các vật tư mua và sử dụng phục vụ thi công công trình trong tháng của từng công trình, hạng mục công trình chi tiết từng đội xây lắp. Bảng tổng hợp vật tư - công trình DKG nhà thi đấu - KCN Thăng Long do đội xây lắp số 01 thực hiện (**Phụ lục 05**). Bảng tổng hợp vật tư ghi rõ tên công trình, đội xây lắp phụ trách thi công công trình, tên vật tư cùng khối lượng và đơn giá vật tư, giá trị từng loại vật tư sử dụng phục vụ cho công tác thi công công trình trong tháng đó:

Ví dụ: Giá trị vật tư mua về ngày 12/11/2016 phục vụ thi công công trình DKG nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long.

$$3.36 \text{ m} \times 2.000 \text{ đồng/m} = 6.720.000 \text{ VNĐ}$$

Tương tự, kế toán đội tính được giá trị từng vật tư xuất dùng phục vụ thi công công trình, hạng mục công trình.

Cuối tháng, kế toán đội tập hợp Bảng tổng hợp chứng từ và các bộ chứng từ gốc (Hợp đồng kinh tế kèm theo Hóa đơn GTGT...) gửi lên phòng kế toán tài vụ của Công ty. Kế toán tổng hợp tiến hành phân loại, kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, phân loại theo các khoản mục chi phí rồi lập Bảng tổng hợp chi phí sản xuất cho từng công trình (**Phụ lục 06**) trình Kế toán trưởng và Giám đốc ký duyệt. Sau đó nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán.

Máy tự động đưa số liệu vào sổ kế toán liên quan: Nhật ký chung (**Phụ lục 07**), Sổ chi tiết TK 621 (**Phụ lục 08**), Sổ cái TK 621 (**Phụ lục 09**).

Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Khoản mục chi phí nhân công trực tiếp của công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An bao gồm những khoản chi phí phải trả cho lao động trực tiếp tham gia vào quá trình xây lắp gồm: Lương chính, lương phụ, các khoản phụ cấp và tiền thưởng mà công nhân viên trực tiếp trong danh sách của công ty được hưởng và lao động thuê ngoài. Quá trình hoạch toán chi phí nhân công trực tiếp của công trình nào thì được hoạch toán vào công trình đó.

Hiện nay lực lượng lao động trong công ty gồm 2 loại: Lao động trong danh sách và lao động ngoài danh sách (công nhân thuê ngoài)

+) Đối với lực lượng lao động trong danh sách.

Gồm công nhân trực tiếp sản xuất và lao động gián tiếp như nhân viên kỹ thuật, kế toán đội, bảo vệ, tạp vụ,...

Kế toán đội xây lắp hàng tháng lập Bảng thanh toán lương cán bộ công nhân viên trong biên chế (**Phụ lục 11b**) chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình rồi chuyển cho đội trưởng phụ trách kiểm tra, ký duyệt.

Trong Bảng thanh toán tiền lương của lao động trong danh sách của từng công trình (**Phụ lục 11b**) ghi rõ số lượng lao động với chức vụ, công việc phụ trách cũng như hệ số lương, hệ số phụ cấp, các khoản trừ vào lương... của từng lao động trực tiếp tham gia thi công công trình. Riêng lương của đội trưởng phụ trách quản lý đội xây lắp, kế toán đội không tính vào TK 622, mà công ty tiến hành ghi nhận vào TK 627.

Mức lương tối thiểu hiện nay của Công ty là 3.500.000 đồng/ tháng

$$\text{Thành tiền} = \text{Mức lương tối thiểu} \times (\text{hệ số lương} + \text{hệ số phụ cấp})$$

Các khoản trừ vào lương: BHXH = Tiền lương x 8%

$$\text{BHYT} = \text{Tiền lương} \times 1,5\%$$

$$\text{BHTN} = \text{Tiền lương} \times 1 \%$$

$$\text{Thực nhận} = \text{Thành tiền} - \text{Tổng các khoản trừ vào lương}$$

Ví dụ: Tham gia sản xuất công trình DKG nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long, có ông Nguyễn Văn Dũng làm công việc kỹ thuật trực tiếp theo dõi vật tư, với hệ số lương 2.67, hệ số phụ cấp 0

Lương của ông Dũng là: $3.500.000 \times 2,67 = 9.345.000$ VNĐ

Các khoản giảm trừ vào lương của ông Dũng hiện nay:

$$+ \text{BHXH} : 9.345.000 \times 8\% = 747.600 \text{ VNĐ}$$

$$+ \text{BHYT} : 9.345.000 \times 1,5\% = 140.175 \text{ VNĐ}$$

$$+ \text{BHTN} : 9.345.000 \times 1 \% = 93.450 \text{ VNĐ}$$

$$\text{Tổng số các khoản giảm trừ: } 981.225 \text{ VNĐ}$$

Số tiền ông Dũng còn được nhận: $9.345.000 - 981.225 = 8.363.775$ VNĐ

+ Đối với lao động ngoài danh sách (thuê ngoài).

Lao động thuê ngoài thường trả lương theo lương khoán. Lương khoán: Áp dụng với lao động đơn giản có tính chất đột xuất như thợ phụ, thợ điện, thợ

son... Mức lương được xác định theo khối lượng công việc trên cơ sở định mức. Đơn giá khoán được xác định căn cứ dự toán, thiết kế kỹ thuật công trình.

Hàng tháng, đối với lao động trực tiếp thi công công trình chủ yếu là lao động thuê ngoài, không thuộc công ty đội trưởng và đại diện tổ thợ thực hiện chấm công cho các thành viên trong tổ thợ thông qua Bảng chấm công ngày. Bảng chấm công theo dõi ngày công thực tế làm việc, nghỉ việc... để có căn cứ tính trả lương và quản lý lao động của từng công trình, hạng mục công trình thi công. Hàng tháng, kế toán đội căn cứ vào Bảng chấm công (**Phụ lục 10**) của các tổ, bộ phận thuê ngoài để lập Bảng thanh toán lương cho lao động thuê ngoài (**Phụ lục 11a**). Bảng thanh toán lương cho lao động thuê ngoài là chứng từ làm căn cứ để thanh toán lương cho người lao động, đồng thời là căn cứ để thống kê về lao động thuê ngoài, mức lương 1 ngày công, số ngày công của từng lao động (căn cứ theo số ngày công được tổng hợp trên Bảng chấm công), lương lãnh của từng lao động.

$$\text{Lương lĩnh} = \text{Lương ngày} \times \text{Số ngày công}$$

(Nguồn Thông tư 05/2016/TT-BTC)

Ví dụ: ông Đào Duy Cư trong tháng 11/2016 làm được 27 ngày công, với đơn giá 1 ngày công là 200.000đ, nên số lương tháng 4 của ông Đào Duy Cư là:

$$200.000 \times 27 \text{ ngày} = 5.400.000 \text{ đồng}$$

- Chứng từ, tài khoản kế toán sử dụng

+) Chứng từ kế toán: Hợp đồng lao động, hợp đồng giao khoán, bảng chấm công, bảng chia tiền lương sản phẩm và lương khoán, bảng thanh toán tiền lương, bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương, biên bản thanh lý hợp đồng giao khoán, biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.

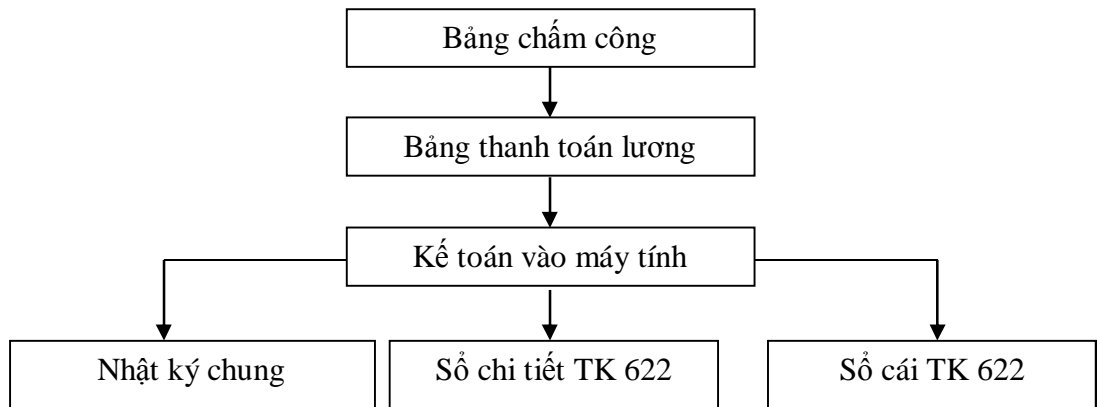
+ Tài khoản kế toán: TK 622 Phản ánh chi phí lao động trực tiếp tham gia vào quá trình hoạt động xây lắp. Nó bao gồm các khoản phải trả người lao động trực tiếp thuộc doanh nghiệp quản lý.

Ngoài ra còn sử dụng các tài khoản khác như TK334,TK111,...

TK622 có các tài khoản cấp chi tiết cho từng công trình hạng mục CT

Đối với công trình DKG nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long do đội xây lắp số 1 chịu trách nhiệm, kế toán mở chi tiết TK 622 - CTCT DKG nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long.

- *Quy trình hạch toán:* (Chi tiết cho từng CT, HMCT)



(Nguồn Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An)

Sơ đồ 3. 9: Quy trình hạch toán chi phí nhân công trực tiếp

- *Quy trình ghi sổ*

Để thuận lợi cho công tác tổng hợp chi phí sản xuất sản phẩm cuối kỳ của Công ty, kế toán đội sau khi hoàn thành việc lập các bảng thanh toán tiền lương phát sinh của đội mình trong tháng có nhiệm vụ tập hợp các Bảng thanh toán tiền lương đó làm căn cứ lập Bảng tổng hợp chi phí nhân công (**Phụ lục 11**) (theo mẫu chung của công ty) cho từng CT, HMCT của đội trong tháng. Trong đó, cột giá trị tiền lương của lao động thuê ngoài được lấy từ dòng tổng số của Bảng thanh toán lương đối với lao động thuê ngoài; cột tiền lương của

trong danh sách bằng tổng thành tiền phải trả cho người lao động trong Bảng thanh toán lương đối với cán bộ trong danh sách.

Cuối tháng, khi đã hoàn thành công việc của mình, kế toán đội chuyển Bảng tổng hợp chi phí nhân công (**Phụ lục 11**) chi tiết của từng công trình, hạng mục công trình kèm theo các chứng từ (Bảng chấm công, Bảng thanh toán lương cho lao động thuê ngoài, Bảng thanh toán lương của lao động trong danh sách) của đội lên phòng kế toán tài vụ của Công ty xin thanh quyết toán và tính vào chi phí công trình. Tại đây, kế toán có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý và tính hợp lệ của các chứng từ phát sinh trong tháng và lập Bảng tổng hợp chi phí nhân công của từng công trình (**Phụ lục 12**) của từng đội trình Kế toán trưởng và Giám đốc duyệt chi.

Chứng từ sau khi tiến hành kiểm tra xong, sẽ được chuyển cho kế toán tiền lương của Công ty. Kế toán tiền lương có nhiệm vụ căn cứ vào số liệu của các Bảng thanh toán tiền lương mà kế toán đội chuyển lên để tiến hành lập Phiếu chi, thủ tục thanh quyết toán gửi Kế toán trưởng trình Giám đốc ký duyệt. Thực hiện thanh toán cho đội trưởng đội xây lắp.

Đồng thời, căn cứ vào tập hợp các Bảng thanh toán lương của đội xây dựng, kế toán tiến hành nhập dữ liệu và in sổ sách theo quy định.

Sau đó, máy tự động đưa số liệu vào các sổ. Kế toán kiểm tra số liệu các sổ và in ấn theo thời gian quy định: Nhật ký chung (**Phụ lục 07**), Sổ kế toán chi tiết TK 622 (**Phụ lục 13**), Sổ cái TK622 (**Phụ lục 14**) của từng công trình, hạng mục công trình.

Chi phí sử dụng máy thi công

Có thể nói, chi phí sử dụng máy thi công là chi phí đặc thù của lĩnh vực này. Tuy nhiên, đối với ngành xây lắp, nhiều công việc đòi hỏi sự khéo léo,

trình độ kỹ thuật nhất định của người công nhân, mà không thể thay thế bằng máy móc được.

Phương thức thuê: Là thuê toàn bộ, bao gồm cả nhiên liệu, máy thi công và công nhân vận hành máy theo phương thức này hợp đồng thuê phải xác định rõ khối lượng công việc và tổng số tiền phải trả. Máy thi công thuê ngoài dùng cho công trình nào thì tập hợp trực tiếp cho công trình đó nên không phân bổ.

Khi có nhu cầu thuê máy phục vụ công trình, giám đốc đứng ra ký hợp đồng với bên cho thuê, trong đó phải nêu rõ thời gian thuê, tính thuế giá trị gia tăng, số tiền thuê máy, số tiền thuê nhân công và có chữ ký đầy đủ của các bên đi thuê. Đối với riêng công trình DKG nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long, công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An thực hiện việc thuê cầu lắp thiết bị của công ty cổ phần cơ khí xây dựng số 9.

Sau khi ký hợp đồng thuê máy thi công, bên đi thuê sẽ nhận được bảng báo giá do bên cho thuê gửi tới, dựa vào bảng báo giá này kế toán xác định giá trị thuê của mỗi loại cước cầu.

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế thuê máy như trên, khi có bảng quyết toán hợp đồng, căn cứ vào hoá đơn GTGT kế toán công ty tiến hành tổng hợp số liệu, phân loại chứng từ và định khoản các nghiệp vụ. Định kỳ, kế toán đội gửi bảng tổng hợp chi phí thuê máy thi công về phòng kế toán của công ty để vào sổ sách liên quan. Trích hoá đơn GTGT.

- Chứng từ và tài khoản kế toán

+) Chứng từ kế toán: Hóa đơn GTGT thuê máy thi công, giấy báo nợ, hợp đồng thuê máy.

+ Tài khoản kế toán TK 623: Chi phí sử dụng máy thi công tập hợp chi phí sử dụng máy thi công trực tiếp cho hoạt động xây lắp công trình.

TK623: được mở chi tiết đến tài khoản cấp 3 chi tiết cho từng công trình
- Quy trình hạch toán

Vì công ty áp dụng phương thức thuê là thuê toàn bộ, bao gồm cả nhiên liệu, máy thi công và công nhân vận hành máy theo phương thức này trong hợp đồng thuê phải xác định rõ khối lượng công việc và tổng số tiền phải trả. Máy thi công thuê ngoài dùng cho công trình nào thì tập hợp trực tiếp cho công trình đó nên không phân bổ.

Ví dụ: Ngày 30/11/2017, công ty có thuê 02 cước cầu của công ty cổ phần cơ khí xây dựng số 9 để cầu lắp thiết bị của công trình DKG nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long với tổng giá trị hợp đồng: 153.151.822 đồng. Giá chưa bao gồm thuế VAT. Chưa trả tiền cho người bán.

Kế toán hạch toán:

Nợ TK623: 153.151.822 (CTCT DKG nhà thi đấu - KCN Thăng Long)

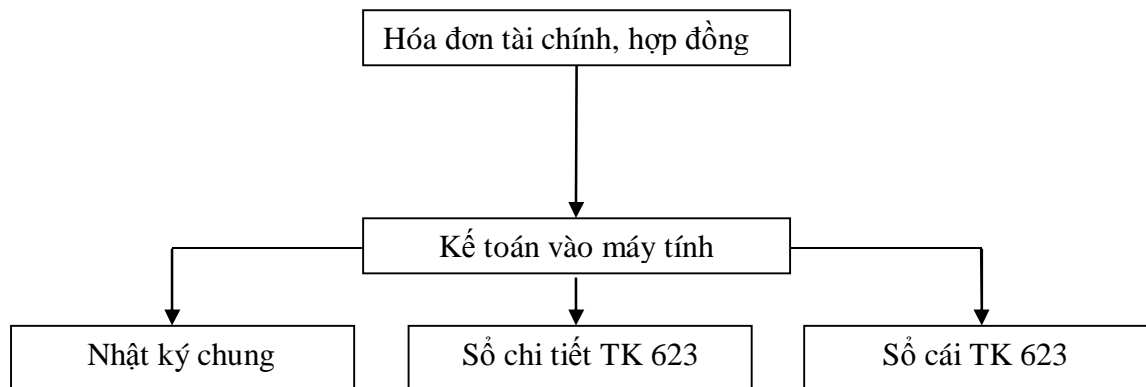
Nợ TK133: 15.315.182

Có TK331: 168.467.004

Cuối quý kết chuyển chi phí thuê ca máy sang chi phí sản xuất dở dang:

Nợ TK 154:153.151.822(CTCT DKG nhà thi đấu - KCN Thăng Long)

Có TK 623: 153.151.822(CT DKG nhà thi đấu - KCN Thăng Long)



(Nguồn Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An)

Sơ đồ 3. 10: Quy trình hạch toán chi phí máy thi công

- Quy trình ghi sổ kế toán

Công trình DKG nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long thi công có chi phí sử dụng máy thi công phát sinh tại công trình được thuê ngoài trọn gói. Khi thuê máy thi công, nhân viên kế toán đội xây lắp số 1 phải làm Hợp đồng thuê máy để thuê máy thi công (**Phụ lục 15**), hóa đơn tài chính (**Phụ lục 16**)

Đến khi hoàn thành công việc theo thoả thuận trong Hợp đồng thuê máy, hai bên tiến hành nghiệm thu xác nhận khối lượng công việc và làm Biên bản nghiệm thu thanh toán giá trị khối lượng công việc hoàn thành cùng Biên bản thanh lý hợp đồng thuê máy thi công.

Vào cuối mỗi tháng, nhằm phục vụ cho công tác kế toán chi phí thi công kế toán đội có trách nhiệm căn cứ vào Hợp đồng thuê máy, Biên bản thanh lý hợp đồng thuê máy, biên bản xác nhận khối lượng giao nhận và biên bản nghiệm thu lập Bảng tổng hợp chi phí sử dụng máy thi công (**Phụ lục 17**) trong tháng chi tiết cho từng công trình thi công.

Trong Bảng tổng hợp chi phí sử dụng máy thi công hàng tháng của từng công trình ghi rõ tên máy, ngày tháng sử dụng, khối lượng và đơn giá 1 giờ sử dụng để tính giá trị thực hiện công việc.

Kế toán đội sau khi lập xong Bảng tổng hợp chi phí sử dụng máy thi công (**Phụ lục 17**) cho công trình thi công có trách nhiệm tập hợp các chứng từ gốc (Hợp đồng thuê máy, Biên bản thanh lý hợp đồng) kèm Bảng tổng hợp gửi lên phòng kế toán tài vụ Công ty. Tại đây, kế toán công ty sau khi nhận được các chứng từ gốc và Bảng tổng hợp chi phí sử dụng máy thi công trong tháng của các công trình mà kế toán đội chuyển lên có trách nhiệm tiến hành kiểm tra và nhập liệu vào phần mềm.

Máy sẽ tự động đưa các số liệu vào các sổ kế toán. Kế toán tổng hợp có nhiệm vụ kiểm tra số liệu và in: Nhật ký chung (**Phụ lục 07**), Sổ chi tiết TK 623 (**Phụ lục 18**), Sổ cái TK 623 (**Phụ lục 19**) của từng công trình, hạng mục công trình.

Kế toán chi phí sản xuất chung

Để tiến hành hoạt động sản xuất một cách thuận lợi và đạt hiệu quả, ngoài các yếu tố cơ bản về nguyên vật liệu, lao động, máy thi công trực tiếp sản xuất... thực tế đòi hỏi phải tiêu hao một số yếu tố chi phí khác như: chi phí công cụ dụng cụ dùng cho quản lý, chi phí tiền điện, cước phí điện thoại, chi phí tiền lương cho nhân viên quản lý... Những khoản chi phí này tuy không trực tiếp tham gia cấu thành thực thể sản phẩm xây lắp nhưng lại có một vai trò khác rất quan trọng là giúp cho hoạt động sản xuất diễn ra nhịp nhàng, đều đặn. Đó chính là chi phí sản xuất chung.

Tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An, chi phí sản xuất chung bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý đội: Là tiền lương của cán bộ quản lý đội xây lắp- đội trưởng các đội xây lắp, các khoản trích theo lương của công nhân viên chức quản lý của đội xây lắp.

- Chi phí vật liệu: Gồm các khoản vật liệu phục vụ cho quản lý như văn phòng phẩm, bảo dưỡng TSCĐ dùng chung của đội,...

- Chi phí dụng cụ sản xuất: Bao gồm áo bảo hộ, cước xẻng, cốp pha, giàn giáo và công cụ dụng cụ thuộc đội xây dựng quản lý và sử dụng... Nếu công cụ dụng cụ có giá trị nhỏ như: Găng tay, giày, ủng, áo bảo hộ, cước xẻng...thì được phân bổ một lần vào chi phí sản xuất khi xuất dùng. Nếu công cụ, dụng cụ có giá trị lớn liên quan đến nhiều kì kế toán thì công ty dùng phương pháp phân bổ 50% hoặc phân bổ nhiều kỳ tùy theo thời gian sử dụng công cụ đó.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định: Là toàn bộ mức khấu hao trích cho tài sản cố định phục vụ thi công gồm chi phí khấu hao máy tính, phương tiện đi lại của các đội trưởng xây dựng...Hàng tháng, kế toán tài sản cố định tiến hành trích khấu hao cho các tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài và khác bằng tiền: Bao gồm chi phí về tiền điện, nước, điện thoại, các chi phí này gồm có chi phí tiếp khách, giao dịch, chi phí làm nhà tạm, lắp đặt điện thoại cho ban điều hành công trình...

Khi tập hợp chi phí sản xuất chung thì chi phí nào phát sinh trực tiếp cho công trình nào thì kế toán tiến hành kế toán trực tiếp cho công trình đó, còn các khoản chi phí phát sinh có liên quan đến nhiều công trình thì kế toán đội xây dựng tiến hành phân bổ cho các công trình theo chi phí nhân công trực tiếp. Hàng tháng, căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán đội lập bảng kê CPSXC.

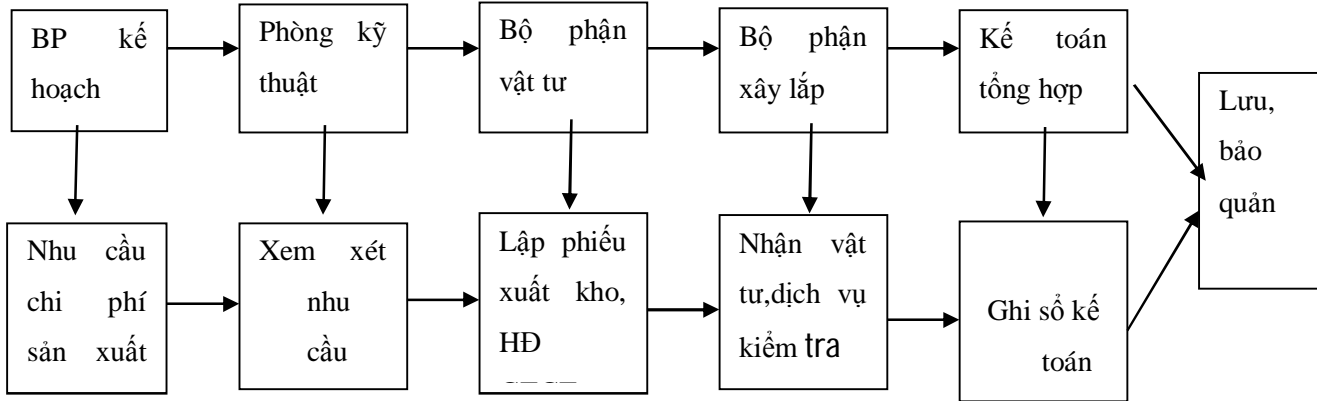
- Chứng từ và tài khoản sử dụng

+ Chứng từ sử dụng: Hóa đơn mua dịch vụ phục vụ sản xuất chung, bảng trích khấu hao TSCĐ quản lý đội, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy tạm ứng, phiếu xuất kho nguyên vật liệu, CCDC phục vụ đội thi công, các hóa đơn giá trị gia tăng, phiếu chi, bảng thanh toán tạm ứng cho chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

+ Tài khoản sử dụng: Đề hạch toán CPSXC kế toán sử dụng TK 627 - Chi phí sản xuất chung. Tài khoản này được mở chi tiết các tài khoản cấp 2:

- + TK 6271 : Chi phí nhân viên quản lý đội
- + TK 6272: Chi phí vật liệu
- + TK 6273: Chi phí công cụ, dụng cụ
- + TK 6274: Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6277: Chi phí dịch vụ mua ngoài và khác bằng tiền

- Trình tự luân chuyển chứng từ kế toán

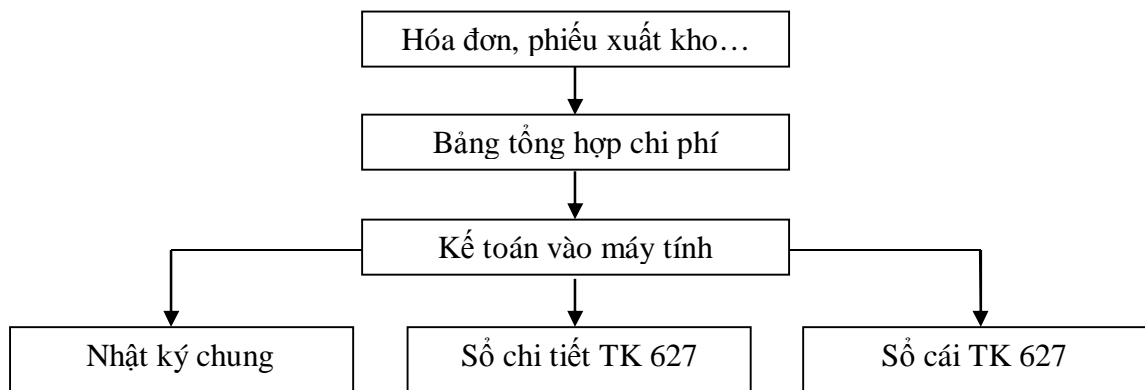


(Nguồn Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An)

Sơ đồ 3. 11: Trình tự luân chuyển chứng từ chi phí sản xuất chung

- Quy trình hạch toán

Chi phí sản xuất chung phát sinh của công trình nào được tập hợp trực tiếp cho công trình, hạng mục công trình đó. Trường hợp chi phí sản xuất chung không thể tập hợp trực tiếp cho từng công trình thì chi phí sản xuất chung được phân bổ cho từng công trình, hạng mục công trình theo giá trị dự toán của các công trình, hạng mục công trình



(Nguồn Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An)

Sơ đồ 3. 12: Quy trình hạch toán chi phí sản xuất chung

+ Chi phí nhân viên quản lý đội: Căn cứ vào bảng chấm công, nhân viên thống kê đội tính lương và gửi lên phòng tổ chức lao động duyệt, kế toán tổng hợp sẽ tiến hành trích lương và các khoản trích theo lương của nhân viên phân xưởng.

+ Chi phí về nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ dùng cho quản lý sản xuất: Kế toán vật tư căn cứ vào phiếu xuất sẽ nhập dữ liệu vào máy giống như phiếu xuất vật tư cho sản xuất chính.

+ Chi phí khấu hao máy móc thiết bị sản xuất: Công ty được thực hiện dựa trên cơ sở đăng ký mức trích khấu hao ở Cục quản lý doanh nghiệp. Công ty đăng ký tổng số trích khấu hao trong năm cho các bộ phận quản lý doanh nghiệp và bộ phận sản xuất chung. Hiện nay, Công ty đang thực hiện trích khấu hao theo đúng chế độ, quy định hiện hành. Phương pháp tính khấu hao TSCĐ ở Công ty theo phương pháp khấu hao đường thẳng.

Công thức phân bổ cho từng công trình, HMCT như sau:

Ví dụ: Mức PB khấu hao phương tiện vận tải dùng cho công trình DKG nhà thi đấu đa năng – KCN Thăng Long được tính như sau:

$$\begin{aligned} & \text{Mức phân bổ KH} && 39.399.647 \\ & \text{phương tiện vận} && \\ & \text{tải cho CT DKG} &= & \frac{\quad}{6.817.748.096} \times 1.787.691.014 \\ & \text{nà thi đấu} && \\ & && = 10.340.135 \text{ (đồng)} \end{aligned}$$

(Nguồn Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An)

- Chi phí dịch vụ mua ngoài và khác bằng tiền: bao gồm chi phí về tiền điện, nước, điện thoại, các chi phí này gồm có chi phí tiếp khách, giao dịch, chi phí làm nhà tạm, lắp đặt điện thoại cho ban điều hành công trình...

Khi tập hợp chi phí sản xuất chung thì chi phí nào phát sinh trực tiếp cho công trình nào thì kế toán tiến hành kế toán trực tiếp cho công trình đó, còn các

khoản chi phí phát sinh có liên quan đến nhiều công trình thì kế toán đội xây dựng tiến hành phân bổ cho các công trình theo chi phí nhân công trực tiếp. Hàng tháng, căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán đội lập bảng kê chi phí sản xuất chung.

- Quy trình ghi sổ

Hàng tháng, căn cứ vào các chứng từ gốc (các hoá đơn GTGT, hoá đơn bán hàng của nhà cung cấp...) kế toán đội tập hợp chi phí sản xuất chung. Chi phí nào phát sinh trực tiếp cho công trình nào thì kế toán tiến hành kế toán trực tiếp cho công trình đó, còn các khoản chi phí phát sinh có liên quan đến nhiều công trình thì kế toán đội tiến hành lập Bảng phân bổ chi phí sản xuất chung Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương; Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ (**Phụ lục 20**); Bảng phân bổ điện nước điện thoại (**Phụ lục 21**). Kế toán đội phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng công trình theo chi phí nhân công trực tiếp trong tháng.

Kế toán đội, tập hợp Bảng phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng công trình, hạng mục công trình và các chứng từ (các hoá đơn GTGT, hoá đơn bán hàng của nhà cung cấp...) về phòng kế toán tài vụ Công ty.

Nhận được chứng từ, kế toán tổng hợp kiểm tra tính chính xác sẽ báo cáo và nhập liệu vào hệ thống phần mềm Sổ nhật ký chung (**Phụ lục 07**) Sổ chi tiết TK 627 (**Phụ lục 22**), Sổ cái TK627 (**Phụ lục 23**) của từng công trình

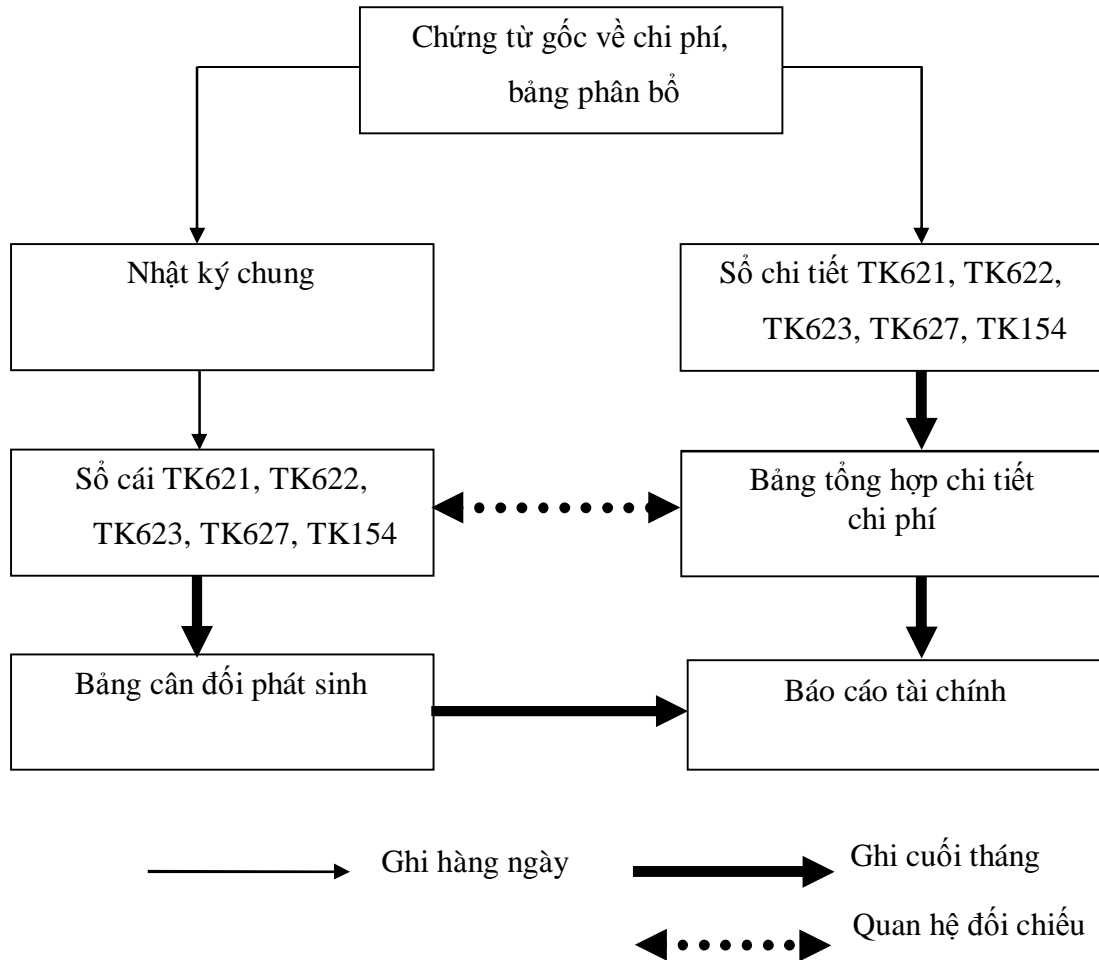
Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất

- Tài khoản sử dụng

Để tập hợp toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ, Công ty sử dụng TK 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và tài khoản này sử dụng cho từng công trình, hạng mục công trình

- Quy trình hạch toán

Toàn bộ chi phí NVLTT, chi phí NCTT, chi phí sử dụng MTC, chi phí SXC tập hợp được thì cuối kỳ phân bổ, kết chuyển vào bên Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.



(Nguồn Công ty TNHH Cơ khí chính xác Nam Trường An)

Sơ đồ 3. 13: Quy trình hạch toán chi phí toàn doanh nghiệp

Vào cuối quý, kế toán sau khi tập hợp các chi phí liên quan đến từng công trình, hạng mục công trình xây lắp sẽ tổng hợp chi phí thi công trong kỳ kết chuyển vào bên Nợ TK 154- “chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” chi tiết công trình, hạng mục công trình.

Căn cứ vào Nhật ký chung, kế toán tổng hợp các khoản mục chi phí phát sinh của từng công trình, hạng mục công trình vào Sổ cái TK 154 (**Phụ lục 24**),

đồng thời căn cứ vào chứng từ phát sinh kế toán vào sổ chi tiết TK 154 - được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình.

3.2.2. Thực trạng đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An

Đặc điểm thi công các công trình xây lắp là thời gian thi công dài, khối lượng lớn nên việc thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao được xác định theo khối lượng hoàn thành hoặc theo giai đoạn quy ước. Tùy theo hợp đồng và tiến độ thi công mà trong quý có thể thực hiện bàn giao khối lượng hoặc phần việc xây lắp hoàn thành. Chủ đầu tư và Công ty thống nhất nghiệm thu theo điểm dừng kỹ thuật của từng hạng mục công trình để thanh toán, theo các bước sau:

Bước 1 - nghiệm thu nội bộ: Phòng kế hoạch kỹ thuật chỉ huy công trường, đội xây lắp tổ chức nghiệm thu khối lượng thực tế đã hoàn thành làm cơ sở để thanh toán tiền công cho đội xây dựng và lập báo cáo nghiệm thu bước 2.

Bước 2 - nghiệm thu cơ sở: Do cán bộ giám sát kỹ thuật của Ban quản lý dự án nghiệm thu với Công ty hoặc Công ty tạm chấp nhận khối lượng hoàn thành 80% của bước 1 để lập báo cáo.

Bước 3 - nghiệm thu thanh toán của chủ đầu tư (bên A) theo giai đoạn điểm dừng kỹ thuật. Căn cứ vào bước nghiệm thu này công ty lập hồ sơ dự toán thanh toán giá trị xây lắp hoàn thành.

Bước 4 - nghiệm thu quyết toán đưa vào sử dụng

Việc xác định chi phí của khối lượng xây lắp dở dang và cuối kỳ được thực hiện thông qua giá trị khối lượng xây lắp dở dang theo dự toán. Để tiến hành xác định chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ của từng

công trình Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An sử dụng công thức tính sau:

$$\text{CP thực tế của khối lượng xây lắp DD cuối kỳ} = \frac{\text{CP thực tế của khối lượng xây lắp DDĐK} + \text{CP thực tế của khối lượng xây lắp DD phát sinh trong kỳ}}{\text{CP dự toán của khối lượng hoàn thành trong kỳ} + \text{CP dự toán của khối lượng xây DDCK}} \times \text{Giá trị dự toán của khối lượng xây lắp DDCK}$$

Trong đó:

$$\text{Giá trị dự toán của khối lượng XL DDCK} = \text{Giá trị dự toán của khối lượng XL DDĐK} + \text{Giá trị sản lượng thực hiện trong kỳ} - \text{Giá trị dự toán của KLXL hoàn thành bàn giao}$$

(Nguồn Công ty TNHH Cơ khí chính xác Nam Trường An)

Sau khi tập hợp chi phí phát sinh trong kỳ, và cuối mỗi quý các tổ đội, tiến hành kiểm kê và đánh giá sản phẩm dở dang cuối mỗi kỳ. Dựa vào biên bản nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành lập biên bản kiểm kê bán thành phẩm của các tổ đội đưa lên phòng kế toán (**Phụ lục 25**).

Dựa vào phương án tài chính lập khi trúng thầu, kế toán căn cứ lấy giá trị của giai đoạn xây lắp hoàn thành trong kỳ theo dự toán và giá trị của giai đoạn xây lắp dở dang cuối kỳ theo dự toán, để đánh giá giá trị xây lắp dở dang cuối kỳ.

Giá trị sản phẩm dở dang cuối quý IV năm 2016 của công trình DKG nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long là: 1.511.750.930 (đồng).

Trong đó:

+ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: 953.612.019

+ Chi phí nhân công trực tiếp: 296.307.076

- + Chi phí máy thi công: 160.278.277
- + Chi phí sản xuất chung: 101.553.558

Phương pháp tính giá thành và quy trình tính giá thành SP

Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An áp dụng phương pháp tính giá thành giản đơn cho các giai đoạn xây lắp hoàn thành. Toàn bộ chi phí thực tế phát sinh của từng công trình, hạng mục công trình từ khi khởi công đến từng giai đoạn bàn giao chính là giá thành thực tế của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ.

Giá thành khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành thực tế} \\ \text{KLXL hoàn thành} \\ \text{bàn giao trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí thực} \\ \text{tế KLXL dở} \\ \text{đang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí KLXL} \\ \text{phát} \\ \text{sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí thực} \\ \text{tế KLXL dở} \\ \text{đang cuối kỳ} \end{array}$$

(Nguồn Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An)

Cuối quý, cuối niên độ, kế toán tổng hợp lấy số liệu trên sổ cái từng công trình để lập sổ tổng hợp chi phí thi công toàn đơn vị. Qua sổ này công ty có thể theo dõi đánh giá toàn bộ chi phí sản xuất trong kỳ đã bỏ ra.

Quy trình tính thành sản phẩm.

Giá trị thực tế của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong quý IV năm 2016 được tính như sau:

$$= 0 + 5.019.173.578 - 1.793.718.710 = 3.225.454.868 \text{ (đồng)}$$

Giá thành công trình hoàn thành trong quý IV/2016 công trình DKG nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long thể hiện trong bảng tính giá thành sản phẩm xây lắp (**Phụ lục 26**).

3.3. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An dưới góc độ kế toán quản trị.

3.3.1 Định mức chi phí và hệ thống dự toán

-) Định mức chi phí

Hệ thống định mức chi phí sản xuất được Công ty xây dựng dựa trên các định mức kỹ thuật do Bộ Xây dựng ban hành như:

Định mức xây dựng theo quyết định số 588/QĐ-BXD ngày 29/05/2014

Định mức lắp đặt theo quyết định số 587/QĐ-BXD ngày 29/05/2014

Định mức dự toán phần sửa chữa theo quyết định số 1129/QĐ-BXD ngày 07/12/2009

Đây là tài liệu quan trọng để xây dựng kế hoạch, lập dự toán và hoạch định chiến lược phát triển, tăng cường sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

Trên cơ sở định mức do Bộ Xây dựng ban hành kết hợp với quá trình thi công thực tế công ty đã ban hành hệ thống định mức bao gồm các nội dung:

Định mức chi phí vật liệu;

Định mức chi phí nhân công;

Định mức chi phí máy thi công;

Định mức chi phí khác.

Định mức công ty ban hành mang tính chất nội bộ, chủ yếu dùng để kiểm soát chi phí hoạt động xây lắp và khoán cho các đội thi công.

-) Hệ thống dự toán

Hiện nay, Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An lập dự toán xây dựng công trình căn cứ vào thông tư số theo Thông tư 06/2016/TT- BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn việc lập và quản lý chi phí đầu tư

xây lắp công trình.

Sau khi nhận hợp đồng, Công ty tiến hành lập dự toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Trên cơ sở bản thiết kế, căn cứ vào định mức kinh tế kỹ thuật do Nhà nước ban hành và thông báo giá phòng Kế hoạch kỹ thuật sẽ bóc tách từng nội dung công việc và lập dự toán chi tiết cho từng công việc đó. Dựa trên cơ sở dự toán chi tiết cho từng nội dung công việc thì bộ phận kế toán chi phí sẽ lên bảng tổng hợp chi phí sản xuất và giá thành xây lắp cho công trình, hạng mục công trình theo khoản mục chi phí, gồm dự toán: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp; Chi phí nhân công trực tiếp; Chi phí sử dụng máy thi công; Chi phí sản xuất chung và Giá thành công trình. Kết quả tính toán sẽ cho chúng ta 3 bảng tính toán quan trọng sau:

- Bảng phân tích đơn giá chi tiết: Là bảng mà đơn giá chi tiết của từng đầu mục công việc và được tính cho một đơn vị khối lượng ví dụ đầu mục ghép nối thép hình liên kết hàn mỗi sẽ có một loạt công việc liên quan (**Phụ lục 27**)

- Bảng dự toán chi tiết: Từ phân tích đơn giá chi tiết ta sẽ có bảng dự toán chi tiết cho từng công trình hạng mục công trình (**Phụ lục 28**)

- Bảng tổng hợp kinh phí dự toán trong bảng này dự toán sẽ chỉ rõ khi xây dựng công trình chi phí cho phần vật liệu, nhân công và các chi phí khác là bao nhiêu, đây là kết quả dự toán cuối cùng có độ chính xác cao, sai số nhỏ hơn 5% cho việc định giá một công trình (**Phụ lục 29**)

Bảng 3. 2: Dự toán chi phí xây dựng*(Theo thông tư số 06/2016/TT- BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng)*

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			
1	<i>Chi phí vật liệu</i>	VL	A	
	+ Theo đơn giá trực tiếp	A1	Bảng dự toán hạng mục	
	+ Chênh lệch vật liệu	CL	Theo bảng bù giá	
	Cộng	A	A1 + CL	
2	<i>Chi phí Nhân công</i>	NC	B	
	+ Theo đơn giá trực tiếp	B1	Bảng dự toán hạng mục	
	+ Chênh lệch nhân công	CLNC	Theo bảng bù giá	
	Cộng	B	B1 + CLNC	
3	<i>Chi phí Máy thi công</i>	M	C	
	+ Theo đơn giá trực tiếp	C1	Bảng dự toán hạng mục	
	+ Chênh lệch Máy thi công	CLMay	Theo bảng bù giá	
	Cộng	C	C1 + CLMay	
	<i>Cộng chi phí trực tiếp</i>	T	VL + NC + M	
II	CHI PHÍ CHUNG	C	T x 6,5%	
	Giá trị dự toán xây lắp	Z	T+C	

Giá trị xây lắp công trình được xác định trên cơ sở dự toán công trình, hạng mục công trình, tổng dự toán công trình và khối lượng công việc hoàn thành. Tổng dự toán công trình bao gồm các khoản chi phí: chi phí xây lắp, chi phí mua sắm trang thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí dự phòng.

3.3.2. Trung tâm chi phí

Trung tâm chi phí: Là trung tâm chịu trách nhiệm về chi phí đầu vào của công ty, mục tiêu của trung tâm là tối thiểu hóa chi phí. Đầu vào của trung tâm là các chỉ tiêu phản ánh các yếu tố sản xuất như nguyên vật liệu, nhân công, chi phí chung và có thể đo được bằng nhiều cách khác nhau. Để xác định đầu ra của trung tâm chi phí dựa vào các chỉ tiêu phản ánh kết quả sản xuất kinh

doanh như số lượng, chất lượng sản phẩm và các chỉ tiêu phản ánh chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm công ty.

Trung tâm chi phí chính là các đội thi công và các phòng quản lý, các đội thi công có nhiệm vụ thi công đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, tiết kiệm chi phí, phải lập đầy đủ các báo cáo về chi phí như báo cáo tình hình sử dụng vật tư, báo cáo biến động chi phí....Tại các phòng quản lý có trách nhiệm quản lý các đội, lập dự toán sát với thực tế, theo dõi sát sao về tiến độ, chất lượng công trình, kiểm tra tính đúng đắn của các khoản mục chi phí phát sinh. Nếu có sai sót ở đâu thì bộ phận đó phải chịu trách nhiệm đồng thời bộ phận quản lý cũng phải chịu trách nhiệm về năng lực quản lý của mình. Việc phân công nhiệm vụ rõ ràng, xử lý nghiêm các sai sót giúp các trung tâm chi phí vừa thực hiện tốt công việc của mình vừa giám sát hoạt động của trung tâm trách nhiệm khác đem lại hiệu quả cho công tác quản lý.

3.3.3. Báo cáo kế toán quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty

Định kỳ, cuối mỗi quý, kế toán phải tổng hợp, lập và gửi các báo cáo về chi phí sản xuất và tính giá thành cho Giám đốc, bao gồm:

- Báo cáo tiến độ thi công: Nội dung báo cáo các hạng mục công việc đã thực hiện và những vướng mắc cần giải quyết, báo cáo này do đội trưởng lập và được thực hiện chi tiết cho từng công trình. Qua báo cáo này lãnh đạo công ty có thể nắm bắt được tiến độ thi công thực tế tại công trường từ đó đề đưa ra phương hướng chỉ đạo cụ thể giúp công trình thi công đảm bảo tiến độ.

- Báo cáo Chi phí sản xuất của các công trình: Nội dung của báo cáo này cho nhà quản trị biết chi phí sản xuất của công trình, hạng mục công trình đến thời điểm hiện tại là bao nhiêu. Cụ thể chi phí Nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí chung là bao nhiêu có vượt dự toán không...Báo cáo này do kế

toán lập định kỳ hàng tháng và đột xuất khi có yêu cầu của ban Giám đốc
(Bảng 3.2)

BẢNG 3.3 BÁO CÁO CHI PHÍ SẢN XUẤT

Công trình DKG nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long

Yếu tố chi phí	Số tiền
I - Chi phí trực tiếp	4.734.970.593
1. Chi phí nguyên vật liệu	3.348.779.941
2. Chi phí nhân công	987.691.014
3. Chi phí máy thi công	534.261.327
II- Chi phí chung	338.512.117
Tổng cộng	5.073.482.710

- Báo cáo giá thành sản xuất của các công trình, hạng mục công trình:
Báo cáo này phản ánh giá thành sản xuất của các công trình, hạng mục công trình. Qua báo cáo này lãnh đạo công ty có thể biết được công trình đó lãi hay lỗ và có hiệu quả kinh tế như thế nào từ đó để có phương hướng điều chỉnh chi phí và điều chỉnh giá đấu thầu cho phù hợp. Báo cáo này do kế toán giá thành lập theo định kỳ theo quý và khi có yêu cầu của lãnh đạo công ty.

– 3.3.4. Thu thập và phân tích thông tin ra quyết định

Việc thu thập và phân tích thông tin về các yếu tố chi phí càng đóng vai trò quan trọng để cung cấp các thông tin cần thiết cho ban giám đốc đưa ra quyết định.

Tại Công ty, các chứng từ ban đầu được tập hợp chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình tại các tổ đội thi công.

Tại tổ đội thi công: Thu thập toàn bộ chứng từ phát sinh tại đội phục vụ việc hạch toán chi phí sản xuất cho từng công trình và hạng mục công trình, kiểm tra, phân loại ban đầu về các chi phí sản xuất kinh doanh cho từng công trình, hạng mục công trình và chuyển về phòng kế toán để xử lý, ghi sổ và lập báo cáo

Tại phòng kế toán của Công ty: Kiểm tra chứng từ các đội gửi lên đã hợp lý chưa, các chứng từ có liên quan đến công nợ phải thu, phải trả nội bộ, tình hình thanh toán đối với từng công trình hạng mục công trình cụ thể.

- Thu nhập, phân loại thông tin trên hệ thống tài khoản kế toán:

Tại Công ty, mỗi nhân viên kế toán đều có vai trò vừa là kế toán tài chính, vừa là kế toán quản trị. Kế toán quản trị sử dụng các tài khoản chi tiết được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình. Do doanh nghiệp xử lý thông tin bằng các chương trình phần mềm nên hệ thống tài khoản chi tiết cho các công trình sẽ được mã hóa chi tiết theo quy luật nhất định để tiện lợi cho hạch toán và quản lý, hệ thống được các thông tin theo yêu cầu quản lý doanh nghiệp.

Tại phòng kế toán Công ty: Có trách nhiệm tổ chức hạch toán tổng hợp, chi tiết toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh và tính giá thành sản phẩm hoàn thành bàn giao, kế toán tiến hành mở TK154, TK 632 chi tiết từng công trình, hạng mục công trình và chi tiết từng tổ đội thi công, đồng thời, đơn vị giao khoán mở TK 1412 - Tạm ứng chi phí xây lắp giao khoán cho từng tổ, đội chi tiết cho từng đơn vị thi công.

Ghi nhận thông tin trên hệ thống sổ kế toán quản trị:

Tại Công ty, hệ thống sổ kế toán gồm hai loại sổ:

+ Sổ kế toán tổng hợp: Ghi chép phản ánh các chỉ tiêu kinh tế tài chính của doanh nghiệp ở dạng tổng quát.

+ Sổ kế toán chi tiết: Ghi chép chi tiết, cụ thể số liệu được ghi ở sổ kế toán tổng hợp nhằm hệ thống hóa thông tin kế toán cụ thể theo từng công trình, hạng mục công trình, theo từng bộ phận, theo từng tổ đội thi công phục vụ cho công tác quản trị doanh nghiệp. Tuy nhiên hệ thống sổ chi tiết phục vụ kế toán quản trị còn sơ sài, thiếu thông tin mang tính chất so sánh, ví dụ sổ chi tiết Chi phí Nguyên vật liệu ở cột đơn giá không có chỉ tiêu Dự toán và Thực tế và cũng không có chỉ tiêu chênh lệch vì vậy các thông tin cung cấp không mang tính chất so sánh được (không so sánh được đơn giá thực tế và đơn giá dự toán). Trong sổ chi tiết Chi phí nhân công thực tế cũng không có thông tin so sánh giữa giá thực tế và giá dự toán, các chi phí chỉ hạch toán chung vào TK 622 chưa phân loại biến phí, định phí, chi phí hỗn hợp...

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm đóng một vai trò quan trọng trong hoạt động của mỗi doanh nghiệp.

Trong chương này phần đầu tác giả đã nêu khái quát chung về Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An từ lịch sử hình thành, phát triển đến những kết quả đạt được trong thời gian qua và đặc điểm tổ chức quản lý tại Công ty. Tiếp theo đó, tác giả trình bày hết sức rõ ràng và cụ thể về thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty: Bộ máy kế toán, thực trạng kế toán chi phí sản xuất, tổng hợp chi phí sản xuất, kiểm kê, đánh giá giá trị sản phẩm dở dang và các phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Với thông tin có được từ việc nghiên cứu thực trạng tại Công ty, và nghiên cứu lý thuyết, tác giả xin được bàn tới một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.

CHƯƠNG 4

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHÍNH XÁC NAM TRƯỜNG AN

4.1 Đánh giá chung về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An

4.1.1 Ưu điểm

- *Về công tác tổ chức bộ máy kế toán:* Phòng kế toán được bố trí khá gọn nhẹ hợp lý. Tuy ít người nhưng với tinh thần trách nhiệm và trình độ chuyên môn cao, cộng với sự trợ giúp của máy vi tính họ vẫn đảm đương một khối lượng rất lớn, phát sinh với mật độ dày đặc. Mỗi người đảm nhận một công việc nhất định không chồng chéo lên nhau và cũng không tập chung quá nặng vào một người, đã tạo nên sự phối hợp nhịp nhàng trong công việc.

- *Về hình thức kế toán được lựa chọn và áp dụng:* Hình thức kế toán được áp dụng tại công ty là hình thức Nhật ký chung. Việc lựa chọn hình thức này rất chính xác và khoa học, phù hợp với đặc điểm thực tế của công ty là công việc nhiều, số lượng cán bộ kế toán không nhiều và thực hiện công nghệ hoá công tác kế toán. Theo hình thức kế toán này, công ty đã mở một hệ thống sổ sách kế toán nói chung là đầy đủ.

- *Về hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:* Công ty thực hiện khá đầy đủ các quy định về việc tập hợp chi phí NVLTT cho từng CT, HMCT. Các chứng từ đều được tập hợp riêng cho từng công trình và hạng mục công trình ở các đội xây lắp trước khi giao cho phòng tài chính-kế toán, kế toán chi tiết tài khoản 621 theo từng công trình, hạng mục công trình để hạch toán

CPNVLTT, giúp thuận tiện trong việc tập hợp chi phí cho từng đối tượng cũng như kiểm tra đối chiếu và phục vụ công tác quản trị hiệu quả hơn.

- *Về hạch toán chi phí nhân công trực tiếp:* Chi phí nhân công trực tiếp được tập hợp riêng cho từng công trình, hạng mục công trình thuận tiện cho việc tập hợp chi phí và quản trị doanh nghiệp. Công ty có nguồn lao động là: Lao động trong danh sách của công ty và lao động đi thuê phù hợp khi thi công các công trình ở xa, góp phần giảm chi phí nhân công như chi phí vận chuyển nhân công.

- *Về hạch toán chi phí sử dụng máy thi công:* Chi phí sử dụng máy thi công cũng được tập hợp riêng cho từng công trình, hạng mục công trình. Đặc biệt 100% máy thi công của công ty là đi thuê tạo được sự linh hoạt khi điều động máy thi công, đối với các công trình ở xa thi việc này giúp giảm chi phí điều động máy thi công.

- *Về hạch toán chi phí sản xuất chung:* Công ty cũng tập hợp riêng chi phí sản xuất chung cho từng công trình, hạng mục công trình, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý và hạch toán chi phí chính xác và hiệu quả.

- *Về công tác hoạch toán kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm:*

+ Công tác kế toán tập hợp CPSX và tính GTSP tại Công ty đã hạch toán chi phí cho từng CT, HMCT một cách rõ ràng phục vụ tốt cho yêu cầu quản lý chi phí và hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty. Công ty chấp hành đầy đủ các chính sách, chế độ do Nhà nước ban hành. Việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được thực hiện trên hệ thống sổ sách kế toán phù hợp nhờ đó mà công tác kế toán CPSX và tính GTSP ở Công ty đã góp phần trong việc đảm bảo hoạt động sản xuất - kinh doanh ở Công ty đạt hiệu quả cao.

+ Việc thực hiện kế toán CPSX và tính GTSP theo phương pháp KCTX cho phép Công ty có thể kiểm soát được từng lần nhập, xuất vật tư, hạn chế

tình trạng thất thoát, sử dụng lãng phí. Sản phẩm xây lắp thường có kết cấu phức tạp, giá trị lớn, thời gian thi công kéo dài, tình hình nhập, xuất NVL được phản ánh thường xuyên, kịp thời theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh cho phép tính đúng, tính đủ CPSX cho từng đối tượng liên quan, giúp cho nhà quản trị nắm bắt được tình hình sử dụng các loại NVL một cách chính xác từ đó có quyết định đúng đắn, kịp thời thúc đẩy hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty. Kế toán chi phí nhân công tương đối rõ ràng đảm bảo nguyên tắc "Làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít". Góp phần vào việc sử dụng hợp lý lao động và nâng cao năng suất lao động. Việc áp dụng hình thức trả lương theo thời gian kết hợp với trả lương theo sản phẩm đã tạo điều kiện gắn kết hợp lợi ích vật chất của người lao động và tiến độ thi công xây lắp.

+ Bộ phận kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm luôn chủ động sáng tạo. Luôn cố gắng tìm ra biện pháp quản lý chi phí. Phương pháp tập hợp các tiêu thức phân bổ chi phí nhằm có được kết quả công việc cao nhất, số liệu thông tin kế toán cung cấp là chung thực khách quan nhất.

Việc xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là toàn bộ quá trình xây lắp công trình kỳ tính giá thành theo quý là khá hợp lý và phù hợp với điều kiện và đặc thù riêng của ngành xây lắp. Việc đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ là phù hợp với nhu cầu đặc điểm của doanh nghiệp.

4.1.2 Nhược điểm

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được trong công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An công tác kế toán còn một số hạn chế. Thể hiện ở các khía cạnh sau:

4.1.2.1 Dưới góc độ tài chính

Dưới góc độ kế toán tài chính, việc phân loại chi phí sản xuất của Công ty đã hoàn thiện, phù hợp với đối tượng tổng hợp chi phí sản xuất, đối tượng

tính giá thành sản phẩm xây lắp của công ty. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế trong công tác kế toán như:

- Thứ nhất tồn tại trong công tác luân chuyển chứng từ

Mặt hạn chế trên góc độ về tốc độ luân chuyển chứng từ tại Công ty hiện nay còn chậm. Việc kế toán ở các đội xây lắp gửi chứng từ cùng với bảng tổng hợp chi phí sản xuất của từng công trình, hạng mục công trình về phòng kế toán tài vụ vào cuối tháng. Nên công việc của phòng kế toán tài vụ tập trung dồn vào cuối tháng, khiến công việc kế toán không được dàn đều trong tháng. Việc tổng hợp, xử lý số liệu vào cuối tháng rất lớn trong khi kế toán các đội xây lắp gửi chứng từ muộn, làm cho việc lập báo cáo kế toán quản trị, báo cáo kế toán tài chính để cung cấp thông tin bị chậm trễ. Mặt khác, gây sức ép và cản trở cho công tác kế toán, có thể dẫn đến những sai sót không đáng có trong công tác kế toán.

- Thứ hai về hạch toán kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là một khoản mục chi phí rất quan trọng, chiếm tỉ trọng rất lớn trong tổng giá thành sản phẩm xây lắp tuy nhiên đây cũng là một trong những loại chi phí khó kiểm soát nhất trong các công ty xây lắp. Với hình thức khoán gọn cho đội xây lắp giúp các đội chủ động thực hiện thi công công trình. Tuy nhiên, điều này đã gây không ít hạn chế trong công tác quản lý, giám sát việc sử dụng và kiểm soát chi phí nguyên vật liệu.

Mặt khác, khi công trình hoàn thành số vật liệu còn lại tại các công trình do chưa sử dụng hết, phế liệu thu hồi cũng không được đảm bảo điều này làm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thực tế phát sinh trong kì không phản ánh được đúng thực tế.

- Thứ ba về hạch toán kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Lực lượng trong công ty tham gia thi công các công trình, hạng mục công trình bao gồm: Lao động trong danh sách của công ty và lao động thuê ngoài trực tiếp tham gia thi công công trình. Với hình thức trả lương lao động thuê ngoài theo phương pháp khoán lương tháng. Căn cứ số ngày công và đơn giá một ngày công để thanh toán cho người lao động nên còn chưa đảm bảo việc thực hiện tiến độ công việc một cách kịp thời, dễ gây tình trạng kéo dài thời gian.

- Thứ tư về việc hạch toán các khoản thiệt hại trong xây lắp.

Đặc điểm hoạt động xây lắp chịu ảnh hưởng của yếu tố như thời tiết, trình độ công nhân, cán bộ kỹ thuật, quá trình giám sát không chặt chẽ,... nên việc thi công gặp khó khăn gây ngừng sản xuất hay tạo ra những sản phẩm không phù hợp, phải sửa chữa. Đây là thiệt hại trong sản xuất làm phát sinh chi phí, dẫn tới tăng giá thành công trình nhưng công ty lại không theo dõi và xử lý khoản thiệt hại này. Ví dụ Công trình thi công lắp đặt DKG tại nhà thi đấu ở Cửa Lò tỉnh Nghệ An, công ty đã thi công được một nửa công việc thì gặp bão, một số khung chưa được nghiệm thu bị đổ. Công ty phải tiến hành dựng lại khung, chi phí cho việc thực hiện lại các công việc này kế toán tập hợp luôn vào chi phí của công trình vì vậy giá vốn công trình đội lên một khoản khá lớn

4.1.2.2. Dưới góc độ kế toán quản trị

Tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An, mặc dù bộ máy kế toán có nhiều ưu điểm nhưng nó chỉ phù hợp và phục vụ cho công tác kế toán tài chính, còn đối với kế toán quản trị ở công ty chưa đề cao.

Thứ nhất về hệ thống tài khoản và sổ sách kế toán

Tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An hệ thống tài khoản kế toán mới chỉ dừng lại ở việc ghi chi tiết tập hợp số liệu thông tin

về quá trình thực hiện và phục vụ cho việc theo dõi chi phí giá thành theo từng công trình, chưa phục vụ cho công tác phân tích đánh giá trong kế toán quản trị.

Sổ sách kế toán tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An chỉ dừng lại phục vụ cho nhu cầu kế toán tài chính chưa phục vụ cho nhu cầu kế toán quản trị.

Thứ hai về việc phân loại chi phí

Việc phân loại chi phí trong công ty mới chỉ dừng lại ở cách phân loại theo khoản mục chi phí và theo yếu tố chi phí. Cả hai cách phân loại này chỉ phục vụ cho công tác quản lý chi phí trong kế toán tài chính, chưa phân loại chi phí phục vụ cho kế toán quản trị chẳng hạn: Phân loại theo cách ứng xử chi phí, theo thẩm quyền ra quyết định...

Thứ ba hệ thống báo cáo chi phí sản xuất tại công ty

Hiện nay các báo cáo chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm xây lắp ở Công ty còn rất sơ sài thể hiện ở việc chỉ có báo cáo tổng hợp chi phí sản xuất của tất cả các công trình trong kỳ, trong khi đó báo cáo về từng hạng mục công trình cụ thể chưa có, chưa làm rõ được trách nhiệm của các cấp quản trị (báo cáo trách nhiệm), chưa làm rõ các trung tâm quản lý từ đó rất khó cho công tác phân tích, xử lý, sử dụng ra quyết định đặc biệt là khó thực hiện việc phân tích mối quan hệ giữa chi phí – khối lượng – lợi nhuận.

Thứ tư về tổ chức thu nhận thông tin

Để phục vụ cho yêu cầu cung cấp thông tin của nhà quản trị doanh nghiệp, nhiều thông tin mang tính chất nội bộ, có tính chất chi tiết cụ thể không phản ánh trên chứng từ kế toán bắt buộc, do đó công ty cần xây dựng mẫu chứng từ kế toán riêng cho đơn vị. Hiện nay các chứng từ nội bộ do doanh nghiệp tự thiết kế mới chỉ dừng lại ở các bảng kê, bảng tổng hợp chi

phí để có số liệu tổng hợp phục vụ cho công tác ghi sổ của kế toán tài chính chưa có các chứng từ phục vụ thu nhận thông tin phục vụ yêu cầu phân tích trong kế toán quản trị.

Công ty chưa coi trọng việc phân tích chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của từng công trình, hạng mục công trình để từ đó tìm ra nguyên nhân vượt, hụt chi phí so với dự toán nhằm kiểm soát được chi phí hiệu quả hơn.

4.2. Các yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An

4.2.1. Các yêu cầu hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm luôn giữ vai trò quan trọng trong toàn bộ công tác kế toán doanh nghiệp. Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An có ý nghĩa quan trọng trọng việc kiểm soát chi phí giữ được chất lượng sản phẩm đồng thời hạ giá thành, tăng cường năng lực cạnh tranh của công ty. Điều này đòi hỏi việc hoàn thiện kế toán CP và tính giá thành SP phải đạt được những yêu cầu cơ bản sau:

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải đảm bảo phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất và trình độ quản lý của doanh nghiệp trong điều kiện nền kinh tế mở hiện nay.

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp phải đảm bảo đúng với quy định với chuẩn mực, chế độ kế toán, các thông tư nghị định hướng dẫn.

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, giúp cho kế toán thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, phát huy tốt vai trò, tác dụng của kế toán, chi phí công trình phải được hạch toán chính xác, kịp thời và tiết kiệm nhất giúp cho công tác quản lý vốn của các đơn vị hiệu quả.

Để đảm bảo tính thống nhất, các doanh nghiệp xây lắp thực hiện việc hạch toán chi phí vào giá thành công tác xây lắp theo quy định chung của chế độ kế toán tài chính và chế độ tài chính hiện hành.

Theo chế độ quy định hiện nay, chỉ tính vào công tác sản phẩm xây lắp những chi phí cơ bản trực tiếp (chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công) và chi phí sản xuất chung.

Những khoản chi phí khác, chi phí đầu tư, chi phí hoạt động tài chính... không được hạch toán vào chi phí sản xuất và không được tính giá thành. Việc hạch toán chi phí vào giá thành công tác xây lắp có ý nghĩa trong việc tính đúng và hợp lý chi phí sản xuất vào giá thành sản phẩm cũng như đảm bảo tính nhất quán trong kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của doanh nghiệp xây lắp cũng như các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế quốc dân.

Bên cạnh đó kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp sẽ cung cấp thông tin để quản trị chi phí của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện nội dung tổ chức kế toán quản trị chi phí tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An phải phù hợp với chính sách quản lý tài chính đã ban hành để đảm bảo tính hiệu lực của chúng. Đây là yêu cầu bắt buộc khi doanh nghiệp hoạt động trong một môi trường pháp luật cụ thể. Yêu cầu này nhằm đáp ứng nhu cầu quản lý tài chính thống nhất của nhà nước, cung cấp thông tin kinh tế, tài chính chính xác, trung thực cho các đối tượng sử dụng thông tin.

- Hoàn thiện nội dung tổ chức kế toán quản trị chi phí phải đi đôi với hoàn thiện cơ chế quản lý của doanh nghiệp xây lắp trong điều kiện mới.

- Thông tin kế toán quản trị chi phí cần đáp ứng yêu cầu kiểm tra và đánh giá. Việc kiểm tra nhằm kiểm soát các hoạt động của toàn đơn vị và của từng lĩnh vực kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực của đơn vị.

- Hoàn thiện nội dung tổ chức kế toán quản trị chi phí phải đảm bảo tính khả thi, tiết kiệm và có hiệu quả. Đây là yêu cầu có tính thực tiễn, khách quan bởi vì nếu xây dựng một mô hình kế toán quản trị xa rời thực tiễn hoạt động của Công ty sẽ không khả thi, tốn kém, không hiệu quả và có thể gây nhiều thiệt hại cho doanh nghiệp.

Yêu cầu này đòi hỏi khi hoàn thiện phải phát huy được vai trò, nhiệm vụ cung cấp thông tin cho các đối tượng sử dụng thông tin. Đồng thời, lợi ích thu được do các nội dung hoàn thiện mang lại phải nhiều hơn so với chi phí bỏ ra. Vì vậy cần phải quán triệt nguyên tắc tiết kiệm, sự hài hoà giữa lợi ích và CP.

- Hoàn thiện nội dung tổ chức kế toán quản trị chi phí phải hướng tới hội nhập và phát triển kinh tế, thuận tiện cho việc cung cấp thông tin.

Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán của nước ta đã dần hoàn thiện và phù hợp với các chuẩn mực quốc tế về kế toán, kiểm toán. Từ đó xây dựng nội dung kế toán quản trị chi phí phù hợp với thực tiễn, nhu cầu quản trị các cấp thúc đẩy sự hội nhập và phát triển kinh tế của đất nước, đảm bảo tính khả thi và có hiệu quả của các thông tin kế toán quản trị ở mọi doanh nghiệp công ty.

4.2.2. Các nguyên tắc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An

Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp phải đảm bảo phù hợp với yêu cầu của các chế độ chính sách liên quan như

chuẩn mực kế toán, luật kế toán và chế độ kế toán hiện hành trong nước và quốc tế; đáp ứng yêu cầu quản lý tài chính thống nhất, cung cấp thông tin trung thực, chính xác. Đồng thời, hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại doanh nghiệp nhưng vẫn phải đảm bảo nội dung kế thừa, không phá vỡ cơ cấu tổ chức hiện tại, các chỉ tiêu về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời cung cấp thông tin, tăng cường kiểm soát nội bộ và phục vụ quản lý, xác định hiệu quả.

Mặt khác, hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nhưng phải phù hợp với đặc điểm ngành xây lắp nói chung và điều kiện, nhu cầu quản lý thực tế tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An nói riêng. Đảm bảo phù hợp với thực trạng sản xuất, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cũng như năng lực cán bộ quản lý của Công ty.

4.2.3. Định hướng phát triển tại công ty TNHH cơ khí chính Xác Nam Trường An

Bên cạnh việc nỗ lực xây dựng uy tín, công ty cũng hướng đến việc tự tìm đến các chủ đầu tư để chủ động tìm các dự án thích hợp để thực hiện. Với định hướng như trên Công ty đã xây dựng chiến lược đến năm 2020 như sau:

Tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm thi công công trình xây lắp cơ bản, không ngừng đổi mới công nghệ thi công, đáp ứng yêu cầu đặt ra ngày càng cao về chất lượng và mỹ thuật công trình. Công ty hướng đến mục tiêu ngày càng nhận được sự tin tưởng của cộng đồng trong và ngoài nước.

Khẳng định tầm quan trọng của hệ thống nhân sự trong các tổ chức nói chung. Theo đó, công ty đặc biệt quan tâm hơn nữa tới việc tư vấn nhân sự cũng như xây dựng hệ thống quản trị nhân sự một cách hiệu quả nhằm tạo ra bộ máy hoạt động thống nhất, đem lại hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

Hoàn thiện mô hình tổ chức đổi mới phương thức quản lý, năng động trong công tác điều hành nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh đáp ứng được với sự thay đổi liên tục của thị trường cạnh tranh.

Đặt mục tiêu phát triển bền vững, song song với mục tiêu kinh tế công ty tiếp tục duy trì chú trọng đến giá trị bền vững của công ty là người lao động, cộng đồng xã hội và bảo vệ môi trường. Công ty luôn hướng tới mục tiêu mang đến cho cộng đồng các sản phẩm nhà xưởng, sân vận động, nhà kho, hạ tầng giao thông hài hòa với thiên nhiên, phù hợp với sự phát triển của văn minh xã hội.

4.3. Các giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An

4.3.1. Hoàn thiện dưới góc độ kế toán tài chính

Qua thời gian tìm hiểu về công tác kế toán tại công ty, nhất là phân hành về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trên góc độ kế toán tài chính tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An, được sự hỗ trợ của cô chú, anh chị trong phòng kế toán và thầy giáo hướng dẫn tác giả xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến khắc phục tồn tại.

Thứ nhất hoàn thiện về công tác luân chuyển chứng từ

Để khắc phục tình trạng hiện nay ở công ty chứng từ tại công ty do các tổ, đội nộp lên phòng kế toán thường muộn dẫn tới khối lượng công việc vào thời điểm cuối tháng, quý, năm tăng lên, dễ dẫn đến sai sót, nhầm lẫn trong hạch toán, khiến cho việc tập hợp, phân bổ chi phí và tính giá thành sản phẩm gặp nhiều khó khăn, tình hình chi phí sản xuất thực tế không được cung cấp kịp thời. Để giải quyết tình trạng trên Công ty cần quy định cụ thể thời gian cho các đội phải nộp chứng từ lên phòng kế toán như: Định kỳ từ 10-15 ngày phải nộp chứng từ, không nộp tập trung vào thời điểm cuối tháng và hạn cuối cùng

để nộp là ngày mùng 5 của tháng sau, sau ngày này các chứng từ sẽ không được duyệt thanh toán.

Việc thừa nhận chứng từ kế toán của các công trình, hạng mục công trình cũng chính là việc thừa nhận các khoản chi phí phát sinh cho công trình hay hạng mục công trình đó. Vì vậy không thể quản lý chi thông qua chứng từ mà phải kết hợp thường xuyên với kiểm tra thực tế tại công trường, Công ty phải cử cán bộ kỹ thuật và nhân viên kế toán thường xuyên đến các công trường để kiểm tra nhằm tránh tình trạng mua hóa đơn, kê khai không khối lượng vật tư đầu vào, khai báo tăng giá mua vật tư đầu vào kiểm tra rà soát chặt chẽ.

Thứ hai hoàn thiện hạch toán kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Để đảm bảo kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng nguyên vật liệu và kế toán đúng, đủ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp phát sinh, công ty nên có biện pháp tăng cường quản lý giám sát tại công trình thi công. Khi giao cho đội xây dựng chủ động mua nguyên vật liệu ngoài quy định chuyển bộ chứng từ gồm: Hợp đồng kinh tế với nhà cung cấp thông báo mức giá của nhà của nguyên vật liệu cung cấp, hóa đơn mua hàng, chứng chỉ về chất lượng của nguyên vật liệu còn cần bố trí nhân viên Công ty kiểm tra thực tế, đối chiếu chéo.

Công ty cần theo dõi chi tiết từng loại chi phí nguyên vật liệu bằng cách mở thêm các tài khoản cấp 2, 3, 4,... như:

TK 621(công trình) - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

TK 621(công trình).VLC - Chi phí nguyên vật liệu chính

TK 621(công trình).VLC.01 - Thép

TK 621(công trình).VLC.02 - Tôn

.....

TK 621(công trình).2 - Chi phí nguyên vật liệu phụ

Ví dụ: TK 621.VLC.01 - Chi phí thép của công trình DKG nhà thi đấu - KCN Thăng Long do đội xây lắp số 1 thi công.

Từ đó, các nhà quản lý xem xét việc sử dụng nguyên vật liệu đã hợp lý chưa và tìm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu.

Bên cạnh việc mở thêm các tài khoản chi tiết của TK 621, Công ty còn cần đưa ra một số giải pháp nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất, do các công trình thường ở xa, việc thu mua vật tư được tiến hành khi có nhu cầu và không có kho dự trữ vật tư, các đội cần lập kế hoạch sử dụng vật tư để tính toán thời điểm, số lượng thu mua vật tư hợp lý tránh thừa vật tư sẽ gây mất mát, hư hỏng hoặc thiếu hụt sẽ ảnh hưởng đến tiến độ công trình, đồng thời xây dựng mạng lưới nhà cung cấp có khả năng đáp ứng nhu cầu vật tư mọi lúc, mọi nơi.

Do vật tư chiếm tỷ trọng lớn trong kết cấu công trình nên công ty cần phải kiểm soát chặt chẽ vật tư phục vụ thi công công trình, ngoài PNK, XK bảng tổng hợp chi phí nguyên vật liệu công ty nên làm bảng kê nguyên vật liệu còn lại cuối kỳ để thuận tiện cho công tác quản lý và kiểm soát chi phí nguyên vật liệu.

Ví dụ: Đối với công trình DKG nhà thi đấu - KCN Thăng Long vào cuối quý công ty nên tiến hành làm bảng kê nguyên liệu còn lại cuối kỳ.

Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An

Đội xây dựng số: 01

BẢNG KÊ NGUYÊN VẬT LIỆU CÒN LẠI CUỐI KỲ

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tên công trình: DKG nhà thi đấu – KCN Thăng Long

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú
	Thép ống phi	Kg	16.050	5.300	85.065.000	Xuất cho công trình DKG nhà thi đấu – KCN Thăng Long xuất dùng riêng.
Tổng cộng					86.065.000	

Tổng số tiền bằng chữ: Tám mươi sáu triệu không trăm sáu mươi lăm ngàn đồng ./
Số chứng từ gốc kèm theo:.....

Đội trưởng Kế toán đội Kế toán tổng hợp Kỹ thuật công trình

Bảng 4. 1: Bảng kê nguyên vật liệu còn lại cuối kỳ

Bảng kê nguyên vật liệu còn lại cuối kỳ được lập theo từng công trình, hạng mục công trình theo từng tháng để chủ động cung ứng nguyên vật liệu, đối chiếu kiểm kê thường xuyên.

Thứ ba hoàn thiện hạch toán kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Hiện nay, do đặc thù của ngành xây lắp là công trình rải rác ở khắp các tỉnh thành trong toàn quốc nên công nhân trực tiếp của công ty chủ yếu là thuê ngoài, điều này làm giảm được chi phí nhân công nhưng không đảm bảo được chất lượng lao động. Lực lượng lao động này chủ yếu đến từ các vùng nông thôn, làm thời vụ trong lúc nông nhàn kiếm thêm thu nhập. Điều này dẫn đến chất lượng lao động thấp, trình độ tay nghề không đáp ứng được yêu cầu công việc, thiếu các kiến thức cơ bản về kỹ thuật thi công và an toàn lao động dẫn đến chất lượng công trình

không đảm bảo, mất an toàn lao động, hao hụt lãng phí vật tư.

Hơn nữa việc chỉ sử dụng nhân công thuê ngoài đôi khi làm các đội khó khăn trong việc thuê nhân công như trong trường hợp công trình thi công ở địa bàn không có nhiều các nhóm thợ, điều này càng khiến các đội thuê nhân công kém chất lượng.

Công ty cũng phải có quy chế rõ ràng trong việc phân cấp trách nhiệm từ Đội trưởng, cán bộ chuyên trách quản lý chặt chẽ lao động an toàn lao động và các cán bộ kỹ thuật trong công tác tuyển dụng lao động nhằm giảm thiểu số lượng lao động kém chất lượng và thiếu kinh nghiệm.

Do đặc thù của ngành xây lắp phải bàn giao công trình theo đúng tiến độ công ty có thể sử dụng thêm bảng chấm công làm thêm giờ 01b - LĐTL Ban hành theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính.

Thứ tư hoàn thiện hạch toán các khoản thiệt hại trong xây lắp

Các khoản thiệt hại như phải phá đi làm lại, công ty có thể xem xét, quy trách nhiệm rõ ràng cho các cá nhân để xử phạt, từ đó nâng cao tinh thần trách nhiệm của từng cá nhân trong công việc.

Công ty nên đề ra các định mức chi phí phù hợp để công nhân làm việc và có căn cứ cụ thể để khen thưởng hay xử phạt phù hợp, nâng cao năng suất lao động. Đồng thời có căn cứ rõ ràng để tính các chi phí được phép kết chuyển vào TK 154, và các chi phí cần kết chuyển sang TK 632, để tính giá

Về hoàn thiện về việc hạch toán phế liệu thu hồi

Công ty cần giám sát chặt chẽ các khoản làm giảm chi phí thi công công trình, hạn chế tối đa tình trạng các cán bộ quản lý và đội thi công tại công trình đem bán coi như thu nhập khác của cá nhân. Đưa ra cơ chế phạt cá nhân có hành vi mang phế liệu công trình đi bán.

Kế toán tiến hành hạch toán các khoản làm giảm chi phí xây dựng công

trình như vật tư thừa sử dụng không hết nhập kho, các khoản thu hồi lán trại...

4.3.2. Hoàn thiện dưới góc độ kế toán quản trị

Hiện nay công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An mới chỉ chú trọng đến kế toán tài chính nhằm cung cấp thông tin kế toán phục vụ cho các đối tượng bên ngoài công ty chứ chưa quan tâm đến kế toán quản trị, chưa cung cấp thông tin thực sự hữu ích cho các nhà quản lý trong việc ra các quyết định kinh doanh.

Thứ nhất hoàn thiện hệ thống tài khoản và sổ sách kế toán.

Để cung cấp thông tin đầy đủ dễ hiểu về hoạt động xây lắp phục vụ cho công tác quản lý, quản trị và ra quyết định. Kế toán của công ty nên mở tài khoản cấp 1,2,3,4... để phục vụ cho công tác quản trị chi phí trong công ty đến cụ thể từng loại vật liệu, từng loại chi phí. Mẫu phân loại tài khoản chi tiết (**Phụ lục 30**).

Đối với hệ thống sổ sách kế toán, Công ty cần mở thêm các chỉ tiêu trên sổ theo nhu cầu thông tin của kế toán quản trị cụ thể như sau:

Sổ chi tiết chi phí nguyên vật liệu trực tiếp phải thêm các chỉ tiêu phản ánh chi tiết từng loại nguyên vật liệu chính, phụ và cần bổ sung các thông tin về dự toán, định mức trên các sổ chi tiết này. Sổ chi tiết chi phí Nguyên vật liệu có thể được lập theo mẫu ở (**phụ lục 31**). Với sổ chi tiết nhân công trực tiếp cần mở thêm cột biến phí, định phí, dự toán và thực tế. Sổ chi tiết chi phí sản xuất chung cần thêm cột biến phí, định phí, dự toán, thực tế, phân bổ cho các đối tượng sử dụng (kế hoạch và thực tế) . Sổ chi phí sản xuất kinh doanh cần thêm cột về dự toán, định mức, chi phí biến đổi, chí phí cố định.

Thứ hai hoàn thiện phân loại chi phí sản xuất

Để đáp ứng yêu cầu của các nhà quản trị doanh nghiệp, trong tương lai phục vụ công ty xây dựng mô hình kế toán quản trị kết hợp với kế toán tài chính trong cùng một bộ máy và trên cùng một hệ thống tài khoản kế toán, phát huy vai trò của kế toán quản trị nói chung, kế toán quản trị chí phí, giá thành sản phẩm nói riêng nhằm trở thành công cụ quản lý hiệu quả, tăng cường quản lý, kiểm soát chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp. Muốn làm được điều đó, công ty cần phải kết hợp với cách phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ với khối lượng hoạt động. Theo cách này, chi phí sản xuất được chia thành:

- Biến phí gồm: Biến phí sản xuất thường là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, tiền lương sản phẩm của công nhân trực tiếp sản xuất, chi phí vật liệu dùng cho máy thi công...; biến phí bán hàng và biến phí quản lý doanh nghiệp.

- Định phí gồm: Định phí sản xuất thường là tiền lương thường gian của công nhân sản xuất, công nhân điều khiển máy thi công, công nhân quản lý đội, chi phí khấu hao máy thi công và tài sản cố định dùng chung cho hoạt động quản lý đội...; định phí bán hàng và định phí quản lý doanh nghiệp.

- Chi phí hỗn hợp như chi phí điện thoại, dùng phương pháp thích hợp để phân tích chi phí hỗn hợp thành biến phí và chi phí.

Việc phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí (**Phụ lục 32**).

Việc kết hợp phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ với khối lượng hoạt động sẽ giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp thực hiện phân tích mối quan hệ giữa chi CVP. Cùng với vận dụng trình độ chuyên môn của kế toán và các nhà quản lý để phân loại chi phí nào là biến phí, chi phí nào là định phí một cách hợp lý nhất để phục vụ cho việc thiết kế, xây dựng mô hình chi phí trong mối quan hệ giữa CVP, xác định điểm hoàn vốn để ra các quyết định hiệu quả trong kinh doanh, xác định phương hướng để nâng cao hiệu quả của chi phí.

Việc tính giá thành sản phẩm toàn bộ cung cấp thông tin quan trọng cho nhà quản trị trong việc ra quyết định xác định giá bán sản phẩm và xác định được kết quả thu nhập, lợi nhuận trong kỳ.

Công ty phân tích giá thành công trình, hạng mục công trình (**Phụ lục 33**) chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình và chi tiết theo từng khoản mục chi phí, theo dõi kết hợp giá trị dự toán để có thể so sánh và đánh giá kết quả thực hiện.

Thứ ba hoàn thiện hệ thống báo cáo

Để tăng cường quản lý, kiểm soát chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ngoài các giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và kế toán giá thành sản phẩm Công ty cũng cần đưa ra các giải pháp hoàn thiện hệ thống báo cáo kế toán quản trị:

- Báo cáo bất thường, được lập khi phát sinh các khoản chi phí bất thường ngoài kế hoạch hoặc dự toán nhằm cung cấp thông tin kịp thời giúp các nhà quản trị ra quyết định như: báo cáo về chi phí ngừng sản xuất ngoài kế hoạch, báo cáo về chi phí sửa chữa TSCĐ ngoài kế hoạch...

- Báo cáo thường xuyên có kì hạn ngắn, bao gồm các báo cáo: báo cáo tình hình sử dụng vật tư, báo cáo tình hình sử dụng lao động, báo cáo tình hình thực hiện chi phí sản xuất chung, báo cáo tình hình tiến độ sản xuất.

- Báo cáo định kì, các báo cáo theo tháng, quý, năm, bao gồm: báo cáo chi phí sản xuất của từng bộ phận sản xuất; báo cáo phân bổ chi phí sản xuất cho từng đối tượng; báo cáo chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và vật tư chưa sử dụng hết tại các bộ phận; báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch, định mức, dự toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; báo cáo tổng giá thành và giá thành đơn vị sản phẩm cho từng loại sản phẩm sản xuất trong kì.

Hệ thống các báo cáo kế toán quản trị chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm ngoài việc đáp ứng đầy đủ các yêu cầu chung của một báo cáo kế toán thì còn phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

- Đảm bảo việc phân chia chi phí sản xuất kinh doanh trong kì theo nhiều tiêu thức phân loại khác nhau nhằm đáp ứng yêu cầu về thông tin cho nhà quản trị ra các quyết định cụ thể.

- Đảm bảo cung cấp thông tin chi phí sản xuất của từng địa điểm, bộ phận phát sinh theo từng sản phẩm, giai đoạn sản xuất.

- Đảm bảo phản ánh được tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm; định mức và chỉ ra nguyên nhân chênh lệch giữa quá trình thực hiện với dự toán.

+) Báo cáo tình hình sử dụng nguyên vật liệu trực tiếp (**Phụ lục 34**) Báo cáo này phản ánh số lượng vật tư được xuất sử dụng cho công trình, hạng mục công trình, số lượng vật tư xuất dùng lũy kế từ đầu công trình đến thời điểm lập báo cáo và số lượng vật tư cần dùng cho công trình theo dự toán. Qua báo cáo này có thể biết công trình, hạng mục công trình đã sử dụng được bao nhiêu vật tư, từ thời điểm lập báo cáo đến khi hoàn thành công trình còn cần bao nhiêu vật tư, giúp xí nghiệp có kế hoạch dự trữ và mua vật tư. Báo cáo này được lập vào cuối tháng tại các đội. Báo cáo được lập dựa trên các chứng từ sử dụng vật tư trong tháng và số liệu dự toán chi phí nguyên vật liệu cho từng CT, hạng mục công trình.

+ Báo cáo biến động về chi phí (**Phụ lục 35**). Báo cáo này phản ánh số lượng, giá trị vật tư, nhân công.... sử dụng chênh lệch so với dự toán và nguyên nhân dẫn đến chênh lệch, báo cáo này giúp đánh giá khối lượng đã thực hiện và đối chiếu với kế hoạch tiến độ thi công, định mức thiết kế. Việc theo dõi sâu sát, thường xuyên như vậy giúp kỹ sư thi công và giám đốc xí nghiệp quản lý

các chi phí một cách chặt chẽ, phát hiện kịp thời và hạn chế gian lận, lãng phí, sai sót ngoài dự toán. Báo cáo này được lập vào cuối tháng tại các đội. Báo cáo được lập dựa trên các chứng từ sử dụng vật tư trong tháng và số liệu dự toán chi phí nguyên vật liệu cho từng công trình, hạng mục công trình.

Thứ tư Xây dựng mô hình kế toán quản trị ở công ty

Từ thực tiễn nghiên cứu tại Công ty TNHH Cơ khí chính xác Nam Trường An, tác giả thấy rằng công tác kế toán quản trị của công ty này chưa được chú trọng. Vì vậy doanh nghiệp cần hoàn thiện mô hình kế toán quản trị tại công ty.

Mô hình kết hợp trong Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An, kế toán tài chính và kế toán quản trị được tổ chức thành một hệ thống thống nhất trong cùng một bộ máy kế toán. Kế toán tài chính thực hiện chức năng thu thập các thông tin phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính, cung cấp thông tin phục vụ chủ yếu cho các đối tượng bên ngoài doanh nghiệp. Kế toán quản trị thực hiện chức năng thu thập, xử lý thông tin, phục vụ lập báo cáo kế toán quản trị cung cấp các thông tin trong nội bộ doanh nghiệp.

Do đó trong bộ máy kế toán cần xác định rõ phạm vi của báo cáo kế toán tài chính và báo cáo kế toán quản trị. Trong đó chức năng của các bộ phận trong bộ máy được thể hiện như sau:

Kế toán trưởng là người điều hành trực tiếp các hoạt động của phòng kế toán, chịu trách nhiệm xét duyệt các báo cáo tài chính và cung cấp cho các đơn vị, các cơ quan bên ngoài công ty theo quy định, tổ chức thu thập thông tin qua các bộ phận các phân hành kế toán, đồng thời cung cấp thông tin qua các báo cáo và tư vấn cho các cấp quản trị của công ty. Kế toán tổng hợp: có trách nhiệm trợ giúp kế toán trưởng thực thi các nhiệm vụ theo sự phân công, tham gia tổ chức và điều hành mọi hoạt động trong phòng kế toán.

Bộ phận kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành: Theo dõi và hạch toán chi phí của từng công trình và thực hiện thanh quyết toán chi phí công trình với các đội thi công đảm bảo tính đúng, tính đủ và kịp thời để các đội có nguồn lực để tiếp tục thực hiện các công trình khác. Ngoài ra kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành cũng cần tham gia vào lập dự toán dự thầu của các công trình, để đơn giá dự thầu của công ty được hợp lý hơn.

Trong mô hình kết hợp ngoài các bộ phận kế toán trên còn có hai nhóm kế toán tổng hợp Nhóm kế toán tổng hợp phụ trách phần việc của kế toán tài chính và nhóm phụ trách phần việc của kế toán quản trị.

Kế toán tổng hợp phụ trách phần việc của kế toán tài chính: thực hiện việc tổng hợp, kiểm tra thuộc phần việc kế toán tài chính, thực hiện chức năng kiểm tra, đối chiếu số liệu liên quan đến kế toán tài chính của các bộ phận khác, tổng hợp hoàn chỉnh số liệu và lập các báo cáo tài chính. Đồng thời nhóm này phụ trách cả nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm như: phân loại chi phí sản xuất, tham gia cùng phòng kỹ thuật lập các dự toán sản xuất, dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung, tổ chức và phân bổ chi phí theo đúng đối tượng, vận dụng các phương pháp tính giá thành sản phẩm, tổ chức theo dõi chi phí quản lý doanh nghiệp, lập các báo cáo về chi phí sản xuất, báo cáo giá thành sản phẩm. Với nhóm này Công ty nên để kế toán trưởng chủ trì cùng với sự phối hợp của các kế toán chi tiết.

Kế toán tổng hợp phụ trách phần việc của kế toán quản trị: Thực hiện việc kiểm tra các dự toán chi tiết do các bộ phận khác lập để tổng hợp hoàn chỉnh hệ thống dự toán ngân sách của doanh nghiệp, kiểm tra các báo cáo thực hiện, phân tích, đánh giá kết quả thực hiện với các mục tiêu đề ra, tìm các nguyên nhân gây ra biến động đó. Soạn thảo và phân tích các dự án quản trị để

tư vấn cho các nhà quản trị doanh nghiệp. Với nhóm này Công ty nên để kế toán tổng hợp chủ trì dưới sự giám sát của kế toán trưởng và sự phối hợp của các kế toán chi tiết.

4.4. Điều kiện thực hiện giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An

4.4.1. Điều kiện về phía Nhà nước

Để tạo môi trường cho các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh thuận lợi Nhà nước luôn sử dụng các công cụ tổng hợp để duy trì quản lý sự hoạt động ổn định. Trong điều kiện kinh tế khủng hoảng hiện nay, vai trò điều tiết của Nhà nước càng trở nên vô cùng quan trọng và tác động đến mọi chủ thể của nền kinh tế mà công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An không phải là ngoại lệ. Vì vậy, để những phương hướng giải pháp trên có thể thực hiện không thể thiếu được sự ảnh hưởng tác động của nhà nước. Do vậy:

- + Nhà nước cần hoàn thiện cơ chế tài chính, hệ thống khung phát lí, pháp luật kinh tế tài chính từ đó hoàn thiện hệ thống chuẩn mực kế toán, các quy định về chế độ kế toán phù hợp với điều kiện kinh tế thị trường và thông lệ quốc tế. Tạo môi trường kinh doanh minh bạch, cạnh tranh lành mạnh và bình đẳng giữa các chủ thể thuộc mọi thành phần kinh tế.

- + Mở cửa, tăng cường hội nhập và xây dựng hành lang pháp lí vững mạnh tạo điều kiện cho việc giao lưu học hỏi kinh nghiệm tổ chức quản lí, kế toán kế toán cho các doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp trong khu vực, các doanh nghiệp trên thế giới. Đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của doanh nghiệp trên thị trường quốc tế.

- + Chú trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ kế toán.

4.4.2. Điều kiện về phía công ty

Để khắc phục những tồn tại và hạn chế trong công tác quản lí, kế toán kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp của công ty hiện nay thì công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An cần:

+ Hoàn thiện cơ chế khoán xây dựng cho các đội thi công, tiến hành giao kế hoạch sản xuất kinh doanh cho các đội xây lắp kèm theo tỷ lệ khoán và các chế độ BHXH, lương, thưởng, phép năm của đội tương ứng theo đó Công ty ấn định tỷ lệ thu. Nhằm hạ giá thành sản phẩm và tạo lợi thế cạnh tranh cho sản phẩm của công ty đồng thời phát huy tính chủ động sáng tạo của các đội xây lắp tại công ty.

+ Hoàn thiện quy trình quản lí lao động, điều phối lí giữa các phòng ban, đội xây dựng trong công ty. Đề ra quy chế làm việc, chế độ thưởng phạt rõ ràng. Đối với các đội xây lắp thực hiện vượt kế hoạch công ty giao công ty sẽ tăng phần trăm thu nhập trên số vượt kế hoạch, tổ chức thưởng. Đối với đội xây lắp không hoàn thành kế hoạch và chi trả BHXH, thực hiện nghĩa vụ không đúng thời hạn thì công ty sẽ phạt 1%.

+ Xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp, lập kế hoạch và dự toán hàng năm làm cơ sở để điều hành, quản lí sản xuất kinh doanh.

+ Tăng cường sự phối hợp giữa các phòng ban chuyên môn với phòng kế toán tài vụ. Ngoài các sổ sách, chứng từ theo yêu cầu của chế độ kế toán, yêu cầu mỗi công trình đều phải có: Sổ nhật kí thi công công trình, Sổ nhật kí giám sát thi công, Sổ lấy mẫu, chứng chỉ, thí nghiệm vật tư...

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, với sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp hiện nay thì việc tăng cường quản lí trên mọi phương diện để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả, đứng vững trên thị trường là vô cùng cần thiết. Nhất là công tác kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm. Xác định được vai trò quan trọng trong bộ máy kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp. Luận văn đã thu được một số kết quả sau đây:

Thứ nhất: Giới thiệu về đề tài nghiên cứu.

Thứ hai: Luận văn đã hệ thống lại một cách khoa học cơ sở lý luận kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.

Thứ ba: Luận văn đã trình bày thực trạng kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.

Thứ ba: Trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.

Mặc dù, đã cố gắng rất nhiều nhưng do trình độ còn hạn chế và thời gian ít ỏi nên tác giả không thể tránh khỏi những thiếu sót trong quá trình trình bày, các vấn đề nêu ra có thể chưa được giải quyết triệt để. Vì vậy, tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của các thầy, cô và bạn bè, đồng nghiệp để luận văn của tác giả được hoàn thiện hơn và có giá trị cao hơn cả về lý luận và thực tiễn.

Tác giả xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2006), *Quyết định 15/2006/QĐ-BTC của Bộ tài chính ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp*, Hà Nội.
2. Bộ Xây dựng (2007), *Định mức 1776/BXD-VP ngày 18/6/2007 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng*.
3. Bộ Xây dựng (2016), *Thông tư 06/2016-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ xây dựng, hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng*.
4. Bộ Tài chính (2014), *Thông tư 200/2014, ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*.
5. *Chế độ kế toán doanh nghiệp (2008) - Quyển 1, Quyển 2*. NXB Thống Kê
6. *Nghiêm Văn Lợi (2007), Kế toán tài chính – NXB Tài chính*
8. *Nguyễn Ngọc Quang (2014) Giáo trình kế toán quản trị*.
7. *Nguyễn Tuấn Duy, Nguyễn Phú Giang (2008), Kế toán quản trị, Nhà xuất bản tài chính*.
9. *Võ Văn Nhị (2010), Kế toán doanh nghiệp xây lắp, đơn vị chủ đầu tư, NXB Tài chính*.
10. *Tài liệu Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An*.
11. *Quốc hội Việt Nam (khoá XI), Luật Kế toán 2015, ngày 20/11/2015*.
12. *Các tài liệu khác*.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ HIỀN

**KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH
SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU
HẠN CƠ KHÍ CHÍNH XÁC NAM TRƯỜNG AN**

LUẬN VĂN THẠC SỸ KẾ TOÁN

HÀ NỘI - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ HIỀN

**KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH
SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU
HẠN CƠ KHÍ CHÍNH XÁC NAM TRƯỜNG AN**

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số: 60340301

LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS.TS. NGUYỄN HỮU ÁNH

HÀ NỘI - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi tên là Nguyễn Thị Hiền sinh ngày 02/03/1991 là học viên khóa 2 lớp Đ2KT chuyên ngành kế toán - Trường Đại học Lao động - Xã hội, tôi xin cam đoan:

1. Đây là công trình khoa học nghiên cứu của riêng tôi dưới sự hướng dẫn của PGS.TS. Nguyễn Hữu Ánh công tác tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. Công trình khoa học của tôi được nghiên cứu một cách nghiêm túc, trung thực, khách quan và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào trước đây.

3. Các số liệu, tài liệu trong luận văn được tập hợp, phân tích và có dẫn chứng rõ ràng. Nếu có bất kỳ sự gian lận nào tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước hội đồng cũng như kết quả Luận văn của mình.

TÁC GIẢ

Nguyễn Thị Hiền

LỜI CẢM ƠN

Qua thời gian học tập tại trường Đại học Lao động - Xã hội, dưới sự dìu dắt của các thầy cô giáo nói chung và các thầy cô khoa kế toán nói riêng, tác giả đã được tiếp thu những kiến thức vô cùng quý báu về chuyên ngành kế toán, để tác giả có được nền tảng kiến thức vững chắc phục vụ quá trình nghiên cứu và hoàn thành Luận văn với đề tài: “Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty trách nhiệm hữu hạn cơ khí chính xác Nam Trường An”

Tác giả xin bày tỏ lòng cảm ơn chân thành và sự biết ơn sâu sắc tới **PGS.TS. Nguyễn Hữu Ánh** - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã hướng dẫn, chỉ bảo nhiệt tình và định hướng khoa học cho tác giả trong suốt quá trình nghiên cứu, thu thập số liệu, khảo sát thực tế và thực hiện Luận văn.

Tác giả cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các Ban lãnh đạo và tập thể nhân viên, đặc biệt là nhân viên phòng kế toán của Công ty Trách nhiệm hữu hạn cơ khí chính xác Nam Trường An đã tạo điều kiện thuận lợi cho tác giả trong quá trình điều tra, khảo sát thực tế, thu thập số liệu phục vụ cho việc phân tích và tổng hợp số liệu để viết luận văn.

Cuối cùng, Tác giả xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo Khoa Kế toán - Trường Đại học Lao động - Xã hội và các bạn bè, đồng nghiệp đã giúp đỡ, động viên tác giả trong suốt quá trình hoàn thành luận văn.

Trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Tác giả

Nguyễn Thị Hiền

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	V
DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU.....	VI
CHƯƠNG 1.GIỚI THIỆU VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU.....	1
1.1. Lý do chọn đề tài	1
1.2. Tổng quan đề tài nghiên cứu.....	3
1.2.1. Tình hình nghiên cứu trong nước.....	3
1.2.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu ở nước ngoài.....	5
1.2.3. Khoảng trống nghiên cứu	5
1.3. Mục tiêu nghiên cứu	6
1.4. Câu hỏi nghiên cứu.....	6
1.5. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu.....	7
1.6. Phương pháp nghiên cứu	8
1.7. Ý nghĩa của đề tài nghiên cứu.....	9
1.8. Kết cấu của luận văn	9
CHƯƠNG 2. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP	11
2.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh xây lắp ảnh hưởng đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp	11
2.1.1. Đặc điểm hoạt động sản xuất xây lắp ảnh hưởng đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp	11
2.1.2. Đặc điểm sản phẩm xây lắp ảnh hưởng đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp	11
2.1.3. Đặc điểm sản xuất và quản lý doanh nghiệp xây lắp ảnh hưởng đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp	12
2.2. Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp	14
2.2.1. Chi phí sản xuất và phân loại chi phí sản xuất	14
2.2.2. Giá thành sản phẩm và phân loại giá thành sản phẩm	17
2.2.3. Mối liên hệ giữa chi phí sản xuất với giá thành sản phẩm.....	18

2.3. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp dưới góc độ kế toán tài chính.....	20
2.3.1. Các chuẩn mực nguyên tắc kế toán chi phối đến kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm.....	20
2.3.2. Đối tượng kế toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp.....	22
2.3.3. Phương pháp kế toán chi phí sản xuất.....	24
2.3.4. Phương pháp đánh giá SPDD trong kinh doanh xây lắp.....	31
2.3.5. Phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp	31
2.4. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp dưới góc độ kế toán quản trị	35
2.4.1. Định mức chi phí và hệ thống dự toán	36
2.4.2. Xác định trung tâm chi phí trong doanh nghiệp xây lắp.....	40
2.4.3. Báo cáo kế toán quản trị trong doanh nghiệp xây lắp.....	41
2.4.4. Phân tích mối quan hệ giữa CVP trong các doanh nghiệp xây lắp.....	42
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	44
CHƯƠNG 3.THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH XÂY LẮP CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHÍNH XÁC NAM TRƯỜNG AN	46
3.1. Đặc điểm tổ chức kinh doanh và tổ chức kế toán tại Công ty TNHH Cơ khí chính xác Nam Trường An.....	46
3.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.....	46
3.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh và kết quả hoạt động của công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An	47
3.1.3. Đặc điểm chung về bộ máy quản lý của công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.....	52
3.1.4. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An ảnh hưởng đến công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp	54
3.1.5. Đặc điểm kế toán công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An..	56

3.2. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An dưới góc độ của kế toán tài chính.....	60
3.2.1. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.....	60
3.2.2. Thực trạng đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.....	80
Giá trị dự toán của khối lượng xây lắp DDCK.....	81
3.3. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An dưới góc độ kế toán quản trị.	83
3.3.1 Định mức chi phí và hệ thống dự toán.....	83
3.3.2. Trung tâm chi phí.....	86
3.3.3. Báo cáo kế toán quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty..	87
3.3.4. Thu thập và phân tích thông tin ra quyết định.....	88
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....	91
CHƯƠNG 4.MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHÍNH XÁC NAM TRƯỜNG AN	92
4.1 Đánh giá chung về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An	92
4.1.1 Ưu điểm.....	92
4.1.2 Nhược điểm.....	94
4.2. Các yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.....	98
4.2.1. Các yêu cầu hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.....	98
4.2.2. Các nguyên tắc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.....	100

4.2.3. Định hướng phát triển tại công ty TNHH cơ khí chính Xác Nam Trường An	101
4.3. Các giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An	102
4.3.1. Hoàn thiện dưới góc độ kế toán tài chính.....	102
4.3.2. Hoàn thiện dưới góc độ kế toán quản trị.....	107
4.4. Điều kiện thực hiện giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.....	113
4.4.1. Điều kiện về phía Nhà nước	113
4.4.2. Điều kiện về phía công ty	114
KẾT LUẬN.....	115
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	116

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CHỮ VIẾT TẮT	ĐẦY ĐỦ TIẾNG VIỆT	ĐẦY ĐỦ TIẾNG ANH
BHXH	Bảo hiểm xã hội	
BHYT	Bảo hiểm y tế	
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp	
KPCĐ	Kinh phí công đoàn	
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn	
CP	Chi phí	
CPSX	Chi phí sản xuất	
NVLTT	Nguyên vật liệu trực tiếp	
NCTT	Nhân công trực tiếp	
MTC	Máy thi công	
SXC	Sản xuất chung	
NVL	Nguyên vật liệu	
DN	Doanh nghiệp	
KTTC	Kế toán tài chính	
KTQT	Kế toán quản trị	
KLXL	Khối lượng xây lắp	
PX	Phân xưởng	
SPDD	Sản phẩm dở dang	
SP	Sản phẩm	
SX	Sản xuất	
SXKD	Sản xuất kinh doanh	
TK	Tài khoản	
TSCĐ	Tài sản cố định	
CVP	Chi phí - Khối lượng - Lợi nhuận	Cost - Volume - Profit
VAS	Chuẩn mực kế toán Việt Nam	Vietnamese Accounting Standard
IAS	Chuẩn mực kế toán quốc tế	International Accounting Standard

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

Sơ đồ 2. 1	Trình tự kế toán tổng hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	26
Sơ đồ 2. 2	Trình tự kế toán tổng hợp chi phí nhân công trực tiếp	27
Sơ đồ 2. 3	Trình tự kế toán chi phí sử dụng máy thi công	28
Sơ đồ 2. 4	Trình tự kế toán tổng hợp chi phí sản xuất chung	29
Sơ đồ 2. 5	Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp	30
Sơ đồ 3. 1	Quy trình sản xuất sản phẩm xây lắp	49
Sơ đồ 3.2	Cơ cấu bộ máy kế toán tạ công ty	51
Sơ đồ 3.3	Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty	55
Sơ đồ 3.4	Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.	57
Sơ đồ 3.5	Quy trình luân chuyển chứng kế toán tập hợp chi phí tại công ty	59
Sơ đồ 3.6	Quy trình LC chứng từ mua vật tư thẳng đến công trình	61
Sơ đồ 3.7	Quy trình LC chứng từ xuất kho vật liệu đến công trình	62
Sơ đồ 3.8	Quy trình hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	63
Sơ đồ 3.9	Quy trình hạch toán chi phí nhân công trực tiếp	68
Sơ đồ 3.10	Quy trình hạch toán chi phí máy thi công	71
Bảng 3.1	Các chỉ tiêu của công ty TNHH Cơ khí chính xác Nam Trường An	54
Bảng 3.2	Dự toán chi phí xây dựng	90
Bảng 3.3	Báo cáo chi phí sản xuất	92
Bảng 4.1	Bảng kê nguyên vật liệu còn lại cuối kỳ	109

CHƯƠNG 1

GIỚI THIỆU VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

1.1. Lý do chọn đề tài

Theo đà phát triển nền kinh tế Việt Nam, đi cùng với quy luật tất yếu về sự chuyển dịch lao động từ nơi có nhu cầu lao động thấp đến nơi có nhu cầu lao động cao, hàng năm có đến hàng ngàn người lao động đổ về các trung tâm văn hoá chính trị, các thành phố lớn để tìm kiếm việc làm trong công cuộc mưu sinh. Chính vì vậy mà việc đầu tư xây lắp ngày càng nhiều. Công tác kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp là một khâu rất quan trọng để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đặc biệt trong các doanh nghiệp xây lắp việc tập hợp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm được xem là một khâu quan trọng hàng đầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị vì ngành xây lắp là một ngành công nghiệp đặc biệt, là cơ sở cho các ngành kinh tế khác nên việc hạch toán chính xác chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp không chỉ là căn cứ xây dựng hiệu quả kinh tế của ngành mà còn ảnh hưởng đến giá thành và hiệu quả của ngành khác.

Chi phí sản xuất nếu được tập hợp, tính toán chính xác, đầy đủ đúng đối tượng và đúng phương pháp sẽ là căn cứ quan trọng để việc tính giá thành sản phẩm được chính xác. Hạch toán đúng, đủ chi phí và giá thành không những cho phép doanh nghiệp xác định đúng kết quả kinh doanh của mình mà còn giúp doanh nghiệp tìm ra được những biện pháp nhằm tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An, xây lắp là lĩnh vực chủ đạo trong việc tạo ra nguồn lợi nhuận mỗi năm. Trong khi đó, trên thị trường, các doanh nghiệp cùng ngành cũng xuất hiện thêm ngày càng nhiều. Sự

cạnh tranh giữa các doanh nghiệp xây lắp trong bối cảnh khó khăn diễn ra có tính chất phức tạp, thường xuyên và gay gắt hơn bao giờ hết. Điều đó đòi hỏi công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An phải nâng cao được ưu thế cạnh tranh trên thị trường bằng việc giảm chi phí hạ giá thành và vẫn đảm bảo được chất lượng đề ra. Bởi vậy, tổ chức kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp là một yêu cầu rất cấp thiết tại công ty giúp các nhà quản lý nắm rõ tình hình chi phí của từng công trình, hạng mục công trình, sử dụng vốn hiệu quả tránh thất thoát lãng phí và nâng cao lợi nhuận.

Hiện nay, công ty đang thực hiện rất nhiều công trình lớn nhỏ trên khắp đất nước nên việc tập hợp chi phí và tính giá thành rất phức tạp, kế toán phải có phương pháp hạch toán hợp lý để tránh chồng chéo giữa các công trình lên nhau, thông tin kế toán rõ ràng chi tiết. Bên cạnh đó, các chi phí xây lắp phát sinh bao gồm các chi phí tiền lương, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí nguyên vật liệu,... Do vậy, sự quan trọng của kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành tại công ty thể hiện ở chỗ đây là một khâu liên quan đến nhiều phần hành kế toán khác đòi hỏi kế toán viên phải có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng. Hơn nữa, trong tương lai, công ty sẽ không ngừng mở rộng quy mô các công trình trên nhiều tỉnh thành khắp cả nước yêu cầu kế toán phải kiểm soát chi phí hết sức chặt chẽ.

Xuất phát từ tầm quan trọng của ngành công nghiệp xây lắp nói chung và công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An nói riêng, từ vai trò của công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong hệ thống kế toán đồng thời từ những tồn tại vốn có của công ty trong phần hành kế toán trên, tác giả lựa chọn đề tài “**Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An**” làm đề tài nghiên cứu của mình.

1.2. Tổng quan đề tài nghiên cứu

1.2.1. Tình hình nghiên cứu trong nước

- Luận văn thạc sĩ: “*Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty thiết bị và vật liệu xây dựng HANCONRP*” của tác giả Nguyễn Quỳnh Phương năm 2016. Đề tài hệ thống hóa những lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp và vận dụng những lý luận đó vào thực tiễn để tìm hiểu và đánh giá thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty thiết bị và vật liệu xây dựng HANCONRP dưới góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị từ đó tìm giải pháp phù hợp nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty.

Luận văn thạc sĩ “*Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phục vụ quản trị chi phí tại Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp An Ngãi*” năm 2014 của tác giả Phạm Thị Ngọc Trinh. Tác giả đã đề cập đến cả hai phương diện kế toán tài chính và kế toán quản trị. Đưa ra những đề xuất cho việc vận dụng và hoàn thiện tốt hơn các quy định về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp thực tế tại công ty. Tuy nhiên, những đề xuất này vẫn còn chung chung và mang tính lý thuyết cao, chưa cụ thể. Vì vậy, khó khăn trong việc vận dụng vào thực tế của công ty.

- Luận văn thạc sĩ: “*Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty Cổ phần VT Vạn Xuân*” của tác giả Trần Thị Hoa năm 2016. Luận văn đã trình bày cơ sở lý luận chung và thực trạng về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp như khái niệm phân loại, phương pháp kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung...kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp trong công ty xây dựng từ đó tác giả đưa ra các giải

pháp nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty Cổ phần VT Vạn Xuân.

- Luận văn thạc sĩ: “Kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại các doanh nghiệp xây lắp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa” của tác giả Lê Thị Hương - năm 2014 đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp. Đồng thời đã làm sáng tỏ bản chất, nội dung và phương pháp kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp.

- Luận văn thạc sĩ: “Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty CP Xây dựng số 5 Hà Nội” của tác giả Nguyễn Văn Anh K47. Đề tài đã nêu những vấn đề lý luận cũng như thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp khá đầy đủ, tuy nhiên việc đối chiếu, áp dụng và phân tích với chuẩn mực kế toán chi phối đến kế toán chưa có. Giải quyết vấn đề trên góc độ đối chiếu với chế độ kế toán. Hơn nữa chưa phân tích được những điều kiện chi phối đến công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.

- Luận án: “Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất kinh doanh và tính giá thành sản phẩm xây lắp ở các doanh nghiệp xây lắp nhà nước trong điều kiện hiện nay” của tác giả Nguyễn Minh Thành năm 2001 - Làm NCS tại Học Viện Tài Chính. Đề tài đã nêu các lý luận và thực trạng kế toán chi phí sản xuất kinh doanh và tính giá thành sản phẩm xây lắp ở bốn doanh nghiệp nhà nước như công ty xây dựng sông đà 4, sông đà 8, vinaconex 9, đầu tư xây lắp thương mại Hà Nội. Đề tài đã nêu được thực trạng kế toán chi phí và giá thành tại các công ty nhà nước trong điều kiện các doanh nghiệp đang cổ phần hóa. Từ đó đưa ra các giải pháp mang tính hệ thống như hoàn thiện nội dung và chi phí, hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí và giá thành, kế toán bảo hành, phương pháp xác

định chi phí dở dang và cả về kế toán quản trị. Tuy nhiên đề tài có phạm vi là các doanh nghiệp nhà nước nên các giải pháp đưa ra phục vụ cho phạm vi đó, bên cạnh đó đề tài áp dụng chuẩn mực vào đề tài chưa rõ.

1.2.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

- Luận văn: “Cost accounting method for construction project in North - West Russia” của tác giả Jouni Keisala 2009 nói về các phương pháp kế toán chi phí được sử dụng trong dự án xây lắp ở Tây Bắc Nga. Tác giả đã nêu thực tế kế toán chi phí thực tế tại các dự án xây lắp ở khu vực Tây Bắc Nga đồng thời đề xuất các phương pháp kế toán chi phí phù hợp cho dự án khu vực này.

- Luận văn: “The Adoption of Activity - Based Costing In Thailand” của tác giả Wiriya Chongruksut 2002 nói về tình hình áp dụng hạch toán chi phí theo hoạt động trong các doanh nghiệp xây lắp ở Thái Lan. Đồng thời luận văn cũng đi sâu nghiên cứu vấn đề của kế toán quản trị là phân bổ chi phí chung cho các xây lắp. Tuy nhiên luận văn chỉ nghiên cứu với số lượng doanh nghiệp nhỏ niêm yết chứng khoán ở khu vực Bangkok nên kết quả chưa mang tính đại diện.

- Báo cáo: “Research strategic analysis of the Finish doctoral dissertation in management accounting from 1990 to 2009” của tác giả Lili - Anne Kihn và Salme Nasi (2009) nói về kế toán quản trị chi phí chỉ tập trung vào: Sự khác biệt kế toán chi phí và kiểm soát quản trị, phân tách chi phí hạch toán chi phí theo hoạt động (ABC).

1.2.3. Khoảng trống nghiên cứu

Nhìn chung các đề tài nghiên cứu đều trình bày được cơ sở lý luận về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, các đề tài đã đưa ra được thực trạng chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại đơn vị được nghiên cứu, từ đó đánh giá được những kết quả đạt được cũng như những hạn

chế và nguyên nhân của những hạn chế đó. Các đề tài đã đưa ra được phương hướng cũng như giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cũng như sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại các công ty này.

Bên cạnh những mặt đạt được, các đề tài vẫn còn một số mặt hạn chế nhất định như: Các đề tài đều đề cập đối tượng nghiên cứu dưới góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị, tuy nhiên nội dung chưa tách rõ theo hướng đó từ việc phân loại chi phí, phân loại giá thành đến thực trạng và hoàn thiện đề tài; nội dung của một số phần chưa được đề cập đầy đủ các trường hợp, ví dụ như nội dung hạch toán chi phí sử dụng máy thi công chưa đưa ra hết các trường hợp hạch toán (mua, tự tổ chức MTC và đội thi công tự phục vụ lẫn nhau,...); các đề tài đều chưa đề cập đến hạn chế trong quá trình nghiên cứu cũng như đề xuất hướng nghiên cứu trong tương lai.

Để phát huy những mặt được, khắc phục những mặt còn hạn chế của các đề tài trước, tác giả đề cập các vấn đề đó trong nội dung của luận văn này.

1.3. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa lý thuyết về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp về mặt kế toán tài chính và kế toán quản trị.

- Vận dụng lý thuyết trong nghiên cứu, phân tích và đánh giá thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An, để từ đó đưa ra được những ưu điểm và tồn tại của công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.

- Các giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại đơn vị.

1.4. Câu hỏi nghiên cứu

Để thực hiện mục tiêu của luận văn, các câu hỏi đặt ra trong quá trình

nghiên cứu là:

Câu hỏi 1: Cơ sở lý luận cơ bản của kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp là gì?

Câu hỏi 2: Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An dưới góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị hiện nay như thế nào?

Câu hỏi 3: Những vấn đề ưu điểm và tồn tại trong công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty?

Câu hỏi 4: Những giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An?

1.5. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng:

Nghiên cứu kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, từ đó hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An. Cụ thể, luận văn chỉ tập trung vào các loại chi phí trực tiếp có liên quan đến hoạt động xây lắp của Công ty.

- Phạm vi:

- + Về không gian: Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An
- + Về thời gian: Giai đoạn 2015-2016.
- + Về nội dung: Luận văn nghiên cứu kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An trên góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị phục vụ quản trị doanh nghiệp của công ty.

1.6. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp kế thừa, khảo sát, thống kê, so sánh, trình bày diễn giải, phương pháp toán học, phương pháp phân tích kỹ thuật, phương pháp xử lý, phương pháp nghiên cứu hệ thống như: quy nạp, tổng hợp, mô hình hoá... dựa trên những tài liệu sẵn có của đơn vị mà được vận dụng với điều kiện cụ thể, cơ chế chính sách hiện hành.

- Phương pháp xử lý số liệu:

+) Phương pháp thống kê kinh tế: Sử dụng công cụ thống kê kinh tế để tính toán các chỉ tiêu.

+) Phương pháp phân tích kinh tế: Phân tích ảnh hưởng của từng nhân tố đến kết quả.

- Phương pháp quan sát, điều tra, phỏng vấn thu thập số liệu đối tượng điều tra là các kỹ thuật viên, quản lý, nhân viên kế toán đang làm việc trong công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.

+) Phương pháp quan sát: Tác giả thực hiện phương pháp này tại đơn vị được khảo sát, quan sát môi trường làm việc, quan sát việc giải quyết các vấn đề phát sinh trong đơn vị... Trên cơ sở đó thấy được các nhân tố ảnh hưởng đến vấn đề nghiên cứu. Tác giả tiến hành quan sát các quá trình luân chuyển và tập hợp chứng từ, các loại chứng từ, tài khoản kế toán mà Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An đã sử dụng để phản ánh thu thập và tổng hợp thông tin; quan sát, xem xét và nghiên cứu các báo cáo liên quan đến kế toán tài chính, kế toán quản trị tại công ty.

Phương pháp phỏng vấn: Tác giả thực hiện thông qua các cuộc trao đổi giữa tác giả với một số nhà quản lý cũng như những người trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện công tác kế toán tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An, nhằm tìm hiểu kinh nghiệm và nhận thức của người được phỏng

vấn về thực trạng công tác kế toán tại Công ty TNHH Cơ khí chính xác Nam Trường An.

- Phương pháp kế thừa: Kế thừa những tài liệu, những công trình nghiên cứu về những vấn đề có liên quan. Những báo cáo, số liệu trong sổ cái của các TK của công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.

1.7. Ý nghĩa của đề tài nghiên cứu

Về mặt lý luận, luận văn hệ thống hóa những vấn đề lý thuyết về kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp. Cụ thể, luận văn làm rõ cơ sở lý luận về kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp về lĩnh vực kế toán tài chính cũng như kế toán quản trị.

Về mặt thực tiễn và ứng dụng, luận văn nghiên cứu, phân tích và đánh giá thực trạng kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An. Qua đó, đánh giá những điểm đạt được và những hạn chế còn tồn tại tác giả tìm hiểu nguyên nhân và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán chi phí và tính giá sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.

+) Thứ nhất, phản ánh đầy đủ kịp thời toàn bộ chi phí sản xuất thực tế phát sinh. Kiểm tra tình hình thực hiện các định mức chi phí vật tư, chi phí nhân công, chi phí sử dụng máy thi công và các chi phí dự toán khác, phát hiện kịp thời các khoản chênh lệch so với định mức kế hoạch, thiệt hại, mất mát, hư hỏng...

+) Thứ hai, tính toán hợp lý giá thành công tác xây lắp, các sản phẩm hoàn thành của công ty.

1.8. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục kết luận, kết cấu luận văn gồm 4 chương:

Chương 1: Giới thiệu về đề tài nghiên cứu.

Chương 2: Những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Chương 3: Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.

Chương 4: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.

CHƯƠNG 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP

2.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh xây lắp ảnh hưởng đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp

2.1.1. Đặc điểm hoạt động sản xuất xây lắp ảnh hưởng đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp

Hoạt động kinh doanh xây lắp là một ngành sản xuất có tính chất công nghiệp, tạo ra cơ sở hạ tầng cho nền kinh tế quốc dân. Do vậy, so với các ngành sản xuất khác, kinh doanh xây lắp có những đặc điểm kinh tế kỹ thuật đặc trưng được thể hiện ở sản phẩm, ở phương thức tổ chức sản xuất. Những đặc điểm đó chi phối cách thức quản lý doanh nghiệp nói chung cũng như chi phối đến nội dung, phương pháp và cách thức tổ chức kế toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm xây lắp nói riêng.

Hoạt động xây lắp không cố định tại một điểm mà di chuyển theo địa điểm đặt sản phẩm xây lắp. Đặc điểm này làm tăng chi phí di chuyển và công tác quản lý vật tư, con người sẽ gặp khó khăn. Trong quá trình thi công sẽ phát sinh chi phí điều động nhân công, điều động máy móc thiết bị, chi phí mặt bằng, tập kết vật liệu và máy thi công...nên kế toán phải theo dõi chi tiết, chính xác các khoản chi phí này và phân bổ cho các đối tượng phù hợp để đảm bảo tính chặt chẽ và mang lại hiệu quả cao trong quản lý.

2.1.2. Đặc điểm sản phẩm xây lắp ảnh hưởng đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp

Sản phẩm xây lắp là những công trình, hạng mục công trình...có qui mô lớn, kết cấu phức tạp, mang tính chất đơn chiếc, thời gian xây lắp dài. Các

công trình, các hạng mục công trình, các giai đoạn của hạng mục hay nhóm hạng mục là đối tượng hạch toán chi phí, vì thế phải lập dự toán chi phí và tính giá thành theo từng hạng mục công trình hay giai đoạn của hạng mục công trình. Điều này giúp cho các doanh nghiệp xây lắp có thể hạch toán tương đối chính xác giá trị công trình, từ đó lên kế hoạch về tài chính cũng như việc quản trị, giám sát việc chi tiêu, tránh thất thoát lãng phí vốn đầu tư.

Sản phẩm xây lắp được tiêu thụ theo giá dự toán hoặc giá thỏa thuận với chủ đầu tư (giá đấu thầu), do đó tính chất hàng hóa của sản phẩm xây lắp không thể hiện rõ. Sản phẩm xây lắp cố định tại nơi sản xuất còn các điều kiện sản xuất (xe máy, thiết bị thi công, người lao động...) phải di chuyển theo địa điểm đặt sản phẩm. Đặc điểm này làm cho công tác quản lý sử dụng, hạch toán tài sản, vật tư rất phức tạp do ảnh hưởng của điều kiện thiên nhiên, thời tiết và dễ mất mát hư hỏng...

Những đặc điểm trên đã ảnh hưởng rất lớn đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp. Công tác kế toán vừa phải đáp ứng yêu cầu chung về chức năng, nhiệm vụ kế toán của một doanh nghiệp sản xuất vừa phải đảm bảo phù hợp với đặc thù của loại hình doanh nghiệp.

2.1.3. Đặc điểm sản xuất và quản lý doanh nghiệp xây lắp ảnh hưởng đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp

2.1.3.1. Đặc điểm tổ chức sản xuất xây lắp

- Sản xuất xây lắp diễn ra trong điều kiện ngoài trời, chịu tác động trực tiếp của môi trường, khí hậu nên gặp nhiều rủi ro tạo nên những khoản thiệt hại lớn, phát sinh bất ngờ. Những khoản thiệt hại này cần được tổ chức theo dõi chặt chẽ và có phương pháp kế toán phù hợp với những nguyên nhân gây ra.

Đồng thời, doanh nghiệp cần có kế hoạch điều độ, phù hợp sao cho đảm bảo công trình đúng tiến độ, tiết kiệm CPSX, hạ giá thành sản phẩm xây lắp.

- Hoạt động xây lắp diễn ra trong điều kiện sản xuất thiếu tính ổn định, luôn biến đổi theo địa điểm và giai đoạn thi công. Do vậy, gây khó khăn trong tổ chức sản xuất, khó cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, làm nảy sinh nhiều chi phí cho khâu di chuyển lực lượng sản xuất và cho công trình tạm phục vụ sản xuất như: Chi phí điều động nhân công, máy thi công, chuẩn bị mặt bằng và chi phí vận chuyển tập kết vật liệu thi công.. điều này đòi hỏi kế toán phản ánh chính xác chi phí và phân bổ chi phí hợp lý.

- Quá trình sản xuất diễn ra trong phạm vi hẹp nhưng với số lượng nhân công và vật liệu lớn, đòi hỏi công tác tổ chức xây lắp phải diễn ra có sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các bộ phận và giai đoạn công việc.

2.1.3.2. Đặc điểm tổ chức quản lý

Do những đặc thù của ngành xây lắp, có thể tổ chức kinh doanh xây lắp theo những phương thức khoán khác nhau điều này đã chi phối kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp. Cụ thể:

- Phương thức khoán gọn công trình, hạng mục công trình: Đây là một phương thức đang được áp dụng phổ biến ở các doanh nghiệp xây lắp hiện nay. Theo phương thức này, đơn vị giao khoán giao toàn bộ giá trị công trình, hạng mục công trình cho đơn vị nhận khoán, đơn vị nhận khoán tự tổ chức cung ứng vật tư, tổ chức lao động... tiến hành thi công. Khi công trình hoàn thành bàn giao, quyết toán sẽ được thanh toán toàn bộ giá trị công trình theo giá nhận khoán và nộp cho đơn vị giao khoán một số khoản theo quy định. Trong phương thức này, đơn vị giao khoán chỉ là người có tư cách pháp nhân đứng ra ký kết các hợp đồng xây lắp và chịu trách nhiệm pháp lý đối với chất lượng công trình và thời gian thi công.

- Phương thức khoán khoán mục chi phí: Theo phương thức này, đơn vị giao khoán chỉ khoán các khoản mục chi phí nhất định còn các khoản mục chi phí khác do đơn vị tự chi và chịu trách nhiệm giám sát kỹ thuật, chất lượng công trình. Phương thức này áp dụng cho các tổ, đội thi công không có đủ điều kiện tự cung ứng vật tư, giám sát kỹ thuật và chưa thực hiện công tác kế toán.

2.2. Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

2.2.1. Chi phí sản xuất và phân loại chi phí sản xuất

2.2.1.1. Khái niệm chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

“Chi phí bao gồm các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp và các chi phí khác” Theo chuẩn mực số 01- Chuẩn mực chung ban hành và công bố theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp như: Giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí lãi tiền vay và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi tức, tiền bản quyền,... Những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền, hàng tồn kho, khấu hao máy móc, thiết bị.

Chi phí khác bao gồm các chi phí ngoài các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp như: Chi phí về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản tiền bị khách hàng phạt do vi phạm hợp đồng...

Vậy chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp kinh doanh xây lắp: Là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về vật tư, tài sản cố định, nhân công, dịch vụ phát sinh,... mà doanh nghiệp đã chi ra để tiến hành các hoạt động xây lắp trong một thời kỳ nhất định (*Nguồn: Giáo trình “Kế toán tài chính” NXB*

Tài chính 2007- Chủ biên: PGS.TS Nghiêm Văn Lợi).

2.2.1.1. Phân loại chi phí sản xuất.

- Phân loại theo khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm xây lắp

+ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Là tất cả chi phí vật liệu chính, vật liệu phụ, vật kết cấu, vật liệu luân chuyển cần thiết để tạo nên sản phẩm xây lắp, không bao gồm chi phí vật liệu đã tính vào CPSXC, máy thi công.

+ Chi phí nhân công trực tiếp: Là chi phí về tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp có tính chất lương của công nhân trực tiếp thi công xây lắp, không phân biệt công nhân trong danh sách hay thuê ngoài.

+ Chi phí sử dụng máy thi công: Là toàn bộ chi phí trực tiếp liên quan tới việc sử dụng xe, máy thi công phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xây lắp công trình.

+ Chi phí sản xuất chung: Là các chi phí phục vụ, quản lý ngoài các phát sinh ở tổ, đội, công trường gồm: Lương nhân viên quản lý đội (đội trưởng, đội phó..), và các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ tính chi phí dịch vụ mua ngoài và khấu hao TSCĐ dùng chung cho hoạt động của tổ, đội và các khoản chi phí bằng tiền khác.

- Phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố chi phí

+ Chi phí nguyên vật liệu: Là toàn bộ chi phí về các loại nguyên vật liệu, phụ tùng thay thế, vật liệu thiết bị xây lắp cơ bản mà doanh nghiệp đã sử dụng trong quá trình sản xuất sản phẩm.

+ Chi phí công cụ dụng cụ sản xuất: Mặt nạ hàn, ván, khuôn...

+ Chi phí nhiên liệu: Xăng, dầu mỡ, khí nén...

+ Chi phí nhân công: Là chi phí về tiền lương phải trả người lao động, các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo lương của người lao động.

+ Chi phí khấu hao TSCĐ: Bao gồm chi phí khấu hao của tất cả TSCĐ dùng vào hoạt động sản xuất xây lắp của mỗi hợp đồng xây dựng của doanh nghiệp.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài: Là số tiền phải trả cho các dịch vụ mua ngoài phục vụ cho các hoạt động sản xuất xây lắp của doanh nghiệp.

+ Chi phí khác bằng tiền: Là toàn bộ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất ở doanh nghiệp ngoài các yếu tố trên và được thanh toán bằng tiền.

- Phân loại theo mối quan hệ giữa chi phí và đối tượng chịu chi phí

+ *Chi phí trực tiếp*: Là những chi phí quan hệ trực tiếp đến từng đối tượng chịu phí (từng công trình, hạng mục công trình...) và được kế toán trực tiếp vào đối tượng chịu phí đó như: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí máy thi công và một bộ phận chi phí sản xuất chung phát sinh gắn liền với các hạng mục công trình.

+ *Chi phí gián tiếp*: Là những chi phí có liên quan đến nhiều đối tượng chịu phí như chi phí máy thi công, chi phí sản xuất chung.. có liên quan đến nhiều công trình, hạng mục công trình để xác định chi phí cho từng đối tượng cần phải dùng phương pháp và tiêu thức phân bổ thích hợp.

- Phân loại theo mối quan hệ giữa chi phí với khối lượng hoạt động

+ Chi phí cố định (định phí): Là các chi phí sản xuất không thay đổi về tổng số khi có sự thay đổi về khối lượng hoạt động như chi phí khấu hao TSCĐ tính theo phương pháp bình quân, chi phí tiền lương trả theo thời gian cố định cho nhân viên quản lý sản xuất ở các tổ, đội thi công,.. Doanh nghiệp có hoạt động hay không thì vẫn tồn tại định phí.

+ Chi phí biến đổi (biến phí): Là những chi phí có sự thay đổi về tổng số khi có sự thay đổi về khối lượng hoạt động như chi phí nguyên vật liệu trực

tiếp, chi phí nhân công trực tiếp,... Những chi phí này gia tăng tỷ lệ thuận với khối lượng hoạt động và ngược lại.

+ Chi phí hỗn hợp: Là các khoản chi phí gồm cả biến phí và định phí như chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bảo trì, sửa chữa TSCĐ,...

2.2.2. Giá thành sản phẩm và phân loại giá thành sản phẩm

2.2.2.1. Khái niệm giá thành sản phẩm

“Giá thành sản phẩm xây lắp là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật hóa để hoàn thành khối lượng sản phẩm xây lắp theo quy định” (Nguồn: Giáo trình “Kế toán tài chính” NXB Tài chính 2007- Chủ biên: PGS.TS Nghiêm Văn Lợi).

Giá thành sản phẩm xây lắp phản ánh chất lượng hoạt động sản xuất, phản ánh kết quả sử dụng các loại tài sản, vật tư, lao động, tiền vốn trong quá trình sản xuất cũng như các giải pháp kinh tế kỹ thuật mà doanh nghiệp đã sử dụng nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm. Khác với các doanh nghiệp sản xuất khác, giá thành sản phẩm xây lắp mang tính chất cá biệt, mỗi công trình, hạng mục công trình, hay khối lượng xây lắp khi đã hoàn thành đều có giá thành riêng. Giá thành sản phẩm xây lắp còn có thể bao gồm cả chi phí sản xuất của khối lượng dở dang đầu kỳ và không bao gồm chi phí của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ được chuyển sang kỳ sau trong trường hợp tính giá thành sản phẩm theo khối lượng xây lắp đạt điểm dừng kỹ thuật hợp lý. Chức năng cơ bản của giá thành là lập giá, bù đắp chi phí đầu vào và đảm bảo vẫn có lãi.

2.2.2.2. Phân loại giá thành sản phẩm xây lắp.

Có rất nhiều cách phân loại giá thành sản phẩm, tùy theo tiêu chí lựa chọn mà giá thành sản phẩm có thể được phân loại thành các trường hợp sau:

- Phân loại theo thời điểm tính giá thành và nguồn số liệu để tính giá thành.

+ Giá thành dự toán

- + Giá thành kế hoạch
- + Giá thành định mức
- + Giá thành thực tế

- Phân loại căn cứ vào phạm vi tính giá thành

+ Giá thành khối lượng xây lắp hoàn chỉnh: Là giá thành của công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành đảm bảo chất lượng và kỹ thuật đúng thiết kế, đúng hợp đồng bàn giao, được bên chủ đầu tư nghiệm thu và chấp nhận thanh toán.

+ Giá thành khối lượng xây lắp hoàn thành quy ước: Là giá thành phản ánh kịp thời chi phí sản xuất cho đối tượng xây lắp trong quá trình thi công, xây lắp từ đó giúp cho doanh nghiệp phân tích kịp thời các khoản chi phí đã chi dùng cho từng đối tượng để có biện pháp quản lý phù hợp, cụ thể.

2.2.3. Mối liên hệ giữa chi phí sản xuất với giá thành sản phẩm

Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm đều là hai mặt của quá trình hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, giữa chúng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau thể hiện ở chỗ: Chi phí sản xuất là cơ sở để tính giá thành sản phẩm còn giá thành sản phẩm lại là thước đo mức chi phí sản xuất thực tế để sản xuất ra từng loại sản phẩm. Từ đó để kiểm soát, giám sát các chi phí sản xuất đã bỏ ra. Khi giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ và cuối kỳ bằng nhau hoặc các ngành sản xuất không có sản phẩm dở dang thì tổng giá thành sản phẩm bằng tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ.

Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có đặc điểm giống nhau về bản chất đó là đều cùng biểu hiện bằng tiền những hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp xây dựng đã bỏ ra. Tuy vậy, có sự khác nhau giữa CPSX và giá thành sản phẩm.

- Chi phí sản xuất là các hao phí trong một thời kỳ, còn giá thành sản

xuất sản phẩm là xem xét mối quan hệ của chi phí với quá trình công nghệ sản xuất, chế tạo sản phẩm và đã hoàn thành.

- Về mặt lượng: Có những chi phí sản xuất không phát sinh trong kỳ nhưng được tính vào trong giá thành sản phẩm và có những chi phí sản xuất đã phát sinh trong kỳ nhưng lại không được tính vào trong giá thành sản phẩm.

Như vậy, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có mối quan hệ mật thiết với nhau mặc dù có những mặt khác nhau. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm được thể hiện như sau:

<i>Tổng giá thành sản phẩm xây lắp</i>	=	<i>Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ</i>	+	<i>Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ</i>	-	<i>Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ</i>
--	---	--	---	--	---	---

(Nguồn Giáo trình “Kế toán tài chính” NXB Tài chính 2007- Chủ biên:

PGS.TS Nghiêm Văn Lợi)

Vận dụng mối quan hệ mật thiết giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong công tác quản lý để thực hiện mục tiêu hạ giá thành sản phẩm xây lắp nhưng vẫn nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo tính cạnh tranh. Mức tiết kiệm hay lãng phí trong chi phí sẽ ảnh hưởng đến kết quả tài chính khi thi công công trình. Tính giá thành sản phẩm xây lắp dựa trên hạch toán chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp. Do đó, quản lý tốt giá thành trên cơ sở thực hiện tốt quản lý chi phí sản xuất. Áp dụng các biện pháp tiết kiệm chi phí sản xuất, tránh thất thoát, lãng phí trong thi công cũng nhằm mục tiêu hạ giá thành sản phẩm xây lắp.

2.3. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp dưới góc độ kế toán tài chính

2.3.1. Các chuẩn mực nguyên tắc kế toán chi phối đến kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm

2.3.1.1. Các chuẩn mực kế toán chi phối đến kế toán CPSX và tính giá thành SP

- Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam - VAS 01 “Chuẩn mực chung” (ban hành kèm theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) thì: “Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu”.

- Theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo thông tư 200/2014/TT-BTC có nhiều điểm khác biệt so với quyết định Quyết định 48/2006/QĐ-BTC về chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ và quyết định 15/2006/QĐ-BTC về chế độ kế toán doanh nghiệp. Sự khác biệt chủ yếu của kế toán công ty xây lắp so với các loại hình doanh nghiệp khác theo thông tư số 200/2014/TT-BTC là ở nghiệp vụ tập hợp giá thành xây lắp. Các nghiệp vụ khác phần lớn là tương tự nhau. Và phần khó nhất của bất kỳ kế toán nào cũng là ở phần tập hợp giá thành sản phẩm xây lắp.

Tài khoản tập hợp giá thành ở công ty dịch vụ vận tải là tài khoản 154. Chi tiết quy định ở thông tư số 200/2014/TT-BTC như sau:

Tài khoản 154 “Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang” phản ánh chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong kỳ; chi phí sản xuất, kinh doanh của khối lượng sản phẩm, dịch vụ hoàn thành trong kỳ; chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang đầu kỳ, cuối kỳ của các hoạt động sản xuất, kinh doanh chính, phụ và

thuê ngoài gia công chế biến ở các doanh nghiệp sản xuất hoặc ở các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, xây lắp... Tài khoản này dùng để phải được chi tiết theo địa điểm phát sinh chi phí (phân xưởng, bộ phận sản xuất, đội sản xuất, công trường,...); theo loại, nhóm sản phẩm, hoặc chi tiết, bộ phận sản phẩm; theo từng loại dịch vụ hoặc theo từng công đoạn dịch vụ.

Chuẩn mực kế toán số 03, 04 quy định về khấu hao tài sản cố định. Hai chuẩn mực quy định về cách xác định giá trị ban đầu, chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu, giá trị sau ghi nhận ban đầu, khấu hao, thanh lý tài sản cố định. Quy định về phương pháp khấu hao phải phù hợp với lợi ích kinh tế mà tài sản đem lại cho doanh nghiệp. Số khấu hao của từng kỳ được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chúng được tính vào giá trị của các tài sản khác. Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định hữu hình do doanh nghiệp xác định dựa trên mức độ sử dụng ước tính của tài sản. Bên cạnh đó chuẩn mực cũng quy định có ba phương pháp tính khấu hao tài sản cố định hữu hình gồm phương pháp khấu hao đường thẳng, phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần và theo số lượng SP. Doanh nghiệp không được tiếp tục khấu hao đối với những tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Doanh nghiệp có thể xem xét lại thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định và xem xét lại phương pháp khấu hao, cả hai trường hợp này việc xem xét thường là cuối năm tài chính. Việc xác định khấu hao hạch toán vào chi phí xây lắp có ảnh hưởng rất lớn.

2.3.1.1. Các nguyên tắc kế toán chi phối đến KTCPSX và tính giá thành SP

Ngoài các nguyên tắc chung thường sử dụng như nguyên tắc khách quan, nguyên tắc thận trọng, nguyên tắc trọng yếu... thì kế toán doanh nghiệp xây lắp thường sử dụng các nguyên tắc sau:

Nguyên tắc giá phí (giá gốc)

Khi ghi nhận các nghiệp vụ, kế toán dựa vào chi phí đã phát sinh để có được tài sản đó. Trong kế toán xây lắp giá thành của công trình xây lắp là chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra để thực hiện công trình đó đến khi nghiệm thu bàn giao cho chủ đầu tư.

Nguyên tắc nhất quán

Việc lựa chọn phương pháp tính giá thành phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp nhưng phải thống nhất phương pháp tính giá thành và sản phẩm dở dang giữa các kỳ nhằm đảm bảo tính chính xác trong việc tính giá thành và so sánh giữa các kỳ kế toán được dễ dàng.

Nguyên tắc phù hợp

Đây là một nguyên tắc vô cùng quan trọng trong hạch toán kế toán tính giá thành sản phẩm xây lắp. Vì sản phẩm xây lắp thường có giá trị lớn và thời gian thi công kéo dài vì thế nhà thầu và chủ đầu tư thường thống nhất tiến hành nghiệm thu theo giai đoạn vì vậy doanh nghiệp phải ghi nhận trước doanh thu hoặc ghi nhận doanh thu theo giai đoạn đồng thời chi phí cũng cần phải ghi nhận phù hợp với phần doanh thu đó.

2.3.2. Đối tượng kế toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp

2.3.2.1. Đối tượng kế toán chi phí sản xuất

Đối tượng kế toán chi phí sản xuất là các loại chi phí được tập hợp trong một thời gian nhất định nhằm phục vụ cho việc kiểm tra, giám sát, phân tích chi phí cũng như yêu cầu tính giá thành sản phẩm. Đối tượng kế toán chi phí sản xuất có thể là:

- + Công trình, hạng mục công trình
- + Đơn đặt hàng, bộ phận thi công

+ Từng giai đoạn công việc cụ thể

Vì vậy, chi phí sản xuất phải được tập hợp theo từng khoản mục trong phạm vi giới hạn nhất định để phục vụ cho công việc tính giá thành sản phẩm.

2.3.2.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp

Trong doanh nghiệp xây lắp, phải xác định được đối tượng tính giá thành thì mới có thể tính được giá thành sản phẩm. Cụ thể đối tượng tính giá thành thường là công trình, hạng mục công trình hoàn thành hay khối lượng xây lắp hoàn thành quy ước.

Khối lượng xây lắp hoàn thành quy ước là khối lượng xây lắp chưa kết thúc toàn bộ công tác quy định trong thiết kế kỹ thuật mà chỉ kết thúc việc thi công đến một giai đoạn nhất định gọi là điểm dừng kỹ thuật hợp lý và phải đảm bảo chất lượng. Đặc điểm của hoạt động thi công xây lắp là thời gian thi công dài, giá trị công trình lớn. Vì vậy ngoài việc phải xác định giá thành công trình, hạng mục công trình theo đúng thiết kế dự toán được chủ đầu tư nghiệm thu và chấp nhận thanh toán, trong kỳ báo cáo có thể có một bộ phận công trình hoặc khối lượng công việc hay giai đoạn công việc hoàn thành nghiệm thu bàn giao cho người nhận thầu và được thanh toán. Điều này đòi hỏi phải tính được giá thành của khối xây lắp hoàn thành quy ước.

2.3.2.3. Mối quan hệ giữa đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm về cơ bản giống nhau ở chỗ chúng đều là những phạm vi, giới hạn để tập hợp chi phí. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất có nội dung khác với đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp. Xác định đối tượng tập hợp CPSX là căn cứ để tổ chức ghi chép ban đầu, mở các sổ chi tiết, tập hợp chi phí sản xuất chi tiết cho từng đối, thực hiện chế độ hạch toán kế toán trong nội bộ doanh nghiệp.

Việc xác định đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp là căn cứ để kế toán lập bảng tính giá thành sản phẩm, tổ chức công tác giá thành theo từng đối tượng, phục vụ cho việc kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch giá thành, tính toán xác định kết quả.

Mặc dù vậy, giữa đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm lại có mối quan hệ mật thiết, thể hiện:

- Một đối tượng tập hợp chi phí sản xuất tương ứng với một đối tượng tính giá thành liên quan.

- Một đối tượng tập hợp chi phí sản xuất tương ứng với nhiều đối tượng tính giá thành liên quan.

Nhiều đối tượng tập hợp chi phí sản xuất tương ứng với một đối tượng tính giá thành liên quan. Số liệu về chi phí đã tập hợp được trong kỳ theo từng đối tượng tập hợp chi phí là cơ sở và căn cứ để tính giá thành sản phẩm xây lắp cho từng đối tượng tính giá thành có liên quan.

2.3.3. Phương pháp kế toán chi phí sản xuất

2.3.3.1. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất

- + Phương pháp kế toán chi phí theo công trình, hạng mục công trình: Chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến công trình, hạng mục công trình nào thì tập hợp cho công trình, hạng mục công trình đó theo phương pháp trực tiếp hoặc gián tiếp.

- + Phương pháp kế toán chi phí sản xuất theo đơn vị thi công (công trường, đội thi công..)

- + Phương pháp kế toán theo khối lượng công việc hoàn thành, theo phương pháp này toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ nhất định được tập hợp cho đối tượng tập hợp chi phí. Giá thành thực tế của khối lượng công tác xây lắp hoàn thành là toàn bộ chi phí bỏ ra trong giai đoạn thi công khối lượng công

tác xây lắp đó.

Trên thực tế có một số yếu tố chi phí phát sinh liên quan đến nhiều đối tượng, do đó phải tiến hành phân bổ các khoản chi phí này một cách chính xác và hợp lý theo một trong các phương pháp phân bổ sau:

+ Phương pháp tập hợp chi phí trực tiếp

Phương pháp này áp dụng cho các khoản mục chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất đã xác định. Chi phí được phân bổ trực tiếp cho các đối tượng. Sử dụng phương pháp này đòi hỏi tổ chức kế toán ban đầu phải chặt chẽ, chính xác theo đúng đối tượng CPSX.

+ Phương pháp tập hợp và phân bổ gián tiếp

Phương pháp này được sử dụng để tập hợp các chi phí gián tiếp, đó là các chi phí phát sinh liên quan đến nhiều công trình, hạng mục công trình mà kế toán không thể tập hợp trực tiếp các chi phí này cho từng đối tượng đó

Để xác định chi phí cho từng đối tượng cụ thể phải lựa chọn các tiêu chuẩn hợp lý và tiến hành phân bổ các chi phí đó cho từng đối tượng. Việc phân bổ chi phí cho từng đối tượng được tiến hành như sau:

Bước 1: Xác định hệ số phân bổ theo công thức:

$$H = C : T$$

Trong đó: H: Hệ số phân bổ chi phí

C: Là tổng chi phí cần phân bổ cho các đối tượng

T: Tổng đại lượng tiêu chuẩn phân bổ của các đối tượng cần phân bổ chi phí

Bước 2: Xác định chi phí cần phân bổ cho từng đối tượng kế toán chi phí cụ thể:

$$C_i = H \times T_i$$

Trong đó: C_i : Phần chi phí phân bổ cho đối tượng i

T_i : Đại lượng tiêu chuẩn phân bổ dùng để phân bổ chi phí của đối tượng i .

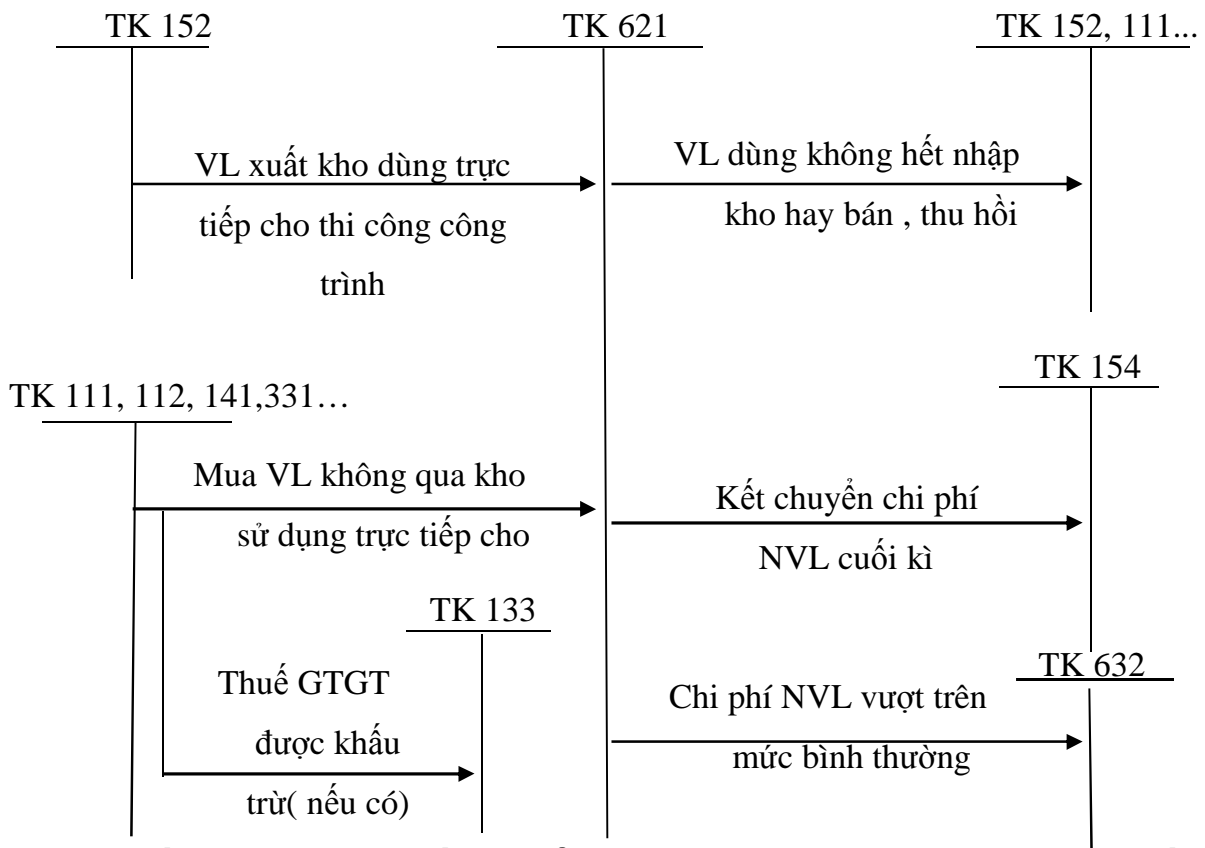
Kế toán chi phí sản xuất xây lắp theo đúng đối tượng quy định và phương pháp kế toán hợp lý có tác dụng cho việc tăng cường quản lý chi phí sản xuất và phục vụ cho công tác tính giá thành sản phẩm được kịp thời.

2.3.3.2. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

- Chứng từ kế toán sử dụng: Phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT, bảng phân bổ nguyên liệu vật liệu, bảng kê thanh toán tạm ứng.

- Tài khoản sử dụng: TK 621- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Trình tự kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được khái quát theo sơ đồ:



Sơ đồ 2. 1: Trình tự kế toán tổng hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

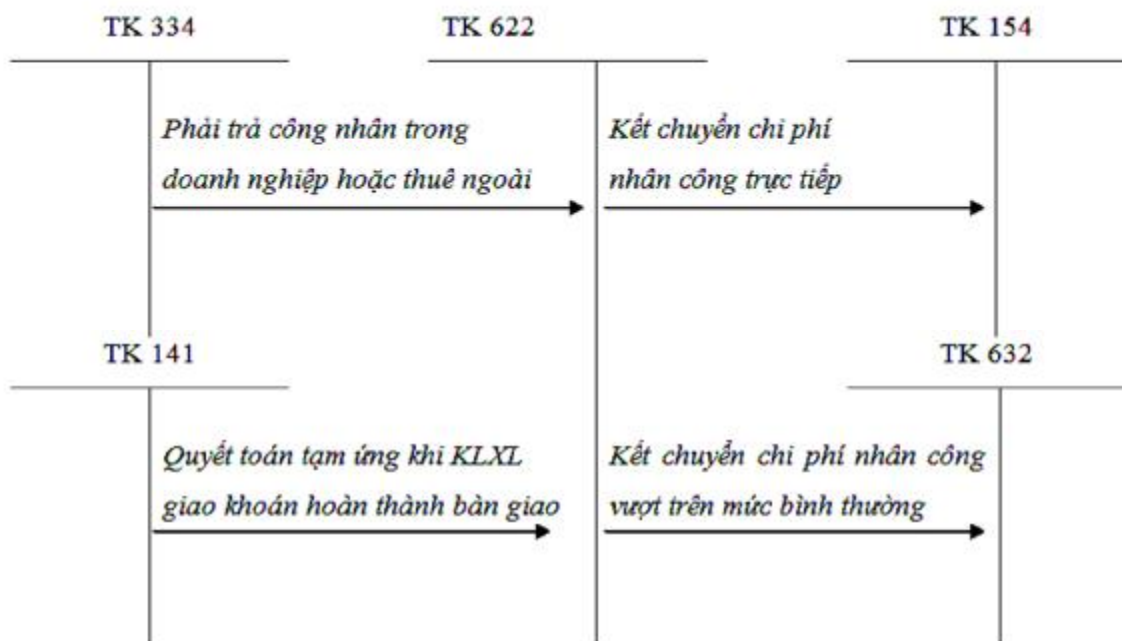
2.3.3.3. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp trong xây lắp gồm: Tiền lương, tiền công, phụ cấp phải trả cho người lao động, các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ) được tính vào chi phí theo quy định hiện hành.

- Chứng từ sử dụng: Bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương, bảng trích bảo hiểm, tiền thưởng, hợp đồng giao khoán, phiếu xác nhận sản phẩm hoặc công việc hoàn thành, phiếu báo làm việc ngoài giờ,...

- Tài khoản sử dụng: Kế toán sử dụng TK 622 - “Chi phí nhân công trực tiếp” để phản ánh chi phí về nhân công trực tiếp thực tế tham gia vào quá trình hoạt động xây lắp, bao gồm các khoản phải trả cho người lao động thuộc quản lý của DN và lao động thuê ngoài theo từng loại công việc. Cuối kỳ kết chuyển CP NCTT vào bên Nợ TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”. TK 622 không có số dư cuối kỳ.

Trình tự kế toán chi phí nhân công trực tiếp được khái quát theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 2. 2: Trình tự kế toán tổng hợp chi phí nhân công trực tiếp

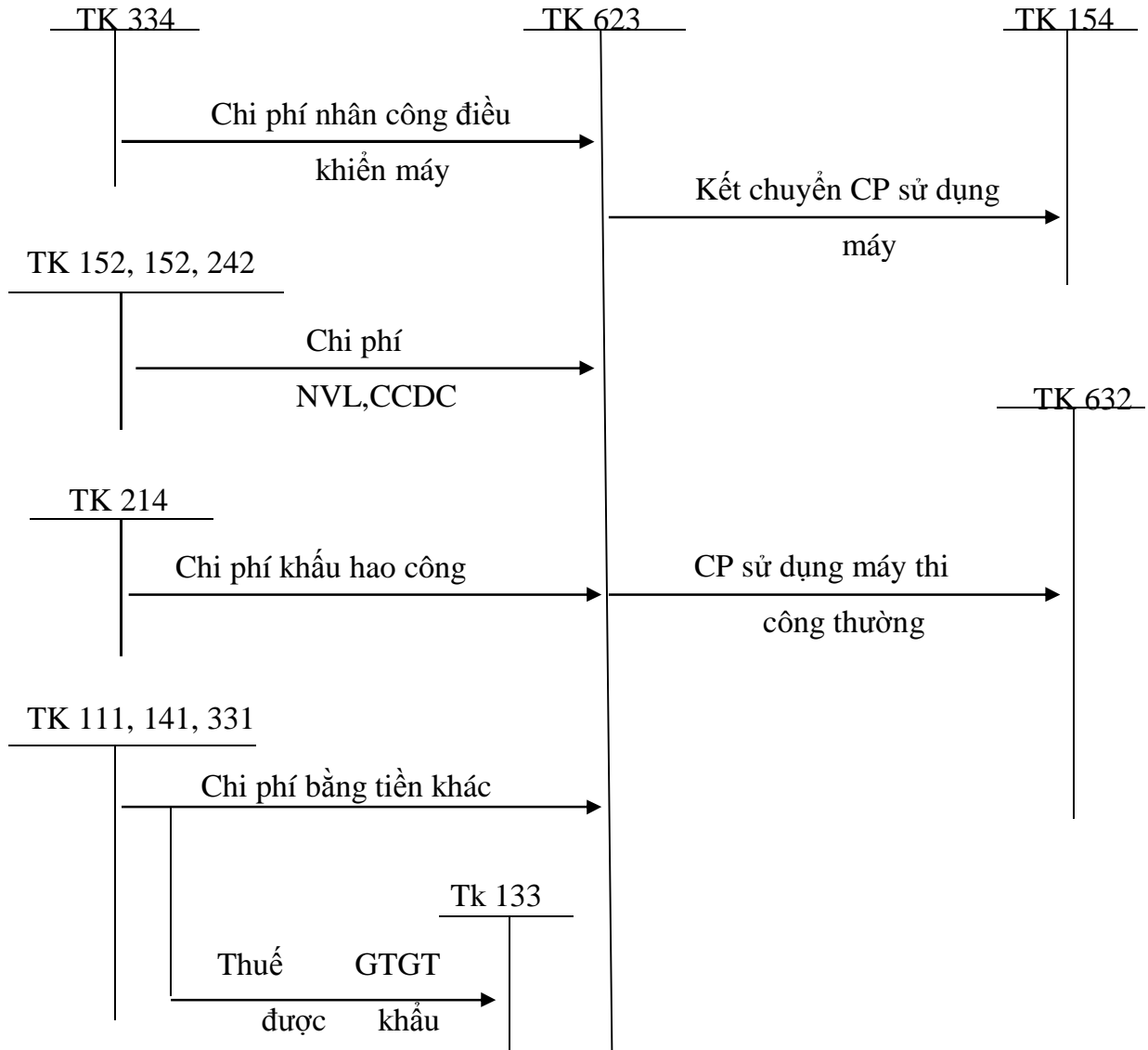
2.3.3.4. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công

- Chứng từ sử dụng: Để hạch toán chi phí này, kế toán căn cứ để hạch toán là hợp đồng thuê máy, hóa đơn, bảng chấm công.

- Tài khoản sử dụng: Kế toán sử dụng TK 623 - Chi phí sử dụng máy thi

công. Tài khoản này dùng để tập hợp và phân bổ chi phí sử dụng máy thi công phục vụ trực tiếp xây lắp công trình. TK 623 không có số dư cuối kỳ.

Trình tự kế toán chi phí sử dụng máy thi công được khái quát theo sơ đồ sau:

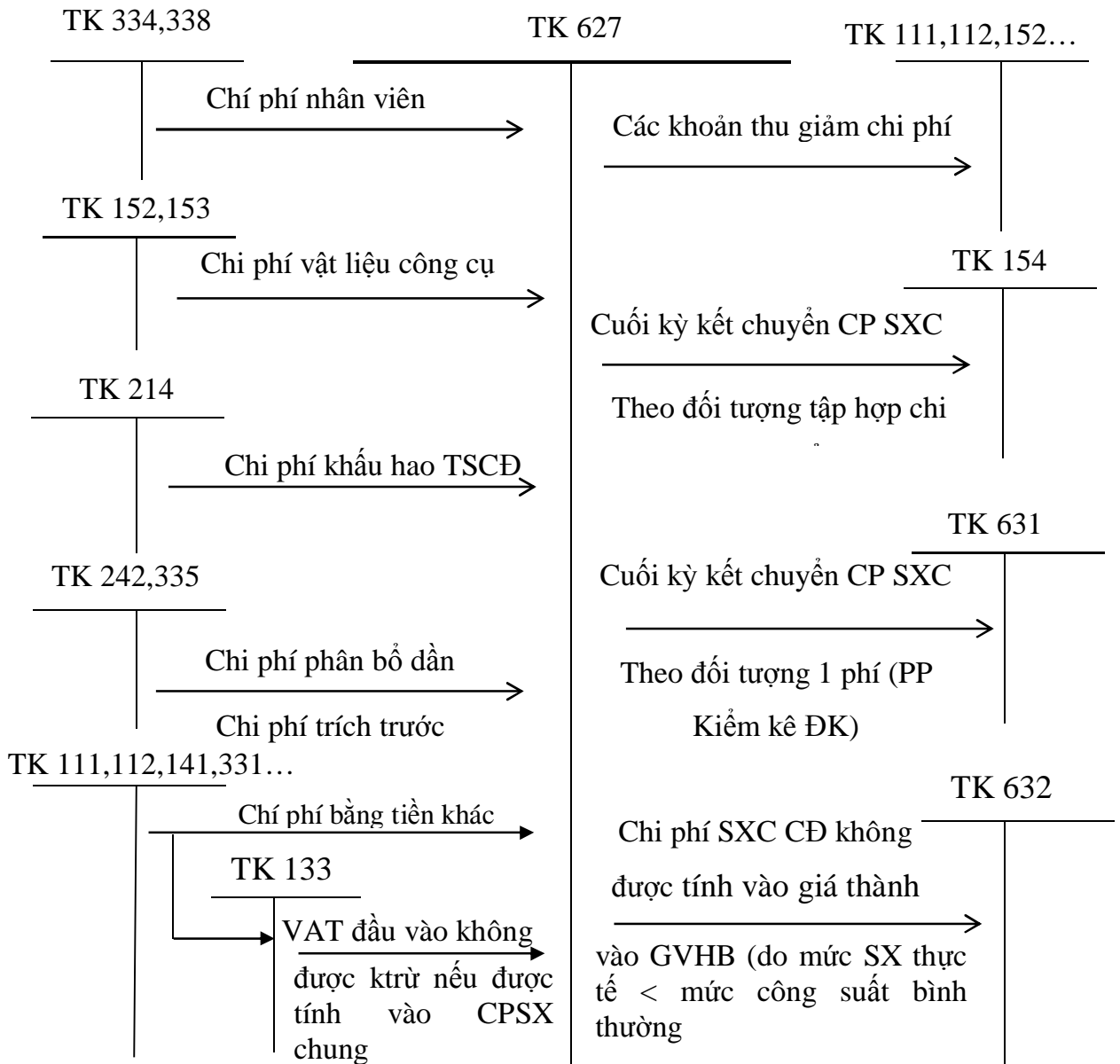


Sơ đồ 2. 3: Trình tự kế toán tổng hợp chi phí sử dụng máy thi công

2.3.3.5. Kế toán chi phí sản xuất chung

- Chứng từ sử dụng: Bảng chấm công, hóa đơn mua hàng, bảng phân bổ khấu hao tài sản cố định, bảng kê xuất vật tư, CCDC, bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương... để tập hợp chi phí sản xuất chung.

Trình tự kế toán chi phí sản xuất chung được khái quát theo sơ đồ sau:



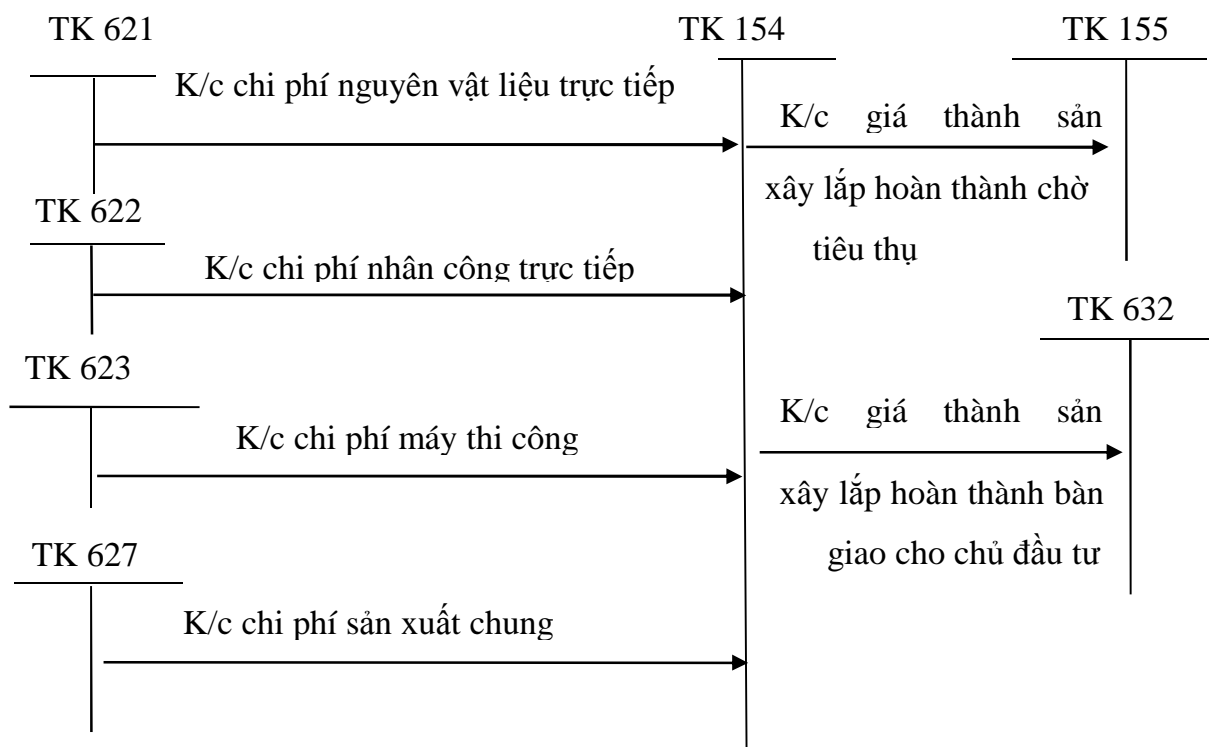
Sơ đồ 2. 4: Trình tự kế toán tổng hợp chi phí chung

- Tài khoản sử dụng: TK 627 “Chi phí sản xuất chung” để hạch toán chi phí sản xuất chung. Chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được ghi vào giá vốn hàng bán. TK 627 không có số dư cuối kỳ, được mở chi tiết cho từng phân xưởng, bộ phận, không sử dụng cho hoạt động thương mại.

2.3.3.6. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp

Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất xây lắp để tính giá thành sản phẩm thường được tiến hành vào cuối kỳ kế toán hoặc khi công trình hoàn thành toàn bộ. Trên cơ sở các bảng tính và phân bổ các khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung cho các đối tượng tập hợp chi phí đã được xác định. Việc tổng hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp được thực hiện theo từng công trình, hạng mục công trình.

Trình tự kế toán chi phí và tính giá thành SPXL được khái quát theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 2. 5: Kế toán tổng hợp chi phí sản phẩm xây lắp

2.3.4. Phương pháp đánh giá SPDD trong kinh doanh xây lắp

Sản phẩm dở dang là khối lượng sản phẩm, công việc còn đang trong quy trình sản xuất, chế biến, đang nằm trên dây chuyền công nghệ hoặc đã hoàn thành một vài quy trình chế biến nhưng vẫn phải gia công chế biến tiếp mới trở thành sản phẩm hoàn thành.

Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang mà DN xây lắp thường áp dụng là: Đánh giá theo giá dự toán và mức độ hoàn thành của sản phẩm xây lắp dở dang. Áp dụng đối với các trường hợp công trình, hạng mục công trình bàn giao thanh toán theo từng giai đoạn hoàn thành, sản phẩm dở dang là các giai đoạn xây lắp chưa hoàn thành.

+ Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí dự toán: Được áp dụng trong trường hợp cụ thể đó là đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành trùng nhau.

+ Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo tỉ lệ hoàn thành tương đương: Phương pháp này áp dụng chủ yếu đối với việc đánh giá sản phẩm dở dang của công tác lắp đặt. Sản phẩm dở dang cuối kì phải chịu toàn bộ các khoản chi phí phát sinh theo mức độ hoàn thành của sản phẩm.

2.3.5. Phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp

Phương pháp tính giá thành sản phẩm là phương pháp sử dụng số liệu CPSX đã tập hợp được trong kỳ và các tài liệu liên quan để tính toán tổng giá thành sản xuất và giá thành đơn vị sản xuất thực tế của sản phẩm, dịch vụ đã hoàn thành theo từng đối tượng tính giá thành và từng khoản mục chi phí.

2.3.5.1. Phương pháp tính giá thành giản đơn (phương pháp tính trực tiếp)

Phương pháp này được áp dụng trong các doanh nghiệp thuộc loại hình sản xuất giản đơn, số lượng mặt hàng ít, sản xuất với khối lượng lớn và chu kì sản xuất ngắn như các nhà máy điện, nước, các doanh nghiệp khai thác (quặng,

than, gỗ..) Đối tượng kế toán chi phí là từng loại sản phẩm, dịch vụ. Đối tượng kế toán chi phí trùng với đối tượng hạch toán giá thành. Ngoài ra, phương pháp còn được áp dụng cho những doanh nghiệp tuy có quy trình sản xuất phức tạp nhưng sản xuất khối lượng lớn và ít loại sản phẩm, mỗi loại sản phẩm được sản xuất trong những phân xưởng riêng biệt.

Ưu điểm: Dễ hạch toán do số lượng mặt hàng ít, việc hạch toán thường được tiến hành vào cuối tháng trùng với kì báo cáo nên dễ dàng đối chiếu, theo dõi.

Nhược điểm: Chỉ áp dụng được cho doanh nghiệp sản xuất số lượng mặt hàng ít khối lượng lớn, doanh nghiệp sản xuất độc quyền một loại sản phẩm, chu kì sản xuất ngắn, sản phẩm dở dang (phế liệu thu hồi) ít hoặc không đáng kể như các doanh nghiệp khai thác than,...các doanh nghiệp sản xuất động lực.

Công thức tính giá thành sản phẩm:

<i>Giá thành thực tế sản phẩm xây lắp</i>	=	<i>Chi phí sản xuất dở dang đầu kì</i>	+	<i>Chi phí sản xuất phát sinh trong kì</i>	-	<i>Chi phí sản xuất dở dang cuối kì</i>
---	---	--	---	--	---	---

(Nguồn Giáo trình “Kế toán tài chính” NXB Tài chính 2007- Chủ biên:

PGS.TS Nghiêm Văn Lợi)

Trong trường hợp, nếu đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là cả công trình nhưng yêu cầu thực tế là phải tính riêng giá thành cho từng hạng mục công trình, kế toán có thể căn cứ vào chi phí tập hợp được và hệ số kinh tế kĩ thuật đã quy định cho từng hạng mục công trình để tính giá thành thực tế theo công thức sau:

<i>Giá thành thực tế của từng hạng mục công trình</i>	=	<i>Giá trị dự toán của hạng mục công trình</i>	<i>x</i>	<i>Tỷ lệ phân bổ giá thành thực tế (%)</i>
---	---	--	----------	--

Trong đó, hệ số phân bổ được xác định bằng công thức:

$$H = \frac{\sum C}{\sum G_{dt}} \times 100 \quad \%$$

- + H: Tỷ lệ phân bổ giá thành thực tế (%)
- + C: Tổng chi phí thực tế của cả công trình
- + G_{dt} : Tổng giá trị dự toán của tất cả hạng mục công trình.

Để phục vụ cho việc tính giá thành, kế toán doanh nghiệp lập bảng tính giá thành theo từng loại sản phẩm, dịch vụ.

2.3.5.2. Phương pháp tính giá thành theo định mức

Phương pháp này áp dụng đối với các doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất ổn định, có hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí, dự toán chi phí tiên tiến, hợp lý, sát thực tế, chế độ ghi chép ban đầu ở các bộ phận làm tốt. Tính theo phương pháp này nhằm kiểm tra tình hình thực tế định mức, tình hình sử dụng hợp lý, tiết kiệm định mức.

Công thức tính giá thành theo định mức như sau:

Giá thành thực tế của sản phẩm	=	Giá thành định mức của sản phẩm	+	Chênh lệch do thay đổi định mức	+	Chênh lệch so với định mức
--------------------------------	---	---------------------------------	---	---------------------------------	---	----------------------------

(Nguồn Giáo trình “Kế toán tài chính” NXB Tài chính 2007- Chủ biên:

PGS.TS Nghiêm Văn Lợi)

Trong đó:

- + Chênh lệch do thay đổi định mức là: số chênh lệch do định mức chi phí hiện hành thay đổi.
- + Chênh lệch so với định mức là: số chênh lệch so sánh giữa chi phí phát sinh thực tế với định mức chi phí theo từng khoản mục.

Ưu điểm: Phương pháp này giúp nhà quản lý có thể phát hiện nhanh

chóng những chi phí phát sinh thực tế so với định mức của từng khoản mục, từng nơi phát sinh chi phí cũng như đối tượng chịu CP cũng như nguyên nhân phát sinh... Giúp cho nhà quản lý đưa ra những quyết định kịp thời nhằm tiết kiệm chi phí, ngăn chặn lãng phí, sử dụng CP có hiệu quả nhằm hạ thấp giá thành sản phẩm.

Nhược điểm: Kế toán phải tính giá thành định mức các loại sản phẩm ngay từ đầu mỗi tháng trên cơ sở các định mức chi phí tiên tiến hiện hành làm cơ sở cho việc tính giá thành sản xuất thực tế của sản phẩm sau này. Đây là phương pháp tính phức tạp vì khi tính giá thành định mức các loại sản phẩm, kế toán phải tính riêng từng khoản mục chi phí cấu tạo nên giá thành sản phẩm theo những cách thức khác nhau.

2.3.5.3. Phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng (tổng cộng chi phí)

Mỗi đơn đặt hàng ngay từ khi bắt đầu thi công được mở một phiếu tính giá thành (bảng tính giá thành theo đơn đặt hàng). Chi phí sản xuất phát sinh được tập hợp cho từng đơn đặt hàng bằng phương pháp trực tiếp hoặc gián tiếp. Cuối kỳ, căn cứ vào chi phí sản xuất tập hợp được cho từng đơn đặt hàng theo từng khoản mục chi phí để ghi vào bảng tính giá thành của đơn đặt hàng tương ứng. Khi có chứng từ chứng minh đơn đặt hàng hoàn thành, kế toán thực hiện tính giá thành đơn đặt hàng (công trình, hạng mục công trình) hoàn thành bằng cách cộng lũy kế chi phí từ khi bắt đầu thi công đến khi đơn hàng hoàn thành ngay trên bảng tính giá thành của đơn đặt hàng đó. Đối với các đơn đặt hàng chưa hoàn thành, cộng chi phí lũy kế từ khi bắt đầu thi công đến thời điểm xác định giá trị sản phẩm xây lắp dở dang. Bảng tính giá thành của các đơn đặt hàng chưa xong được coi là các báo cáo chi phí sản xuất xây lắp dở dang.

Trường hợp một đơn đặt hàng gồm một số hạng mục công trình thì sau khi tính giá thành cho đơn đặt hàng hoàn thành, kế toán thực hiện tính giá thành cho

từng hạng mục công trình bằng cách căn cứ vào giá thành thực tế của đơn đặt hàng hoàn thành và giá thành dự toán của các hạng mục công trình đó, công thức tính như sau:

$$Z_i = \frac{Z_{đđh}}{Z_{dt}} \times Z_{idt}$$

Trong đó:

Z_i : Giá thành sản xuất thực tế của hạng mục công trình i.

$Z_{đđh}$: Giá thành thực tế của đơn đặt hàng hoàn thành.

Z_{dt} : Giá thành dự toán của hạng mục CT thuộc đơn đặt hàng hoàn thành.

Z_{idt} : Giá thành dự toán của hạng mục công trình i.

2.4. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp dưới góc độ kế toán quản trị

Kế toán quản trị là môn khoa học thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về hoạt động của doanh nghiệp một cách cụ thể phục vụ cho các nhà quản trị trong việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra và đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch các hoạt động của doanh nghiệp.

Kế toán quản trị chi phí là một bộ phận của kế toán quản trị, chuyên thực hiện việc xử lý và cung cấp các thông tin về chi phí nhằm phục vụ cho việc thực hiện các chức năng của nhà quản trị như: Hoạch định, tổ chức thực hiện, kiểm tra và ra quyết định. Nội dung của kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp dưới góc độ kế toán quản trị bao gồm:

- Lập dự toán chi phí sản xuất kinh doanh
- Xác định đánh giá chi phí đơn vị sản phẩm
- Phân tích, đánh giá tình hình thực hiện chi phí bộ phận theo từng trung tâm chi phí
- Phân tích mối quan hệ giữa chi phí với khối lượng và lợi nhuận

- Phân tích thông tin chi phí để lựa chọn thông tin thích hợp cho các quyết định kinh doanh.

2.4.1. Định mức chi phí và hệ thống dự toán

2.4.1.1. Định mức chi phí

Việc xây dựng hệ thống định mức CPSX là công việc hết sức quan trọng, bao gồm việc xây dựng định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung. Thực hiện tốt công tác này sẽ tạo ra một hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả các hoạt động phát sinh chi phí, sự biến động của từng chi phí. Mặt khác, nếu xây dựng được định mức tốt còn giúp việc nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực của DN, tạo nền tảng trong việc lập kế hoạch và dự toán sản xuất kinh doanh.

Định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được xác định theo công thức tổng quát sau:

$$\begin{array}{l} \text{Định mức chi phí} \\ \text{NVL trực tiếp cho} \\ \text{một đơn vị Sp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Định mức giá} \\ \text{nguyên vật liệu} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Định mức lượng} \\ \text{nguyên vật liệu tiêu hao} \end{array}$$

(Nguồn: Thông tư 06/2016/TT-BXD)

Định mức chi phí nhân công trực tiếp được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Định mức chi phí} \\ \text{nhân công trực tiếp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá nhân công trực} \\ \text{tiếp theo định mức} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Định mức lượng thời} \\ \text{gian lao động trực tiếp} \\ \text{cho một sản phẩm} \end{array}$$

(Nguồn: Thông tư 06/2016/TT-BXD)

Định mức chi phí sản xuất chung: Định mức chi phí sản xuất chung xác định theo từng khoản mục phát sinh chi phí, được xác định theo mức giá và thời gian cho phép đối với chi phí nhân công phục vụ cho phân xưởng sản xuất, định mức nguyên vật liệu, khấu hao máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ dùng ở

phân xưởng sản xuất.

Tổng hợp các định mức chi phí sản xuất cho một đơn vị sản phẩm như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Định mức chi phí} \\ \text{một sản phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Định mức chi phí nguyên} \\ \text{vật liệu trực tiếp} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Định mức chi phí sản} \\ \text{xuất chung} \end{array}$$

(Nguồn: Thông tư 06/2016/TT-BXD)

2.4.1.2. Hệ thống dự toán chi phí sản xuất

Dự toán là việc tính toán, dự kiến phối hợp giữa các mục tiêu cần đạt được với khả năng huy động các nguồn lực trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh theo các chỉ tiêu số lượng, giá trị trong khoảng thời gian nhất định trong tương lai. Dự toán chi phí là phương tiện thông tin cung cấp cho các chức năng hoạch định và kiểm soát chi phí của nhà quản trị nhằm đo lường, chấn chỉnh quá trình thực hiện chi phí trong từng bộ phận cụ thể để đảm bảo cho quá trình thực hiện mục tiêu của doanh nghiệp.

* **Tổng dự toán công trình:** Là tổng mức chi phí cần thiết cho việc đầu tư xây dựng công trình thuộc dự án được tính toán cụ thể ở giai đoạn thiết kế kỹ thuật thi công. Tổng dự toán công trình được xác định trên cơ sở năng lực sản xuất theo thiết kế, khối lượng công tác chủ yếu và suất đầu tư, giá chuẩn, đơn giá tổng hợp do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Công thức sau xác định tổng dự toán công trình:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng dự} \\ \text{toán công} \\ \text{trình} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị dự} \\ \text{toán xây} \\ \text{lắp (Gxl)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá trị dự toán} \\ \text{mua sắm thiết} \\ \text{bị (Gtb)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Dự toán} \\ \text{các chi phí} \\ \text{khác (Gk)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Dự toán chi} \\ \text{phí dự phòng} \\ \text{(Gdp)} \end{array}$$

(Nguồn: Thông tư 06/2016/TT-BXD)

Trong đó:

Giá trị dự toán xây lắp (Gxl) công trình là toàn bộ các chi phí về xây dựng và lắp đặt của từng hạng mục công trình, kết cấu của công trình đó, bao gồm chi phí xây lắp các hạng mục xây dựng mới và các hạng mục xây lắp khác.

Giá trị dự toán mua sắm thiết bị (Gtb) bao gồm chi phí mua sắm thiết bị công nghệ và các trang thiết bị khác phục vụ xây lắp công trình, chi phí vận chuyển, bảo dưỡng tại hiện trường, thuế và phí bảo hiểm thiết bị công trình.

Dự toán các chi phí khác (Gk) bao gồm chi phí ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư như chi phí điều tra, khảo sát, tư vấn đầu tư, tuyên truyền quảng cáo,... chi phí ở giai đoạn thực hiện đầu tư, chi phí ở giai đoạn kết thúc xây dựng đưa công trình vào khai thác sử dụng.

Dự toán chi phí dự phòng (Gdp) là các khoản dự phòng cho các khối lượng phát sinh do thay đổi thiết kế theo yêu cầu của chủ đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, dự phòng cho các khối lượng phát sinh không lường trước được, dự phòng trượt giá, lạm phát...

*** Dự toán xây lắp hạng mục công trình**

+ Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Được lập trên cơ sở dự toán khối lượng xây lắp, định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chênh lệch về vật liệu (nếu có).

Công thức xác định dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp như sau:

$$\text{Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp} = \sum_{i=1}^n \left(\begin{array}{l} \text{Dự toán} \\ \text{khối lượng} \\ \text{công tác} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Định mức} \\ \text{phí vật liệu} \\ \text{của công tác} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Chênh} \\ \text{lệch vật} \\ \text{liệu} \end{array} \right)$$

tiếp xây lắp xây lắp thứ i (nếu có)
thứ i

(Nguồn: Thông tư 06/2016/TT-BXD)

+ Dự toán chi phí nhân công trực tiếp: Lập căn cứ vào khối lượng công tác xây lắp, định mức thời gian xây dựng và định mức theo đơn giá giờ công trực tiếp.

Công thức xác định dự toán chi phí nhân công trực tiếp như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Dự toán} \\ \text{chi phí} \\ \text{nhân công} \\ \text{trực tiếp} \end{array} = \sum_{i=1}^n \left(\begin{array}{ccc} \text{Dự toán khối} & \text{Định mức} & \text{Định mức} \\ \text{lượng công} & \text{thời gian xây} & \text{theo đơn} \\ \text{tác xây lắp} & \text{ dựng công} & \text{ giá giờ} \\ \text{thứ } i & \text{ tác xây lắp} & \text{ công trực} \\ & \text{thứ } i & \text{ tiếp} \end{array} \right) x$$

(Nguồn: Thông tư 06/2016/TT-BXD)

+ Dự toán chi phí máy thi công: Dựa trên cơ sở dự toán khối lượng công tác xây lắp, định mức chi phí máy thi công và hệ số điều chỉnh máy thi công.

Công thức xác định dự toán chi phí máy thi công:

$$\begin{array}{l} \text{Dự toán} \\ \text{chi phí} \\ \text{máy thi} \\ \text{công} \end{array} = \sum_{i=1}^n \left(\begin{array}{ccc} \text{Dự toán} & \text{Định mức} & \text{Hệ số} \\ \text{khối lượng} & \text{chi phí máy} & \text{điều} \\ \text{công tác} & \text{thi công của} & \text{chỉnh chi} \\ \text{xây lắp} & \text{ công tác xây} & \text{phí máy} \\ \text{thứ } i & \text{ lắp thứ } i & \text{ thi công} \end{array} \right) x$$

(Nguồn: Thông tư 06/2016/TT-BXD)

+ Dự toán chi phí sản xuất chung: Đây là khoản mục chi phí gián tiếp đối với từng công trình, hạng mục công trình nên thông thường dự toán chi phí sản xuất chung được căn cứ vào định mức chi phí chung theo quy định hiện hành của nhà nước đối với công trình có một hạng mục xây lắp, còn các công trình có nhiều hạng mục xây lắp thì sau khi xác định chi phí chung cho toàn bộ

công trình sẽ phân bổ chi phí sản xuất chung của toàn bộ dự án cho từng hạng mục theo tỷ trọng chi phí trực tiếp của từng công trình.

Công thức xác định dự toán chi phí sản xuất chung:

$$\text{Dự toán chi phí sản xuất chung} = \text{Định mức chi phí chung (\%)} \times \text{Chi phí trực tiếp}$$

(Nguồn: Thông tư 06/2016/TT-BXD)

***Lập dự toán giá thành sản phẩm xây lắp**

Giá thành sản phẩm xây lắp là một phần của chi phí sản xuất và xã hội để thực hiện công tác xây dựng (tức là 1 phần của Gxd), là bộ phận chi phí mà doanh nghiệp sử dụng để thực hiện công tác xây lắp. Như vậy, giá thành sản phẩm xây lắp là tất cả các chi phí bằng tiền mà doanh nghiệp sử dụng để thực hiện công tác xây lắp, nó bao gồm các chi phí trực tiếp và chi phí chung.

Giá thành xây lắp được dự toán căn cứ vào dự toán các khoản mục chi phí như: dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, dự toán chi phí nhân công trực tiếp, dự toán chi phí sử dụng máy thi công, dự toán chi phí sản xuất chung.

2.4.2. Xác định trung tâm chi phí trong doanh nghiệp xây lắp

Trung tâm chi phí là một bộ phận có mối quan hệ rõ ràng giữa các chi phí của các nguồn lực với các sản phẩm hoặc dịch vụ của bộ phận đó, mà các nhà quản trị của nó chỉ chịu trách nhiệm đối với các chi phí có thể kiểm soát phát sinh trong bộ phận đó. Người đứng đầu trung tâm chi phí chính là người quản lý các bộ phận được phân quyền quyết định về cơ cấu chi phí và các yếu tố đầu vào. Để đánh giá hiệu quả hoạt động của các trung tâm chi phí cần phải lập dự toán và báo cáo hoạt động theo từng trung tâm. Các chỉ tiêu được sử dụng để đánh giá hiệu quả hoạt động của các trung tâm chi phí thường là tỷ lệ

chi phí thực tế so với dự toán, tỷ lệ giảm chi phí so với năm trước, giá thành đơn vị sản phẩm hoặc tỷ lệ giảm giá thành.

Thành quả của các trung tâm chi phí thường được đánh giá bằng việc so sánh chi phí thực tế với chi phí dự toán và phân tích các chênh lệch phát sinh.

Đối với các doanh nghiệp xây lắp trung tâm trách nhiệm chi phí được hình thành tại tổ, đội xây lắp và các phòng ban chuyên trách như phòng Kế toán - tài chính, phòng Hành chính - trị sự, Phòng Kỹ thuật...

2.4.3. Báo cáo kế toán quản trị trong doanh nghiệp xây lắp

- Báo cáo sản xuất

Báo cáo sản xuất là báo cáo chi tiết về tình hình chi phí phát sinh tại phân xưởng sản xuất và kết quả hoàn thành nhằm cung cấp thông tin cho các cấp quản trị để từ đó ra quyết định phù hợp.

Báo cáo sản xuất có vai trò như các phiếu chi phí công việc trong việc tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm. từ những thông tin trên báo cáo sản xuất, các nhà quản trị biết được kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để có căn cứ đưa ra quyết định sản xuất và tiêu thụ với một mức sản lượng nhất định hay thi công một công trình với một tiến độ thích hợp. Báo cáo chi phí sản xuất có ý nghĩa quan trọng với các nhà quản trị doanh nghiệp trong việc kiểm soát chi phí và đánh giá chất lượng thi công của từng phân đội.

- Báo cáo giá thành sản phẩm

Cung cấp thông tin về tổng giá thành sản xuất thực tế của từng công trình, hạng mục công trình trên cơ sở đó so với giá thành kế hoạch để đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành của từng đơn vị trong doanh nghiệp, đồng thời cung cấp thông tin cho việc lập kế hoạch và đưa ra các quyết định liên quan đến việc định giá sản phẩm tương tự.

Phương pháp lập: Liệt kê các chỉ tiêu giá thành kế hoạch, giá thành thực tế cho từng công trình, hạng mục công trình, tổng giá thành cho từng đơn vị thuộc doanh nghiệp, mỗi đối tượng tính giá thành được theo dõi trên một dòng.

- Báo cáo thực hiện kế hoạch

Báo cáo này cung cấp thông tin về thực hiện kế hoạch trong kỳ báo cáo thông qua các chỉ tiêu trên báo cáo để giúp ban lãnh đạo doanh nghiệp đánh giá đúng tình hình doanh nghiệp và đưa ra các giải pháp nhằm giúp doanh nghiệp thực hiện tốt hơn những chỉ tiêu kế hoạch sẽ đưa ra trong kỳ tiếp theo.

Cơ sở lập là các báo cáo chi tiết, báo cáo tổng hợp phản ánh thực tế tình hình doanh nghiệp trong kỳ và cùng kỳ năm trước, các dự toán ngân sách, các kế hoạch đã lập đầu kỳ.

2.4.4. Phân tích mối quan hệ giữa CVP trong các doanh nghiệp xây lắp

Ngày nay, kế toán quản trị đã trở thành một nội dung quan trọng và cần thiết cho các nhà quản trị doanh nghiệp, trong đó phân tích mối quan hệ giữa CVP đã tỏ ra là một công cụ hữu ích hỗ trợ cho nhà quản trị khi chọn lọc thông tin phù hợp trong quá trình ra quyết định.

- Thông tin về tài chính doanh nghiệp: Biểu hiện trên các báo cáo kế toán. Báo cáo kế toán quản trị phản ánh một cách chi tiết, cụ thể tình hình sử dụng tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Những thông tin này giúp nhà quản trị doanh nghiệp đánh giá, phân tích và dự đoán tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và hướng phát triển của doanh nghiệp từ đó đề ra các quyết định đúng đắn trong quản lý sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp.

- Thông tin phi tài chính: Người làm kế toán quản trị ngày nay cần phải

hiểu và nắm bắt được thông tin ở các lĩnh vực chức năng khác như thông tin về thị trường, giá cả, cạnh tranh, marketing và các thông tin về tài chính khác.

Việc phân tích thông qua mô hình CVP không chỉ giúp việc lựa chọn dây chuyền sản xuất, định giá bán sản phẩm, xây dựng chiến lược tiêu thụ, chiến lược marketing nhằm khai thác có hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà còn giúp ích nhiều cho việc xem xét rủi ro của doanh nghiệp.

Phân tích CVP nhằm xác định một mô hình với các biến kinh doanh gắn liền với lợi nhuận can thiệp nhằm mô tả mối quan hệ giữa lợi nhuận kinh doanh của một doanh nghiệp với chi phí, khối lượng hoạt động, giá bán. Các nội dung để phân tích mối quan hệ CVP bao gồm: Lãi gộp, tỉ lệ lãi gộp, kết cấu chi phí, đòn bẩy kinh doanh, điểm hòa vốn. Cụ thể:

Lãi gộp: Là số tiền còn lại của doanh thu bán hàng sau khi đã trừ đi các chi phí biến đổi. Chính vì vậy, nó là khoản để bù đắp các chi phí cố định trong DN và tạo ra lợi nhuận cho kỳ.

- *Tỉ lệ lãi gộp*: Là tỉ số giữa tổng số lãi gộp với tổng doanh thu tiêu thụ. Trong điều kiện biến phí không đổi, tỷ lệ lãi gộp cho biết cứ một đồng doanh số tăng thêm thì số lãi gộp sẽ tăng bao nhiêu đồng. Lãi gộp là căn cứ để nhà quản lý xác định được mức thu nhập của từng công trình, hạng mục công trình.

- *Đòn bẩy kinh doanh*: Là tỉ lệ lãi gộp so với thu nhập thuần. Đối với nhà quản lý, đòn bẩy có nghĩa là bằng cách nào đó doanh nghiệp có thể đạt được lợi nhuận và sự tăng nhỏ hơn về doanh số hoặc khối lượng sản phẩm. Độ lớn của đòn bẩy kinh doanh sẽ tỷ lệ nghịch với tỷ lệ định phí trong doanh nghiệp.

- *Điểm hòa vốn*: Là tại một điểm ở đó doanh thu của doanh nghiệp đủ trang trải các khoản chi phí bỏ ra hay là điểm mà tại đó lãi gộp bằng tổng chi phí bất biến. Điểm hòa vốn được xác định theo hai cách: Bằng phương pháp

phương trình và bảng phương pháp lãi gộp tính cho một đơn vị sản phẩm.

Nghiên cứu mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận là xem xét mối quan hệ biện chứng giữa các nhân tố giá nhận thầu công trình, khối lượng công tác xây lắp hoàn thành, các chi phí bỏ ra theo định phí và biến phí và sự tác động của chúng tới lợi nhuận của doanh nghiệp.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong chương 2 Luận văn đã trình bày các vấn đề thuộc cơ sở lý luận về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp. Từ phân tích đặc điểm hoạt động kinh doanh xây lắp ảnh hưởng đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp, vai trò, nhiệm vụ của kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm xây lắp. Luận văn đã trình bày bản chất của chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm dưới góc độ kế toán tài chính và góc độ kế toán quản trị.

Dưới góc độ kế toán tài chính, Luận văn đã trình bày được đối tượng, phương pháp hạch toán CPSX và tính giá thành sản phẩm xây lắp cũng như trình tự hạch toán CPSX, các phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ và tính giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành.

Dưới góc độ kế toán quản trị, Luận văn đã đề cập được nội dung của kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm, các phương pháp xác định CPSX, xây dựng hệ thống định mức và lập dự toán CPSX cũng như phân tích mối quan hệ giữa CPV phục vụ cho việc xây dựng các báo cáo quản trị về chi phí và giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp.

Bên cạnh đó, luận văn cũng khái quát được cơ chế khoán trong các doanh nghiệp xây lắp và ảnh hưởng của nó đến công tác hạch toán CPSX và tính giá thành sản phẩm.

Lý luận chương 2 là cơ sở để xem xét, đánh giá thực trạng và hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An ở chương 3.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH XÂY LẬP CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHÍNH XÁC NAM TRƯỜNG AN

3.1. Đặc điểm tổ chức kinh doanh và tổ chức kế toán tại Công ty TNHH Cơ khí chính xác Nam Trường An

3.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

3.1.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

- Thành lập: Công ty chính thức thành lập vào ngày 23 tháng 5 năm 2011 với hình thức Công ty TNHH hai thành viên do 2 thành viên góp vốn là: Ông Cao Xuân Thanh và Bà Cao Thị Vân. Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ, có con dấu riêng, thực hiện quyền tự chủ trong hoạt động kinh doanh đã được pháp luật thừa nhận.

- Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHÍNH XÁC NAM TRƯỜNG AN**

- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **NAM TRUONG AN MECHANICAL ACCURACY COMPANY LIMITED**

- Đăng kí kinh doanh số: 010532449 tại phòng kinh doanh sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

- Mã số thuế: 010532449

- Trụ sở chính: Số 63, ngõ 341, phố Vĩnh Hưng, phường Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 0436444030

Fax: 043644403

3.1.1.2. Nội quy, quy chế làm việc của công ty.

1> Lao động tại công ty gồm công nhân công trường, nhân viên văn phòng và nhân viên học việc, thử việc. Công tác tuyển dụng lao động do phòng tổ chức hành chính quản lý tương ứng với nhu cầu SXKD của công ty.

2> Thời gian làm việc tại công ty: 8h/ ngày, 7 ngày/ tuần. Được nghỉ lễ tết theo quy định chung của nhà nước.

3> Trả lương cho nhân viên vào các ngày 30, 31 hàng tháng. Nhân viên chính thức của công ty được tham gia bảo hiểm theo luật định.

4> Những nhân viên, công nhân tại công trường sẽ được trang bị đồ dùng bảo hộ theo tính chất của công việc.

5> Khi đi làm không được mang chất độc, chất nổ, vũ khí, các loại hung khí, những vật nguy hiểm vào công ty.

3.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh và kết quả hoạt động của công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An

3.1.2.1 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty

Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An trực tiếp tư vấn, lắp đặt, thực hiện dịch vụ bảo dưỡng các hệ thống dàn không gian.

Công ty được phép xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh đã được Nhà nước cho phép để tiếp tục phân phối đến các đại lý, siêu thị, cửa hàng và bán lẻ trên toàn quốc.

Các lĩnh vực mà công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An đang hoạt động chính bao gồm:

- Tư vấn giám sát, giám sát thi công công trình dàn không gian nhà xưởng, sân vận động, nhà kho.

- Lắp đặt hệ thống dàn không gian nhà thi đấu, lắp đặt hệ thống điện dân dụng và công nghiệp

- Gia công cơ khí.
- San lấp mặt bằng, xây dựng công trình hạ tầng.
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghiệp.
- Dịch vụ tư vấn kỹ thuật: các loại máy móc, hệ thống tự động hóa, hệ thống thủy lực, gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại.
- Bán buôn, bán lẻ vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: tre, nứa, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh.

Với kinh nghiệm trong thi công các công trình xây lắp dân dụng, công nghiệp, kết hợp với trình độ cán bộ kỹ thuật, tay nghề của công nhân và máy móc thiết bị, cán bộ trong Công ty đã tư vấn, giám sát, thi công nhiều công trình như :

- Tư vấn, giám sát thi công các công trình dàn không gian siêu thị Fivimart ở 358 Bùi Xương Trạch, HN. Nhà kho của công ty Nam Cường ở khu Hồ Tùng Mậu - Lê Đức Thọ, P. Mai Dịch, Cầu Giấy, TP.Hà Nội. Nhà kho của công ty Cổ phần kiến trúc nội thất sắc màu Việt địa chỉ Số 14 dãy C Yên Hòa, phường Yên Hoà, thành phố Hà Nội. DKG mái che trường tiểu học Yên Phong - Bắc Ninh.

- Thi công các công trình: Dàn không gian nhà thi đấu cầu lông - Khu đô thị Văn Khê - Hà Đông - Hà Nội, dàn không gian thép nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long Hà Nội, nhà thép tiền chế của công ty CP năng lượng sinh khối Hoàng Gia.

3.1.2.2. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty

Công ty TNHH Cơ khí chính xác Nam Trường An đang từng bước phát triển và khẳng định vị trí của mình trên thị trường XL. Trong những năm gần đây, công ty đã hoàn thành nhiều CT DKG nhà thi đấu, siêu thị, nhà kho trên địa bàn Hà Nội, Bắc Giang, Nghệ An, Lạng Sơn.... Tất cả đã đánh dấu những mốc son thành công sáng ngời trên bước đường hoạt động của công ty. Dưới

đây là bảng phân tích một số chỉ tiêu trong báo cáo tài chính để đánh giá tình hình của công ty trong mấy năm gần đây nhất:

Bảng 3.1 Bảng các chỉ tiêu của công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An

ĐVT đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1. Doanh thu thuần về BHDV	52.144.312.197	52.027.011.101	62.460.309.887
2. Giá vốn hàng bán	49.322.065.972	47.097.629.769	56.572.602.336
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng, dịch vụ	2.822.246.225	4.929.381.332	5.887.707.551
4. Doanh thu hoạt động tài chính	317.767.929	771.794.324	2.271.686.805
5. Chi phí quản lí doanh nghiệp	2.207.979.496	5.105.437.683	7.132.180.235
6. Lợi nhuận khác	0	30.848.251	48.734.883
7. Lợi nhuận trước thuế	932.034.658	626.586.224	1.075.949.004

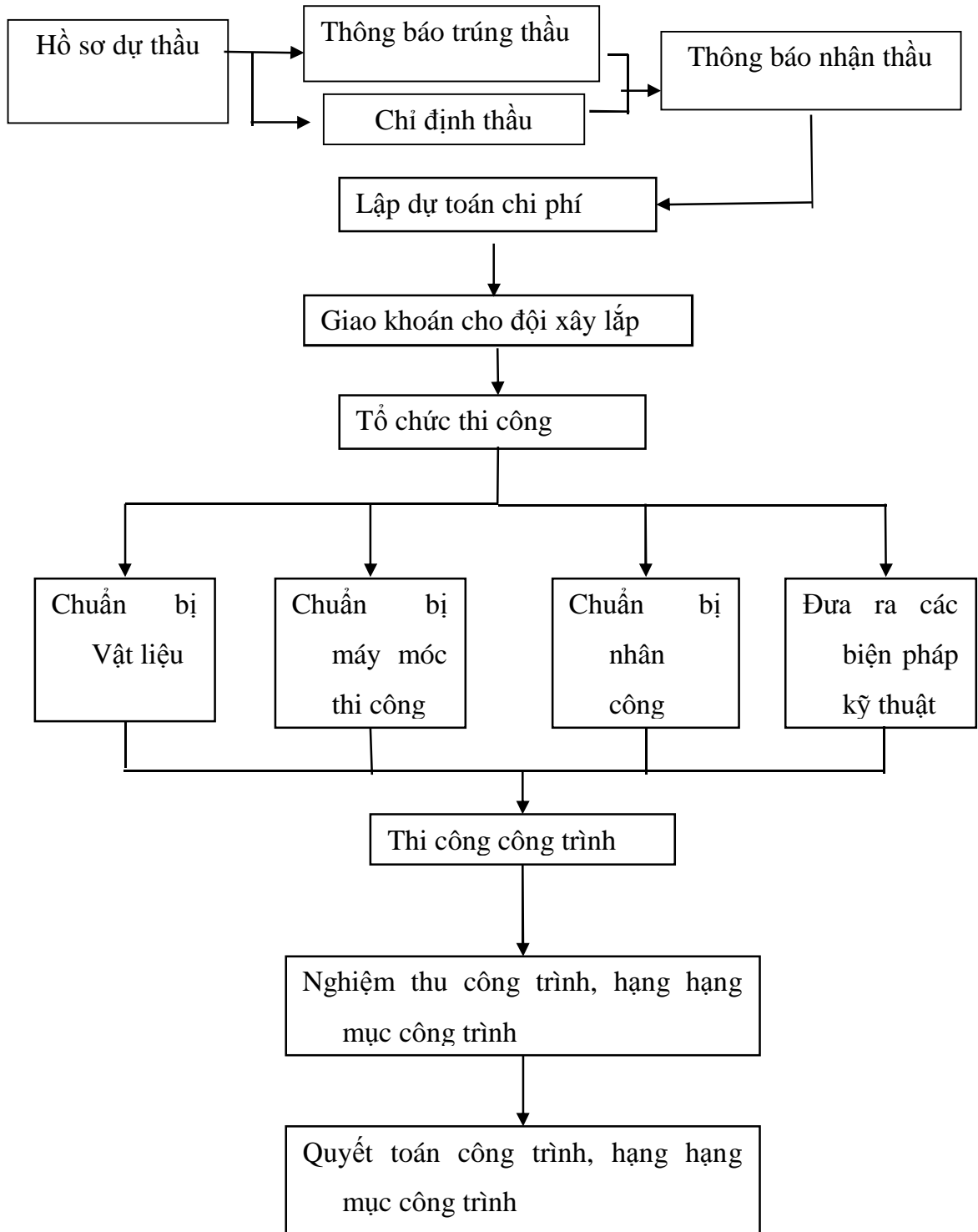
(Nguồn: Công ty TNHH Cơ khí chính xác Nam Trường An)

Quy trình sản xuất sản phẩm xây lắp

Quá trình sản xuất sản phẩm xây lắp rất phức tạp, sau khi hoàn thiện công trình được nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng. Sản phẩm xây lắp không được trực tiếp trao đổi trên thị trường như các sản phẩm hàng hóa khác mà nó chỉ được thực hiện sau khi có đơn đặt hàng hoặc các hợp đồng đã ký kết.

Tổ chức sản xuất trong Công ty TNHH Cơ khí chính xác Nam Trường An theo phương thức “khoán gọn”. Sau khi nhận thông báo nhận thầu thi công các CT, HMCT do chủ đầu tư gửi, Công ty tiến hành lập dự toán chi phí và “khoán gọn” các công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc cho các đội xây lắp, các đội xây lắp tiến hành thi công dưới sự kiểm tra và giám sát của Công ty.

Tùy vào từng CT mà thực hiện các công việc khác nhau, nhưng nhìn chung đều tuân theo quy trình như sau:



(Nguồn Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An)

Sơ đồ 3. 1: Quy trình sản xuất sản phẩm xây lắp

Thuyết minh sơ đồ quy trình sản xuất

1> Chuẩn bị hồ sơ thầu. Hồ sơ kỹ thuật gồm: Dự toán, bản vẽ thiết kế do chủ đầu tư (bên A) cung cấp. Dự toán thi công bên trúng thầu (bên B) tính toán lập ra và được bên A chấp nhận.

2> Sau khi nhận thông báo trúng thầu. Bên B lập dự toán chi phí và giao khoán cho các đội xây lắp thi công công trình.

3> Tại các đội xây lắp tổ chức thi công công trình chuẩn bị vật liệu, máy móc, nhân công để tổ chức thi công công trình hạng mục công trình.

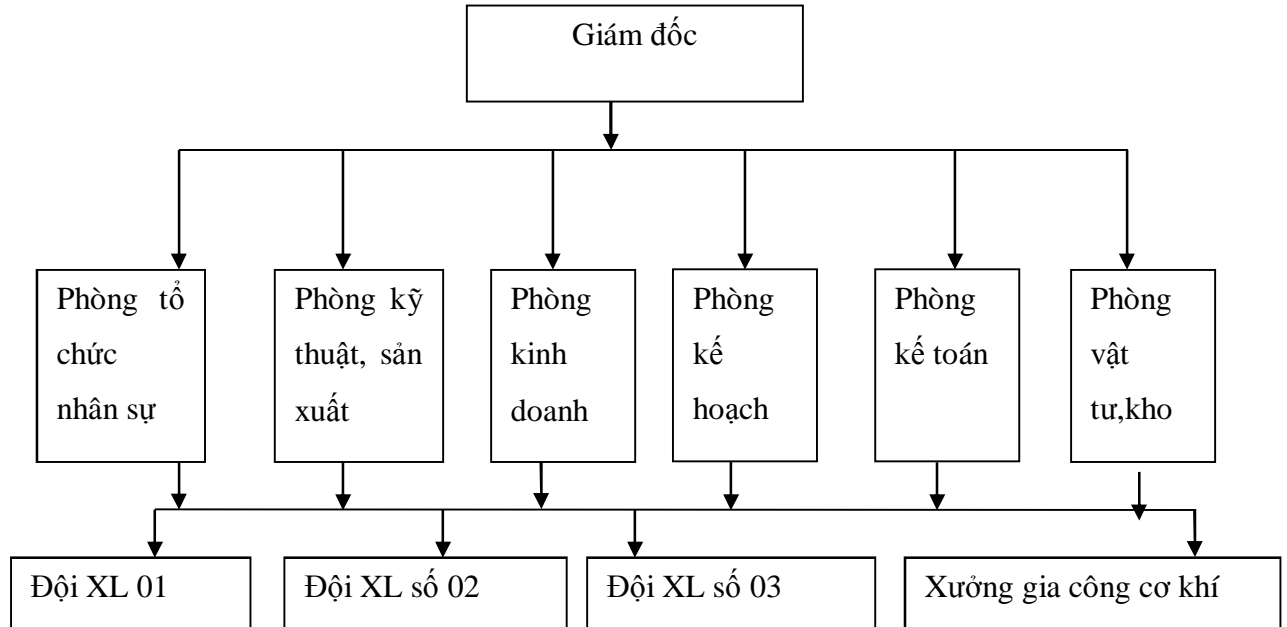
4> Sau khi công trình hoặc hạng mục công trình hoàn thành. bên A và bên B tiến hành nghiệm thu bao gồm: Chủ đầu tư (bên A) và tư vấn nếu có, đơn vị thi công (bên B) và các thành phần có liên quan.

6 > Hai bên tiến hành quyết toán công trình hoàn thành sau khi đã nghiệm thu bàn giao công trình. Khi quyết toán công trình đã được cấp có thẩm quyền duyệt. Bên A sẽ thanh toán nốt số còn lại cho bên B.

Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An bản chất là một doanh nghiệp xây lắp, nó mang tính chất đặc thù riêng. So với các ngành sản xuất khác, ngành xây lắp có những đặc điểm về kinh tế - kỹ thuật riêng biệt, thể hiện rất rõ nét ở sản phẩm xây lắp và quá trình tạo ra sản phẩm của ngành.

Sản phẩm xây lắp là những công trình xây dựng, vật kiến trúc... có quy mô lớn, kết cấu phức tạp mang tính đơn chiếc, thời gian sản xuất sản phẩm xây lắp lâu dài...Do đó, việc tổ chức quản lý và hạch toán sản phẩm xây lắp phải lập dự toán (dự toán thiết kế, thi công). Quá trình sản xuất xây lắp phải so sánh với dự toán, lấy dự toán làm thước đo đồng thời để giảm bớt rủi ro phải mua bảo hiểm cho công trình xây lắp. Sản phẩm xây lắp được tiêu thụ theo giá dự toán hoặc giá thỏa thuận với chủ đầu tư (giá đấu thầu), do đó tính chất hàng hóa của sản phẩm xây lắp không thể hiện rõ.

3.1.3. Đặc điểm chung về bộ máy quản lý của công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An



(Nguồn Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An)

Sơ đồ 3. 2: Cơ cấu bộ máy quản lý và nhân sự của công ty.

Chức năng nhiệm vụ của từng phòng ban

- **Giám đốc:** Là người đứng đầu công ty, thay mặt công ty chịu trách nhiệm trước nhà nước và cơ quan hữu quan về toàn bộ hoạt động của công ty, là người có quyền cao nhất về công tác điều hành đồng thời quản lý tất cả các bộ phận trong công ty, tổ chức các cuộc họp và là người đưa ra quyết định cuối cùng trong các vấn đề của công ty. Tổ chức thực hiện kinh doanh và phương án đầu tư, kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý của công ty. Chỉ đạo trực tiếp các lĩnh vực như chiến lược phát triển, đầu tư, đối ngoại tài chính...Thực hiện tuyển dụng, bố trí và sử dụng lao động, khen thưởng và kỉ luật theo quy định của luật lao động.

- **Phòng tổ chức hành chính nhân sự:** Có trách nhiệm về tình hình nhân sự, tuyển dụng những nhân viên có trình độ năng lực đảm bảo và quản lý

hành chính của các bộ phận của công ty, đảm bảo đúng pháp luật về lương, bảo hiểm, thêm giờ, độc hại, thủ tục hành chính pháp lý. Quy định tổ chức nội quy, quy chế lương, thưởng.

- **Phòng kinh doanh:** Nắm bắt thông tin về nguồn sản phẩm, tình hình thị trường, theo dõi sự biến động của thị trường và cách thức giao hàng, phương thức thanh toán hợp đồng, soạn thảo hợp đồng khai thác thị trường. Theo dõi tình hình hàng hóa nhập về theo từng khách hàng, đơn hàng, cân đối hàng hóa đảm bảo cho tiêu thụ của công ty.

- **Phòng kế toán tài chính:** Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán của doanh nghiệp theo đúng pháp lệnh tài chính kế toán hiện hành. Lập sổ sách kế toán theo quy định về kế toán nhà nước, đảm bảo các chứng từ hợp lý hợp lệ sẵn sàng cho công tác thanh tra nhà nước khi có yêu cầu. Lập và nộp đúng hạn các báo cáo thuế, thống kê hàng tháng và BCTC hàng năm cho Giám đốc và cơ quan thuế thống kê. Theo dõi công tác thanh toán khách hàng và tình hình thu hồi công nợ. Theo dõi tình hình nhập, xuất tồn vật tư thành phẩm, kiểm tra giám sát việc thực hiện định mức tiêu hao nguyên vật liệu.

- **Phòng kỹ thuật:** Chịu trách nhiệm về khoa học kỹ thuật, về sản phẩm đảm bảo chất lượng có uy tín, quản lý hệ thống vi tính, mạng internet của công ty. Kiểm tra giám sát chất lượng công trình có đúng với dự toán đề ra không, lập hồ sơ dự thầu.

- **Phòng kế hoạch:** Phối hợp với các phòng ban để lập kế hoạch sản xuất. Dự trữ nguyên vật liệu (NVL), linh kiện cho từng tuần từng tháng để đáp ứng nhu cầu sản xuất, theo dõi cân đối NVL để đảm bảo việc tiết kiệm NVL góp phần làm giảm giá thành sản phẩm.

- **Phòng vật tư + kho:** Chịu trách nhiệm kiểm soát và quản lý vật tư trong công ty đảm bảo số lượng và chất lượng vật tư, chuẩn bị kho bãi vật tư, bãi tập kết vật tư phục vụ trực tiếp cho công trình.

- **Đội xây lắp:** Trực tiếp thi công công trình đảm bảo đúng tiến độ thi công theo hợp đồng, an toàn lao động, chất lượng của công trình.

- **Xưởng gia công cơ khí:** Chuyên gia công các sản phẩm kết cấu, cấu kiện phục vụ nhu cầu thị trường.

3.1.4. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An ảnh hưởng đến công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp

Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, đây là ngành mang tính chất đặc thù khác biệt so với các ngành sản xuất kinh doanh khác.

Do đặc điểm của ngành xây lắp là quá trình thi công thường diễn ra ở những địa điểm xa đơn vị trong khi khối lượng vật tư thiết bị lại rất lớn nên dễ xảy ra hao hụt mất mát. Vì vậy, Công ty tổ chức theo phương thức khoán gọn công trình, hạng mục công trình cho các đội thi công. Theo phương thức khoán này các đội thi công tự đảm nhận lo liệu toàn bộ các loại chi phí phục vụ thi công như nguyên nhiên liệu, máy móc, nhân công ... Công ty chỉ trích lại theo tỷ lệ % giá trị quyết toán công trình được duyệt để đảm bảo cho bộ máy công ty hoạt động. Theo cách này, công ty giữ lại khoảng 10% giá trị công trình để trang trải chi phí quản lý và thực hiện các nghĩa vụ với nhà nước. Khoảng 90% giá trị công trình còn lại công ty tạm ứng cho các đội thi công chủ động sử dụng để phục vụ thi công các công trình.

Quá trình thi công chịu sự giám sát chặt chẽ của phòng Kế toán về mặt tài chính, phòng Kế hoạch và phòng Kỹ thuật về mặt kỹ thuật cũng như

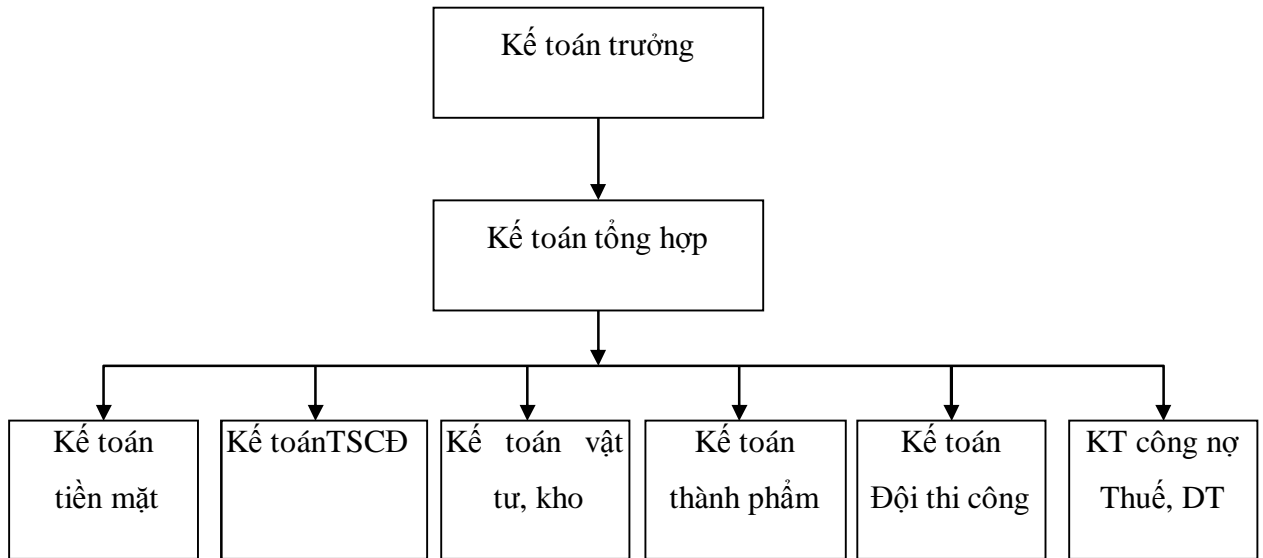
tiến độ thi công. Đầu tháng, mỗi đội thi công đều phải lập kế hoạch sản xuất, kế hoạch tài chính gửi cho các phòng ban chức năng, qua đó xin tạm ứng để có người tài chính phục vụ thi công.

Với mô hình này đội nhận khoán phải tự cung ứng trang trải các chi phí của mình, tự tổ chức thực hiện sản xuất thi công, công ty chỉ thực hiện chức năng kiểm tra và giám sát. Đội sẽ thực hiện và chịu trách nhiệm toàn bộ trước công ty về thi công, nghiệm thu, thanh quyết toán, trích nộp ... do đó đòi hỏi chủ công trình phải nhanh nhạy trong việc chỉ đạo thi công, nghiệm thu và thanh toán.

Khi công trình hoàn thành sẽ được nghiệm thu bàn giao và được thanh toán toàn bộ theo quyết toán và phải nộp một khoản theo quy định, tỷ lệ nộp khoán đang được áp dụng là trên dưới 15% giá trị quyết toán công trình mà công ty giao cho đội thi công.

Những đặc điểm trên đã ảnh hưởng rất lớn đến công tác kế toán trong công ty. Công tác xây lắp phải đồng bộ, phối hợp chặt chẽ các bộ phận với nhau để hoạt động có hiệu quả. Công tác kế toán vừa phải đáp ứng yêu cầu chung về chức năng, nhiệm vụ kế toán của một doanh nghiệp sản xuất vừa phải đảm bảo phù hợp với đặc thù của loại hình doanh nghiệp xây lắp.

3.1.5. Đặc điểm kế toán công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An



(Nguồn Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An)

Sơ đồ 3. 3: Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty.

Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận kế toán.

Bộ phận kế toán của Công ty có chức năng, nhiệm vụ như sau:

- **Kế toán trưởng - kiêm kế toán tổng hợp:** Là người chịu trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện toàn bộ công tác tài chính kế toán ở phòng kế toán, chịu trách nhiệm trước cấp trên về chấp hành kỷ luật, chế độ tài chính hiện hành. Là người kiểm tra tình hình hạch toán, kiểm tra tình hình tài chính kế toán về vốn và huy động vốn...Cung cấp báo cáo tài chính cho lãnh đạo Công ty và cơ quan quản lý Nhà nước.

- **Kế toán viên:** Tổng hợp các chứng từ kế toán, ghi chép, phân loại. Chịu trách nhiệm về các khoản bảo hiểm, cùng với kế toán trưởng hoàn thành hệ thống sổ sách và báo cáo.

+ **Kế toán tiền mặt:** Có trách nhiệm chi trả cho cán bộ công nhân viên và phân bổ chi phí tiền lương, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn và hàng tháng phải lập bảng lương, bảng phân bổ lương, cập nhật chứng từ hàng ngày

để hạch toán phiếu thu, chi và các khoản chi phí khác, theo dõi các khoản tạm ứng trong công ty.

+ **Kế toán TSCĐ:** Căn cứ vào chứng từ ban đầu, lập phiếu thu, phiếu chi tiền mặt, theo dõi và phản ánh kịp thời tình hình biến động của TSCĐ.

+ **Kế toán vật tư:** Theo dõi tình hình nhập - xuất - tồn nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, tính và phân bổ nguyên vật liệu công cụ dụng cụ cho các đối tượng sử dụng. Trực tiếp theo dõi TK152, TK153, TK621. Đồng thời kế toán vật tư còn theo dõi các khoản thanh toán với người bán tài khoản 331.

+ **Kế toán thành phẩm:** Mở sổ theo dõi chi tiết chi phí sản xuất theo từng đối tượng tập hợp chi phí. Tổng hợp toàn bộ chi phí phát sinh cho từng đối tượng hoạch toán vào cuối kỳ, làm hồ sơ cho việc tính giá thành.

+ **Kế toán đội:** Do công ty có các đội lắp thực hiện thi công công trình, hạng mục công trình, mỗi đội có 01 kế toán riêng làm công việc theo dõi, cập nhật các chứng từ ban đầu, kế toán ghi chép sổ sách và lên bảng tổng hợp chi tiết các khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, máy thi công... đưa vào sản xuất thi công từng công trình, hạng mục công trình; số lượng từng loại chi phí để tập hợp chi phí sản xuất và gửi báo cáo cùng chứng từ gốc về kế toán văn phòng vào cuối quý.

+ **Kế toán thanh toán, KT thuế:** Có nhiệm vụ theo dõi các khoản phải thu, phải trả với người mua, người bán và các khoản tạm ứng. Làm tờ khai thuế tháng, quý, năm. Hoàn thiện sổ sách kế toán năm và báo cáo tài chính

- *Chế độ kế toán áp dụng:*

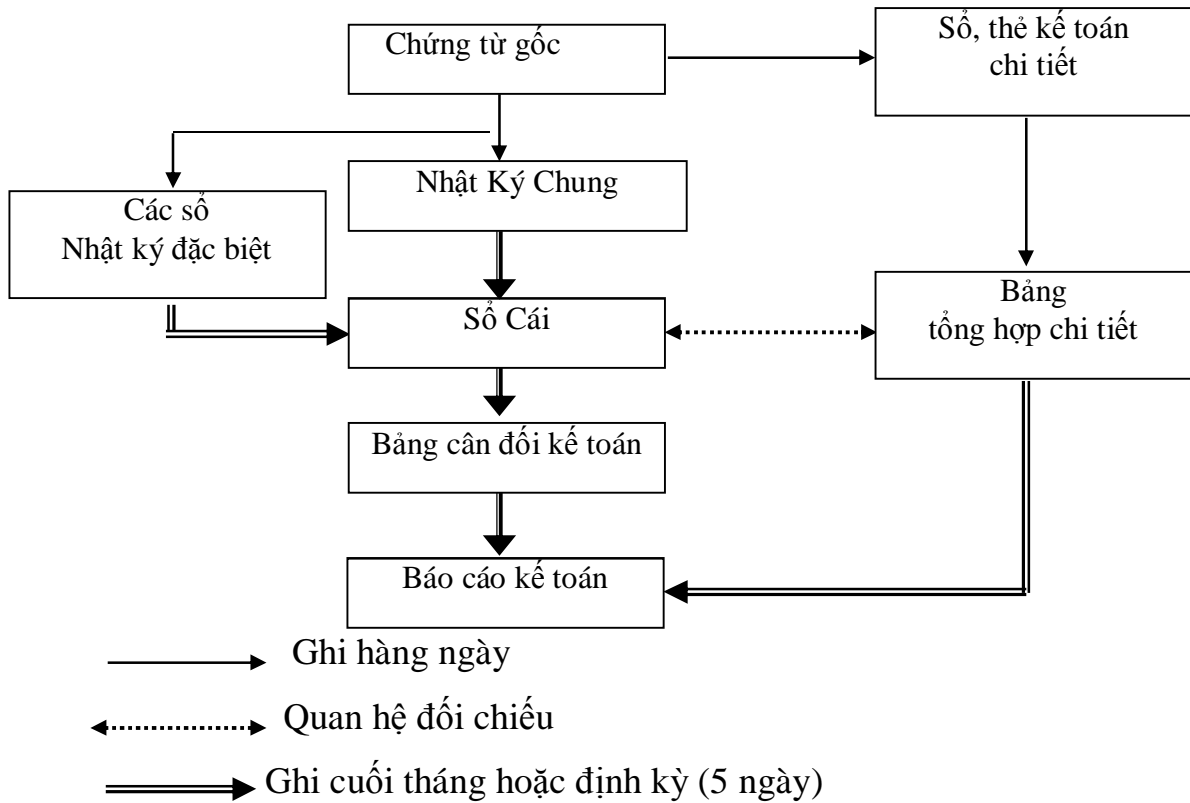
Hiện nay, Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An áp dụng chế độ kế toán trong doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của bộ trưởng Bộ Tài chính và các chuẩn mực, quy định hiện hành.

◆ Hệ thống tài khoản kế toán: Để tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán sử dụng các tài khoản:

- + TK 621: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- + TK 622: Chi phí nhân công trực tiếp
- + TK 623: Chi phí máy thi công trực tiếp
- + TK 627: Chi phí sản xuất chung
- + TK 632: Giá vốn hàng bán
- + TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Ngoài ra, do đặc thù của Công ty trong phương thức giao khoán công trình, hạng mục công trình cho các đội xây lắp nên Công ty còn sử dụng TK 141- “tạm ứng” để đối chiếu tình hình tạm ứng và thanh quyết toán tạm ứng với các đội xây lắp. Các tài khoản được mở chi tiết cho từng đối tượng tập hợp chi phí là công trình, hạng mục công trình phù hợp với điều kiện và yêu cầu quản lý của Công ty.

- ◆ Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Phương pháp kê KKTX.
- ◆ Kỳ kế toán: Kỳ kế toán là 1 năm, bắt đầu từ ngày 01/01 đến 31/12.
- ◆ Phương pháp tính thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ.
- ◆ Phương pháp khấu hao TSCĐ: Theo phương pháp đường thẳng.
- ◆ Hình thức kế toán: Hiện nay công ty TNHH Cơ khí chính xác Nam Trường An đang sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, tập trung tại văn phòng công ty trên cơ sở tập hợp các chứng từ của các đội xây lắp.

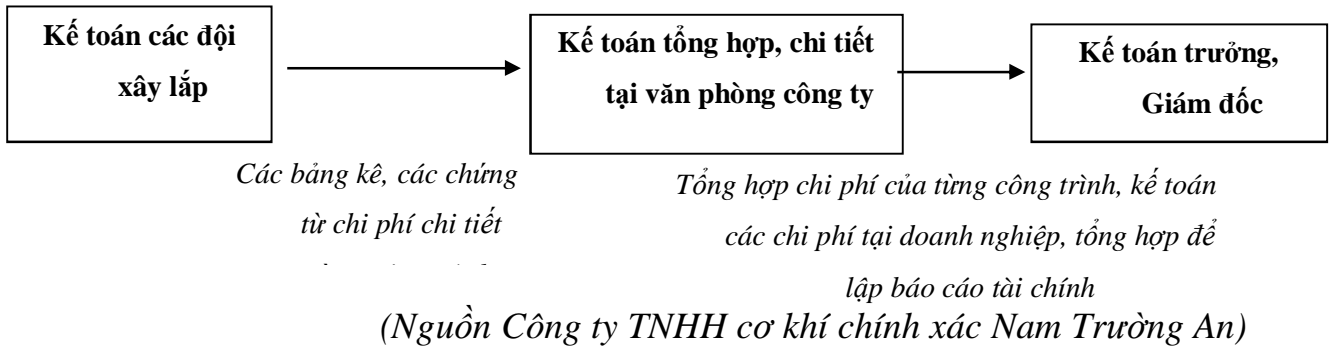


(Nguồn Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An)

Sơ đồ 3. 4: Trình tự ghi sổ kế toán tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An

- Tình hình sử dụng máy vi tính.

Hiện nay tại phòng Kế toán tài vụ đang triển khai sử dụng phần mềm kế toán SME 7.9 của Công ty cổ phần Misa, kế toán viên của các đội xây lắp mới bước đầu tiếp cận sử dụng phần mềm nên chưa đạt hiệu quả thực sự trong kế toán hàng ngày tại công ty. Hiện tại công ty chỉ có phòng kế toán sử dụng phần mềm để tổng hợp, kế toán các nghiệp vụ phát sinh hàng ngày và in tài liệu kế toán. Riêng kế toán các đội xây lắp chủ yếu vẫn là dùng Excel và kế toán thủ công là chính.



Sơ đồ 3. 5: Quy trình luân chuyển chứng kế toán tại công ty.

3.2. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An dưới góc độ của kế toán tài chính

3.2.1. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An

3.2.1.1. Phân loại chi phí sản xuất, đối tượng hạch toán chi phí sản xuất

Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất

Đối tượng để công ty TNHH Cơ khí chính xác Nam Trường An ký kết hợp đồng xây lắp là các công trình và hạng mục công trình, cũng có nghĩa là sản phẩm mà công ty sản xuất ra là các công trình hay hạng mục công trình. Đây là đối tượng tập hợp chi phí, nguyên tắc tập hợp chi phí là chi phí phát sinh tại công trình, hạng mục công trình nào thì tập hợp cho công trình và hạng mục công trình ấy.

Phân loại chi phí

Tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An, phân loại chi phí theo mục đích và công dụng của chi phí, theo cách phân loại này chi phí sản xuất được chia thành bốn khoản mục:

- +) Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- +) Chi phí nhân công trực tiếp

+) Chi phí sử dụng máy thi công

+) Chi phí sản xuất chung

3.2.1.2. Nội dung kế toán chi phí sản xuất

Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là khoản mục chi phí chiếm tỷ trọng rất lớn khoảng 60 -70% trong tổng giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty, nguyên vật liệu được sử dụng với nhiều chủng loại khác nhau có chức năng và công dụng khác nhau. Do đó, khi thu mua và sử dụng NVL trong quá trình thi công, hạch toán vật liệu phải luôn gắn chặt với nhau và với từng đối tượng sử dụng.

+ Giá trị NVL của công ty chủ yếu là mua ngoài nên xác định theo giá thực tế.

+ Nguyên vật liệu của Công ty bao gồm:

- Nguyên vật liệu chính: Thép tròn, thép tấm và các loại thép hình khác nhau như: L, U, I..., dây điện,...

- Vật liệu phụ: Que hàn, sơn, gas, oxy, than rền, sơn,...

- Vật liệu kết cấu: Kèo cột, khung, bê tông đúc sẵn...

- Vật liệu khác: Quốc, xeng...

- Chứng từ và tài khoản sử dụng

+ Chứng từ sử dụng: Hoá đơn bán hàng, hóa đơn GTGT (liên 2); Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho; Giấy đề nghị tạm ứng; Biên bản nghiệm thu vật tư; Phiếu chi tiền, giấy báo nợ; Hóa đơn vận chuyển, biên bản giao nhận hàng.

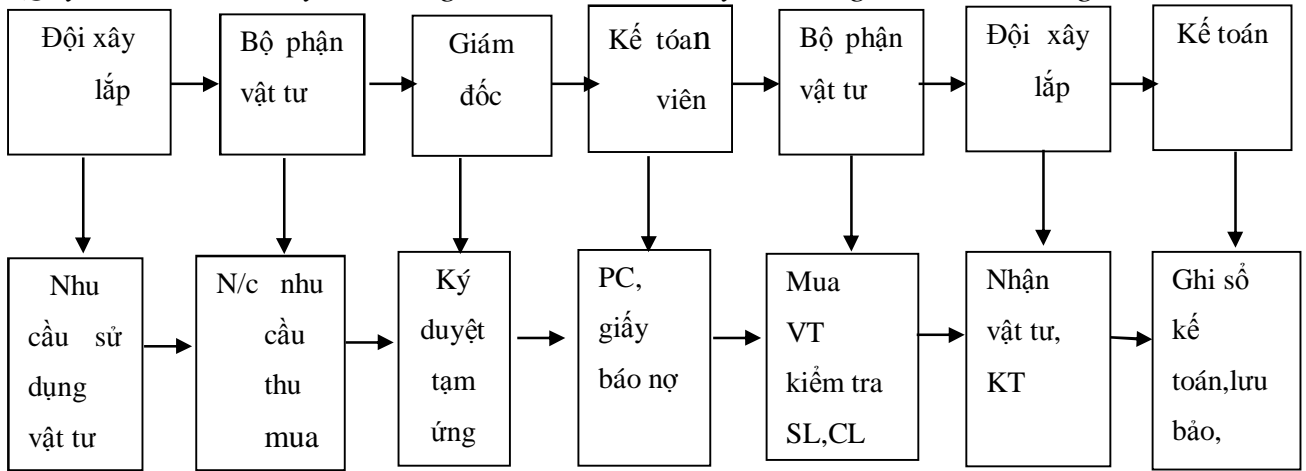
+ Tài khoản sử dụng: TK 621 - Dành để tập hợp chi phí nguyên vật liệu dùng cho sản xuất phát sinh trong kỳ, cuối kỳ kết chuyển sang tài khoản tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An được mở chi tiết cho từng CT, HMCT.

+ TK621: Công trình DKG nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long

+ TK621: Công trình rải đấu nối cáp ở công ty Cổ phần Công nghệ cao.

- Trình tự luân chuyển chứng từ

Quy trình luân chuyển chứng từ mua NVL chuyển thẳng đến công trình.



(Nguồn Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An)

Sơ đồ 3. 6: Quy trình LC chứng từ mua vật tư thẳng đến công trình

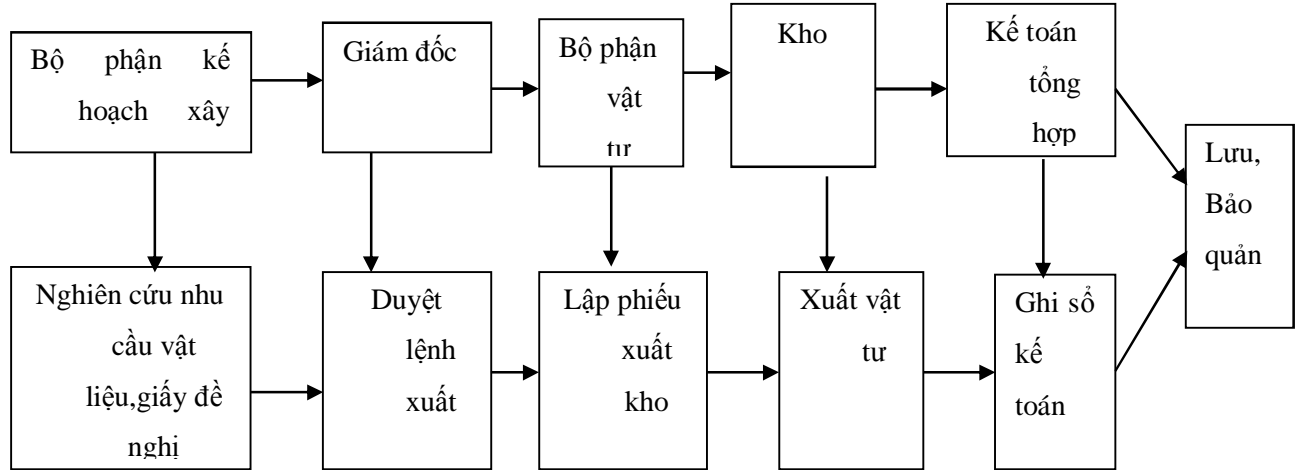
Giải thích sơ đồ:

Khi có nhu cầu về nguyên vật liệu sử dụng trực tiếp cho công trình, các đội sẽ gửi nhu cầu NVL lên bộ phận vật tư của công ty để xem xét.

Bộ phận vật tư xác định nhu cầu vật tư của các đội và căn cứ vào số lượng vật tư có sẵn, tiến độ thi công của từng CT bộ phận vật tư căn cứ vào kế hoạch mua vật tư, phiếu báo giá, bộ phận vật tư viết giấy đề nghị tạm ứng gửi lên giám đốc, bộ giám đốc duyệt tạm ứng. Trên cơ sở giấy đề nghị tạm ứng thì kế toán tiền mặt sẽ lập phiếu chi. Khi đó, nhân viên phụ trách mua vật tư sẽ chịu trách nhiệm về việc mua vật tư và chuyển đến công trình.

Khi mua vật tư về công trường, căn cứ vào bảng dự toán, hoá đơn GTGT,... nhân viên kế toán đội ghi vào bảng theo dõi chi tiết vật tư, còn nhân viên phụ trách mua vật tư tiến hành kiểm tra SL, CL vật tư vào bảng theo dõi vật tư.

Quy trình luân chuyển chứng từ xuất kho NVL sử dụng cho công trình.



(Nguồn Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An)

Sơ đồ 3. 7: Quy trình LC chứng từ xuất kho vật liệu đến công trình

Giải thích sơ đồ:

- Khi có nhu cầu xuất vật tư, NVL để phục vụ cho xây lắp sản phẩm thì tổ trưởng tổ xây lắp báo với bộ phận kho để xuất kho vật tư theo yêu cầu.

- Tại kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép tình hình xuất tồn kho của từng thứ vật tư hàng hóa ở từng kho theo chỉ tiêu số lượng. Hàng ngày khi nhận được chứng từ xuất vật liệu, thủ kho tiến hành kiểm tra tính hợp lý hợp pháp của chứng từ rồi ghi sổ thực xuất vào thẻ kho trên cơ sở các chứng từ.

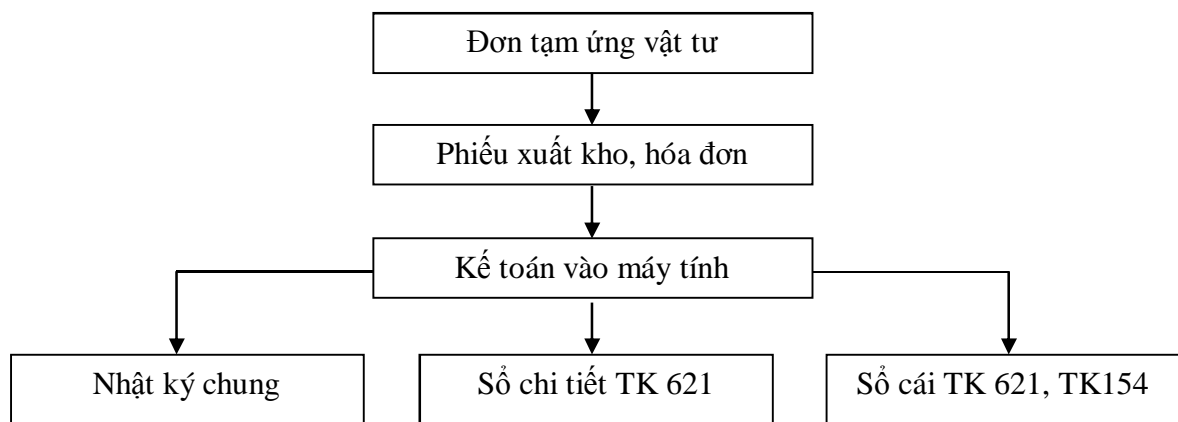
- Kế toán viên lập bảng theo dõi chi tiết vật tư khi vật tư xuất đến công trình, hạng mục công trình. Cuối tháng hoặc cuối quý đối chiếu với kế toán tổng hợp. Lưu và bảo quản chứng từ.

- Quy trình hạch toán

Theo quy định của Công ty nguyên vật liệu được bảo quản tại các kho hoặc được đưa thẳng đến nơi có công trình xây lắp. Tuy nhiên, hiện nay theo cơ chế giao khoán công trình, hạng mục công trình của công ty, nguyên vật liệu

dùng để sản xuất sản phẩm xây lắp giao khoán sẽ do các đội xây lắp tự mua vật liệu về rồi chuyển thẳng từ nhà cung cấp đến chân công trình và sử dụng ngay, không qua kho chiếm tỷ trọng lớn.

Đội thi công tiến hành triển khai thi công dưới sự chỉ đạo, giám sát của đội trưởng và các cán bộ kỹ thuật, phòng ban chuyên môn. Đội xây lắp căn cứ vào dự toán để xác định số lượng vật tư cần thiết phục vụ thi công, tiến độ thi công công trình, hạng mục công trình để tránh ứ đọng.



(Nguồn Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An)

Sơ đồ 3. 8: Quy trình hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

+) Mua nguyên vật liệu chuyển thẳng đến chân công trình thanh toán cho người bán.

Ví dụ: Ngày 10/11/2016, Anh Bắc đội xây lắp số 01 đề nghị tạm ứng số tiền 20.000.000 đồng mua dây điện phục vụ thi công công trình (**Phụ lục 01**). Kế toán đội lập Hợp đồng kinh tế (**Phụ lục 02**). Anh Bắc phụ trách mua nguyên vật liệu và nhận hóa đơn tài chính (**Phụ lục 03**). Kế toán hạch toán:

+) Ngày 10/11/2016:

Nợ TK 141- Anh Bắc: 20.000.000

Có TK 1111: 20.000.000

+) Ngày 12/11/2016:

Nợ TK 621: 16.920.000 (CT DKG nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long)

Nợ TK 133: 1.692.000

Có TK 141 - A.Bắc: 18.612.000

Nợ TK 1111: 1.388.000

Có TK 141 - Anh Bắc: 1.388.000

+ Mua nguyên vật liệu chưa thanh toán tiền cho người bán

Ví dụ: Ngày 17/11 anh Bắc - đội xây lắp số 01 mua thép ống phi của công ty CP thép Tân Hưng chưa trả tiền cho người bán số tiền là :168.855.900 đồng.

Căn cứ vào HĐ số 0000056 (**Phụ lục 04**) kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 621: 168.855.900 (CT DKG nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long)

Nợ TK133: 16.885.590

Có TK 331: 185.741.490

- Quy trình ghi sổ kế toán

Hàng ngày, căn cứ vào toàn bộ chứng từ: Hợp đồng kinh tế, hoá đơn GTGT mua vật tư phát sinh trong tháng kế toán đội xây lắp lập Bảng tổng hợp chi tiết vật tư của từng công trình thi công.

Bảng tổng hợp chi tiết vật tư là chứng từ kê khai các vật tư mua và sử dụng phục vụ thi công công trình trong tháng của từng công trình, hạng mục công trình chi tiết từng đội xây lắp. Bảng tổng hợp vật tư - công trình DKG nhà thi đấu - KCN Thăng Long do đội xây lắp số 01 thực hiện (**Phụ lục 05**). Bảng tổng hợp vật tư ghi rõ tên công trình, đội xây lắp phụ trách thi công công trình, tên vật tư cùng khối lượng và đơn giá vật tư, giá trị từng loại vật tư sử dụng phục vụ cho công tác thi công công trình trong tháng đó:

Ví dụ: Giá trị vật tư mua về ngày 12/11/2016 phục vụ thi công công trình DKG nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long.

$$3.36 \text{ m} \times 2.000 \text{đồng/m} = 6.720.000 \text{ VNĐ}$$

Tương tự, kế toán đội tính được giá trị từng vật tư xuất dùng phục vụ thi công công trình, hạng mục công trình.

Cuối tháng, kế toán đội tập hợp Bảng tổng hợp chứng từ và các bộ chứng từ gốc (Hợp đồng kinh tế kèm theo Hóa đơn GTGT...) gửi lên phòng kế toán tài vụ của Công ty. Kế toán tổng hợp tiến hành phân loại, kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, phân loại theo các khoản mục chi phí rồi lập Bảng tổng hợp chi phí sản xuất cho từng công trình (**Phụ lục 06**) trình Kế toán trưởng và Giám đốc ký duyệt. Sau đó nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán.

Máy tự động đưa số liệu vào sổ kế toán liên quan: Nhật ký chung (**Phụ lục 07**), Sổ chi tiết TK 621 (**Phụ lục 08**), Sổ cái TK 621 (**Phụ lục 09**).

Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Khoản mục chi phí nhân công trực tiếp của công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An bao gồm những khoản chi phí phải trả cho lao động trực tiếp tham gia vào quá trình xây lắp gồm: Lương chính, lương phụ, các khoản phụ cấp và tiền thưởng mà công nhân viên trực tiếp trong danh sách của công ty được hưởng và lao động thuê ngoài. Quá trình hoạch toán chi phí nhân công trực tiếp của công trình nào thì được hoạch toán vào công trình đó.

Hiện nay lực lượng lao động trong công ty gồm 2 loại: Lao động trong danh sách và lao động ngoài danh sách (công nhân thuê ngoài)

+) Đối với lực lượng lao động trong danh sách.

Gồm công nhân trực tiếp sản xuất và lao động gián tiếp như nhân viên kỹ thuật, kế toán đội, bảo vệ, tạp vụ,...

Kế toán đội xây lắp hàng tháng lập Bảng thanh toán lương cán bộ công nhân viên trong biên chế (**Phụ lục 11b**) chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình rồi chuyển cho đội trưởng phụ trách kiểm tra, ký duyệt.

Trong Bảng thanh toán tiền lương của lao động trong danh sách của từng công trình (**Phụ lục 11b**) ghi rõ số lượng lao động với chức vụ, công việc phụ trách cũng như hệ số lương, hệ số phụ cấp, các khoản trừ vào lương... của từng lao động trực tiếp tham gia thi công công trình. Riêng lương của đội trưởng phụ trách quản lý đội xây lắp, kế toán đội không tính vào TK 622, mà công ty tiến hành ghi nhận vào TK 627.

Mức lương tối thiểu hiện nay của Công ty là 3.500.000 đồng/ tháng

$$\text{Thành tiền} = \text{Mức lương tối thiểu} \times (\text{hệ số lương} + \text{hệ số phụ cấp})$$

Các khoản trừ vào lương: BHXH = Tiền lương x 8%

$$\text{BHYT} = \text{Tiền lương} \times 1,5\%$$

$$\text{BHTN} = \text{Tiền lương} \times 1 \%$$

$$\text{Thực nhận} = \text{Thành tiền} - \text{Tổng các khoản trừ vào lương}$$

Ví dụ: Tham gia sản xuất công trình DKG nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long, có ông Nguyễn Văn Dũng làm công việc kỹ thuật trực tiếp theo dõi vật tư, với hệ số lương 2.67, hệ số phụ cấp 0

Lương của ông Dũng là: $3.500.000 \times 2,67 = 9.345.000$ VNĐ

Các khoản giảm trừ vào lương của ông Dũng hiện nay:

$$+ \text{BHXH} : 9.345.000 \times 8\% = 747.600 \text{ VNĐ}$$

$$+ \text{BHYT} : 9.345.000 \times 1,5\% = 140.175 \text{ VNĐ}$$

$$+ \text{BHTN} : 9.345.000 \times 1 \% = 93.450 \text{ VNĐ}$$

$$\text{Tổng số các khoản giảm trừ: } 981.225 \text{ VNĐ}$$

Số tiền ông Dũng còn được nhận: $9.345.000 - 981.225 = 8.363.775$ VNĐ

+ Đối với lao động ngoài danh sách (thuê ngoài).

Lao động thuê ngoài thường trả lương theo lương khoán. Lương khoán: Áp dụng với lao động đơn giản có tính chất đột xuất như thợ phụ, thợ điện, thợ

son... Mức lương được xác định theo khối lượng công việc trên cơ sở định mức. Đơn giá khoán được xác định căn cứ dự toán, thiết kế kỹ thuật công trình.

Hàng tháng, đối với lao động trực tiếp thi công công trình chủ yếu là lao động thuê ngoài, không thuộc công ty đội trưởng và đại diện tổ thợ thực hiện chấm công cho các thành viên trong tổ thợ thông qua Bảng chấm công ngày. Bảng chấm công theo dõi ngày công thực tế làm việc, nghỉ việc... để có căn cứ tính trả lương và quản lý lao động của từng công trình, hạng mục công trình thi công. Hàng tháng, kế toán đội căn cứ vào Bảng chấm công (**Phụ lục 10**) của các tổ, bộ phận thuê ngoài để lập Bảng thanh toán lương cho lao động thuê ngoài (**Phụ lục 11a**). Bảng thanh toán lương cho lao động thuê ngoài là chứng từ làm căn cứ để thanh toán lương cho người lao động, đồng thời là căn cứ để thống kê về lao động thuê ngoài, mức lương 1 ngày công, số ngày công của từng lao động (căn cứ theo số ngày công được tổng hợp trên Bảng chấm công), lương lãnh của từng lao động.

$$\text{Lương lĩnh} = \text{Lương ngày} \times \text{Số ngày công}$$

(Nguồn Thông tư 05/2016/TT-BTC)

Ví dụ: ông Đào Duy Cư trong tháng 11/2016 làm được 27 ngày công, với đơn giá 1 ngày công là 200.000đ, nên số lương tháng 4 của ông Đào Duy Cư là:

$$200.000 \times 27 \text{ ngày} = 5.400.000 \text{ đồng}$$

- Chứng từ, tài khoản kế toán sử dụng

+) Chứng từ kế toán: Hợp đồng lao động, hợp đồng giao khoán, bảng chấm công, bảng chia tiền lương sản phẩm và lương khoán, bảng thanh toán tiền lương, bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương, biên bản thanh lý hợp đồng giao khoán, biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.

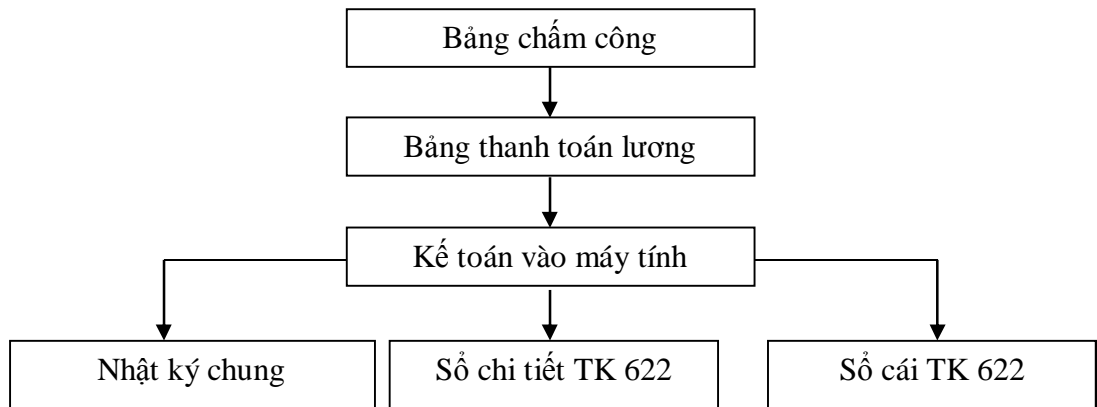
+ Tài khoản kế toán: TK 622 Phản ánh chi phí lao động trực tiếp tham gia vào quá trình hoạt động xây lắp. Nó bao gồm các khoản phải trả người lao động trực tiếp thuộc doanh nghiệp quản lý.

Ngoài ra còn sử dụng các tài khoản khác như TK334,TK111,...

TK622 có các tài khoản cấp chi tiết cho từng công trình hạng mục CT

Đối với công trình DKG nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long do đội xây lắp số 1 chịu trách nhiệm, kế toán mở chi tiết TK 622 - CTCT DKG nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long.

- **Quy trình hạch toán:** (Chi tiết cho từng CT, HMCT)



(Nguồn Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An)

Sơ đồ 3. 9: Quy trình hạch toán chi phí nhân công trực tiếp

- **Quy trình ghi sổ**

Để thuận lợi cho công tác tổng hợp chi phí sản xuất sản phẩm cuối kỳ của Công ty, kế toán đội sau khi hoàn thành việc lập các bảng thanh toán tiền lương phát sinh của đội mình trong tháng có nhiệm vụ tập hợp các Bảng thanh toán tiền lương đó làm căn cứ lập Bảng tổng hợp chi phí nhân công (**Phụ lục 11**) (theo mẫu chung của công ty) cho từng CT, HMCT của đội trong tháng. Trong đó, cột giá trị tiền lương của lao động thuê ngoài được lấy từ dòng tổng số của Bảng thanh toán lương đối với lao động thuê ngoài; cột tiền lương của

trong danh sách bằng tổng thành tiền phải trả cho người lao động trong Bảng thanh toán lương đối với cán bộ trong danh sách.

Cuối tháng, khi đã hoàn thành công việc của mình, kế toán đội chuyển Bảng tổng hợp chi phí nhân công (**Phụ lục 11**) chi tiết của từng công trình, hạng mục công trình kèm theo các chứng từ (Bảng chấm công, Bảng thanh toán lương cho lao động thuê ngoài, Bảng thanh toán lương của lao động trong danh sách) của đội lên phòng kế toán tài vụ của Công ty xin thanh quyết toán và tính vào chi phí công trình. Tại đây, kế toán có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý và tính hợp lệ của các chứng từ phát sinh trong tháng và lập Bảng tổng hợp chi phí nhân công của từng công trình (**Phụ lục 12**) của từng đội trình Kế toán trưởng và Giám đốc duyệt chi.

Chứng từ sau khi tiến hành kiểm tra xong, sẽ được chuyển cho kế toán tiền lương của Công ty. Kế toán tiền lương có nhiệm vụ căn cứ vào số liệu của các Bảng thanh toán tiền lương mà kế toán đội chuyển lên để tiến hành lập Phiếu chi, thủ tục thanh quyết toán gửi Kế toán trưởng trình Giám đốc ký duyệt. Thực hiện thanh toán cho đội trưởng đội xây lắp.

Đồng thời, căn cứ vào tập hợp các Bảng thanh toán lương của đội xây dựng, kế toán tiến hành nhập dữ liệu và in sổ sách theo quy định.

Sau đó, máy tự động đưa số liệu vào các sổ. Kế toán kiểm tra số liệu các sổ và in ấn theo thời gian quy định: Nhật ký chung (**Phụ lục 07**), Sổ kế toán chi tiết TK 622 (**Phụ lục 13**), Sổ cái TK622 (**Phụ lục 14**) của từng công trình, hạng mục công trình.

Chi phí sử dụng máy thi công

Có thể nói, chi phí sử dụng máy thi công là chi phí đặc thù của lĩnh vực này. Tuy nhiên, đối với ngành xây lắp, nhiều công việc đòi hỏi sự khéo léo,

trình độ kỹ thuật nhất định của người công nhân, mà không thể thay thế bằng máy móc được.

Phương thức thuê: Là thuê toàn bộ, bao gồm cả nhiên liệu, máy thi công và công nhân vận hành máy theo phương thức này hợp đồng thuê phải xác định rõ khối lượng công việc và tổng số tiền phải trả. Máy thi công thuê ngoài dùng cho công trình nào thì tập hợp trực tiếp cho công trình đó nên không phân bổ.

Khi có nhu cầu thuê máy phục vụ công trình, giám đốc đứng ra ký hợp đồng với bên cho thuê, trong đó phải nêu rõ thời gian thuê, tính thuế giá trị gia tăng, số tiền thuê máy, số tiền thuê nhân công và có chữ ký đầy đủ của các bên đi thuê. Đối với riêng công trình DKG nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long, công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An thực hiện việc thuê cầu lắp thiết bị của công ty cổ phần cơ khí xây dựng số 9.

Sau khi ký hợp đồng thuê máy thi công, bên đi thuê sẽ nhận được bảng báo giá do bên cho thuê gửi tới, dựa vào bảng báo giá này kế toán xác định giá trị thuê của mỗi loại cước cầu.

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế thuê máy như trên, khi có bảng quyết toán hợp đồng, căn cứ vào hoá đơn GTGT kế toán công ty tiến hành tổng hợp số liệu, phân loại chứng từ và định khoản các nghiệp vụ. Định kỳ, kế toán đội gửi bảng tổng hợp chi phí thuê máy thi công về phòng kế toán của công ty để vào sổ sách liên quan. Trích hoá đơn GTGT.

- Chứng từ và tài khoản kế toán

+) Chứng từ kế toán: Hóa đơn GTGT thuê máy thi công, giấy báo nợ, hợp đồng thuê máy.

+ Tài khoản kế toán TK 623: Chi phí sử dụng máy thi công tập hợp chi phí sử dụng máy thi công trực tiếp cho hoạt động xây lắp công trình.

TK623: được mở chi tiết đến tài khoản cấp 3 chi tiết cho từng công trình
- Quy trình hạch toán

Vì công ty áp dụng phương thức thuê là thuê toàn bộ, bao gồm cả nhiên liệu, máy thi công và công nhân vận hành máy theo phương thức này trong hợp đồng thuê phải xác định rõ khối lượng công việc và tổng số tiền phải trả. Máy thi công thuê ngoài dùng cho công trình nào thì tập hợp trực tiếp cho công trình đó nên không phân bổ.

Ví dụ: Ngày 30/11/2017, công ty có thuê 02 cước cầu của công ty cổ phần cơ khí xây dựng số 9 để cầu lắp thiết bị của công trình DKG nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long với tổng giá trị hợp đồng: 153.151.822 đồng. Giá chưa bao gồm thuế VAT. Chưa trả tiền cho người bán.

Kế toán hạch toán:

Nợ TK623: 153.151.822 (CTCT DKG nhà thi đấu - KCN Thăng Long)

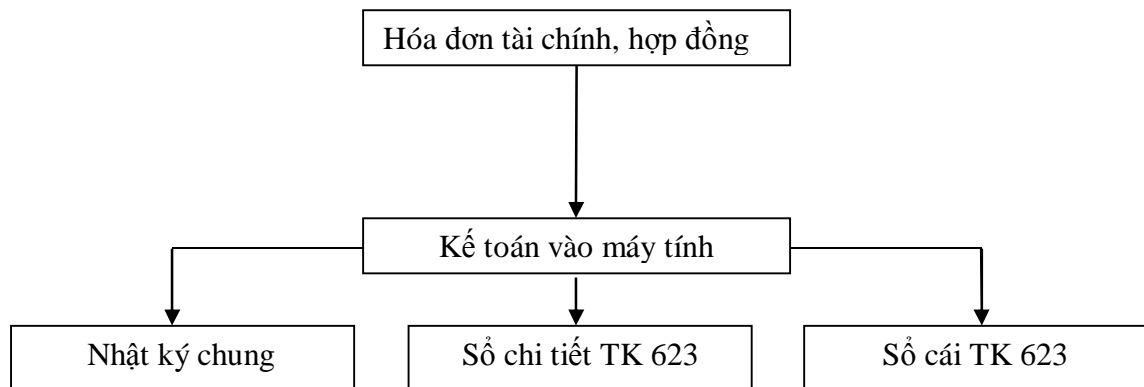
Nợ TK133: 15.315.182

Có TK331: 168.467.004

Cuối quý kết chuyển chi phí thuê ca máy sang chi phí sản xuất dở dang:

Nợ TK 154:153.151.822(CTCT DKG nhà thi đấu - KCN Thăng Long)

Có TK 623: 153.151.822(CT DKG nhà thi đấu - KCN Thăng Long)



(Nguồn Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An)

Sơ đồ 3. 10: Quy trình hạch toán chi phí máy thi công

- Quy trình ghi sổ kế toán

Công trình DKG nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long thi công có chi phí sử dụng máy thi công phát sinh tại công trình được thuê ngoài trọn gói. Khi thuê máy thi công, nhân viên kế toán đội xây lắp số 1 phải làm Hợp đồng thuê máy để thuê máy thi công (**Phụ lục 15**), hóa đơn tài chính (**Phụ lục 16**)

Đến khi hoàn thành công việc theo thoả thuận trong Hợp đồng thuê máy, hai bên tiến hành nghiệm thu xác nhận khối lượng công việc và làm Biên bản nghiệm thu thanh toán giá trị khối lượng công việc hoàn thành cùng Biên bản thanh lý hợp đồng thuê máy thi công.

Vào cuối mỗi tháng, nhằm phục vụ cho công tác kế toán chi phí thi công kế toán đội có trách nhiệm căn cứ vào Hợp đồng thuê máy, Biên bản thanh lý hợp đồng thuê máy, biên bản xác nhận khối lượng giao nhận và biên bản nghiệm thu lập Bảng tổng hợp chi phí sử dụng máy thi công (**Phụ lục 17**) trong tháng chi tiết cho từng công trình thi công.

Trong Bảng tổng hợp chi phí sử dụng máy thi công hàng tháng của từng công trình ghi rõ tên máy, ngày tháng sử dụng, khối lượng và đơn giá 1 giờ sử dụng để tính giá trị thực hiện công việc.

Kế toán đội sau khi lập xong Bảng tổng hợp chi phí sử dụng máy thi công (**Phụ lục 17**) cho công trình thi công có trách nhiệm tập hợp các chứng từ gốc (Hợp đồng thuê máy, Biên bản thanh lý hợp đồng) kèm Bảng tổng hợp gửi lên phòng kế toán tài vụ Công ty. Tại đây, kế toán công ty sau khi nhận được các chứng từ gốc và Bảng tổng hợp chi phí sử dụng máy thi công trong tháng của các công trình mà kế toán đội chuyển lên có trách nhiệm tiến hành kiểm tra và nhập liệu vào phần mềm.

Máy sẽ tự động đưa các số liệu vào các sổ kế toán. Kế toán tổng hợp có nhiệm vụ kiểm tra số liệu và in: Nhật ký chung (**Phụ lục 07**), Sổ chi tiết TK 623 (**Phụ lục 18**), Sổ cái TK 623 (**Phụ lục 19**) của từng công trình, hạng mục công trình.

Kế toán chi phí sản xuất chung

Để tiến hành hoạt động sản xuất một cách thuận lợi và đạt hiệu quả, ngoài các yếu tố cơ bản về nguyên vật liệu, lao động, máy thi công trực tiếp sản xuất... thực tế đòi hỏi phải tiêu hao một số yếu tố chi phí khác như: chi phí công cụ dụng cụ dùng cho quản lý, chi phí tiền điện, cước phí điện thoại, chi phí tiền lương cho nhân viên quản lý... Những khoản chi phí này tuy không trực tiếp tham gia cấu thành thực thể sản phẩm xây lắp nhưng lại có một vai trò khác rất quan trọng là giúp cho hoạt động sản xuất diễn ra nhịp nhàng, đều đặn. Đó chính là chi phí sản xuất chung.

Tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An, chi phí sản xuất chung bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý đội: Là tiền lương của cán bộ quản lý đội xây lắp- đội trưởng các đội xây lắp, các khoản trích theo lương của công nhân viên chức quản lý của đội xây lắp.

- Chi phí vật liệu: Gồm các khoản vật liệu phục vụ cho quản lý như văn phòng phẩm, bảo dưỡng TSCĐ dùng chung của đội,...

- Chi phí dụng cụ sản xuất: Bao gồm áo bảo hộ, cước xẻng, cốp pha, giàn giáo và công cụ dụng cụ thuộc đội xây dựng quản lý và sử dụng... Nếu công cụ dụng cụ có giá trị nhỏ như: Găng tay, giày, ủng, áo bảo hộ, cước xẻng...thì được phân bổ một lần vào chi phí sản xuất khi xuất dùng. Nếu công cụ, dụng cụ có giá trị lớn liên quan đến nhiều kì kế toán thì công ty dùng phương pháp phân bổ 50% hoặc phân bổ nhiều kỳ tùy theo thời gian sử dụng công cụ đó.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định: Là toàn bộ mức khấu hao trích cho tài sản cố định phục vụ thi công gồm chi phí khấu hao máy tính, phương tiện đi lại của các đội trưởng xây dựng...Hàng tháng, kế toán tài sản cố định tiến hành trích khấu hao cho các tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài và khác bằng tiền: Bao gồm chi phí về tiền điện, nước, điện thoại, các chi phí này gồm có chi phí tiếp khách, giao dịch, chi phí làm nhà tạm, lắp đặt điện thoại cho ban điều hành công trình...

Khi tập hợp chi phí sản xuất chung thì chi phí nào phát sinh trực tiếp cho công trình nào thì kế toán tiến hành kế toán trực tiếp cho công trình đó, còn các khoản chi phí phát sinh có liên quan đến nhiều công trình thì kế toán đội xây dựng tiến hành phân bổ cho các công trình theo chi phí nhân công trực tiếp. Hàng tháng, căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán đội lập bảng kê CPSXC.

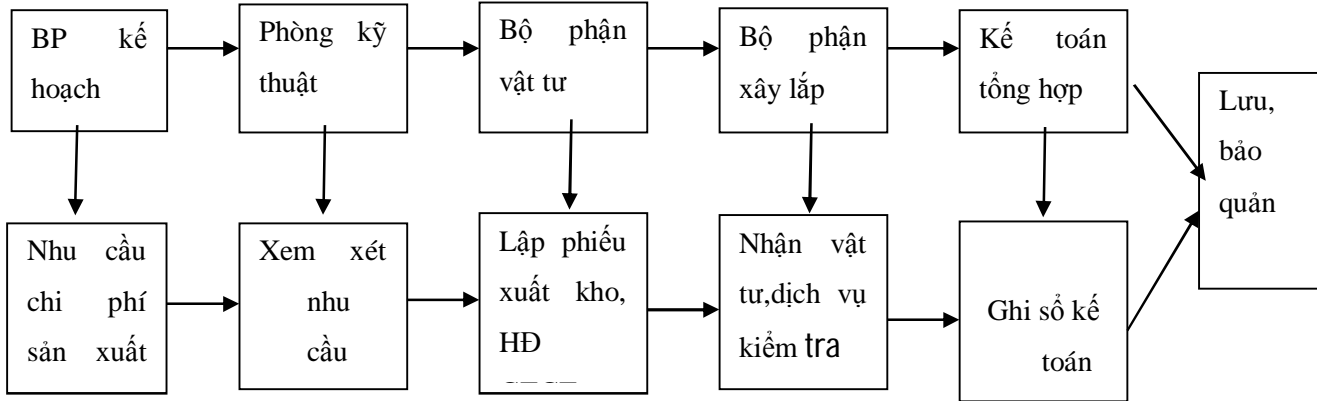
- Chứng từ và tài khoản sử dụng

+ Chứng từ sử dụng: Hóa đơn mua dịch vụ phục vụ sản xuất chung, bảng trích khấu hao TSCĐ quản lý đội, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy tạm ứng, phiếu xuất kho nguyên vật liệu, CCDC phục vụ đội thi công, các hóa đơn giá trị gia tăng, phiếu chi, bảng thanh toán tạm ứng cho chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

+ Tài khoản sử dụng: Đề hạch toán CPSXC kế toán sử dụng TK 627 - Chi phí sản xuất chung. Tài khoản này được mở chi tiết các tài khoản cấp 2:

- + TK 6271 : Chi phí nhân viên quản lý đội
- + TK 6272: Chi phí vật liệu
- + TK 6273: Chi phí công cụ, dụng cụ
- + TK 6274: Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6277: Chi phí dịch vụ mua ngoài và khác bằng tiền

- Trình tự luân chuyển chứng từ kế toán

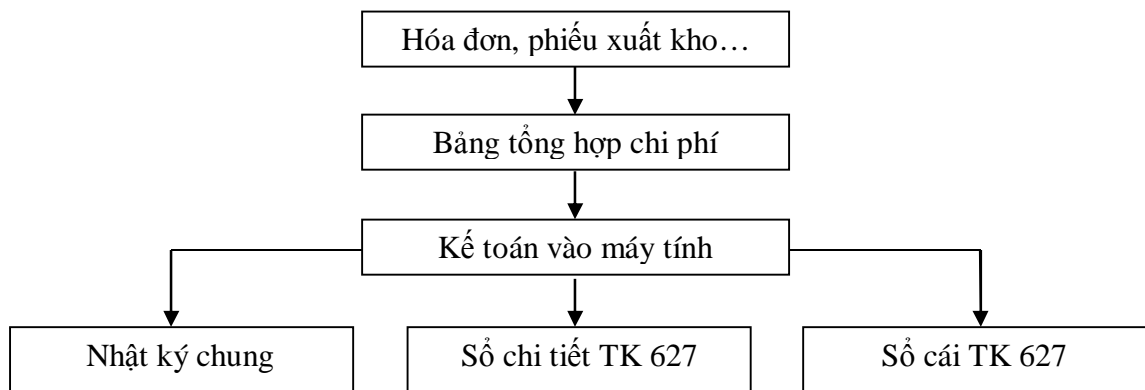


(Nguồn Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An)

Sơ đồ 3. 11: Trình tự luân chuyển chứng từ chi phí sản xuất chung

- Quy trình hạch toán

Chi phí sản xuất chung phát sinh của công trình nào được tập hợp trực tiếp cho công trình, hạng mục công trình đó. Trường hợp chi phí sản xuất chung không thể tập hợp trực tiếp cho từng công trình thì chi phí sản xuất chung được phân bổ cho từng công trình, hạng mục công trình theo giá trị dự toán của các công trình, hạng mục công trình



(Nguồn Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An)

Sơ đồ 3. 12: Quy trình hạch toán chi phí sản xuất chung

+ Chi phí nhân viên quản lý đội: Căn cứ vào bảng chấm công, nhân viên thống kê đội tính lương và gửi lên phòng tổ chức lao động duyệt, kế toán tổng hợp sẽ tiến hành trích lương và các khoản trích theo lương của nhân viên phân xưởng.

+ Chi phí về nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ dùng cho quản lý sản xuất: Kế toán vật tư căn cứ vào phiếu xuất sẽ nhập dữ liệu vào máy giống như phiếu xuất vật tư cho sản xuất chính.

+ Chi phí khấu hao máy móc thiết bị sản xuất: Công ty được thực hiện dựa trên cơ sở đăng ký mức trích khấu hao ở Cục quản lý doanh nghiệp. Công ty đăng ký tổng số trích khấu hao trong năm cho các bộ phận quản lý doanh nghiệp và bộ phận sản xuất chung. Hiện nay, Công ty đang thực hiện trích khấu hao theo đúng chế độ, quy định hiện hành. Phương pháp tính khấu hao TSCĐ ở Công ty theo phương pháp khấu hao đường thẳng.

Công thức phân bổ cho từng công trình, HMCT như sau:

Ví dụ: Mức PB khấu hao phương tiện vận tải dùng cho công trình DKG nhà thi đấu đa năng – KCN Thăng Long được tính như sau:

$$\begin{aligned} & \text{Mức phân bổ KH} && 39.399.647 \\ & \text{phương tiện vận} && \\ & \text{tải cho CT DKG} &= & \frac{\quad}{6.817.748.096} \times 1.787.691.014 \\ & \text{nà thi đấu} && \\ & && = 10.340.135 \text{ (đồng)} \end{aligned}$$

(Nguồn Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An)

- Chi phí dịch vụ mua ngoài và khác bằng tiền: bao gồm chi phí về tiền điện, nước, điện thoại, các chi phí này gồm có chi phí tiếp khách, giao dịch, chi phí làm nhà tạm, lắp đặt điện thoại cho ban điều hành công trình...

Khi tập hợp chi phí sản xuất chung thì chi phí nào phát sinh trực tiếp cho công trình nào thì kế toán tiến hành kế toán trực tiếp cho công trình đó, còn các

khoản chi phí phát sinh có liên quan đến nhiều công trình thì kế toán đội xây dựng tiến hành phân bổ cho các công trình theo chi phí nhân công trực tiếp. Hàng tháng, căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán đội lập bảng kê chi phí sản xuất chung.

- Quy trình ghi sổ

Hàng tháng, căn cứ vào các chứng từ gốc (các hoá đơn GTGT, hoá đơn bán hàng của nhà cung cấp...) kế toán đội tập hợp chi phí sản xuất chung. Chi phí nào phát sinh trực tiếp cho công trình nào thì kế toán tiến hành kế toán trực tiếp cho công trình đó, còn các khoản chi phí phát sinh có liên quan đến nhiều công trình thì kế toán đội tiến hành lập Bảng phân bổ chi phí sản xuất chung Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương; Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ (**Phụ lục 20**); Bảng phân bổ điện nước điện thoại (**Phụ lục 21**). Kế toán đội phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng công trình theo chi phí nhân công trực tiếp trong tháng.

Kế toán đội, tập hợp Bảng phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng công trình, hạng mục công trình và các chứng từ (các hoá đơn GTGT, hoá đơn bán hàng của nhà cung cấp...) về phòng kế toán tài vụ Công ty.

Nhận được chứng từ, kế toán tổng hợp kiểm tra tính chính xác sẽ báo cáo và nhập liệu vào hệ thống phần mềm Sổ nhật ký chung (**Phụ lục 07**) Sổ chi tiết TK 627 (**Phụ lục 22**), Sổ cái TK627 (**Phụ lục 23**) của từng công trình

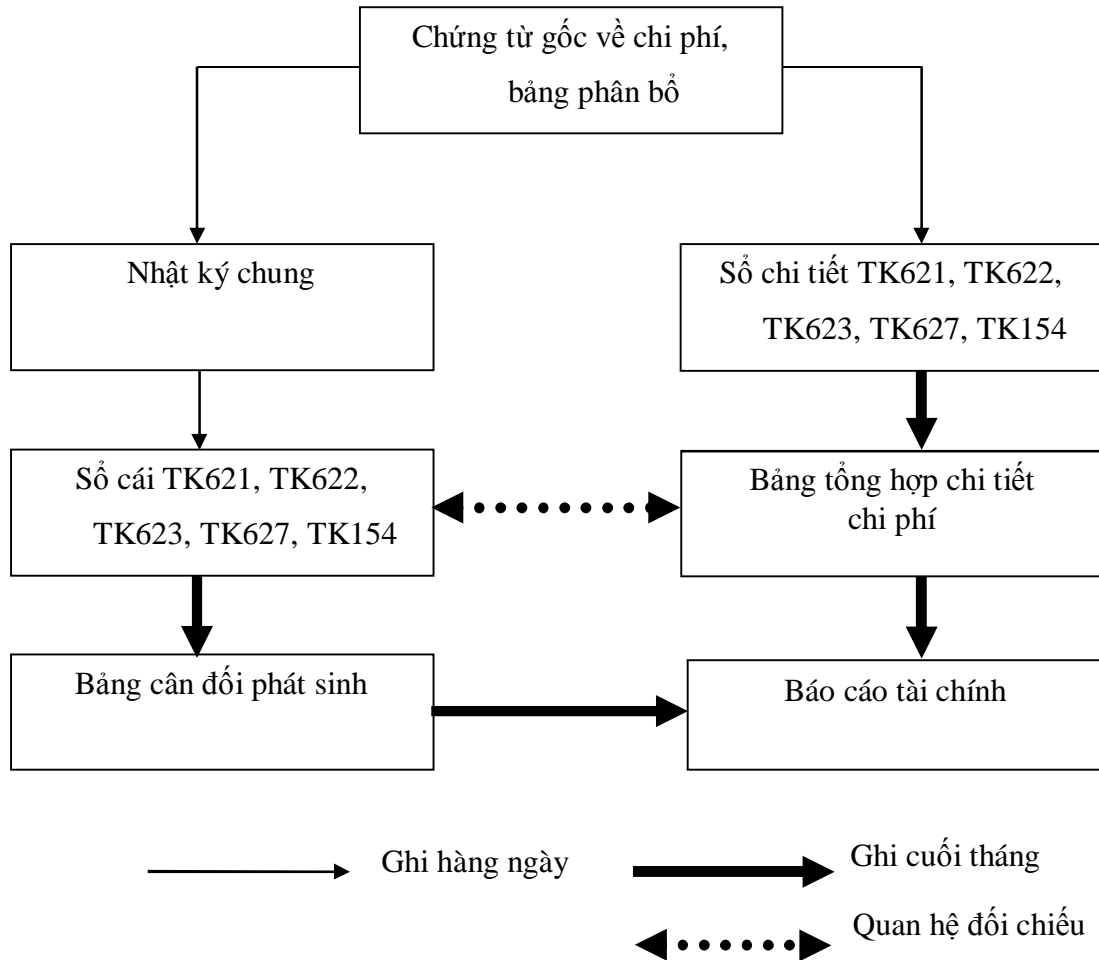
Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất

- Tài khoản sử dụng

Để tập hợp toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ, Công ty sử dụng TK 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và tài khoản này sử dụng cho từng công trình, hạng mục công trình

- Quy trình hạch toán

Toàn bộ chi phí NVLTT, chi phí NCTT, chi phí sử dụng MTC, chi phí SXC tập hợp được thì cuối kỳ phân bổ, kết chuyển vào bên Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.



(Nguồn Công ty TNHH Cơ khí chính xác Nam Trường An)

Sơ đồ 3. 13: Quy trình hạch toán chi phí toàn doanh nghiệp

Vào cuối quý, kế toán sau khi tập hợp các chi phí liên quan đến từng công trình, hạng mục công trình xây lắp sẽ tổng hợp chi phí thi công trong kỳ kết chuyển vào bên Nợ TK 154- “chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” chi tiết công trình, hạng mục công trình.

Căn cứ vào Nhật ký chung, kế toán tổng hợp các khoản mục chi phí phát sinh của từng công trình, hạng mục công trình vào Sổ cái TK 154 (**Phụ lục 24**),

đồng thời căn cứ vào chứng từ phát sinh kế toán vào sổ chi tiết TK 154 - được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình.

3.2.2. Thực trạng đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An

Đặc điểm thi công các công trình xây lắp là thời gian thi công dài, khối lượng lớn nên việc thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao được xác định theo khối lượng hoàn thành hoặc theo giai đoạn quy ước. Tùy theo hợp đồng và tiến độ thi công mà trong quý có thể thực hiện bàn giao khối lượng hoặc phần việc xây lắp hoàn thành. Chủ đầu tư và Công ty thống nhất nghiệm thu theo điểm dừng kỹ thuật của từng hạng mục công trình để thanh toán, theo các bước sau:

Bước 1 - nghiệm thu nội bộ: Phòng kế hoạch kỹ thuật chỉ huy công trường, đội xây lắp tổ chức nghiệm thu khối lượng thực tế đã hoàn thành làm cơ sở để thanh toán tiền công cho đội xây dựng và lập báo cáo nghiệm thu bước 2.

Bước 2 - nghiệm thu cơ sở: Do cán bộ giám sát kỹ thuật của Ban quản lý dự án nghiệm thu với Công ty hoặc Công ty tạm chấp nhận khối lượng hoàn thành 80% của bước 1 để lập báo cáo.

Bước 3 - nghiệm thu thanh toán của chủ đầu tư (bên A) theo giai đoạn điểm dừng kỹ thuật. Căn cứ vào bước nghiệm thu này công ty lập hồ sơ dự toán thanh toán giá trị xây lắp hoàn thành.

Bước 4 - nghiệm thu quyết toán đưa vào sử dụng

Việc xác định chi phí của khối lượng xây lắp dở dang và cuối kỳ được thực hiện thông qua giá trị khối lượng xây lắp dở dang theo dự toán. Để tiến hành xác định chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ của từng

công trình Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An sử dụng công thức tính sau:

$$\text{CP thực tế của khối lượng xây lắp DD cuối kỳ} = \frac{\text{CP thực tế của khối lượng xây lắp DDĐK} + \text{CP thực tế của khối lượng xây lắp DD phát sinh trong kỳ}}{\text{CP dự toán của khối lượng hoàn thành trong kỳ} + \text{CP dự toán của khối lượng xây DDCK}} \times \text{Giá trị dự toán của khối lượng xây lắp DDCK}$$

Trong đó:

$$\text{Giá trị dự toán của khối lượng XL DDCK} = \text{Giá trị dự toán của khối lượng XL DDĐK} + \text{Giá trị sản lượng thực hiện trong kỳ} - \text{Giá trị dự toán của KLXL hoàn thành bàn giao}$$

(Nguồn Công ty TNHH Cơ khí chính xác Nam Trường An)

Sau khi tập hợp chi phí phát sinh trong kỳ, và cuối mỗi quý các tổ đội, tiến hành kiểm kê và đánh giá sản phẩm dở dang cuối mỗi kỳ. Dựa vào biên bản nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành lập biên bản kiểm kê bán thành phẩm của các tổ đội đưa lên phòng kế toán (**Phụ lục 25**).

Dựa vào phương án tài chính lập khi trúng thầu, kế toán căn cứ lấy giá trị của giai đoạn xây lắp hoàn thành trong kỳ theo dự toán và giá trị của giai đoạn xây lắp dở dang cuối kỳ theo dự toán, để đánh giá giá trị xây lắp dở dang cuối kỳ.

Giá trị sản phẩm dở dang cuối quý IV năm 2016 của công trình DKG nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long là: 1.511.750.930 (đồng).

Trong đó:

+ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: 953.612.019

+ Chi phí nhân công trực tiếp: 296.307.076

- + Chi phí máy thi công: 160.278.277
- + Chi phí sản xuất chung: 101.553.558

Phương pháp tính giá thành và quy trình tính giá thành SP

Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An áp dụng phương pháp tính giá thành giản đơn cho các giai đoạn xây lắp hoàn thành. Toàn bộ chi phí thực tế phát sinh của từng công trình, hạng mục công trình từ khi khởi công đến từng giai đoạn bàn giao chính là giá thành thực tế của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ.

Giá thành khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{cccc} \text{Giá thành thực tế} & \text{Chi phí thực} & \text{Chi phí KLXL} & \text{Chi phí thực} \\ \text{KLXL hoàn thành} & = & \text{tế KLXL dở} & + \text{phát} & \text{sinh} & - & \text{tế KLXL dở} \\ \text{bàn giao trong kỳ} & & \text{đang đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{đang cuối kỳ} \end{array}$$

(Nguồn Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An)

Cuối quý, cuối niên độ, kế toán tổng hợp lấy số liệu trên sổ cái từng công trình để lập sổ tổng hợp chi phí thi công toàn đơn vị. Qua sổ này công ty có thể theo dõi đánh giá toàn bộ chi phí sản xuất trong kỳ đã bỏ ra.

Quy trình tính thành sản phẩm.

Giá trị thực tế của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong quý IV năm 2016 được tính như sau:

$$= 0 + 5.019.173.578 - 1.793.718.710 = 3.225.454.868 \text{ (đồng)}$$

Giá thành công trình hoàn thành trong quý IV/2016 công trình DKG nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long thể hiện trong bảng tính giá thành sản phẩm xây lắp (**Phụ lục 26**).

3.3. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An dưới góc độ kế toán quản trị.

3.3.1 Định mức chi phí và hệ thống dự toán

-) Định mức chi phí

Hệ thống định mức chi phí sản xuất được Công ty xây dựng dựa trên các định mức kỹ thuật do Bộ Xây dựng ban hành như:

Định mức xây dựng theo quyết định số 588/QĐ-BXD ngày 29/05/2014

Định mức lắp đặt theo quyết định số 587/QĐ-BXD ngày 29/05/2014

Định mức dự toán phần sửa chữa theo quyết định số 1129/QĐ-BXD ngày 07/12/2009

Đây là tài liệu quan trọng để xây dựng kế hoạch, lập dự toán và hoạch định chiến lược phát triển, tăng cường sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

Trên cơ sở định mức do Bộ Xây dựng ban hành kết hợp với quá trình thi công thực tế công ty đã ban hành hệ thống định mức bao gồm các nội dung:

Định mức chi phí vật liệu;

Định mức chi phí nhân công;

Định mức chi phí máy thi công;

Định mức chi phí khác.

Định mức công ty ban hành mang tính chất nội bộ, chủ yếu dùng để kiểm soát chi phí hoạt động xây lắp và khoán cho các đội thi công.

-) Hệ thống dự toán

Hiện nay, Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An lập dự toán xây dựng công trình căn cứ vào thông tư số theo Thông tư 06/2016/TT- BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn việc lập và quản lý chi phí đầu tư

xây lắp công trình.

Sau khi nhận hợp đồng, Công ty tiến hành lập dự toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Trên cơ sở bản thiết kế, căn cứ vào định mức kinh tế kỹ thuật do Nhà nước ban hành và thông báo giá phòng Kế hoạch kỹ thuật sẽ bóc tách từng nội dung công việc và lập dự toán chi tiết cho từng công việc đó. Dựa trên cơ sở dự toán chi tiết cho từng nội dung công việc thì bộ phận kế toán chi phí sẽ lên bảng tổng hợp chi phí sản xuất và giá thành xây lắp cho công trình, hạng mục công trình theo khoản mục chi phí, gồm dự toán: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp; Chi phí nhân công trực tiếp; Chi phí sử dụng máy thi công; Chi phí sản xuất chung và Giá thành công trình. Kết quả tính toán sẽ cho chúng ta 3 bảng tính toán quan trọng sau:

- Bảng phân tích đơn giá chi tiết: Là bảng mà đơn giá chi tiết của từng đầu mục công việc và được tính cho một đơn vị khối lượng ví dụ đầu mục ghép nối thép hình liên kết hàn mỗi sẽ có một loạt công việc liên quan (**Phụ lục 27**)

- Bảng dự toán chi tiết: Từ phân tích đơn giá chi tiết ta sẽ có bảng dự toán chi tiết cho từng công trình hạng mục công trình (**Phụ lục 28**)

- Bảng tổng hợp kinh phí dự toán trong bảng này dự toán sẽ chỉ rõ khi xây dựng công trình chi phí cho phần vật liệu, nhân công và các chi phí khác là bao nhiêu, đây là kết quả dự toán cuối cùng có độ chính xác cao, sai số nhỏ hơn 5% cho việc định giá một công trình (**Phụ lục 29**)

Bảng 3. 2: Dự toán chi phí xây dựng*(Theo thông tư số 06/2016/TT- BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng)*

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			
1	<i>Chi phí vật liệu</i>	VL	A	
	+ Theo đơn giá trực tiếp	A1	Bảng dự toán hạng mục	
	+ Chênh lệch vật liệu	CL	Theo bảng bù giá	
	Cộng	A	A1 + CL	
2	<i>Chi phí Nhân công</i>	NC	B	
	+ Theo đơn giá trực tiếp	B1	Bảng dự toán hạng mục	
	+ Chênh lệch nhân công	CLNC	Theo bảng bù giá	
	Cộng	B	B1 + CLNC	
3	<i>Chi phí Máy thi công</i>	M	C	
	+ Theo đơn giá trực tiếp	C1	Bảng dự toán hạng mục	
	+ Chênh lệch Máy thi công	CLMay	Theo bảng bù giá	
	Cộng	C	C1 + CLMay	
	<i>Cộng chi phí trực tiếp</i>	T	VL + NC + M	
II	CHI PHÍ CHUNG	C	T x 6,5%	
	Giá trị dự toán xây lắp	Z	T+C	

Giá trị xây lắp công trình được xác định trên cơ sở dự toán công trình, hạng mục công trình, tổng dự toán công trình và khối lượng công việc hoàn thành. Tổng dự toán công trình bao gồm các khoản chi phí: chi phí xây lắp, chi phí mua sắm trang thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí dự phòng.

3.3.2. Trung tâm chi phí

Trung tâm chi phí: Là trung tâm chịu trách nhiệm về chi phí đầu vào của công ty, mục tiêu của trung tâm là tối thiểu hóa chi phí. Đầu vào của trung tâm là các chỉ tiêu phản ánh các yếu tố sản xuất như nguyên vật liệu, nhân công, chi phí chung và có thể đo được bằng nhiều cách khác nhau. Để xác định đầu ra của trung tâm chi phí dựa vào các chỉ tiêu phản ánh kết quả sản xuất kinh

doanh như số lượng, chất lượng sản phẩm và các chỉ tiêu phản ánh chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm công ty.

Trung tâm chi phí chính là các đội thi công và các phòng quản lý, các đội thi công có nhiệm vụ thi công đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, tiết kiệm chi phí, phải lập đầy đủ các báo cáo về chi phí như báo cáo tình hình sử dụng vật tư, báo cáo biến động chi phí....Tại các phòng quản lý có trách nhiệm quản lý các đội, lập dự toán sát với thực tế, theo dõi sát sao về tiến độ, chất lượng công trình, kiểm tra tính đúng đắn của các khoản mục chi phí phát sinh. Nếu có sai sót ở đâu thì bộ phận đó phải chịu trách nhiệm đồng thời bộ phận quản lý cũng phải chịu trách nhiệm về năng lực quản lý của mình. Việc phân công nhiệm vụ rõ ràng, xử lý nghiêm các sai sót giúp các trung tâm chi phí vừa thực hiện tốt công việc của mình vừa giám sát hoạt động của trung tâm trách nhiệm khác đem lại hiệu quả cho công tác quản lý.

3.3.3. Báo cáo kế toán quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty

Định kỳ, cuối mỗi quý, kế toán phải tổng hợp, lập và gửi các báo cáo về chi phí sản xuất và tính giá thành cho Giám đốc, bao gồm:

- Báo cáo tiến độ thi công: Nội dung báo cáo các hạng mục công việc đã thực hiện và những vướng mắc cần giải quyết, báo cáo này do đội trưởng lập và được thực hiện chi tiết cho từng công trình. Qua báo cáo này lãnh đạo công ty có thể nắm bắt được tiến độ thi công thực tế tại công trường từ đó đề đưa ra phương hướng chỉ đạo cụ thể giúp công trình thi công đảm bảo tiến độ.

- Báo cáo Chi phí sản xuất của các công trình: Nội dung của báo cáo này cho nhà quản trị biết chi phí sản xuất của công trình, hạng mục công trình đến thời điểm hiện tại là bao nhiêu. Cụ thể chi phí Nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí chung là bao nhiêu có vượt dự toán không...Báo cáo này do kế

toán lập định kỳ hàng tháng và đột xuất khi có yêu cầu của ban Giám đốc
(Bảng 3.2)

BẢNG 3.3 BÁO CÁO CHI PHÍ SẢN XUẤT

Công trình DKG nhà thi đấu đa năng - KCN Thăng Long

Yếu tố chi phí	Số tiền
I - Chi phí trực tiếp	4.734.970.593
1. Chi phí nguyên vật liệu	3.348.779.941
2. Chi phí nhân công	987.691.014
3. Chi phí máy thi công	534.261.327
II- Chi phí chung	338.512.117
Tổng cộng	5.073.482.710

- Báo cáo giá thành sản xuất của các công trình, hạng mục công trình:
Báo cáo này phản ánh giá thành sản xuất của các công trình, hạng mục công trình. Qua báo cáo này lãnh đạo công ty có thể biết được công trình đó lãi hay lỗ và có hiệu quả kinh tế như thế nào từ đó để có phương hướng điều chỉnh chi phí và điều chỉnh giá đấu thầu cho phù hợp. Báo cáo này do kế toán giá thành lập theo định kỳ theo quý và khi có yêu cầu của lãnh đạo công ty.

– 3.3.4. Thu thập và phân tích thông tin ra quyết định

Việc thu thập và phân tích thông tin về các yếu tố chi phí càng đóng vai trò quan trọng để cung cấp các thông tin cần thiết cho ban giám đốc đưa ra quyết định.

Tại Công ty, các chứng từ ban đầu được tập hợp chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình tại các tổ đội thi công.

Tại tổ đội thi công: Thu thập toàn bộ chứng từ phát sinh tại đội phục vụ việc hạch toán chi phí sản xuất cho từng công trình và hạng mục công trình, kiểm tra, phân loại ban đầu về các chi phí sản xuất kinh doanh cho từng công trình, hạng mục công trình và chuyển về phòng kế toán để xử lý, ghi sổ và lập báo cáo

Tại phòng kế toán của Công ty: Kiểm tra chứng từ các đội gửi lên đã hợp lý chưa, các chứng từ có liên quan đến công nợ phải thu, phải trả nội bộ, tình hình thanh toán đối với từng công trình hạng mục công trình cụ thể.

- Thu nhập, phân loại thông tin trên hệ thống tài khoản kế toán:

Tại Công ty, mỗi nhân viên kế toán đều có vai trò vừa là kế toán tài chính, vừa là kế toán quản trị. Kế toán quản trị sử dụng các tài khoản chi tiết được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình. Do doanh nghiệp xử lý thông tin bằng các chương trình phần mềm nên hệ thống tài khoản chi tiết cho các công trình sẽ được mã hóa chi tiết theo quy luật nhất định để tiện lợi cho hạch toán và quản lý, hệ thống được các thông tin theo yêu cầu quản lý doanh nghiệp.

Tại phòng kế toán Công ty: Có trách nhiệm tổ chức hạch toán tổng hợp, chi tiết toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh và tính giá thành sản phẩm hoàn thành bàn giao, kế toán tiến hành mở TK154, TK 632 chi tiết từng công trình, hạng mục công trình và chi tiết từng tổ đội thi công, đồng thời, đơn vị giao khoán mở TK 1412 - Tạm ứng chi phí xây lắp giao khoán cho từng tổ, đội chi tiết cho từng đơn vị thi công.

Ghi nhận thông tin trên hệ thống sổ kế toán quản trị:

Tại Công ty, hệ thống sổ kế toán gồm hai loại sổ:

+ Sổ kế toán tổng hợp: Ghi chép phản ánh các chỉ tiêu kinh tế tài chính của doanh nghiệp ở dạng tổng quát.

+ Sổ kế toán chi tiết: Ghi chép chi tiết, cụ thể số liệu được ghi ở sổ kế toán tổng hợp nhằm hệ thống hóa thông tin kế toán cụ thể theo từng công trình, hạng mục công trình, theo từng bộ phận, theo từng tổ đội thi công phục vụ cho công tác quản trị doanh nghiệp. Tuy nhiên hệ thống sổ chi tiết phục vụ kế toán quản trị còn sơ sài, thiếu thông tin mang tính chất so sánh, ví dụ sổ chi tiết Chi phí Nguyên vật liệu ở cột đơn giá không có chỉ tiêu Dự toán và Thực tế và cũng không có chỉ tiêu chênh lệch vì vậy các thông tin cung cấp không mang tính chất so sánh được (không so sánh được đơn giá thực tế và đơn giá dự toán). Trong sổ chi tiết Chi phí nhân công thực tế cũng không có thông tin so sánh giữa giá thực tế và giá dự toán, các chi phí chỉ hạch toán chung vào TK 622 chưa phân loại biến phí, định phí, chi phí hỗn hợp...

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm đóng một vai trò quan trọng trong hoạt động của mỗi doanh nghiệp.

Trong chương này phần đầu tác giả đã nêu khái quát chung về Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An từ lịch sử hình thành, phát triển đến những kết quả đạt được trong thời gian qua và đặc điểm tổ chức quản lý tại Công ty. Tiếp theo đó, tác giả trình bày hết sức rõ ràng và cụ thể về thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty: Bộ máy kế toán, thực trạng kế toán chi phí sản xuất, tổng hợp chi phí sản xuất, kiểm kê, đánh giá giá trị sản phẩm dở dang và các phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Với thông tin có được từ việc nghiên cứu thực trạng tại Công ty, và nghiên cứu lý thuyết, tác giả xin được bàn tới một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.

CHƯƠNG 4

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHÍNH XÁC NAM TRƯỜNG AN

4.1 Đánh giá chung về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An

4.1.1 Ưu điểm

- *Về công tác tổ chức bộ máy kế toán:* Phòng kế toán được bố trí khá gọn nhẹ hợp lý. Tuy ít người nhưng với tinh thần trách nhiệm và trình độ chuyên môn cao, cộng với sự trợ giúp của máy vi tính họ vẫn đảm đương một khối lượng rất lớn, phát sinh với mật độ dày đặc. Mỗi người đảm nhận một công việc nhất định không chồng chéo lên nhau và cũng không tập chung quá nặng vào một người, đã tạo nên sự phối hợp nhịp nhàng trong công việc.

- *Về hình thức kế toán được lựa chọn và áp dụng:* Hình thức kế toán được áp dụng tại công ty là hình thức Nhật ký chung. Việc lựa chọn hình thức này rất chính xác và khoa học, phù hợp với đặc điểm thực tế của công ty là công việc nhiều, số lượng cán bộ kế toán không nhiều và thực hiện công nghệ hoá công tác kế toán. Theo hình thức kế toán này, công ty đã mở một hệ thống sổ sách kế toán nói chung là đầy đủ.

- *Về hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:* Công ty thực hiện khá đầy đủ các quy định về việc tập hợp chi phí NVLTT cho từng CT, HMCT. Các chứng từ đều được tập hợp riêng cho từng công trình và hạng mục công trình ở các đội xây lắp trước khi giao cho phòng tài chính-kế toán, kế toán chi tiết tài khoản 621 theo từng công trình, hạng mục công trình để hạch toán

CPNVLTT, giúp thuận tiện trong việc tập hợp chi phí cho từng đối tượng cũng như kiểm tra đối chiếu và phục vụ công tác quản trị hiệu quả hơn.

- *Về hạch toán chi phí nhân công trực tiếp:* Chi phí nhân công trực tiếp được tập hợp riêng cho từng công trình, hạng mục công trình thuận tiện cho việc tập hợp chi phí và quản trị doanh nghiệp. Công ty có nguồn lao động là: Lao động trong danh sách của công ty và lao động đi thuê phù hợp khi thi công các công trình ở xa, góp phần giảm chi phí nhân công như chi phí vận chuyển nhân công.

- *Về hạch toán chi phí sử dụng máy thi công:* Chi phí sử dụng máy thi công cũng được tập hợp riêng cho từng công trình, hạng mục công trình. Đặc biệt 100% máy thi công của công ty là đi thuê tạo được sự linh hoạt khi điều động máy thi công, đối với các công trình ở xa thi việc này giúp giảm chi phí điều động máy thi công.

- *Về hạch toán chi phí sản xuất chung:* Công ty cũng tập hợp riêng chi phí sản xuất chung cho từng công trình, hạng mục công trình, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý và hạch toán chi phí chính xác và hiệu quả.

- *Về công tác hoạch toán kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm:*

+ Công tác kế toán tập hợp CPSX và tính GTSP tại Công ty đã hạch toán chi phí cho từng CT, HMCT một cách rõ ràng phục vụ tốt cho yêu cầu quản lý chi phí và hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty. Công ty chấp hành đầy đủ các chính sách, chế độ do Nhà nước ban hành. Việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được thực hiện trên hệ thống sổ sách kế toán phù hợp nhờ đó mà công tác kế toán CPSX và tính GTSP ở Công ty đã góp phần trong việc đảm bảo hoạt động sản xuất - kinh doanh ở Công ty đạt hiệu quả cao.

+ Việc thực hiện kế toán CPSX và tính GTSP theo phương pháp KCTX cho phép Công ty có thể kiểm soát được từng lần nhập, xuất vật tư, hạn chế

tình trạng thất thoát, sử dụng lãng phí. Sản phẩm xây lắp thường có kết cấu phức tạp, giá trị lớn, thời gian thi công kéo dài, tình hình nhập, xuất NVL được phản ánh thường xuyên, kịp thời theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh cho phép tính đúng, tính đủ CPSX cho từng đối tượng liên quan, giúp cho nhà quản trị nắm bắt được tình hình sử dụng các loại NVL một cách chính xác từ đó có quyết định đúng đắn, kịp thời thúc đẩy hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty. Kế toán chi phí nhân công tương đối rõ ràng đảm bảo nguyên tắc "Làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít". Góp phần vào việc sử dụng hợp lý lao động và nâng cao năng suất lao động. Việc áp dụng hình thức trả lương theo thời gian kết hợp với trả lương theo sản phẩm đã tạo điều kiện gắn kết hợp lợi ích vật chất của người lao động và tiến độ thi công xây lắp.

+ Bộ phận kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm luôn chủ động sáng tạo. Luôn cố gắng tìm ra biện pháp quản lý chi phí. Phương pháp tập hợp các tiêu thức phân bổ chi phí nhằm có được kết quả công việc cao nhất, số liệu thông tin kế toán cung cấp là chung thực khách quan nhất.

Việc xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là toàn bộ quá trình xây lắp công trình kỳ tính giá thành theo quý là khá hợp lý và phù hợp với điều kiện và đặc thù riêng của ngành xây lắp. Việc đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ là phù hợp với nhu cầu đặc điểm của doanh nghiệp.

4.1.2 Nhược điểm

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được trong công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An công tác kế toán còn một số hạn chế. Thể hiện ở các khía cạnh sau:

4.1.2.1 Dưới góc độ tài chính

Dưới góc độ kế toán tài chính, việc phân loại chi phí sản xuất của Công ty đã hoàn thiện, phù hợp với đối tượng tổng hợp chi phí sản xuất, đối tượng

tính giá thành sản phẩm xây lắp của công ty. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế trong công tác kế toán như:

- Thứ nhất tồn tại trong công tác luân chuyển chứng từ

Mặt hạn chế trên góc độ về tốc độ luân chuyển chứng từ tại Công ty hiện nay còn chậm. Việc kế toán ở các đội xây lắp gửi chứng từ cùng với bảng tổng hợp chi phí sản xuất của từng công trình, hạng mục công trình về phòng kế toán tài vụ vào cuối tháng. Nên công việc của phòng kế toán tài vụ tập trung dồn vào cuối tháng, khiến công việc kế toán không được dàn đều trong tháng. Việc tổng hợp, xử lý số liệu vào cuối tháng rất lớn trong khi kế toán các đội xây lắp gửi chứng từ muộn, làm cho việc lập báo cáo kế toán quản trị, báo cáo kế toán tài chính để cung cấp thông tin bị chậm trễ. Mặt khác, gây sức ép và cản trở cho công tác kế toán, có thể dẫn đến những sai sót không đáng có trong công tác kế toán.

- Thứ hai về hạch toán kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là một khoản mục chi phí rất quan trọng, chiếm tỉ trọng rất lớn trong tổng giá thành sản phẩm xây lắp tuy nhiên đây cũng là một trong những loại chi phí khó kiểm soát nhất trong các công ty xây lắp. Với hình thức khoán gọn cho đội xây lắp giúp các đội chủ động thực hiện thi công công trình. Tuy nhiên, điều này đã gây không ít hạn chế trong công tác quản lý, giám sát việc sử dụng và kiểm soát chi phí nguyên vật liệu.

Mặt khác, khi công trình hoàn thành số vật liệu còn lại tại các công trình do chưa sử dụng hết, phế liệu thu hồi cũng không được đảm bảo điều này làm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thực tế phát sinh trong kì không phản ánh được đúng thực tế.

- Thứ ba về hạch toán kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Lực lượng trong công ty tham gia thi công các công trình, hạng mục công trình bao gồm: Lao động trong danh sách của công ty và lao động thuê ngoài trực tiếp tham gia thi công công trình. Với hình thức trả lương lao động thuê ngoài theo phương pháp khoán lương tháng. Căn cứ số ngày công và đơn giá một ngày công để thanh toán cho người lao động nên còn chưa đảm bảo việc thực hiện tiến độ công việc một cách kịp thời, dễ gây tình trạng kéo dài thời gian.

- Thứ tư về việc hạch toán các khoản thiệt hại trong xây lắp.

Đặc điểm hoạt động xây lắp chịu ảnh hưởng của yếu tố như thời tiết, trình độ công nhân, cán bộ kỹ thuật, quá trình giám sát không chặt chẽ,... nên việc thi công gặp khó khăn gây ngừng sản xuất hay tạo ra những sản phẩm không phù hợp, phải sửa chữa. Đây là thiệt hại trong sản xuất làm phát sinh chi phí, dẫn tới tăng giá thành công trình nhưng công ty lại không theo dõi và xử lý khoản thiệt hại này. Ví dụ Công trình thi công lắp đặt DKG tại nhà thi đấu ở Cửa Lò tỉnh Nghệ An, công ty đã thi công được một nửa công việc thì gặp bão, một số khung chưa được nghiệm thu bị đổ. Công ty phải tiến hành dựng lại khung, chi phí cho việc thực hiện lại các công việc này kế toán tập hợp luôn vào chi phí của công trình vì vậy giá vốn công trình đội lên một khoản khá lớn

4.1.2.2. Dưới góc độ kế toán quản trị

Tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An, mặc dù bộ máy kế toán có nhiều ưu điểm nhưng nó chỉ phù hợp và phục vụ cho công tác kế toán tài chính, còn đối với kế toán quản trị ở công ty chưa đề cao.

Thứ nhất về hệ thống tài khoản và sổ sách kế toán

Tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An hệ thống tài khoản kế toán mới chỉ dừng lại ở việc ghi chi tiết tập hợp số liệu thông tin

về quá trình thực hiện và phục vụ cho việc theo dõi chi phí giá thành theo từng công trình, chưa phục vụ cho công tác phân tích đánh giá trong kế toán quản trị.

Sổ sách kế toán tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An chỉ dừng lại phục vụ cho nhu cầu kế toán tài chính chưa phục vụ cho nhu cầu kế toán quản trị.

Thứ hai về việc phân loại chi phí

Việc phân loại chi phí trong công ty mới chỉ dừng lại ở cách phân loại theo khoản mục chi phí và theo yếu tố chi phí. Cả hai cách phân loại này chỉ phục vụ cho công tác quản lý chi phí trong kế toán tài chính, chưa phân loại chi phí phục vụ cho kế toán quản trị chẳng hạn: Phân loại theo cách ứng xử chi phí, theo thẩm quyền ra quyết định...

Thứ ba hệ thống báo cáo chi phí sản xuất tại công ty

Hiện nay các báo cáo chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm xây lắp ở Công ty còn rất sơ sài thể hiện ở việc chỉ có báo cáo tổng hợp chi phí sản xuất của tất cả các công trình trong kỳ, trong khi đó báo cáo về từng hạng mục công trình cụ thể chưa có, chưa làm rõ được trách nhiệm của các cấp quản trị (báo cáo trách nhiệm), chưa làm rõ các trung tâm quản lý từ đó rất khó cho công tác phân tích, xử lý, sử dụng ra quyết định đặc biệt là khó thực hiện việc phân tích mối quan hệ giữa chi phí – khối lượng – lợi nhuận.

Thứ tư về tổ chức thu nhận thông tin

Để phục vụ cho yêu cầu cung cấp thông tin của nhà quản trị doanh nghiệp, nhiều thông tin mang tính chất nội bộ, có tính chất chi tiết cụ thể không phản ánh trên chứng từ kế toán bắt buộc, do đó công ty cần xây dựng mẫu chứng từ kế toán riêng cho đơn vị. Hiện nay các chứng từ nội bộ do doanh nghiệp tự thiết kế mới chỉ dừng lại ở các bảng kê, bảng tổng hợp chi

phí để có số liệu tổng hợp phục vụ cho công tác ghi sổ của kế toán tài chính chưa có các chứng từ phục vụ thu nhận thông tin phục vụ yêu cầu phân tích trong kế toán quản trị.

Công ty chưa coi trọng việc phân tích chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của từng công trình, hạng mục công trình để từ đó tìm ra nguyên nhân vượt, hụt chi phí so với dự toán nhằm kiểm soát được chi phí hiệu quả hơn.

4.2. Các yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An

4.2.1. Các yêu cầu hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm luôn giữ vai trò quan trọng trong toàn bộ công tác kế toán doanh nghiệp. Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An có ý nghĩa quan trọng trọng việc kiểm soát chi phí giữ được chất lượng sản phẩm đồng thời hạ giá thành, tăng cường năng lực cạnh tranh của công ty. Điều này đòi hỏi việc hoàn thiện kế toán CP và tính giá thành SP phải đạt được những yêu cầu cơ bản sau:

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải đảm bảo phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất và trình độ quản lý của doanh nghiệp trong điều kiện nền kinh tế mở hiện nay.

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp phải đảm bảo đúng với quy định với chuẩn mực, chế độ kế toán, các thông tư nghị định hướng dẫn.

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, giúp cho kế toán thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, phát huy tốt vai trò, tác dụng của kế toán, chi phí công trình phải được hạch toán chính xác, kịp thời và tiết kiệm nhất giúp cho công tác quản lý vốn của các đơn vị hiệu quả.

Để đảm bảo tính thống nhất, các doanh nghiệp xây lắp thực hiện việc hạch toán chi phí vào giá thành công tác xây lắp theo quy định chung của chế độ kế toán tài chính và chế độ tài chính hiện hành.

Theo chế độ quy định hiện nay, chỉ tính vào công tác sản phẩm xây lắp những chi phí cơ bản trực tiếp (chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công) và chi phí sản xuất chung.

Những khoản chi phí khác, chi phí đầu tư, chi phí hoạt động tài chính... không được hạch toán vào chi phí sản xuất và không được tính giá thành. Việc hạch toán chi phí vào giá thành công tác xây lắp có ý nghĩa trong việc tính đúng và hợp lý chi phí sản xuất vào giá thành sản phẩm cũng như đảm bảo tính nhất quán trong kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của doanh nghiệp xây lắp cũng như các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế quốc dân.

Bên cạnh đó kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp sẽ cung cấp thông tin để quản trị chi phí của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện nội dung tổ chức kế toán quản trị chi phí tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An phải phù hợp với chính sách quản lý tài chính đã ban hành để đảm bảo tính hiệu lực của chúng. Đây là yêu cầu bắt buộc khi doanh nghiệp hoạt động trong một môi trường pháp luật cụ thể. Yêu cầu này nhằm đáp ứng nhu cầu quản lý tài chính thống nhất của nhà nước, cung cấp thông tin kinh tế, tài chính chính xác, trung thực cho các đối tượng sử dụng thông tin.

- Hoàn thiện nội dung tổ chức kế toán quản trị chi phí phải đi đôi với hoàn thiện cơ chế quản lý của doanh nghiệp xây lắp trong điều kiện mới.

- Thông tin kế toán quản trị chi phí cần đáp ứng yêu cầu kiểm tra và đánh giá. Việc kiểm tra nhằm kiểm soát các hoạt động của toàn đơn vị và của từng lĩnh vực kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực của đơn vị.

- Hoàn thiện nội dung tổ chức kế toán quản trị chi phí phải đảm bảo tính khả thi, tiết kiệm và có hiệu quả. Đây là yêu cầu có tính thực tiễn, khách quan bởi vì nếu xây dựng một mô hình kế toán quản trị xa rời thực tiễn hoạt động của Công ty sẽ không khả thi, tốn kém, không hiệu quả và có thể gây nhiều thiệt hại cho doanh nghiệp.

Yêu cầu này đòi hỏi khi hoàn thiện phải phát huy được vai trò, nhiệm vụ cung cấp thông tin cho các đối tượng sử dụng thông tin. Đồng thời, lợi ích thu được do các nội dung hoàn thiện mang lại phải nhiều hơn so với chi phí bỏ ra. Vì vậy cần phải quán triệt nguyên tắc tiết kiệm, sự hài hoà giữa lợi ích và CP.

- Hoàn thiện nội dung tổ chức kế toán quản trị chi phí phải hướng tới hội nhập và phát triển kinh tế, thuận tiện cho việc cung cấp thông tin.

Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán của nước ta đã dần hoàn thiện và phù hợp với các chuẩn mực quốc tế về kế toán, kiểm toán. Từ đó xây dựng nội dung kế toán quản trị chi phí phù hợp với thực tiễn, nhu cầu quản trị các cấp thúc đẩy sự hội nhập và phát triển kinh tế của đất nước, đảm bảo tính khả thi và có hiệu quả của các thông tin kế toán quản trị ở mọi doanh nghiệp công ty.

4.2.2. Các nguyên tắc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An

Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp phải đảm bảo phù hợp với yêu cầu của các chế độ chính sách liên quan như

chuẩn mực kế toán, luật kế toán và chế độ kế toán hiện hành trong nước và quốc tế; đáp ứng yêu cầu quản lý tài chính thống nhất, cung cấp thông tin trung thực, chính xác. Đồng thời, hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại doanh nghiệp nhưng vẫn phải đảm bảo nội dung kế thừa, không phá vỡ cơ cấu tổ chức hiện tại, các chỉ tiêu về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời cung cấp thông tin, tăng cường kiểm soát nội bộ và phục vụ quản lý, xác định hiệu quả.

Mặt khác, hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nhưng phải phù hợp với đặc điểm ngành xây lắp nói chung và điều kiện, nhu cầu quản lý thực tế tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An nói riêng. Đảm bảo phù hợp với thực trạng sản xuất, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cũng như năng lực cán bộ quản lý của Công ty.

4.2.3. Định hướng phát triển tại công ty TNHH cơ khí chính Xác Nam Trường An

Bên cạnh việc nỗ lực xây dựng uy tín, công ty cũng hướng đến việc tự tìm đến các chủ đầu tư để chủ động tìm các dự án thích hợp để thực hiện. Với định hướng như trên Công ty đã xây dựng chiến lược đến năm 2020 như sau:

Tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm thi công công trình xây lắp cơ bản, không ngừng đổi mới công nghệ thi công, đáp ứng yêu cầu đặt ra ngày càng cao về chất lượng và mỹ thuật công trình. Công ty hướng đến mục tiêu ngày càng nhận được sự tin tưởng của cộng đồng trong và ngoài nước.

Khẳng định tầm quan trọng của hệ thống nhân sự trong các tổ chức nói chung. Theo đó, công ty đặc biệt quan tâm hơn nữa tới việc tư vấn nhân sự cũng như xây dựng hệ thống quản trị nhân sự một cách hiệu quả nhằm tạo ra bộ máy hoạt động thống nhất, đem lại hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

Hoàn thiện mô hình tổ chức đổi mới phương thức quản lý, năng động trong công tác điều hành nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh đáp ứng được với sự thay đổi liên tục của thị trường cạnh tranh.

Đặt mục tiêu phát triển bền vững, song song với mục tiêu kinh tế công ty tiếp tục duy trì chú trọng đến giá trị bền vững của công ty là người lao động, cộng đồng xã hội và bảo vệ môi trường. Công ty luôn hướng tới mục tiêu mang đến cho cộng đồng các sản phẩm nhà xưởng, sân vận động, nhà kho, hạ tầng giao thông hài hòa với thiên nhiên, phù hợp với sự phát triển của văn minh xã hội.

4.3. Các giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An

4.3.1. Hoàn thiện dưới góc độ kế toán tài chính

Qua thời gian tìm hiểu về công tác kế toán tại công ty, nhất là phân hành về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trên góc độ kế toán tài chính tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An, được sự hỗ trợ của cô chú, anh chị trong phòng kế toán và thầy giáo hướng dẫn tác giả xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến khắc phục tồn tại.

Thứ nhất hoàn thiện về công tác luân chuyển chứng từ

Để khắc phục tình trạng hiện nay ở công ty chứng từ tại công ty do các tổ, đội nộp lên phòng kế toán thường muộn dẫn tới khối lượng công việc vào thời điểm cuối tháng, quý, năm tăng lên, dễ dẫn đến sai sót, nhầm lẫn trong hạch toán, khiến cho việc tập hợp, phân bổ chi phí và tính giá thành sản phẩm gặp nhiều khó khăn, tình hình chi phí sản xuất thực tế không được cung cấp kịp thời. Để giải quyết tình trạng trên Công ty cần quy định cụ thể thời gian cho các đội phải nộp chứng từ lên phòng kế toán như: Định kỳ từ 10-15 ngày phải nộp chứng từ, không nộp tập trung vào thời điểm cuối tháng và hạn cuối cùng

để nộp là ngày mùng 5 của tháng sau, sau ngày này các chứng từ sẽ không được duyệt thanh toán.

Việc thừa nhận chứng từ kế toán của các công trình, hạng mục công trình cũng chính là việc thừa nhận các khoản chi phí phát sinh cho công trình hay hạng mục công trình đó. Vì vậy không thể quản lý chi thông qua chứng từ mà phải kết hợp thường xuyên với kiểm tra thực tế tại công trường, Công ty phải cử cán bộ kỹ thuật và nhân viên kế toán thường xuyên đến các công trường để kiểm tra nhằm tránh tình trạng mua hóa đơn, kê khai không khối lượng vật tư đầu vào, khai báo tăng giá mua vật tư đầu vào kiểm tra rà soát chặt chẽ.

Thứ hai hoàn thiện hạch toán kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Để đảm bảo kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng nguyên vật liệu và kế toán đúng, đủ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp phát sinh, công ty nên có biện pháp tăng cường quản lý giám sát tại công trình thi công. Khi giao cho đội xây dựng chủ động mua nguyên vật liệu ngoài quy định chuyển bộ chứng từ gồm: Hợp đồng kinh tế với nhà cung cấp thông báo mức giá của nhà của nguyên vật liệu cung cấp, hóa đơn mua hàng, chứng chỉ về chất lượng của nguyên vật liệu còn cần bố trí nhân viên Công ty kiểm tra thực tế, đối chiếu chéo.

Công ty cần theo dõi chi tiết từng loại chi phí nguyên vật liệu bằng cách mở thêm các tài khoản cấp 2, 3, 4,... như:

TK 621(công trình) - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

TK 621(công trình).VLC - Chi phí nguyên vật liệu chính

TK 621(công trình).VLC.01 - Thép

TK 621(công trình).VLC.02 - Tôn

.....

TK 621(công trình).2 - Chi phí nguyên vật liệu phụ

Ví dụ: TK 621.VLC.01 - Chi phí thép của công trình DKG nhà thi đấu - KCN Thăng Long do đội xây lắp số 1 thi công.

Từ đó, các nhà quản lý xem xét việc sử dụng nguyên vật liệu đã hợp lý chưa và tìm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu.

Bên cạnh việc mở thêm các tài khoản chi tiết của TK 621, Công ty còn cần đưa ra một số giải pháp nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất, do các công trình thường ở xa, việc thu mua vật tư được tiến hành khi có nhu cầu và không có kho dự trữ vật tư, các đội cần lập kế hoạch sử dụng vật tư để tính toán thời điểm, số lượng thu mua vật tư hợp lý tránh thừa vật tư sẽ gây mất mát, hư hỏng hoặc thiếu hụt sẽ ảnh hưởng đến tiến độ công trình, đồng thời xây dựng mạng lưới nhà cung cấp có khả năng đáp ứng nhu cầu vật tư mọi lúc, mọi nơi.

Do vật tư chiếm tỷ trọng lớn trong kết cấu công trình nên công ty cần phải kiểm soát chặt chẽ vật tư phục vụ thi công công trình, ngoài PNK, XK bảng tổng hợp chi phí nguyên vật liệu công ty nên làm bảng kê nguyên vật liệu còn lại cuối kỳ để thuận tiện cho công tác quản lý và kiểm soát chi phí nguyên vật liệu.

Ví dụ: Đối với công trình DKG nhà thi đấu - KCN Thăng Long vào cuối quý công ty nên tiến hành làm bảng kê nguyên liệu còn lại cuối kỳ.

Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An

Đội xây dựng số: 01

BẢNG KÊ NGUYÊN VẬT LIỆU CÒN LẠI CUỐI KỲ

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tên công trình: DKG nhà thi đấu – KCN Thăng Long

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú
	Thép ống phi	Kg	16.050	5.300	85.065.000	Xuất cho công trình DKG nhà thi đấu – KCN Thăng Long xuất dùng riêng.
Tổng cộng					86.065.000	

Tổng số tiền bằng chữ: Tám mươi sáu triệu không trăm sáu mươi lăm ngàn đồng ./
Số chứng từ gốc kèm theo:.....

Đội trưởng Kế toán đội Kế toán tổng hợp Kỹ thuật công trình

Bảng 4. 1: Bảng kê nguyên vật liệu còn lại cuối kỳ

Bảng kê nguyên vật liệu còn lại cuối kỳ được lập theo từng công trình, hạng mục công trình theo từng tháng để chủ động cung ứng nguyên vật liệu, đối chiếu kiểm kê thường xuyên.

Thứ ba hoàn thiện hạch toán kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Hiện nay, do đặc thù của ngành xây lắp là công trình rải rác ở khắp các tỉnh thành trong toàn quốc nên công nhân trực tiếp của công ty chủ yếu là thuê ngoài, điều này làm giảm được chi phí nhân công nhưng không đảm bảo được chất lượng lao động. Lực lượng lao động này chủ yếu đến từ các vùng nông thôn, làm thời vụ trong lúc nông nhàn kiếm thêm thu nhập. Điều này dẫn đến chất lượng lao động thấp, trình độ tay nghề không đáp ứng được yêu cầu công việc, thiếu các kiến thức cơ bản về kỹ thuật thi công và an toàn lao động dẫn đến chất lượng công trình

không đảm bảo, mất an toàn lao động, hao hụt lãng phí vật tư.

Hơn nữa việc chỉ sử dụng nhân công thuê ngoài đôi khi làm các đội khó khăn trong việc thuê nhân công như trong trường hợp công trình thi công ở địa bàn không có nhiều các nhóm thợ, điều này càng khiến các đội thuê nhân công kém chất lượng.

Công ty cũng phải có quy chế rõ ràng trong việc phân cấp trách nhiệm từ Đội trưởng, cán bộ chuyên trách quản lý chặt chẽ lao động an toàn lao động và các cán bộ kỹ thuật trong công tác tuyển dụng lao động nhằm giảm thiểu số lượng lao động kém chất lượng và thiếu kinh nghiệm.

Do đặc thù của ngành xây lắp phải bàn giao công trình theo đúng tiến độ công ty có thể sử dụng thêm bảng chấm công làm thêm giờ 01b - LĐTL Ban hành theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính.

Thứ tư hoàn thiện hạch toán các khoản thiệt hại trong xây lắp

Các khoản thiệt hại như phải phá đi làm lại, công ty có thể xem xét, quy trách nhiệm rõ ràng cho các cá nhân để xử phạt, từ đó nâng cao tinh thần trách nhiệm của từng cá nhân trong công việc.

Công ty nên đề ra các định mức chi phí phù hợp để công nhân làm việc và có căn cứ cụ thể để khen thưởng hay xử phạt phù hợp, nâng cao năng suất lao động. Đồng thời có căn cứ rõ ràng để tính các chi phí được phép kết chuyển vào TK 154, và các chi phí cần kết chuyển sang TK 632, để tính giá

Về hoàn thiện về việc hạch toán phế liệu thu hồi

Công ty cần giám sát chặt chẽ các khoản làm giảm chi phí thi công công trình, hạn chế tối đa tình trạng các cán bộ quản lý và đội thi công tại công trình đem bán coi như thu nhập khác của cá nhân. Đưa ra cơ chế phạt cá nhân có hành vi mang phế liệu công trình đi bán.

Kế toán tiến hành hạch toán các khoản làm giảm chi phí xây dựng công

trình như vật tư thừa sử dụng không hết nhập kho, các khoản thu hồi lán trại...

4.3.2. Hoàn thiện dưới góc độ kế toán quản trị

Hiện nay công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An mới chỉ chú trọng đến kế toán tài chính nhằm cung cấp thông tin kế toán phục vụ cho các đối tượng bên ngoài công ty chứ chưa quan tâm đến kế toán quản trị, chưa cung cấp thông tin thực sự hữu ích cho các nhà quản lý trong việc ra các quyết định kinh doanh.

Thứ nhất hoàn thiện hệ thống tài khoản và sổ sách kế toán.

Để cung cấp thông tin đầy đủ dễ hiểu về hoạt động xây lắp phục vụ cho công tác quản lý, quản trị và ra quyết định. Kế toán của công ty nên mở tài khoản cấp 1,2,3,4... để phục vụ cho công tác quản trị chi phí trong công ty đến cụ thể từng loại vật liệu, từng loại chi phí. Mẫu phân loại tài khoản chi tiết (**Phụ lục 30**).

Đối với hệ thống sổ sách kế toán, Công ty cần mở thêm các chỉ tiêu trên sổ theo nhu cầu thông tin của kế toán quản trị cụ thể như sau:

Sổ chi tiết chi phí nguyên vật liệu trực tiếp phải thêm các chỉ tiêu phản ánh chi tiết từng loại nguyên vật liệu chính, phụ và cần bổ sung các thông tin về dự toán, định mức trên các sổ chi tiết này. Sổ chi tiết chi phí Nguyên vật liệu có thể được lập theo mẫu ở (**phụ lục 31**). Với sổ chi tiết nhân công trực tiếp cần mở thêm cột biến phí, định phí, dự toán và thực tế. Sổ chi tiết chi phí sản xuất chung cần thêm cột biến phí, định phí, dự toán, thực tế, phân bổ cho các đối tượng sử dụng (kế hoạch và thực tế) . Sổ chi phí sản xuất kinh doanh cần thêm cột về dự toán, định mức, chi phí biến đổi, chí phí cố định.

Thứ hai hoàn thiện phân loại chi phí sản xuất

Để đáp ứng yêu cầu của các nhà quản trị doanh nghiệp, trong tương lai phục vụ công ty xây dựng mô hình kế toán quản trị kết hợp với kế toán tài chính trong cùng một bộ máy và trên cùng một hệ thống tài khoản kế toán, phát huy vai trò của kế toán quản trị nói chung, kế toán quản trị chí phí, giá thành sản phẩm nói riêng nhằm trở thành công cụ quản lý hiệu quả, tăng cường quản lý, kiểm soát chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp. Muốn làm được điều đó, công ty cần phải kết hợp với cách phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ với khối lượng hoạt động. Theo cách này, chi phí sản xuất được chia thành:

- Biến phí gồm: Biến phí sản xuất thường là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, tiền lương sản phẩm của công nhân trực tiếp sản xuất, chi phí vật liệu dùng cho máy thi công...; biến phí bán hàng và biến phí quản lý doanh nghiệp.

- Định phí gồm: Định phí sản xuất thường là tiền lương thường gian của công nhân sản xuất, công nhân điều khiển máy thi công, công nhân quản lý đội, chi phí khấu hao máy thi công và tài sản cố định dùng chung cho hoạt động quản lý đội...; định phí bán hàng và định phí quản lý doanh nghiệp.

- Chi phí hỗn hợp như chi phí điện thoại, dùng phương pháp thích hợp để phân tích chi phí hỗn hợp thành biến phí và chi phí.

Việc phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí (**Phụ lục 32**).

Việc kết hợp phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ với khối lượng hoạt động sẽ giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp thực hiện phân tích mối quan hệ giữa chi CVP. Cùng với vận dụng trình độ chuyên môn của kế toán và các nhà quản lý để phân loại chi phí nào là biến phí, chi phí nào là định phí một cách hợp lý nhất để phục vụ cho việc thiết kế, xây dựng mô hình chi phí trong mối quan hệ giữa CVP, xác định điểm hoàn vốn để ra các quyết định hiệu quả trong kinh doanh, xác định phương hướng để nâng cao hiệu quả của chi phí.

Việc tính giá thành sản phẩm toàn bộ cung cấp thông tin quan trọng cho nhà quản trị trong việc ra quyết định xác định giá bán sản phẩm và xác định được kết quả thu nhập, lợi nhuận trong kỳ.

Công ty phân tích giá thành công trình, hạng mục công trình (**Phụ lục 33**) chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình và chi tiết theo từng khoản mục chi phí, theo dõi kết hợp giá trị dự toán để có thể so sánh và đánh giá kết quả thực hiện.

Thứ ba hoàn thiện hệ thống báo cáo

Để tăng cường quản lý, kiểm soát chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ngoài các giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và kế toán giá thành sản phẩm Công ty cũng cần đưa ra các giải pháp hoàn thiện hệ thống báo cáo kế toán quản trị:

- Báo cáo bất thường, được lập khi phát sinh các khoản chi phí bất thường ngoài kế hoạch hoặc dự toán nhằm cung cấp thông tin kịp thời giúp các nhà quản trị ra quyết định như: báo cáo về chi phí ngừng sản xuất ngoài kế hoạch, báo cáo về chi phí sửa chữa TSCĐ ngoài kế hoạch...

- Báo cáo thường xuyên có kì hạn ngắn, bao gồm các báo cáo: báo cáo tình hình sử dụng vật tư, báo cáo tình hình sử dụng lao động, báo cáo tình hình thực hiện chi phí sản xuất chung, báo cáo tình hình tiến độ sản xuất.

- Báo cáo định kì, các báo cáo theo tháng, quý, năm, bao gồm: báo cáo chi phí sản xuất của từng bộ phận sản xuất; báo cáo phân bổ chi phí sản xuất cho từng đối tượng; báo cáo chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và vật tư chưa sử dụng hết tại các bộ phận; báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch, định mức, dự toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; báo cáo tổng giá thành và giá thành đơn vị sản phẩm cho từng loại sản phẩm sản xuất trong kì.

Hệ thống các báo cáo kế toán quản trị chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm ngoài việc đáp ứng đầy đủ các yêu cầu chung của một báo cáo kế toán thì còn phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

- Đảm bảo việc phân chia chi phí sản xuất kinh doanh trong kì theo nhiều tiêu thức phân loại khác nhau nhằm đáp ứng yêu cầu về thông tin cho nhà quản trị ra các quyết định cụ thể.

- Đảm bảo cung cấp thông tin chi phí sản xuất của từng địa điểm, bộ phận phát sinh theo từng sản phẩm, giai đoạn sản xuất.

- Đảm bảo phản ánh được tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm; định mức và chỉ ra nguyên nhân chênh lệch giữa quá trình thực hiện với dự toán.

+) Báo cáo tình hình sử dụng nguyên vật liệu trực tiếp (**Phụ lục 34**) Báo cáo này phản ánh số lượng vật tư được xuất sử dụng cho công trình, hạng mục công trình, số lượng vật tư xuất dùng lũy kế từ đầu công trình đến thời điểm lập báo cáo và số lượng vật tư cần dùng cho công trình theo dự toán. Qua báo cáo này có thể biết công trình, hạng mục công trình đã sử dụng được bao nhiêu vật tư, từ thời điểm lập báo cáo đến khi hoàn thành công trình còn cần bao nhiêu vật tư, giúp xí nghiệp có kế hoạch dự trữ và mua vật tư. Báo cáo này được lập vào cuối tháng tại các đội. Báo cáo được lập dựa trên các chứng từ sử dụng vật tư trong tháng và số liệu dự toán chi phí nguyên vật liệu cho từng CT, hạng mục công trình.

+ Báo cáo biến động về chi phí (**Phụ lục 35**). Báo cáo này phản ánh số lượng, giá trị vật tư, nhân công.... sử dụng chênh lệch so với dự toán và nguyên nhân dẫn đến chênh lệch, báo cáo này giúp đánh giá khối lượng đã thực hiện và đối chiếu với kế hoạch tiến độ thi công, định mức thiết kế. Việc theo dõi sâu sát, thường xuyên như vậy giúp kỹ sư thi công và giám đốc xí nghiệp quản lý

các chi phí một cách chặt chẽ, phát hiện kịp thời và hạn chế gian lận, lãng phí, sai sót ngoài dự toán. Báo cáo này được lập vào cuối tháng tại các đội. Báo cáo được lập dựa trên các chứng từ sử dụng vật tư trong tháng và số liệu dự toán chi phí nguyên vật liệu cho từng công trình, hạng mục công trình.

Thứ tư Xây dựng mô hình kế toán quản trị ở công ty

Từ thực tiễn nghiên cứu tại Công ty TNHH Cơ khí chính xác Nam Trường An, tác giả thấy rằng công tác kế toán quản trị của công ty này chưa được chú trọng. Vì vậy doanh nghiệp cần hoàn thiện mô hình kế toán quản trị tại công ty.

Mô hình kết hợp trong Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An, kế toán tài chính và kế toán quản trị được tổ chức thành một hệ thống thống nhất trong cùng một bộ máy kế toán. Kế toán tài chính thực hiện chức năng thu thập các thông tin phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính, cung cấp thông tin phục vụ chủ yếu cho các đối tượng bên ngoài doanh nghiệp. Kế toán quản trị thực hiện chức năng thu thập, xử lý thông tin, phục vụ lập báo cáo kế toán quản trị cung cấp các thông tin trong nội bộ doanh nghiệp.

Do đó trong bộ máy kế toán cần xác định rõ phạm vi của báo cáo kế toán tài chính và báo cáo kế toán quản trị. Trong đó chức năng của các bộ phận trong bộ máy được thể hiện như sau:

Kế toán trưởng là người điều hành trực tiếp các hoạt động của phòng kế toán, chịu trách nhiệm xét duyệt các báo cáo tài chính và cung cấp cho các đơn vị, các cơ quan bên ngoài công ty theo quy định, tổ chức thu thập thông tin qua các bộ phận các phân hành kế toán, đồng thời cung cấp thông tin qua các báo cáo và tư vấn cho các cấp quản trị của công ty. Kế toán tổng hợp: có trách nhiệm trợ giúp kế toán trưởng thực thi các nhiệm vụ theo sự phân công, tham gia tổ chức và điều hành mọi hoạt động trong phòng kế toán.

Bộ phận kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành: Theo dõi và hạch toán chi phí của từng công trình và thực hiện thanh quyết toán chi phí công trình với các đội thi công đảm bảo tính đúng, tính đủ và kịp thời để các đội có nguồn lực để tiếp tục thực hiện các công trình khác. Ngoài ra kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành cũng cần tham gia vào lập dự toán dự thầu của các công trình, để đơn giá dự thầu của công ty được hợp lý hơn.

Trong mô hình kết hợp ngoài các bộ phận kế toán trên còn có hai nhóm kế toán tổng hợp Nhóm kế toán tổng hợp phụ trách phần việc của kế toán tài chính và nhóm phụ trách phần việc của kế toán quản trị.

Kế toán tổng hợp phụ trách phần việc của kế toán tài chính: thực hiện việc tổng hợp, kiểm tra thuộc phần việc kế toán tài chính, thực hiện chức năng kiểm tra, đối chiếu số liệu liên quan đến kế toán tài chính của các bộ phận khác, tổng hợp hoàn chỉnh số liệu và lập các báo cáo tài chính. Đồng thời nhóm này phụ trách cả nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm như: phân loại chi phí sản xuất, tham gia cùng phòng kỹ thuật lập các dự toán sản xuất, dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung, tổ chức và phân bổ chi phí theo đúng đối tượng, vận dụng các phương pháp tính giá thành sản phẩm, tổ chức theo dõi chi phí quản lý doanh nghiệp, lập các báo cáo về chi phí sản xuất, báo cáo giá thành sản phẩm. Với nhóm này Công ty nên để kế toán trưởng chủ trì cùng với sự phối hợp của các kế toán chi tiết.

Kế toán tổng hợp phụ trách phần việc của kế toán quản trị: Thực hiện việc kiểm tra các dự toán chi tiết do các bộ phận khác lập để tổng hợp hoàn chỉnh hệ thống dự toán ngân sách của doanh nghiệp, kiểm tra các báo cáo thực hiện, phân tích, đánh giá kết quả thực hiện với các mục tiêu đề ra, tìm các nguyên nhân gây ra biến động đó. Soạn thảo và phân tích các dự án quản trị để

tư vấn cho các nhà quản trị doanh nghiệp. Với nhóm này Công ty nên để kế toán tổng hợp chủ trì dưới sự giám sát của kế toán trưởng và sự phối hợp của các kế toán chi tiết.

4.4. Điều kiện thực hiện giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An

4.4.1. Điều kiện về phía Nhà nước

Để tạo môi trường cho các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh thuận lợi Nhà nước luôn sử dụng các công cụ tổng hợp để duy trì quản lý sự hoạt động ổn định. Trong điều kiện kinh tế khủng hoảng hiện nay, vai trò điều tiết của Nhà nước càng trở nên vô cùng quan trọng và tác động đến mọi chủ thể của nền kinh tế mà công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An không phải là ngoại lệ. Vì vậy, để những phương hướng giải pháp trên có thể thực hiện không thể thiếu được sự ảnh hưởng tác động của nhà nước. Do vậy:

+ Nhà nước cần hoàn thiện cơ chế tài chính, hệ thống khung phát lí, pháp luật kinh tế tài chính từ đó hoàn thiện hệ thống chuẩn mực kế toán, các quy định về chế độ kế toán phù hợp với điều kiện kinh tế thị trường và thông lệ quốc tế. Tạo môi trường kinh doanh minh bạch, cạnh tranh lành mạnh và bình đẳng giữa các chủ thể thuộc mọi thành phần kinh tế.

+ Mở cửa, tăng cường hội nhập và xây dựng hành lang pháp lí vững mạnh tạo điều kiện cho việc giao lưu học hỏi kinh nghiệm tổ chức quản lí, kế toán kế toán cho các doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp trong khu vực, các doanh nghiệp trên thế giới. Đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của doanh nghiệp trên thị trường quốc tế.

+ Chú trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ kế toán.

4.4.2. Điều kiện về phía công ty

Để khắc phục những tồn tại và hạn chế trong công tác quản lí, kế toán kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp của công ty hiện nay thì công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An cần:

+ Hoàn thiện cơ chế khoán xây dựng cho các đội thi công, tiến hành giao kế hoạch sản xuất kinh doanh cho các đội xây lắp kèm theo tỷ lệ khoán và các chế độ BHXH, lương, thưởng, phép năm của đội tương ứng theo đó Công ty ấn định tỷ lệ thu. Nhằm hạ giá thành sản phẩm và tạo lợi thế cạnh tranh cho sản phẩm của công ty đồng thời phát huy tính chủ động sáng tạo của các đội xây lắp tại công ty.

+ Hoàn thiện quy trình quản lí lao động, điều phối lí giữa các phòng ban, đội xây dựng trong công ty. Đề ra quy chế làm việc, chế độ thưởng phạt rõ ràng. Đối với các đội xây lắp thực hiện vượt kế hoạch công ty giao công ty sẽ tăng phần trăm thu nhập trên số vượt kế hoạch, tổ chức thưởng. Đối với đội xây lắp không hoàn thành kế hoạch và chi trả BHXH, thực hiện nghĩa vụ không đúng thời hạn thì công ty sẽ phạt 1%.

+ Xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp, lập kế hoạch và dự toán hàng năm làm cơ sở để điều hành, quản lí sản xuất kinh doanh.

+ Tăng cường sự phối hợp giữa các phòng ban chuyên môn với phòng kế toán tài vụ. Ngoài các sổ sách, chứng từ theo yêu cầu của chế độ kế toán, yêu cầu mỗi công trình đều phải có: Sổ nhật kí thi công công trình, Sổ nhật kí giám sát thi công, Sổ lấy mẫu, chứng chỉ, thí nghiệm vật tư...

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, với sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp hiện nay thì việc tăng cường quản lí trên mọi phương diện để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả, đứng vững trên thị trường là vô cùng cần thiết. Nhất là công tác kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm. Xác định được vai trò quan trọng trong bộ máy kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp. Luận văn đã thu được một số kết quả sau đây:

Thứ nhất: Giới thiệu về đề tài nghiên cứu.

Thứ hai: Luận văn đã hệ thống lại một cách khoa học cơ sở lý luận kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.

Thứ ba: Luận văn đã trình bày thực trạng kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.

Thứ ba: Trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An.

Mặc dù, đã cố gắng rất nhiều nhưng do trình độ còn hạn chế và thời gian ít ỏi nên tác giả không thể tránh khỏi những thiếu sót trong quá trình trình bày, các vấn đề nêu ra có thể chưa được giải quyết triệt để. Vì vậy, tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của các thầy, cô và bạn bè, đồng nghiệp để luận văn của tác giả được hoàn thiện hơn và có giá trị cao hơn cả về lý luận và thực tiễn.

Tác giả xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2006), *Quyết định 15/2006/QĐ-BTC của Bộ tài chính ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp*, Hà Nội.
2. Bộ Xây dựng (2007), *Định mức 1776/BXD-VP ngày 18/6/2007 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng*.
3. Bộ Xây dựng (2016), *Thông tư 06/2016-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ xây dựng, hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng*.
4. Bộ Tài chính (2014), *Thông tư 200/2014, ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*.
5. *Chế độ kế toán doanh nghiệp (2008) - Quyển 1, Quyển 2*. NXB Thống Kê
6. *Nghiêm Văn Lợi (2007), Kế toán tài chính – NXB Tài chính*
8. *Nguyễn Ngọc Quang (2014) Giáo trình kế toán quản trị*.
7. *Nguyễn Tuấn Duy, Nguyễn Phú Giang (2008), Kế toán quản trị, Nhà xuất bản tài chính*.
9. *Võ Văn Nhị (2010), Kế toán doanh nghiệp xây lắp, đơn vị chủ đầu tư, NXB Tài chính*.
10. *Tài liệu Công ty TNHH cơ khí chính xác Nam Trường An*.
11. *Quốc hội Việt Nam (khoá XI), Luật Kế toán 2015, ngày 20/11/2015*.
12. *Các tài liệu khác*.